

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1024/QĐ-TĐHTPHCM ngày 17 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)*

TP. Hồ Chí Minh, năm 2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA LUẬT VÀ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **Triết học Mác – Lênin**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Triết học Mác – Lênin /
Tiếng Việt:	Triết học Mác – Lênin /
Tiếng Anh:	Marxist - Leninist Philosophy -
Mã số học phần:	12 11 1 5 010 /
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 3
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ /
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết /
Số tiết lý thuyết:	30 tiết /
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	14 tiết /
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	1 tiết /
Thời gian tự học:	90 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Là môn học đầu tiên trong chương trình các môn Lý luận chính trị.
Học phần song hành:	Không
Điều kiện khác:	Không
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Luật và Lý luận chính trị

2. Mô tả học phần (Course Description)

Là học phần bắt buộc, được giảng dạy đầu tiên trong các học phần Lý luận chính trị. Học phần cung cấp những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Trên cơ sở đó hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho người học.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Các khái niệm, phạm trù, quy luật của triết học Mác - Lênin.	ELO1 Vận dụng kiến thức cơ bản của môn triết học Mác - Lê nin để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội.
CG2	Thế giới quan khoa học và cách mạng	
CG3	Các luận cứ khoa học khi xem xét, đánh giá sự vật, hiện tượng	
CG4	Niềm tin, lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ hiện nay	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP 12 111 010	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Hiểu biết các khái niệm, phạm trù, quy luật chung nhất của thế giới	ELO1
CELO2	Thực hiện đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước	ELO1
CELO3	Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng đúng đắn	ELO1

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO..	ELO..
CELO1	M											
CELO2	M											
CELO3	M											

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp thuyết trình

- Phương pháp học dựa trên vấn đề
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ
- Phương pháp động não

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về học phần trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: điểm chuyên cần, thái độ học tập và bài kiểm tra giữa kỳ.

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70 %, bao gồm: một bài thi cuối kỳ

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	Phẩm chất toàn khoa học	CELO1,2,3	Đánh giá toàn khóa học	Sự tham gia lớp học: tích cực, năng động, sáng tạo, tham dự đầy đủ	PP quan sát	10%
	A1.2 Thái độ học tập	Phẩm chất toàn khoa học	CELO1,2,3	Đánh giá toàn khóa học		PP quan sát	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thảo luận nhóm	Nội dung kiến thức các chương đã học. Hình	CELO1,2,3	1	Trình bày chi tiết, chính xác, khoa	PP hoạt động nhóm	10%

		thành kỹ năng và phẩm chất cần có.			học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả		
	A2.2. Bài kiểm tra trắc nghiệm/tự luận/ bài thu hoạch. Thời gian từ 30 - 45 phút	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực; ND Chương I, Chương II	CELO1,2,3	1	Đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết, Trắc nghiệm khách quan: nhiều lựa chọn, đúng/sai, điền khuyết...	10%
A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối khóa (Tự luận). Thời gian 60-90 phút	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực toàn khóa học	CELO1,2,3	Đánh giá 1 lần vào thời điểm cuối kỳ	Theo thang điểm 10, đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết: + Tự luận: bài luận	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Khái lược về triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Dựa trên vấn đề	CELO1
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 1.1.1.3. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử		CELO1
2	Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1.3. Biện chứng và siêu hình 1.2. Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác -	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Động não	CELO1,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	<i>Lênin</i>		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>1.1.3.2. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử</i>		CELO1
3	Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin</i> <i>1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.</i>	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa trên vấn đề	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>1.2.2.2. Đối tượng của Triết học Mác - Lênin</i>		CELO1
4	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>2.1. Vật chất và ý thức</i> <i>2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất</i> <i>2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</i>	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Dựa trên vấn đề	CELO1,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>2.1.1.1. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất</i>		CELO1
5	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</i> 2.2. Phép Biện chứng duy vật <i>2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</i>	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Động não	CELO1,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>2.2.1.1. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan</i>		CELO1

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
6	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa trên vấn đề	CELO1,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Bản chất và hiện tượng; Khả năng và hiện thực		CELO1
7	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật (tiếp theo) 2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng 2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa trên vấn đề	CELO1,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Quy luật phủ định của phủ định		CELO1
8	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 2.3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức 2.3.5. Tính chất của chân lý	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Dựa trên vấn đề	CELO1,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 2.3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức		CELO1
9	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Động não	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>3.1.2.1. Phương thức sản xuất</i>		CELO1
10	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</i> <i>3.1.4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên</i>	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa trên vấn đề	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>3.1.4.2. Tiến trình lịch sử tự nhiên của xã hội loài người</i>		CELO1
11	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>3.2. Giai cấp và dân tộc</i> <i>3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp</i> <i>3.2.2. Dân tộc</i> <i>3.2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại</i>	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Động não	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>3.2.2.1. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc</i>		CELO1
12	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội</i> <i>3.3.1. Nhà nước</i> <i>3.3.2. Cách mạng xã hội</i>	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa trên vấn đề	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>3.3.1.5. Các kiểu và hình thức nhà nước</i>		CELO1
13	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>3.4. Ý thức xã hội</i> <i>3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản</i>	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	<i>của tồn tại xã hội</i> 3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội	trên vấn đề	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 3.4.2.2. Kết cấu của ý thức xã hội		CELO1
	Chương 3: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội		
14	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.5. Triết học về con người 3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Động não	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 3.5.1.1. Con người là thực thể sinh học xã hội		CELO1
	Chương 3: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội		
15	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa trên vấn đề	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 3.5.3.1. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội		CELO1

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO..	CELO...
Module 1	M		M			
Module 1	M	M	M			
Module 3	M	M	M			

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Bộ giáo dục và Đào tạo, Giáo trình triết học Mác – Lênin, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, Giáo trình triết học Mác - Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS.GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa, ThS. Nguyễn Thị Ngọc, ThS. Nguyễn Trọng Long, ThS. Lê Thị Thanh Thúy, ThS. Phạm Hữu Thanh Nhã, TS. Hồ Ngọc Vinh, ThS. Đặng Hoàng Vũ

10. Ngày phê duyệt: 26/3/2022

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Hồ Ngọc Vinh

TS.GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa

ThS. Nguyễn Thị Ngọc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **Kinh tế chính trị Mác-Lênin**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Kinh tế chính trị Mác-Lênin /
Tiếng Việt:	Kinh tế chính trị Mác-Lênin /
Tiếng Anh:	Marxist-Leninist Political Economics /
Mã số học phần:	12 11 1 5 011 /
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 2
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 /
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết /
Số tiết lý thuyết:	20 tiết /
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	09 tiết /
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	01 tiết /
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	SV đã học xong môn Triết học Mác-Lênin
Học phần song hành:	Không
Điều kiện khác:	Không
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Mác – Lênin, Khoa Luật và Lý luận chính trị

2. Mô tả học phần (Course Description)

Là học phần bắt buộc, được giảng dạy sau môn triết học Mác - Lênin. Học phần cung cấp những tri thức khái quát về kinh tế thị trường, quy luật kinh tế, đường lối phát triển kinh tế của Việt Nam, trên cơ sở đó người học biết vận dụng các vấn đề vào thực tiễn kinh tế - xã hội. Nội dung chương trình gồm 6 chương: trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Chương 5 và chương 6 là sự vận dụng lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào thực tiễn xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Các khái niệm, phạm trù, quy luật trong Kinh tế chính trị Mác - Lênin.	Vận dụng kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội
CG2	Thế giới quan khoa học và cách mạng	
CG3	Các luận cứ khoa học cho việc hình thành đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước	
CG4	Niềm tin, thái độ tích cực trong hoạt động thực tiễn của thế hệ trẻ	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu biết các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế	ELO1
CELO2	Giải thích, phân biệt những biến đổi đời sống kinh tế	ELO1
CELO3	Xây dựng lập trường, hành động đúng đắn, tích cực	ELO1

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO:	ELO...
CELO 1	M											
CELO 2	M											
CELO 3	M											

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp thuyết trình:

PP2. Phương pháp học dựa trên vấn đề:

PP3. Phương pháp hoạt động nhóm:

PP4. Nghiên cứu tình huống:

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về trên internet;
- Làm việc nhóm theo yêu cầu của GV

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %, bao gồm: đánh giá chuyên cần thái độ học tập, thảo luận nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70 %, bao gồm: Bài thi cuối kỳ

+ Hình thức thi : Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Hướng dẫn thực hiện:

Các thành phần, các bài đánh giá, nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, số lần đánh giá, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ % trọng số điểm

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	Chuyên cần, thái độ học tập	Sự tham dự lớp học	CELO 1	1	Tham dự lớp học. Chủ động tích cực trong học tập	Điểm danh trong giờ học PP Quan sát	10%
A1. Đánh giá quá trình	Bài tập thảo luận nhóm trên lớp	Kiến thức, kỹ năng	CELO 1 CELO 2	1	Chính xác kiến thức, liên hệ, vận dụng hiệu quả	PP hoạt động nhóm Quan sát	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	Kiểm tra trắc nghiệm hoặc Tự luận	Các chương đã học trước đó	CELO 1 CELO 2	1	Bài kiểm tra đáp ứng yêu cầu của đáp án.	Tự luận/Trắc nghiệm	10%
A3. Đánh giá cuối kỳ	Thi cuối kỳ	Toàn bộ các chương	CELO 1 CELO 2 CELO 3	1	Bài thi	Tự luận	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của KTCT Mác – Lênin 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác – Lênin	Diễn giảng, Thuyết trình	CELO1,2

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 1.3 Chức năng của KTCT Mác – Lênin		CELO2,3
2	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường		
	A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 2.1 Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.1.1 Sản xuất hàng hóa 2.1.2 Hàng hóa 2.1.3. Tiền	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 2.1.4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt		CELO2,3
3	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 2.2.1. Thị trường - Khái niệm về thị trường - Vai trò của thị trường - Cơ chế thị trường - Nền kinh tế thị trường	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường		
4	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. . A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 2.2.1.3 Một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường: + Quy luật giá trị + Quy luật cung cầu	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 2.2.1.3 Một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường: + Quy luật lưu thông tiền tệ + Quy luật cạnh tranh		

Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường			
5	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 3.1. Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư Công thức chung của tư bản Hàng hóa sức lao động Sự sản xuất ra giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư Tư bản bất biến và tư bản khả biến Tiền công Tuần hoàn của tư bản Chu chuyển của tư bản		
6	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 3.2.2 Bản chất của giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường TBCN. 3.2 Tích lũy tư bản	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 3.2 Tích lũy tư bản Các nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy Một số hệ quả của tích lũy tư bản.		
7	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường A/ Các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền KTTT	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3
	Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận/Trắc nghiệm	CELO1,2,3
Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền KTTT			
8	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 4.2.2.4. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản		
9	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.3. Quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	Thuyết trình, Thảo luận nhóm.	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.3.2. Vai trò nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích		
10	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	Thuyết trình, Thảo luận nhóm.	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7 tiết) 1. Các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới 2. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Module 1	M		M
Module 2	M	M	M
Module 3	M	M	M
Module 4	M	M	M
Module 5	M	M	M
Module 6	H	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo. *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin*.
Nxb Chính trị quốc gia, 2021.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Robert B.Ekelund, JR và Robert F.Hébert (2003). *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Bản tiếng Việt, Nxb. Thống kê.
2. C. Mác- Ph. Ăngghen. *Toàn tập, tập 20, tập 23*, Nxb Chính trị quốc gia, 1994.
3. V.I. Lênin (1976). *Toàn tập, tập 3*. Nxb Tiến bộ Maxcova.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết quy định bắt buộc phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Nghiêm cấm mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học như nói chuyện riêng, sử dụng điện thoại trong giờ học.

Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tích cực tham gia xây dựng trong giờ học.

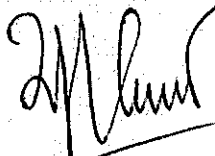
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS.GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa, ThS. Nguyễn Thị Ngọc, ThS. Nguyễn Trọng Long, ThS. Lê Thị Thanh Thúy, ThS. Phạm Hữu Thanh Nhã.

10. Ngày phê duyệt: 26/3/2022

TRƯỞNG KHOA



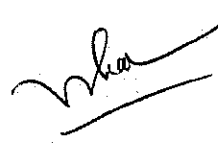
TS. Hồ Ngọc Vinh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS.GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Phạm Hữu Thanh Nhã

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA LUẬT VÀ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Chủ nghĩa xã hội khoa học /
Tiếng Việt:	Chủ nghĩa xã hội khoa học /
Tiếng Anh:	Scientific socialism /
Mã số học phần:	12 11 1 5 012 /
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ /
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết /
Số tiết lý thuyết:	20 tiết /
Số tiết bài tập:	... tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	09 tiết /
Số tiết thực tập:	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	01 tiết /
Thời gian tự học:	60 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Sinh viên đã học xong 2 môn: Triết học Mác – Lênin và Kinh tế chính trị Mác – Lênin
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Mác – Lênin, Khoa Luật và Lý luận chính trị

2. Mô tả học phần (Course Description)

Là học phần bắt buộc, được giảng dạy sau các môn học Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Học phần cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, trên cơ sở đó người học biết vận dụng để đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội ở nước ta hiện nay.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Các phạm trù, các quy luật của chủ nghĩa xã hội khoa học	ELO1: Vận dụng kiến thức cơ bản của môn Chủ nghĩa xã hội khoa học để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội
CG2	Thế giới quan khoa học và cách mạng	
CG3	Các luận cứ khoa học làm cơ sở xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước	
CG4	Thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu biết các phạm trù, khái niệm, các quy luật chính trị - xã hội	ELO1
CELO2	Thực hiện đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước	ELO1
CELO3	Xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn	ELO1

Ma trận mối quan hệ giữa CĐR học phần (CELOs) và CĐR của CTĐT (ELOs)

CĐR học phần (CELOs)	CĐR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO..	ELO..
CELO1	M											
CELO2	M											
CELO3	M											

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp nghiên cứu tình huống.
- Phương pháp nêu vấn đề

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp; nghiên cứu tài liệu có liên quan
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin liên quan trên Internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Đánh giá quá trình và đánh giá giữa kỳ

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Đánh giá cuối kỳ

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Sự tham gia lớp học chuyên cần, thái độ học tập	- Tỷ lệ tham gia học trên lớp - Thái độ tích cực, năng động của SV học tập môn học	CELO1	1	- Có mặt - Tích cực xây dựng bài	PP quan sát; PP thống kê;	10%

A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thảo luận nhóm	Nội dung kiến thức các chương đã học. Hình thành kỹ năng và phẩm chất cần có.	CELO1 CELO2	1	Trình bày chi tiết, chính xác, khoa học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả	PP hoạt động nhóm	10%
	A2.2 Bài kiểm tra trắc nghiệm đúng sai hoặc Bài KT Tự luận	Nội dung kiến thức các chương đã học	CELO1 CELO2	1	Đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết/trắc nghiệm	10%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối khóa (Tự luận)		CELO1 CELO2 CELO3	1	Đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP Viết (Bài luận)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 1.1. Sự ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời CNXHKKH 1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph. Ăngghen 1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKKH 1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của CNXHKKH từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay 1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH 1.3.1. Đối tượng nghiên cứu CNXHKKH 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu CNXHKKH 1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 1.2.1. C.Mác – Ph.Ăngghen phát triển CNXHKKH 1.2.2.V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXHKKH trong điều kiện mới		CELO1

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
2	Chương 2: Sự mệnh lịch sử giai cấp công nhân		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 2.1. <i>Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i> 2.1.1. <i>Khái niệm và đặc điểm giai cấp công nhân</i> 2.1.2. <i>Nội dung và đặc điểm sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i> 2.1.3. <i>Những điều kiện lịch sử quy định sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i> 2.2. <i>Giai cấp công nhân và việc thực hiện sự mệnh lịch sử của GCCN hiện nay</i> 2.2.1. <i>Giai cấp công nhân hiện nay</i>	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 2.1.2.2. <i>Đặc điểm sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i>		CELO 1 CELO3
3	Chương 2: Sự mệnh lịch sử giai cấp công nhân (tiếp theo)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3 tiết 2.3. <i>Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam</i> 2.3.1. <i>Đặc điểm giai cấp công nhân Việt Nam</i> 2.3.2. <i>Nội dung sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam</i> 2.3.3. <i>Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</i>	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 2.2.2. <i>Thực hiện sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay</i>		CELO 1 CELO3
4	Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 3.1. <i>Chủ nghĩa xã hội</i> 3.1.1. <i>Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của HT KT-XH cộng sản chủ nghĩa</i> 3.1.2. <i>Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội</i> 3.1.3. <i>Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội</i> 3.2. <i>Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> 3.2.1. <i>Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ</i>	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	lên CNXH 3.3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam 3.3.1. Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ Tư bản chủ nghĩa 3.3.2. Những đặc trưng bản chất của CNXH ở Việt Nam hiện nay		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên CNXH 3.3.2.2. Phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay		CELO1 CELO3
	Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa		
5	A/ Các nội dung trên lớp: (3 tiết) 4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa		CELO1 CELO3
	Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa (tiếp theo) Chương 5: : Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		
6	A/ Các nội dung chính trên lớp:(3 tiết) 4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (1 tiết) 4.3.2. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam 4.3.3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay 5.1. Cơ cấu xã hội-giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1 tiết) 5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	<i>cấp trong cơ cấu xã hội.</i> <i>5.1.2. Sự ra đời có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</i> Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết)		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) <i>4.3.3.2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Liên hệ trách nhiệm cá nhân trong việc gips phần xây dựng nền dân chủ XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay.</i>		CELO 1
7	Chương 5: : Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (tiếp theo)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) <i>5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> <i>5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam</i> <i>5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) <i>5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i>		CELO1 CELO3
8	Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) <i>6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> <i>6.1.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc</i> <i>6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc Việt Nam</i> <i>6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> <i>6.2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo</i> <i>6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.</i>	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) <i>6.1.1.2. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc</i>		CELO1 CELO3
9	Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (tiếp theo) Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	chủ nghĩa xã hội		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay (2 tiết) 6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay. 7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình (1 tiết) 7.1.1. Khái niệm gia đình 7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 6.2.1.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.		CELO1 CELO3
	Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		
10	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội 7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội 7.2.3. Cơ sở văn hóa 7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ 7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà (6 tiết) 7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình 7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		CELO1 CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO..	CELO...
Module 1	M	M	M			
Module 2	M	M	M			
Module 3	M	M	M			
Module 4	M	M	M			
Module 5	M	M	M			
Module 6	M	M	M			
Module 7	M	M	M			

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb Chính trị quốc gia, 2021.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). NXB.CTQG, Hà Nội, 2011

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. NXB.CTQG, Hà Nội, 2021.

3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB.CTQG, Hà Nội, 2002.

4. Bùi Thị Ngọc Lan, Đỗ Thị Thạch (Đồng chủ biên), Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, “Chương trình cao cấp lý luận chính trị”, NXB Lý luận chính trị, 2018.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

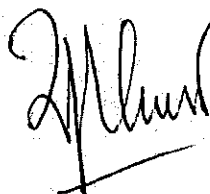
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa, ThS. Nguyễn Thị Ngọc, ThS. Nguyễn Trọng Long, ThS. Lê Thị Thanh Thúy, ThS. Phạm Hữu Thanh Nhã.

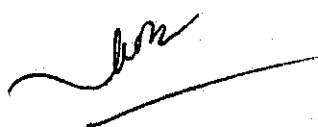
10. Ngày phê duyệt (rà soát): 26/3/2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Hồ Ngọc Vinh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Ths. Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH /
Tiếng Việt:	Tư tưởng Hồ Chí Minh /
Tiếng Anh:	Ho Chi Minh Ideology /
Mã số học phần:	12 11 1 5 013 /
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ
Loại học phần:	Bắt buộc
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ /
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết /
Số tiết lý thuyết:	22 tiết /
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	07 tiết /
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	01 tiết /
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh-Đường lối cách mạng của ĐCSVN, Khoa Luật và Lý luận chính trị

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn học dành cho đối tượng là sinh viên bậc đại học khối không chuyên ngành Lý luận chính trị. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản giúp sinh viên nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Nội dung cơ bản về quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	ELO1: Vận dụng kiến thức cơ bản của môn Tư tưởng Hồ Chí Minh để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội.
CG2	Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	
CG3	Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam	
CG4	Niềm tin, lý tưởng cách mạng của thế hệ thanh niên hiện nay.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần[2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu biết khái niệm, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	ELO1
CELO2	Tổng hợp lại những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	ELO1
CELO3	Thực hiện vào việc học tập, rèn luyện của bản thân	ELO1
CELO4	Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng đúng đắn	ELO1

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO..	ELO...
CELO1	M											
CELO2	M											
CELO3	M											
CELO4	M											

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Sử dụng các phương pháp cơ bản sau:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Xem phim tư liệu

PP4: Đặt vấn đề, nêu tình huống

PP5: Hướng dẫn nghiên cứu các tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh

PP6: Tham quan thực tế khi có điều kiện...

Hướng dẫn thực hiện:

Trình bày các phương pháp giảng dạy được áp dụng trong quá trình giảng dạy học phần

Gợi ý một số phương pháp giảng dạy tích cực:

PP1. Phương pháp thuyết trình: giúp sinh viên đạt CDR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kĩ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

PP2. Phương pháp động não: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;

PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ: giúp đạt được chuẩn đầu ra về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phản biện;

PP4. Phương pháp học dựa trên vấn đề: giúp đạt được chuẩn đầu ra về xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phản xét, cân bằng trong hướng giải quyết;

PP5. Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

PP6. Phương pháp đóng vai: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy suy xét, phản biện, nhận biết về kiến thức, kỹ năng và thái độ cá nhân của bản thân;

PP7. Phương pháp học dựa vào dự án: giúp đạt được chuẩn đầu ra về lập giả thuyết, kỹ năng thiết kế các công trình xử lý môi trường, triển khai, kỹ năng giao tiếp bằng viết, kỹ năng thuyết trình;

PP8. Phương pháp mô phỏng: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng mô hình hóa trong dự đoán lan truyền ô nhiễm trong môi trường; kỹ năng thử nghiệm khảo sát; giao tiếp đồ họa;

PP9. Nghiên cứu tình huống: giúp đạt được chuẩn đầu ra về đề ra các giải pháp, ước lượng và phân tích định tính

(lưu ý: có thể kết hợp 2 hoặc 3 phương pháp vào một cùng một thời điểm giảng dạy, ví dụ khi sử dụng phương pháp nghiên cứu tình huống, có thể đồng thời sử dụng phương pháp động não và làm việc nhóm)

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;

- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Bài kiểm tra giữa kỳ, điểm chuyên cần, bài tập nhóm...

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Điểm bài thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Hướng dẫn thực hiện:

Các thành phần, các bài đánh giá, nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, số lần đánh giá, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ % trọng số điểm

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá/thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	Thái độ tham gia học tập tích cực	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	05	Tham gia lớp học: tích cực, chủ động, tham dự đầy đủ	PP quan sát	10%
	A1.2 Bài tập nhóm	Kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm	CELO1 CELO2	01	Bài thuyết trình, bài tập nhóm: trình bày chi tiết, chính xác, khoa học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả.	PP phỏng vấn	
	A1.2 Bài tập cá nhân trên lớp	Kiến thức, kỹ năng	CELO1 CELO2	02	Bài kiểm tra 15 phút tự luận hoặc 10 phút trắc nghiệm đáp ứng được	PP viết	

					yêu cầu của GV		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ/60 phút	Kiến thức các chương: 1,2,3.	CELO1 CELO2	01	Bài kiểm tra giữa kỳ: 2 câu tự luận hoặc 50 câu trắc nghiệm, hoặc bài tập nhóm đáp ứng được yêu cầu của GV	PP viết	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Thi kết thúc học phần/60 phút	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực toàn khóa học...	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	01	Bài thi cuối khóa (tự luận): 2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án.	PP viết	70%

[1]: Các thành phần đánh giá của học phần bao gồm (đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, và đánh giá cuối kỳ).

[2]: Các bài đánh giá (hình thức đánh giá) bao gồm: sự tham dự lớp học, chuyên cần, thái độ học tập, bài tập cá nhân trên lớp, bài tập cá nhân về nhà, bài tập nhóm trên lớp, bài tập nhóm về nhà, bài tập thuyết trình cá nhân trên lớp, bài tập thuyết trình nhóm trên lớp, đồ án, bài kiểm tra/thi giữa kỳ (trắc nghiệm/tự luận,...), bài thi cuối khóa (trắc nghiệm, tự luận,...). Thời gian: bao nhiêu phút/giờ/ngày,...

[3]: Liệt kê nội dung đánh giá. Ví dụ, nội dung đánh giá: Kiến thức/kỹ năng/phẩm chất/năng lực Bài 1, Chương 1; kiến thức/kỹ năng/phẩm chất/năng lực Chương 2-3; kiến thức/kỹ năng/phẩm chất/năng lực toàn khóa học,...

[4]: Nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần.

[5]: Số lần đánh giá/thời điểm: liệt kê số lần đánh giá (mấy lần?) và thời điểm đánh giá quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ (đánh giá khi nào trong phân phối chương trình học phần?).

[6]: Tiêu chí đánh giá (ví dụ, sự tham gia lớp học: tích cực, năng động, sáng tạo, tham dự đầy đủ,...; bài thuyết trình, bài tập nhóm: trình bày chi tiết, chính xác, khoa học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả,...; bài kiểm tra/thi giữa kỳ, bài thi cuối khóa (tự luận): ví dụ, 4 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án; bài kiểm tra/thi giữa kỳ, bài thi cuối khóa (trắc nghiệm): ví dụ: 50 câu/100 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án.

[7]: Cột phương pháp đánh giá: Phải chọn một trong các phương pháp gợi ý dưới đây, để quy định, làm cơ sở cho người dạy và học thực hiện đúng cam kết. Không nêu chung chung tất cả các phương pháp trong cột này.

→ PP quan sát

→ **PP viết:** + *Tự luận: Bài luận, tiểu luận, luận văn*

+ *Trắc nghiệm khách quan: Đúng/sai, nhiều lựa chọn, ghép đôi, điền khuyết*

→ **PP phỏng vấn**

[8]: *Liệt kê tỷ lệ điểm các bài đánh giá trong tổng điểm các thành phần đánh giá.*

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh		
	A/Các nội dung: 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3. Phương pháp nghiên cứu 1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Tiểu sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh		CELO1
2	Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh		
	A/Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm, xem phim tư liệu	CELO2
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Sự nghiệp hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh		CELO1
3	Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội		
	A/Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2,3,4

	và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Xem tác phẩm <i>Bản án chế độ thực dân Pháp</i>, <i>Đường cách mệnh</i>		CELO4
4	Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước Việt Nam 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2,3,4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>Bản chất giai cấp của nhà nước</i>		CELO2
5	Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2,3,4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc</i>		CELO2
6	Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người		

	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm, xem phim tư liệu	CELO1,2,3,4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa		CELO2

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
Module 1	M				
Module 2	M	M			
Module 3	M	M	M	M	
Module 4	M	M	M	M	
Module 5	M	M	M	M	
Module 6	M	M	M	M	

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình các môn Lý luận chính trị: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

Hướng dẫn thực hiện:

Đánh số tài liệu chính và tài liệu đọc thêm theo thứ tự 1, 2, ..., các tài liệu được trích dẫn theo đúng quy định.

Ví dụ:

1. Phạm Tiến Tình, Lê Hồng Bang, Hoàng Văn Oanh, Lý thuyết thiết kế tàu thủy, NXB Giao thông vận tải, 2010.

8. Quy định của học phần

Hướng dẫn thực hiện:

Các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ ...

Gợi ý 03 quy định học phần:

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng từ 3 buổi học trở lên dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

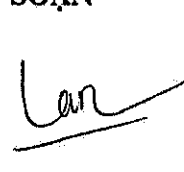
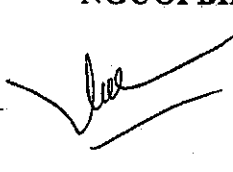
9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. Hồ Ngọc Vinh; TS.GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa, ThS. Trần Thị Liên, TS. Đinh Thị Kim Lan, ThS. Võ Thị Hồng Hiếu, ThS. Nguyễn Thị Ngọc, ThS. Nguyễn Trọng Long.

10. Ngày phê duyệt (rà soát): 26/3/2022

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Hồ Ngọc Vinh

TS. Hồ Ngọc Vinh

ThS. Trần Thị Liên - TS. Đinh Thị Kim Lan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM /
Tiếng Việt:	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam /
Tiếng Anh:	History of the Communist Party of Vietnam /
Mã số học phần:	12 11 1 5 014 /
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ
Loại học phần:	Bắt buộc
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ /
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết /
Số tiết lý thuyết:	22 tiết /
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	07 tiết /
Số tiết thực tập:	0 tiết
Kiểm tra:	01 tiết /
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh-Đường lối cách mạng của ĐCSVN, Khoa Luật và Lý luận chính trị

2. Mô tả học phần (Course Description)

Hướng dẫn thực hiện:

Là học phần bắt buộc, được giảng dạy cuối cùng trong chương trình Lý luận chính trị. Học phần cung cấp những tri thức cơ bản nhất về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần góp phần bồi dưỡng cho sinh viên về phẩm chất, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam	ELO1 Vận dụng kiến thức cơ bản của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội.
CG2	Những tri thức lịch sử về quá trình lãnh đạo của Đảng	
CG3	Thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm	
CG4	Tinh thần yêu nước, ý thức tự lực, tự cường dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.	

Hướng dẫn thực hiện:

Các mục tiêu của học phần thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và trình độ năng lực được phân bổ cho học phần; viết ít nhất 4 mục tiêu và mỗi mục tiêu (tối đa 12 từ) bắt đầu bằng những động từ chủ động, và xem xét những mục tiêu của học phần đã liệt kê tương thích với những chuẩn đầu ra nào của chương trình đào tạo.

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu biết về sự ra đời và lãnh đạo đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam	ELO1
CELO2	Thực hiện những vấn đề lịch sử, kinh tế - xã hội của đất nước	
CELO3	Xây dựng tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.	

Hướng dẫn thực hiện:

CDR học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà SV tốt nghiệp cần phải có sau khi ra trường. CDR của mỗi học phần phải đáp ứng một hay một vài chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và ngược lại.

[1]: Ký hiệu CDR của học phần.

[2]: Mô tả CDR của học phần, bao gồm các động từ chủ động trong Bloom's Taxonomy, các chủ đề CDR và bối cảnh áp dụng cụ thể; Viết tối đa 5 chủ đề CDR và mỗi chủ đề (tối đa 12 từ) bắt đầu bằng những động từ chủ động.

[3] liệt kê những CDR nào của chương trình đào tạo tương thích với CDR của học phần

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT					
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO...
CELO1	M					
CELO2	M					
CELO3	M					

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Hướng dẫn thực hiện:

Trình bày các phương pháp giảng dạy được áp dụng trong quá trình giảng dạy học phần

Sử dụng các phương pháp cơ bản sau:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Xem phim tư liệu

PP4: Đặt vấn đề, nêu tình huống

PP5: Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu, sách báo liên quan

PP6: Tham quan thực tế khi có điều kiện...

Gợi ý một số phương pháp giảng dạy tích cực:

PP1. Phương pháp thuyết trình: giúp sinh viên đạt CDR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kỹ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

PP2. Phương pháp động não: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;

PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ: giúp đạt được chuẩn đầu ra về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phản biện;

PP4. Phương pháp học dựa trên vấn đề: giúp đạt được chuẩn đầu ra về xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết;

PP5. Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

PP6. Phương pháp đóng vai: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy suy xét, phản biện, nhận biết về kiến thức, kỹ năng và thái độ cá nhân của bản thân;

PP7. Phương pháp học dựa vào dự án: giúp đạt được chuẩn đầu ra về lập giả thuyết, kỹ năng thiết kế các công trình xử lý môi trường, triển khai, kỹ năng giao tiếp bằng viết, kỹ năng thuyết trình;

PP8. Phương pháp mô phỏng: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng mô hình hóa trong dự đoán lan truyền ô nhiễm trong môi trường; kỹ năng thử nghiệm khảo sát; giao tiếp đồ họa;

PP9. Nghiên cứu tình huống: giúp đạt được chuẩn đầu ra về đề ra các giải pháp, ước lượng và phân tích định tính

...

(lưu ý: có thể kết hợp 2 hoặc 3 phương pháp vào một cùng một thời điểm giảng dạy, vì dụ khi sử dụng phương pháp nghiên cứu tình huống, có thể đồng thời sử dụng phương pháp động não và làm việc nhóm)

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- ...

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Bài kiểm tra giữa kỳ, điểm chuyên cần, bài tập nhóm...

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Điểm bài thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Hướng dẫn thực hiện:

Các thành phần, các bài đánh giá, nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, số lần đánh giá, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ % trọng số điểm

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá/thời	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)

[1]	[2]	[3]	[4]	điểm [5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	Thái độ tham gia học tập tích cực	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	05	Tham gia lớp học: tích cực, chủ động, tham dự đầy đủ	PP quan sát	10%
	A1.2 Bài tập nhóm	Kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm	CELO1 CELO2	01	Bài thuyết trình, bài tập nhóm: trình bày chi tiết, chính xác, khoa học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả.	PP phỏng vấn	
	A1.2 Bài tập cá nhân trên lớp	Kiến thức, kỹ năng	CELO1 CELO2	02	Bài kiểm tra 15 phút tự luận hoặc 10 phút trắc nghiệm đáp ứng được yêu cầu của GV	PP viết	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ/60 phút	Kiến thức các chương: 1,2,3.	CELO1 CELO2	01	Bài kiểm tra giữa kỳ: 2 câu tự luận hoặc 50 câu trắc nghiệm, hoặc bài tập nhóm đáp ứng được yêu cầu của GV	PP viết	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Thi kết thúc học phần/60 phút	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực toàn khóa học...	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	01	Bài thi cuối khóa (tự luận): 2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án.	PP viết	70%

[1]: Các thành phần đánh giá của học phần bao gồm (đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, và đánh giá cuối kỳ).

[2]: Các bài đánh giá (hình thức đánh giá) bao gồm: sự tham dự lớp học, chuyên cần, thái độ học tập, bài tập cá nhân trên lớp, bài tập cá nhân về nhà, bài tập nhóm trên lớp, bài tập nhóm về nhà, bài tập thuyết trình cá nhân trên lớp, bài tập thuyết trình nhóm trên lớp, đồ án, bài kiểm tra/thi giữa kỳ (trắc nghiệm/tự luận,...), bài thi cuối khóa (trắc nghiệm, tự luận,...). Thời gian: bao nhiêu phút/giờ/ngày,...

[3]: Liệt kê nội dung đánh giá. Ví dụ, nội dung đánh giá: Kiến thức/kỹ năng/phẩm chất/năng lực Bài 1, Chương 1; kiến thức/kỹ năng/phẩm chất/năng lực Chương 2-3; kiến thức/kỹ năng/phẩm chất/năng lực toàn khóa học, ...).

[4]: Nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần.

[5]: Số lần đánh giá/thời điểm: liệt kê số lần đánh giá (mấy lần?) và thời điểm đánh giá quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ (đánh giá khi nào trong phân phối chương trình học phần?).

[6]: Tiêu chí đánh giá (ví dụ, sự tham gia lớp học: tích cực, năng động, sáng tạo, tham dự đầy đủ,...; bài thuyết trình, bài tập nhóm: trình bày chi tiết, chính xác, khoa học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả,...; bài kiểm tra/thi giữa kỳ, bài thi cuối khóa (tự luận): ví dụ, 4 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án; bài kiểm tra/thi giữa kỳ, bài thi cuối khóa (trắc nghiệm): ví dụ: 50 câu/100 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án.

[7]: Cột phương pháp đánh giá: Phải chọn một trong các phương pháp gợi ý dưới đây, để quy định, làm cơ sở cho người dạy và học thực hiện đúng cam kết. Không nêu chung chung tất cả các phương pháp trong cột này.

→ PP quan sát

→ PP viết: + Tự luận: Bài luận, tiểu luận, luận văn

+ Trắc nghiệm khách quan: Đúng/sai, nhiều lựa chọn, ghép đôi, điền khuyết

→ PP phỏng vấn

[8]: Liệt kê tỷ lệ điểm các bài đánh giá trong tổng điểm các thành phần đánh giá.

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Diễn giảng, Thuyết trình, trình chiếu	CELO1, 2, 3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		CELO3

2,3,4	Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời - Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)	Diễn giảng, Thuyết trình, trình chiếu, thảo luận nhóm	CELO1, 2, 3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà Phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu XX Phong trào dân chủ (1936-1939)		CELO1
5,6,7	Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) - Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)	Diễn giảng, Thuyết trình, trình chiếu, thảo luận nhóm	CELO1, 2, 3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đánh giá quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược Bài học rút ra trong công cuộc bảo vệ độc lập chủ quyền hiện nay.		CELO1, 2
8,9,10	Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) - Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 đến nay)	Diễn giảng, Thuyết trình, trình chiếu, thảo luận nhóm	CELO1, 2, 3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sự cần thiết phải kết hợp sức mạnh quốc gia –		CELO1, 2

	dân tộc với sức mạnh thời đại – quốc tế của cách mạng Việt Nam.		
	- Kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Module 1	M	M	M
Module 2	M	M	M
Module 3	M	M	H
Module 4	M	M	M
Module 5	M	M	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, dành cho sinh viên Khối không chuyên
Mác Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng. Nxb. Chính trị quốc gia, 2021.

7.2. Tài liệu tham khảo:

- Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Nghị quyết các kỳ đại hội Đảng
- Nguyễn Trọng Phúc – Đinh Xuân Lý, Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia.
- Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, 2015.

Hướng dẫn thực hiện:

8. Quy định của học phần

Hướng dẫn thực hiện:

Các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ ...

Gợi ý 03 quy định học phần:

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

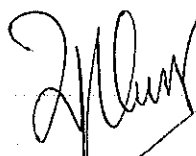
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. Hồ Ngọc Vinh, TS. Đinh Thị Kim Lan, ThS. Võ Thị Hồng Hiếu; ThS. Trần Thị Liên.

10. Ngày phê duyệt: 26/03/2022

TRƯỞNG KHOA



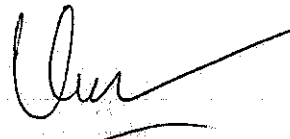
TS. Hồ Ngọc Vinh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Hồ Ngọc Vinh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Võ Thị Hồng Hiếu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA LUẬT VÀ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	
Tiếng Việt:	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG /
Tiếng Anh:	BASIC LAW /
Mã số học phần:	12 11 1 5 015 /
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ /
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết /
Số tiết lý thuyết:	14 tiết /
Số tiết bài tập:	03 tiết /
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	12 tiết /
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	01 tiết /
Thời gian tự học:	15 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Triết học Mác - Lênin
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Luật và Lý luận chính trị/Bộ môn Luật

2. Mô tả học phần (Course Description)

- Vị trí : Học phần cung cấp những kiến thức chung nhất về lý luận nhà nước và pháp luật để sinh viên tiếp cận các môn luật chuyên ngành;
- Mục đích : Tăng cường pháp chế XHCN và tạo nền tảng cơ sở cho sinh viên học các môn luật chuyên ngành;
- Nội dung chính :
 - + Những khái niệm chung về nhà nước và pháp luật;
 - + Đại cương về các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và luật quốc tế;
 - + Đào tạo luật và nghề luật ở Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của các vấn đề về nhà nước.	Hiểu được các khái niệm cơ bản trong các vấn đề chung về nhà nước và các nguyên tắc vận hành của các vấn đề đó.
CG2	Các khái niệm và các thành tố cơ bản của các vấn đề về pháp luật.	Hiểu được các khái niệm cơ bản trong các vấn đề về pháp luật và phân tích được các thành tố của nó.
CG3	Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và một số vấn đề cơ bản của luật quốc tế.	Hiểu được bản chất của từng ngành luật và vận dụng để phân loại được từng quan hệ pháp luật vào đúng ngành luật tương thích.

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nắm được các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của các vấn đề về nhà nước để hình thành thế giới quan và nhân sinh quan về các vấn đề liên quan đến nhà nước.	ELO1: Kiến thức và thái độ
CELO2	Nắm được các khái niệm và các thành tố cơ bản của các vấn đề về pháp luật để hình thành thế giới quan và nhân sinh quan về các vấn đề liên quan đến pháp luật.	ELO2: Kiến thức và thái độ
CELO3	Hiểu được bản chất của từng ngành luật và vận dụng để phân loại được từng quan hệ pháp luật vào đúng ngành luật tương thích.	ELO3: Kỹ năng và thái độ

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần và CDR của CTĐT

CDR học phần	CDR của CTĐT		
	ELO1	ELO2	ELO3
CELO1	M		
CELO2		M	
CELO3			M

H: High M: Medium L: Low

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

*** Phương pháp giảng dạy:**

- *Phương pháp thuyết trình:* Thuyết trình một số khái niệm trọng tâm của các bài học;

- *Phương pháp học dựa trên vấn đề:* Xác định các vấn đề của thực tiễn gắn liền với nội dung các bài học;

- *Phương pháp hoạt động nhóm:* Hoạt động nhóm và báo cáo kết quả nghiên cứu;

*** Phương pháp học tập:**

- *Nghe giảng trên lớp;*

- *Đọc và làm bài trước các buổi giảng;*

- *Tra cứu thông tin về ngành trên internet;*

- *Làm việc nhóm.*

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- *Thang điểm đánh giá:* Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- *Điểm đánh giá quá trình:*

+ *Trọng số: 30 %, bao gồm:* Thuyết trình bài tập nhóm và kết quả kiểm tra;

+ *Hình thức đánh giá:*

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- *Điểm thi kết thúc học phần:*

+ *Trọng số: 70 %, bao gồm:*

+ *Hình thức thi:*

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Hướng dẫn thực hiện:

Các thành phần, các bài đánh giá, nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, số lần đánh giá, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ % trọng số điểm

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Nghe giảng	Thái độ	01↑	Có tham gia	Hỏi ngẫu nhiên	10%
	A1.2	Phát biểu ý kiến	Kỹ năng	01↑	Có tham gia	Hỏi ngẫu nhiên	
	A1.3	Nêu vấn đề	Kiến thức	01↑	Có tham gia	Hỏi ngẫu nhiên	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Chuẩn bị	Thái độ	01	Đúng chủ đề	Làm việc nhóm	20%
	A2.2	Thuyết trình	Kiến thức	01	Đủ nội dung	Làm việc nhóm	
	A2.3	Phản biện	Kỹ năng	01	Thỏa mãn câu hỏi	Làm việc nhóm	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Trình bày	Thái độ	01	Sạch sẽ	Bài thi viết	70%
	A3.2	Đúng nội dung	Kiến thức	01	Đủ ý	Bài thi viết	
	A3.3	Liên hệ thực tiễn	Kỹ năng	01	Phù hợp	Bài thi viết	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1&2	Chương 1: Những khái niệm chung về nhà nước và pháp luật		12 tiết
	A/ Các nội dung: 1.1. Những khái niệm chung về nhà nước (6 tiết) 1.2. Những khái niệm chung về pháp luật (6 tiết)	Thuyết giảng (Online)	CELO1,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tìm hiểu về Hệ thống chính trị của nước ta; - So sánh các quy định của đạo đức, tôn giáo, điều lệ của các tổ chức và quy định của pháp luật.	Online	CELO1
3&4	Chương 2: Đại cương về các lĩnh vực pháp		12 tiết

	luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và luật quốc tế		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Pháp luật dân sự và tố tụng dân sự (1,5 tiết) 2.2. Pháp luật lao động (1,5 tiết) 2.3. Pháp luật hình sự và tố tụng hình sự (1,5 tiết) 2.4. Pháp luật hành chính và tố tụng hành chính (1,5 tiết) 2.5. Pháp luật kinh doanh (1,5 tiết) 2.6. Pháp luật đất đai, môi trường (1,5 tiết) 2.7. Pháp luật quốc tế (1,5 tiết)	Tự nghiên cứu, thảo luận, thuyết trình, phản biện và giải thích (Online)	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Xây dựng mối quan hệ giữa các ngành luật trong từng tình huống pháp luật cụ thể	Online	CELO1,2,3
	Chương 3: Đào tạo luật và nghề luật ở Việt Nam		3 tiết
5	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Đào tạo luật ở Việt Nam 3.2. Các nghề luật ở Việt Nam	Diễn giảng, Thuyết trình	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Giao lưu với sinh viên các nơi có đào tạo luật chuyên ngành	Ngoại khoá và báo cáo	CELO1,2
6	Hướng dẫn học tập và kiểm tra	(Online)	3 tiết

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	M	M	M
Chương 2	M	M	M

Chương 3	M	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Giáo trình Pháp luật đại cương, Nxb Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo

7.2. Tài liệu tham khảo:

Giáo trình Pháp luật đại cương, TS. Nguyễn Hợp Toàn, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;
- Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm;
- Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học;
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học;
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học;
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

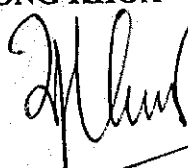
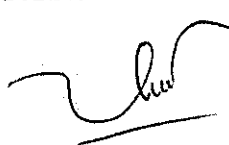
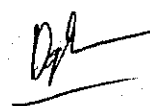
9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. Trần Thị Ngọc Hoa, ThS. Vũ Thị Hạnh Thu, ThS. Đặng Hoàng Vũ, ThS. Võ Đình Quyên Di

10. Ngày phê duyệt: 26/3/2022

TRƯỜNG KHOA

P.TRƯỜNG KHOA

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Hồ Ngọc Vinh

ThS. Vũ Thị Hạnh Thu

ThS. Đặng Hoàng Vũ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KHOA HỌC ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: TOÁN CAO CẤP 1

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	
Tiếng Việt:	Toán cao cấp 1
Tiếng Anh:	Advanced Math 1
Mã số học phần:	11 11 1 5 008
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ I
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	2 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	28 tiết
Số tiết bài tập:	... tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	... tiết
Số tiết thực tập:	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	2 tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Hoàn thành chương trình toán Trung học phổ thông
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Toán – Khoa Khoa học đại cương

2. Mô tả học phần (Course Description)

Được thực hiện trong học kỳ I năm thứ nhất của sinh viên nhằm truyền tải cho sinh viên nắm được những kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector, ... làm cơ sở cho việc học các môn Toán cao cấp 2, Toán cao cấp 3 và các môn chuyên ngành của các ngành đào tạo.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trang bị kiến thức đại số, ma trận, không gian vector	KĐC, KKT, KQL
CG2	Giải được các bài toán vận dụng kiến thức ma trận	KĐC, KKT, KQL
CG3	Vận dụng kiến thức đã học vào trong các bài toán chuyên ngành	KKT, KQL
CG4	Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế	KKT, KQL
CG5	Có tư duy tổng quát, logic, chính xác, tự học	KĐC, KKT, KQL

KĐC: Môn học thuộc khoa KH Đại cương, KKT: Môn học thuộc khối kỹ thuật, KQL: Môn học thuộc khối quản lý.

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nắm vững kiến thức môn Toán cao cấp 1	KĐC, KKT, KQL
CELO2	Vận dụng kiến thức đã học vào môn chuyên ngành	KĐC, KKT, KQL
CELO3	Áp dụng kiến thức đã học vào đời sống và sản xuất	KĐC, KKT, KQL
CELO4	Phân tích và giải quyết những bài toán mới bằng kiến thức ma trận	KĐC, KKT, KQL

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT		
	KĐC	KKT	KQL
CELO1	H	M	M
CELO2	M	H	H
CELO3	M	H	H
CELO4	H	M	M

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Giảng dạy online và trực tiếp trên lớp sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm....

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- ...

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%

+ Hình thức đánh giá: Làm bài kiểm tra

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi: Làm bài thi

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	Bài tập về nhà, trên lớp	Chương 1, 2, 3	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1-3 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận hoặc trắc nghiệm), PP phỏng vấn	30%
	Bài kiểm tra giữa kỳ (tự luận)	Chương 1, 2	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận)	
A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ (tự luận)	Chương 1, 2, 3	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1. Tập hợp và ánh xạ		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1. Tập hợp và ánh xạ 1.1.1. Quan hệ hai ngôi 1.1.2. Quan hệ tương đương 1.1.3. Quan hệ thứ tự	Dạy online, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập.		
2	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.2. Ánh xạ 1.2.1 Định nghĩa ánh xạ 1.2.2. Đơn ánh, toàn ánh, song ánh 1.2.3. Ánh xạ ngược. 1.2.4. Hợp (tích) của hai ánh xạ	Dạy online, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập .		
	Chương 2. Định thức – Ma trận – Hệ phương trình tuyến tính		
3	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Ma trận 2.1.1. Khái niệm ma trận 2.1.2. Các phép toán về ma trận 2.2. Định thức 2.2.1. Định thức của ma trận vuông 2.2.2. Tính chất của định thức	Dạy online, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
4	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.2.3. Tính định thức bằng phép biến đổi sơ cấp 2.2. Hạng của ma trận – Ma trận nghịch đảo 2.3.1. Định nghĩa và tính chất hạng của ma trận 2.3.2. Định nghĩa và phương pháp tìm ma trận nghịch đảo	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
5	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.4. Hệ phương trình tuyến tính 2.4.1. Hệ phương trình tuyến tính tổng	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4

	quát. 2.4.2. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất.		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
6	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.4.3. Hệ Cramer. 2.4.4. Giải hệ phương trình bằng phương pháp Gauss. 2.4.5. Giải hệ phương trình bằng phương pháp Gauss – Jordan 2.4.6. Giải hệ phương trình tổng quát	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
	Chương 3. Không gian vector – Ảnh xạ tuyến tính		
7	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Không gian vector 3.1.1. Khái niệm không gian vector 3.1.2. Tính chất Kiểm tra giữa kỳ: 2 tiết	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
8	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.2. Không gian con và hệ sinh 3.2.1. Định nghĩa	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4

	3.2.2. Tổ hợp tuyến tính của một họ vector 3.2.3. Không gian con sinh bởi một họ vector – Hệ sinh của không gian vector		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
9	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.3. Không gian hữu hạn chiều và cơ sở của nó 3.3.1. Họ vector độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính 3.3.2. Cơ sở của không gian hữu hạn chiều 3.3.3. Tính chất 3.4. Ánh xạ tuyến tính 3.4.1. Khái niệm ánh xạ tuyến tính 3.4.2. Các tính chất. Hạt nhân và ảnh.	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
10	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.5. Ma trận của ánh xạ tuyến tính 3.5.1. Khái niệm ma trận của ánh xạ tuyến tính 3.5.2. Trường hợp riêng 3.6. Ôn tập	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập, ôn tập		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	H	H	L	L
Chương 2	H	H	M	M
Chương 3	H	H	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Đình Trí, *Toán cao cấp tập 1*, NXB Giáo dục.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Khu Quốc Anh, *Đại số tuyến tính và hình học giải tích*, NXB ĐHQG Hà Nội.
2. Khu Quốc Anh, *Bài tập Đại số tuyến tính và hình học giải tích*, NXB ĐHQG Hà Nội.
3. Nguyễn Đình Trí, *Bài tập Toán cao cấp tập 1*, NXB Giáo dục.
4. Bùi Xuân Hải, *Đại số tuyến tính*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
5. Trần Lưu Cường, *Đại số tuyến tính*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.

8. Quy định của học phần

Sinh viên phải tham dự và làm bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ, nếu vắng bài nào thì cột điểm tương ứng sẽ bằng 0.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học:

Giảng viên bộ môn Toán.

10. Ngày phê duyệt: ...10/10/2022.....

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Lý Cẩm Hùng

Trần Đình Thành

Nguyễn An Giang

Quy cách trình bày đề cương chi tiết học phần

Văn bản được trình bày trên giấy khổ A4 có kích thước chiều rộng 210 mm, chiều dài 279 mm; định dạng lề trên 20 mm, lề dưới 20 mm, lề trái 30 mm, lề phải 20 mm; sử dụng phông chữ tiếng Việt Times New Roman, size 13; đặt 6pt giữa các đoạn văn; cách dòng đơn giữa các dòng; đánh số trang ở giữa, lề dưới bằng số Ả Rập từ trang đầu tiên đến trang cuối cùng.

(Nguồn: Tham khảo và có hiệu chỉnh từ Đào tạo theo CDIO: Từ thí điểm đến đại trà. (2014). ĐHQG HCM, tr.95-97).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: XÁC SUẤT THỐNG KÊ

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	
Tiếng Việt:	Xác suất thống kê
Tiếng Anh:	<i>Probability and statistics</i>
Mã số học phần:	11 11 1 5 011
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ III
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	2 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	28 tiết
Số tiết bài tập:	... tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	... tiết
Số tiết thực tập:	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	2 tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Hoàn thành chương trình Toán cao cấp 1, Toán cao cấp 2
Học phần song hành:	Toán cao cấp 3
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Toán – Khoa Khoa học Đại cương

2. Mô tả học phần (Course Description)

Hướng dẫn thực hiện:

Được thực hiện trong học kỳ III của sinh viên nhằm truyền tải cho sinh viên nắm được những kiến thức về xác suất và thống kê cần thiết làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của các ngành đào tạo, hình thành phương pháp xử lý các công việc nảy sinh từ thực tiễn.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trang bị cho sinh viên một số kiến thức về biến cố và xác suất của biến cố.	KĐC, KKT, KQL
CG2	Truyền tải cho sinh viên một số kiến thức phân tích các khả năng có thể xảy ra của phép thử và tính xác suất của nó.	KĐC, KKT, KQL
CG3	Cung cấp cho sinh viên một số kiến về các đại lượng ngẫu nhiên.	KĐC, KKT, KQL
CG4	Hình thành cho sinh viên ý thức được cách phân tích mẫu, sử dụng kết quả của mẫu để ước lượng tham số thống kê, kiểm định giả thiết thống kê	KĐC, KKT, KQL

KĐC: Môn học thuộc khoa KH Đại cương, KKT: Môn học thuộc khối kỹ thuật, KQL: Môn học thuộc khối quản lý

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	- Vận dụng môn học để nghiên cứu các vấn đề trong kinh tế.	KĐC, KKT, KQL
CELO2	- Nhận ra các mô hình thống kê đơn giản và ứng dụng vào các bài toán thuộc chuyên - ngành học của mình.	KĐC, KKT, KQL
CELO3	- Ngoài ra sinh viên có thể sử dụng được một số phần mềm để giải các bài toán thống kê (Excel, R, SPSS).	KĐC, KKT, KQL
CELO4	- Sinh viên có thể trau dồi kỹ năng tự nghiên cứu và kỹ năng làm việc theo nhóm.	KĐC, KKT, KQL

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT		
	KĐC	KKT	KQL
CELO1	M	M	H
CELO2	M	H	H
CELO3	M	H	H
CELO4	H	H	H

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

PP1. Phương pháp thuyết trình: giúp sinh viên đạt CDR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kỹ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

PP2. Phương pháp động não: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;

PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Tìm cặp - Chia sẻ: giúp đạt được chuẩn đầu ra về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phản biện;

PP4. Phương pháp học dựa trên vấn đề: giúp đạt được chuẩn đầu ra về xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phản xét, cân bằng trong hướng giải quyết;

PP5. Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- ...

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %

+ Hình thức đánh giá: Làm bài kiểm tra

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi: Làm bài thi

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	Bài tập về nhà, trên lớp	Chương 1, 2, 3, 4	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1-3 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận hoặc trắc nghiệm) , PP phỏng vấn	30%
	Bài kiểm tra giữa kỳ (tự luận)	Chương 1, 2	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận)	
A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ (tự luận)	Chương 1, 2, 3, 4	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1. Xác suất của biến cố.		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1. Biến cố và phép thử ngẫu nhiên.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn	CELO1, CELO2, CELO3

	1.2. Xác suất của biến cố. 1.2.1. Định nghĩa và tính chất xác suất của biến cố.	đáp	CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Một số khái niệm về hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp - Làm bài tập .		
2	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.2.2. Công thức xác suất - Công thức cộng - Công thức nhân	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
3	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.2.2. Công thức xác suất (tt) - Công thức xác suất có điều kiện - Công thức Bernoulli	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
	Chương 2. Đại lượng ngẫu nhiên.		
4	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Định nghĩa và phân loại đại lượng ngẫu nhiên 2.1.1. Định nghĩa 2.1.2. Phân loại 2.2. Quy luật phân phối xác suất. 2.2.1. Bảng phân phối xác suất 2.2.2. Hàm phân phối xác suất	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		

	- Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
5	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.2. Quy luật phân phối xác suất (tt) 2.2.3. Hàm mật độ xác suất 2.3. Các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên 2.3.1. Kỳ vọng B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	- Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
6	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.3. Các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên (tt) 2.3.2. Phương sai 2.3.3. Độ lệch chuẩn 2.3.4. Mode 2.3.5. Momen 2.3.6. Hệ số bất đối xứng B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	- Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
7	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.4. Quy luật phân phối xác suất thông dụng 2.4.1. Phân phối nhị thức 2.4.2. Phân phối poisson 2.4.3. Phân phối siêu bội B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	3. Đọc giáo trình, tài liệu 4. Làm bài tập		
8	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.4.4. Phân phối chuẩn 2.4.5. Phân phối Student 2.4.6. Phân phối Chi bình phương	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
	Kiểm tra		
	Chương 3. Lý thuyết mẫu.		
9	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Khái niệm về tổng thể và mẫu. 3.2. Các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
	Chương 4. Ước lượng tham số đặc trưng của tổng thể.		
10	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Ước lượng điểm. 4.2. Ước lượng khoảng.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	M	H	M	L
Chương 2	H	H	L	L
Chương 3	H	H	M	M
Chương 4	M	H	H	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Hoàng Ngọc Nhậm, *Lý thuyết xác suất và thống kê*, NXB Thống kê.
2. Lê Khánh Luận và Nguyễn Thanh Sơn, *Lý thuyết xác suất và thống kê*, NXB tổng hợp TP.HCM.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Ngọc Nhậm, *Bài tập lý thuyết xác suất và thống kê*, NXB Thống kê.
2. Lê Khánh Luận và Nguyễn Thanh Sơn, *Bài tập lý thuyết xác suất và thống kê*, NXB tổng hợp TP.HCM.
3. Đào Hữu Hồ, *Xác suất thống kê*, NXB Đại học Quốc gia Hà nội.
4. Đặng Hùng Thắng, *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục.
5. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và Thống kê toán*, NXB Khoa học Kỹ thuật.

8. Quy định của học phần

Sinh viên phải tham dự và làm bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ, nếu vắng bài nào thì cột điểm tương ứng sẽ bằng 0

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học:

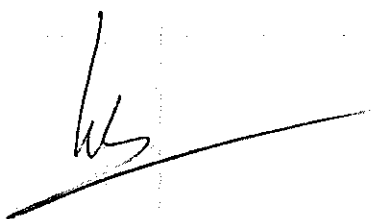
- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: T.S Võ Thị Tuyết Mai, Th.S Trần Đình Thành, Th.S Phạm Kim Thủy, Th.S Nguyễn Thị Hằng.

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022.....

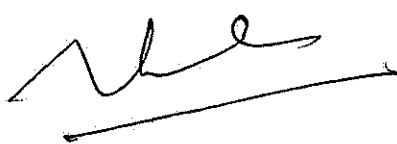
TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Lý Cẩm Hùng



Trần Đình Thành



Nguyễn Thị Hằng

Quy cách trình bày đề cương chi tiết học phần

Văn bản được trình bày trên giấy khổ A4 có kích thước chiều rộng 210 mm, chiều dài 279 mm; định dạng lề trên 20 mm, lề dưới 20 mm, lề trái 30 mm, lề phải 20 mm; sử dụng phông chữ tiếng Việt Times New Roman, size 13; đặt 6pt giữa các đoạn văn; cách dòng đơn giữa các dòng; đánh số trang ở giữa, lề dưới bằng số Ả Rập từ trang đầu tiên đến trang cuối cùng.

(Nguồn: Tham khảo và có hiệu chỉnh từ Đào tạo theo CDIO: Từ thí điểm đến đại trà. (2014). ĐHQG HCM, tr.95-97).

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KHOA HỌC ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Anh văn 1
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Anh văn 1
Tiếng Việt:	Anh văn 1
Tiếng Anh:	English 1
Mã số học phần:	11 13 1 5 006
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ I
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	43 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	2 tiết
Thời gian tự học:	100 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	Không có
Học phần tiên quyết:	x
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp cận với học phần Anh văn chuyên ngành, và vận dụng trong công việc sau này.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Trang bị cho sinh viên một cách hệ thống các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp, kỹ năng nghe và đọc, làm cơ sở giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu để có thể tiếp cận với bài thi TOEIC quốc tế cũng như có kỹ năng giao tiếp để vận dụng trong công việc sau này.

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hệ thống các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp (TOEIC)	ELO1
CG2	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu trong TOEIC	ELO2
CG3	Tìm hiểu và tiếp cận bài thi TOEIC quốc tế	ELO3
CG4	Kỹ năng giao tiếp và vận dụng trong công việc sau khi tốt nghiệp	ELO4

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

CĐR học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà SV tốt nghiệp cần phải có sau khi ra trường. CĐR của mỗi học phần phải đáp ứng một hay một vài chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và ngược lại.

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Kiến thức: nắm được các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp	ELO1
CELO2	Kỹ năng và mức tự chủ: rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu	ELO2
CELO3	Tự chịu trách nhiệm: vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng đã rèn luyện để tiếp tục tự học tập nghiên cứu, và có thể tiếp cận với bài thi TOEIC quốc tế.	ELO3, ELO4

Mã trận mối quan hệ giữa CĐR học phần (CELOs) và CĐR của CTĐT (ELOs)

CĐR học phần	CĐR của CTĐT			
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4
CELO1	H			
CELO2		H		
CELO3			M	M

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp thuyết trình: giúp sinh viên đạt CDR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kỹ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

PP2. Phương pháp động não: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;

PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ: giúp đạt được chuẩn đầu ra về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phản biện;

PP5. Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tham khảo tài liệu liên quan đến môn học;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: 01 bài kiểm tra giữa kỳ - bắt buộc; ngoài ra có thể đánh giá dựa trên điểm chuyên cần, và điểm bài tập... (tùy thuộc vào cách đánh giá của từng giảng viên)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: 01 bài thi KTHP

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Hướng dẫn thực hiện:

Các thành phần, các bài đánh giá, nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, số lần đánh giá, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ % trọng số điểm

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CELR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1	Unit 1	CELO1,2	1 lần	Đạt 40 câu /100 điểm	Trắc nghiệm khách quan (lựa chọn phương án đúng)	30%
	A1.2	Unit 2					
	A1.3	Unit 5					
	A1.4	Unit 6					
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1	Unit 1	CELO1,2,3	1 lần	Đạt 40 câu /100 điểm	Trắc nghiệm khách quan (lựa chọn phương án đúng)	70%
	A2.2	Unit 2					
	A2.3	Unit 3					
	A2.4	Unit 4					
	A2.5	Unit 5					
	A2.6	Unit 6					
	A2.7	Unit 7					

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Số tiết	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Unit 1: Listening Test Part 1 – Photographs	- <i>Dạy online</i> - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	4	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Nouns and verbs</i> - <i>Using the picture to predict what you will hear</i> - <i>Describing movement</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 1 – Part 1 – Photographs</i>			CELO1,2,3
2	Unit 2: Listening Test Part 2 – Question/Response	- <i>Dạy online</i> - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Requests</i> - <i>Thinking about meaning and avoiding common distractors</i> - <i>Tag questions</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 1 – Part 2 – Question-Response</i>			CELO1,2,3
3	Unit 3: Listening Test Part 3 – Conversations	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Offers and suggestions</i> - <i>Using content words to predict what you will hear</i> - <i>Paraphrasing</i>			CELO1,2

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>- Practice Test 1 – Part 3 - Conversations</i>			CELO1,2,3
4	Unit 4: Listening Test Part 4 – Talks A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>- Announcements</i> <i>- Using content words to predict what you will hear</i> <i>- Who and Where questions</i> B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>- Practice Test 1 – Part 4 - Talks</i>	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	5	CELO1,2 CELO1,2,3
5	Unit 5: Reading Test Part 5 – Incomplete sentences A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>- Talking about the future</i> <i>- Managing your time effectively with the 2-pass method</i> <i>- Talking about the pass</i> B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>- Practice Test 1 – Part 5 – Incomplete Sentences</i>	<i>- Dạy online</i> - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	8	CELO1,2 CELO1,2,3
6	Unit 6: Reading Test Part 6 – Text completion A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>- Parts of speech</i> <i>- Using your time wisely</i> <i>- Identifying the correct part of speech</i> B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>- Practice Test 1 – Part 6 – Text Completion</i>	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	6	CELO1,2 CELO1,2,3
7	Unit 7: Reading Test Part 7 – Reading comprehension A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>- Answering the easy questions first</i> <i>- Answering specific information questions</i> <i>- Using context to answer vocabulary questions</i> B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>- Practice Test 1 – Part 7 – Reading Comprehension</i>	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	10	CELO1,2 CELO1,2,3
8	Tactics Review	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	2	CELO1,2,3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Module 1	H	M	L
Module 2	H	M	L
Module 3	H	M	L
Module 4	H	M	L
Module 5	H	M	L
Module 6	H	M	L
Module 7	H	M	L
Module 8	L	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Grand Trew, TACTICS FOR THE TOEIC TEST Listening and Reading Test: Introductory Course, Oxford University Press, 2013

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lin Lougheed, Preparation series for the New Toeic Test: Introductory Course, Fourth edition, Longman, 2010.

2. Anne Taylor, TOEIC Analyst. Second edition, NXB Tổng hợp TPHCM, 2015

3. Anne Taylor, Garrett Byrne, VERY EASY TOEIC Second edition, NXB Tổng hợp TPHCM, 2015

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 30% số tiết học trở lên, dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

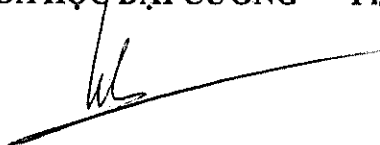
9. Giảng viên phụ trách môn học

- Giảng viên phụ trách môn học: ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng, Phó Trưởng BM, Phụ trách Bộ Môn Ngoại Ngữ, Khoa Khoa học Đại Cương.

- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: Giảng viên Bộ Môn Ngoại Ngữ, Khoa Khoa học Đại Cương.

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA
KHOA HỌC ĐẠI CƯƠNG



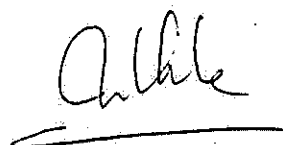
Lý Cẩm Hùng

P. TRƯỞNG BỘ MÔN
Phụ trách BM Ngoại Ngữ



ThS. Nguyễn Lương
Tuấn Dũng

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Tô Thị Lệ

Quy cách trình bày đề cương chi tiết học phần

Văn bản được trình bày trên giấy khổ A4 có kích thước chiều rộng 210 mm, chiều dài 279 mm; định dạng lề trên 20 mm, lề dưới 20 mm, lề trái 30 mm, lề phải 20 mm; sử dụng phông chữ tiếng Việt Times New Roman, size 13; đặt 6pt giữa các đoạn văn; cách dòng đơn giữa các dòng; đánh số trang ở giữa, lề dưới bằng số Ả Rập từ trang đầu tiên đến trang cuối cùng.

(Nguồn: Tham khảo và có hiệu chỉnh từ Đào tạo theo CDIO: Từ thí điểm đến đại trà. (2014). ĐHQG HCM, tr.95-97).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Anh văn 2
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Anh văn 2
Tiếng Việt:	Anh văn 2
Tiếng Anh:	English 2
Mã số học phần:	11 13 1 5 002
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ II
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	43 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	2 tiết
Thời gian tự học:	100 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	Không có
Học phần tiên quyết:	x
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp cận với học phần Anh văn chuyên ngành, và vận dụng trong công việc sau này.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Trang bị cho sinh viên một cách hệ thống các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp, kỹ năng nghe và đọc, làm cơ sở giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu để có thể tiếp cận với bài thi TOEIC quốc tế cũng như có kỹ năng giao tiếp để vận dụng trong công việc sau này.

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hệ thống các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp (TOEIC)	ELO1
CG2	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu trong TOEIC	ELO2
CG3	Tìm hiểu và tiếp cận bài thi TOEIC quốc tế	ELO3
CG4	Kỹ năng giao tiếp và vận dụng trong công việc sau khi tốt nghiệp	ELO4

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

CĐR học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà SV tốt nghiệp cần phải có sau khi ra trường. CĐR của mỗi học phần phải đáp ứng một hay một vài chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và ngược lại.

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Kiến thức: nắm được các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp	ELO1
CELO2	Kỹ năng và mức tự chủ: rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu	ELO2
CELO3	Tự chịu trách nhiệm: vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng đã rèn luyện để tiếp tục tự học tập nghiên cứu, và có thể tiếp cận với bài thi TOEIC quốc tế.	ELO3, ELO4

Mã trận mối quan hệ giữa CĐR học phần (CELOs) và CĐR của CTĐT (ELOs)

CĐR học phần	CĐR của CTĐT			
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4
CELO1	H			
CELO2		H		
CELO3			M	M

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp thuyết trình: giúp sinh viên đạt CDR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kỹ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

PP2. Phương pháp động não: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;

PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ: giúp đạt được chuẩn đầu ra về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phản biện;

PP5. Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tham khảo tài liệu liên quan đến môn học;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: 01 bài kiểm tra giữa kỳ - bắt buộc; ngoài ra có thể đánh giá dựa trên điểm chuyên cần, và điểm bài tập... (tùy thuộc vào cách đánh giá của từng giảng viên)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: 01 bài thi KTHP

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Hướng dẫn thực hiện:

Các thành phần, các bài đánh giá, nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, số lần đánh giá, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ % trọng số điểm

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1	Unit 8	CELO1,2	1 lần	40 câu /100 điểm	Trắc nghiệm khách quan (lựa chọn phương án đúng)	30%
	A1.2	Unit 9					
	A1.3	Unit 12					
	A1.4	Unit 13					
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1	Unit 8	CELO1,2,3	1 lần	40 câu /100 điểm	Trắc nghiệm khách quan (lựa chọn phương án đúng)	70%
	A2.2	Unit 9					
	A2.3	Unit 10					
	A2.4	Unit 11					
	A2.5	Unit 12					
	A2.6	Unit 13					
	A2.7	Unit 14					

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Số tiết	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Unit 8: Listening Test Part 1 – Photographs	<i>- Dạy online</i> - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	4	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Present tenses</i> - <i>Avoiding common distractors</i> - <i>Prepositions of place</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 1 - Photographs</i>			CELO1,2,3
2	Unit 9: Listening Test Part 2 – Question/Response	<i>- Dạy online</i> - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Questions with indirect answers</i> - <i>Listening for question words and past/present/future time</i> - <i>Answering yes/no questions where the answer isn't yes or no</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 2 – Question-Response</i>			CELO1,2,3
3	Unit 10: Listening Test Part 3 – Conversations	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Expressing opinions</i> - <i>Using the 40-second rule to answer questions quickly</i> - <i>Answering what questions</i>			CELO1,2

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 3 - Conversations</i>			CELO1,2,3
4	Unit 11: Listening Test Part 4 – Talks	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Voice mails and recorded messages</i> - <i>Tactics review; listening for specific details</i> - <i>When/Why and How questions</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 4 - Talks</i>			CELO1,2,3
5	Unit 12: Reading Test Part 5 – Incomplete sentences	- <i>Dạy online</i> - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	8	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Infinitive and gerund forms after verbs</i> - <i>Using prefixes to guess meaning</i> - <i>Dependent prepositions</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 5 – Incomplete Sentences</i>			CELO1,2,3
6	Unit 13: Reading Test Part 6 – Text completion	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	6	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Linking words</i> - <i>Answering connecting content questions</i> - <i>Pronouns and possessive forms</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 6 – Text Completion</i>			CELO1,2,3
7	Unit 14: Reading Test Part 7 – Reading comprehension	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	10	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Answering main idea questions and inference questions</i> - <i>Answering connecting information questions</i> - <i>Answering NOT questions</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 7 – Reading Comprehension</i>			CELO1,2,3
8	Tactics Review	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	2	CELO1,2,3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Module 1	M	H	M
Module 2	M	H	M
Module 3	M	H	M
Module 4	M	H	M
Module 5	M	H	M
Module 6	M	H	M
Module 7	M	H	M
Module 8	M	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Grand Trew, TACTICS FOR THE TOEIC TEST Listening and Reading Test: Introductory Course, Oxford University Press, 2013

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lin Lougheed, Preparation series for the New Toeic Test: Introductory Course, Fourth edition, Longman, 2010.

2. Anne Taylor, TOEIC Analyst. Second edition, NXB Tổng hợp TPHCM, 2015

3. Anne Tayior, Garrett Byrne, VERY EASY TOEIC Second edition, NXB Tổng hợp TPHCM, 2015

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 30% số tiết học trở lên, dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

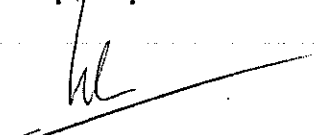
9. Giảng viên phụ trách môn học

- Giảng viên phụ trách môn học: ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng, Phó Trường BM, Phụ trách Bộ Môn Ngoại Ngữ, Khoa Khoa học Đại Cương.

- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: Giảng viên Bộ Môn Ngoại Ngữ, Khoa Khoa học Đại Cương.

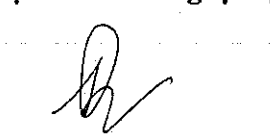
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

**TRƯỞNG KHOA
KHOA HỌC ĐẠI CƯƠNG**



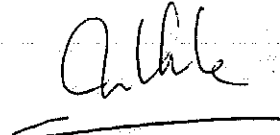
Lý Cẩm Hùng

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN
Phụ trách BM Ngoại Ngữ**



**ThS. Nguyễn Lương
Tuấn Dũng**

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Tô Thị Lệ

Quy cách trình bày đề cương chi tiết học phần

Văn bản được trình bày trên giấy khổ A4 có kích thước chiều rộng 210 mm, chiều dài 279 mm; định dạng lề trên 20 mm, lề dưới 20 mm, lề trái 30 mm, lề phải 20 mm; sử dụng phông chữ tiếng Việt Times New Roman, size 13; đặt 6pt giữa các đoạn văn; cách dòng đơn giữa các dòng; đánh số trang ở giữa, lề dưới bằng số Ả Rập từ trang đầu tiên đến trang cuối cùng.

(Nguồn: Tham khảo và có hiệu chỉnh từ Đào tạo theo CDIO: Từ thi điểm đến đại trà. (2014). ĐHQG HCM, tr.95-97).

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
**BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Đá cầu
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Đá cầu
Tiếng Việt:	Đá cầu
Tiếng Anh:	Shuttlecock kicking
Mã số học phần:	200015001
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ I
Loại học phần:	Tự chọn
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ: 1	1 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	6 tiết
Số tiết bài tập:	24 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	
Số tiết thực tập:	
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	
Điều kiện tham dự học phần:	Sức khỏe tốt, đồng phục theo quy định
Học phần tiên quyết:	Điền kinh, Thể dục
Học phần song hành:	Không
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn học bao gồm hệ thống những kiến thức về: Lịch sử phát triển môn đá cầu; Chấn thương trong đá cầu; Nắm được kỹ năng vận động, rèn luyện các tố chất thể lực và kỹ thuật cơ bản trong môn đá cầu như: di chuyển, dâng cầu, đỡ chuyển cầu, phát cầu, luật thi đấu và trọng tài ..., các phương pháp và bài tập rèn luyện sức nhanh tốc độ, sức bền tốc độ, mềm dẻo, khéo léo, linh hoạt, khả năng phối hợp vận động, tư duy sáng tạo

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn đá cầu, các kỹ thuật cơ bản, cách thức chơi và luật thi đấu môn đá cầu.	
CG2	- Kỹ năng: Kỹ thuật di chuyển, dâng cầu, đỡ chuyển cầu, phát cầu, luật thi đấu và trọng tài	
CG3	- Thái độ, chuyên cần: Rèn luyện tính tự giác, hăng say tập luyện, nêu cao tinh thần chiến đấu độc lập.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Bài 1: Cung cấp cho người học những kiến thức về lịch sử phát triển đá cầu; luật cơ bản, chấn thương trong đá cầu.	
CELO2	Bài 2: Các nguyên lý kỹ - chiến thuật cơ bản. Cung cấp cho người học hệ thống các kỹ năng cơ bản các kỹ thuật dâng cầu, đỡ chuyển cầu và phát cầu	
CELO3	Bài 3: C Kỹ thuật di chuyển đơn bước, đa bước trong đá cầu.	
CELO4	Bài 4. Kỹ thuật dâng cầu bằng mu bàn chân và kỹ thuật dâng cầu bằng đùi. Kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi. Hoàn thiện kỹ thuật dâng cầu và đỡ cầu bằng mu bàn chân và bằng đùi	
CELO5	Bài 5. Kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình.	

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần.

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP4. Phương pháp Quan sát, sửa sai.

5.1.1 Phương pháp giảng dạy:

PP1. Phương pháp trực quan

PP2. Phương pháp phân tích, thị phạm động tác.

PP3. Phương pháp hoạt động nhóm

PP4. Phương pháp Quan sát, sửa sai.

PP5. Phương pháp tổng hợp, đánh giá.

5.1.2 Phương pháp học tập:

PP1. Phương pháp trực quan

PP2. Tập luyện theo sự hướng dẫn của Giảng viên.

PP3. Phương pháp hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

PP4. Phương pháp Quan sát, sửa sai.

PP5. Tìm hiểu thêm về môn học qua internet và các tài liệu liên quan.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %, bao gồm: điểm bài thi giữa kỳ + điểm chuyên cần

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: điểm bài thi kết thúc HP + ý thức học tập

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Hướng dẫn thực hiện:

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Thái độ học tập	Phẩm chất kỹ năng		Theo dõi thường xuyên trong suốt quá trình học.	Tích cực, sáng tạo	PP quan sát	10%

A2. Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	Thực hành kỹ thuật		1	Thực hiện đúng nguyên lý kỹ thuật	PP quan sát, phân tích	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi kết thúc	Kiến thức, kỹ năng		1	Thực hiện đúng kỹ thuật, số lần theo quy định	PP quan sát, phân tích	70%

** Bảng kết quả thi đối với SV Nam*

STT	Nội dung	Yêu cầu	Kết quả (Số lần TH được)	Điểm	Ghi chú
1	Tâng cầu (kiểm tra lấy điểm giữa học phần)	SV thực hiện tâng cầu bằng mu bàn chân, tác phong, đồng phục (Sv được thực hiện 3 lần lấy lần thành tích tốt nhất)	< 10	Không đạt	
			10 - 12	5đ	
			13 - 15	6đ	
			15 - 18	7đ	
			19 - 21	8đ	
			22 - 25	9đ	
			> 25	10đ	
2	Phát cầu (thi kết thúc học phần)	SV thực hiện phát cầu qua lưới vào ô theo yêu cầu của GV (chia sân ra làm 2 phần theo chiều dọc)	< 5	Không đạt	
			5	5đ	
			6	6đ	
			7	7đ	
			8	8đ	
			9	9đ	
			10	10đ	

** Bảng kết quả thi đối với SV Nữ*

STT	Nội dung	Yêu cầu	Kết quả (Số lần TH được)	Điểm	Ghi chú
1	Tâng cầu (kiểm tra lấy điểm giữa học phần)	SV thực hiện tâng cầu bằng mu bàn chân, tác phong, đồng phục (Sv được thực hiện 3 lần lấy lần thành tích tốt nhất)	< 5	Không đạt	
			5 - 7	5đ	
			8 - 9	6đ	
			10 - 11	7đ	
			12 - 13	8đ	
			13 - 15	9đ	
			> 15	10đ	
2	Phát cầu (thi kết thúc học phần)	SV thực hiện phát cầu qua lưới vào ô theo yêu cầu của GV (chia sân ra làm 2 phần theo chiều dọc)	< 5	Không đạt	
			5	5đ	
			6	6đ	
			7	7đ	
			8	8đ	

			9	9đ	
			10	10đ	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Buổi 1: Lịch sử hình thành và phát triển của môn đá cầu trên TG và ở nước ta. A/ Các nội dung: 1. LS hình thành và phát triển 2. Luật đá cầu 3. Cách thức tổ chức thi đấu B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tham khảo về môn học qua internet và các tài liệu liên quan	1. Thuyết trình 2. Làm việc nhóm 3. Thảo luận 4. Tham khảo qua internet	CELO1,2
	Buổi 2: Sinh hoạt chung + kỹ thuật tăng cầu bằng mu bàn chân A/ Các nội dung: 1. Phổ biến nội quy, quy định của môn học 2. Kỹ thuật tăng cầu - Tư thế chuẩn bị - Tư thế thực hiện động tác + Tay cầm cầu tung như thế nào + Cầu tiếp xúc ở đâu + Tiếp xúc cầu với góc độ ntn - Tư thế sau khi thực hiện động tác. - Giảng giải, phân tích những lỗi thường hay gặp khi tăng cầu B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tập tăng cầu bằng mu bàn chân	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO2
	Buổi 3: Ôn KT tăng cầu bằng mu bàn chân + học mới KT tăng cầu bằng đùi, má trong bàn chân	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm	CELO2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	A/ Các nội dung: 1. Ôn lại KT đã học 2. Kỹ thuật tăng cầu - Tư thế chuẩn bị - Tư thế thực hiện động tác + Tay cầm cầu tung như thế nào + Cầu tiếp xúc ở đâu + Tiếp xúc cầu với góc độ ntn - Tư thế sau khi thực hiện động tác. - Giảng giải, phân tích những lỗi thường hay gặp khi tăng cầu B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tập tăng cầu bằng mu bàn chân, bằng đùi, má trong	4. Sửa lỗi hay mắc phải	
2	Buổi 4 : Ôn KT tăng cầu + học mới KT hãm cầu A/ Các nội dung: 1. Ôn lại KT đã học 2. Kỹ thuật hãm cầu - Tư thế chuẩn bị - Tư thế thực hiện động tác + Cách di chuyển + Cầu tiếp xúc ở đâu + Tiếp xúc cầu với góc độ ntn - Tư thế sau khi thực hiện động tác. - Giảng giải, phân tích những lỗi thường hay gặp khi hãm cầu B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tập tăng cầu + hãm cầu	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO2,3
	Buổi 5 : Ôn tổng hợp KT tăng cầu + Kiểm tra lấy điểm giữa học phần. A/ Các nội dung: 1. Ôn KT Tăng cầu	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Hướng dẫn SV ôn tập 4. Phân tích, đánh giá	CELO 2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	2. Kiểm tra lấy điểm giữa học phần - Phổ biến cách thức, điều kiện được tham gia kiểm tra. - Sinh viên thực hành KT tăng cầu - GV Giảng giải, phân tích những lỗi mà sinh viên gặp phải để có đánh giá khách quan B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
	Buổi 6 : Ôn KT hãm cầu + học mới KT chuyển cầu. A/ Các nội dung: 1. Ôn lại KT đã học 2. Kỹ thuật chuyển cầu - Tư thế chuẩn bị - Tư thế thực hiện động tác + Cách di chuyển + Cầu tiếp xúc ở đâu + Tiếp xúc cầu với góc độ ntn - Tư thế sau khi thực hiện động tác. - Giảng giải, phân tích những lỗi thường hay gặp khi chuyển cầu B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tập chuyển cầu + hãm cầu	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO3,4
3	Buổi 7 : Ôn KT chuyển cầu + học mới KT di chuyển đơn bước, đa bước. A/ Các nội dung: 1. Ôn lại KT đã học 2. Kỹ thuật di chuyển - Tư thế chuẩn bị - Tư thế thực hiện động tác - Tư thế sau khi thực hiện động tác.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO3,4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Giảng giải, phân tích những lỗi thường hay gặp. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tập chuyển cầu + di chuyển		
	Buổi 8 : Ôn KT di chuyển + KT phát cầu A/ Các nội dung: 1. Ôn KT đã học 2. Kỹ thuật phát cầu - Tư thế chuẩn bị - Tư thế thực hiện động tác + Cách tung cầu + Cầu tiếp xúc ở đâu + Tiếp xúc cầu với góc độ ntn - Tư thế sau khi thực hiện động tác. - Giảng giải, phân tích những lỗi thường hay gặp khi phát cầu GV Giảng giải, phân tích những lỗi mà sinh viên hay gặp phải để SV hoàn thiện KT B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tăng cầu + phát cầu	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO2,3,4
	Buổi 9 : Ôn KT phát cầu + Hoàn thiện các kỹ thuật môn đá cầu + đấu tập A/ Các nội dung: 1. Ôn tập 2. kết hợp các kỹ thuật khi thi đấu	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO2,3,4,5

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>Ôn tâng cầu + phát cầu</i>		
4	Buổi 10 : Ôn tổng hợp + Thi thử A/ Các nội dung: 1 . Ôn lại nội dung thi kết thúc HP 2 . Phổ biến cách thức Thi kết thúc học phần và cho Thi thử - Phổ biến cách thức, điều kiện được tham gia Thi kết thúc HP. - Tạo sự tự tin cho SV thi kết thúc môn - GV quan sát, Giảng giải, phân tích và đánh giá kết quả. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Hướng dẫn SV ôn tập 4. Phân tích, đánh giá kết quả	CELO1,2,3,4,5

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Giáo trình Môn Đá cầu

7.2. Tài liệu tham khảo:

Internet và các cuộc thi về Đá cầu

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn của giáo viên trong các buổi học để đạt kết quả cao & phòng chống chấn thương.

8.3. Quy định về học vụ

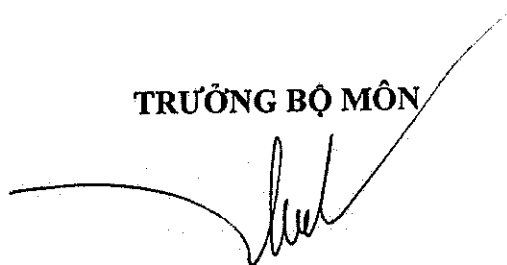
Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học:

STT	Giảng viên	Chức danh, học hàm, học vị	Điện thoại, email
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Bộ môn Thạc sỹ	0917709142 nvthang@hcmunre.edu.vn
2	Biện Hùng Vỹ	Thạc sỹ	0918271419 bhvy@hcmunre.edu.vn
3	Nguyễn Như Nam	Thạc sỹ	0989990071 nnnam@hcmunre.edu.vn
4	Nguyễn Thế Thắng	Thạc sỹ	0979367343 ntthang@hcmunre.edu.vn
5	Đặng Duy Đồng	Thạc sỹ, phụ trách học phần	0984272016 dddong@hcmunre.edu.vn
6	Nhan Bình Phương	Thạc sỹ	0934056805 nbphuong@hcmunre.edu.vn
7	Bùi Văn Tuấn	Thạc sỹ	0909221271 Bvtuan@hcmunre.edu.vn

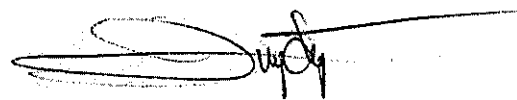
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG BỘ MÔN



Ths. Nguyễn Văn Thắng

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Ths. Đặng Duy Đồng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
**BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Bóng chuyền
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Bóng chuyền
Tiếng Việt:	Bóng chuyền
Tiếng Anh:	Volleyball
Mã số học phần:	200015002
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ I
Loại học phần:	Tự chọn
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ: 1	1 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết: 6	6 tiết
Số tiết bài tập: 24	24 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	
Số tiết thực tập:	
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	
Kiểm tra: 3	3 tiết
Thời gian tự học:	
Điều kiện tham dự học phần:	Sức khỏe tốt, đồng phục theo quy định
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	Cầu lông
Điều kiện khác:	Theo tính chất đặc thù của môn học

Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn bóng chuyền, giúp cho các em nắm được các kỹ thuật căn bản cũng như những điều luật thi đấu trong môn bóng chuyền. Tham gia luyện tập môn bóng chuyền có tác dụng nâng cao thể lực, đảm bảo sức khỏe để học tập chuyên ngành. Giúp cho sinh viên có môi trường rèn luyện thể chất và phát triển con người toàn diện cả về thể lực và trí lực, thích hợp cho cả nam và nữ ở các lứa tuổi khác nhau.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn bóng chuyền của thế giới và Việt Nam, các kỹ thuật cơ bản, cách thức chơi và luật thi đấu môn bóng chuyền.	
CG2	- Kỹ năng: di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng (cao tay, thấp tay) và thi đấu.	
CG3	- Thái độ, chuyên cần: rèn luyện tính tự giác, hăng say tập luyện, nêu cao tinh thần tập thể.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1/]	Mô tả CDR học phần [2/] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3/]
CELO1	Bài 1: Vị trí tác dụng và lịch sử phát triển môn bóng chuyền, các bài tập khởi động chung và các bài tập khởi động chuyên môn trong tập luyện và thi đấu.	
CELO2	Bài 2: Các nguyên lý kỹ - chiến thuật cơ bản, luật bóng chuyền; tư thế chuẩn bị và di chuyển.	
CELO3	Bài 3: Kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng.	
CELO4	Bài 4: Kỹ thuật phát bóng.	
CELO5	Bài 7: Phương pháp trọng tài – phương pháp tổ chức thi đấu.	

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần.

5.1. Phương pháp giảng dạy

PP1. Phương pháp thuyết trình

PP2. Phương pháp thị phạm và phân tích

PP3. Phương pháp phòng ngừa và sửa sai động tác

PP4. Phương pháp hoạt động nhóm

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp
- Tra cứu thông tin về môn học trên báo chí, internet.....
- Làm việc nhóm
- Tập luyện thêm sau giờ học.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- **Điểm quá trình: chiếm 30% tổng số điểm kết thúc học phần, trong đó:**

Giảng viên thông báo điểm quá trình trong buổi học cuối cùng cho sinh viên biết để nếu có khiếu nại, giảng viên sẽ kịp thời xem xét và điều chỉnh trước khi thi kết thúc học phần.

- **Thi cuối kỳ: chiếm 70% tổng số điểm kết thúc học phần.** (Sinh viên thi kết thúc học phần với 2 nội dung thi chính)

- Kỹ thuật chuyên và đệm bóng:

✓ Yêu cầu: sinh viên đứng đối diện nhau chuyền đệm qua lại (cự ly 3 – 5m). Đạt 20 lần trở lên mới tính điểm kỹ thuật. Được quyền chuyền đệm 3 lượt (có nghĩa là nếu lượt thứ nhất không thực hiện đủ 20 lần thì chuyền đệm lại từ đầu ở lượt thứ 2 hoặc 3).

✓ Kỹ thuật: thực hiện đủ và phối hợp 2 kỹ thuật chuyền đệm bóng cao tay và thấp tay.

✓ Cách tính điểm: sinh viên gọi tên lên thì được quyền chọn bất cứ sinh viên nào có kỹ thuật tốt nhất để cùng chuyền đệm với mình. Chỉ tính điểm một sinh viên gọi tên. Thực hiện đủ 20 lần chuyền đệm, căn cứ vào kỹ thuật, giảng viên cho điểm. Nếu cả 3 lượt, không thực hiện đủ 20 lần xem như không đạt (dưới 5 điểm).

- Kỹ thuật phát bóng:

✓ Cách thức: sinh viên đứng ở khu vực phát bóng, phát bóng qua lưới vào sân, được phát bóng 6 lần. Trong đó lần phát đầu tiên: phát thử, 5 lần tiếp theo tính điểm. Nam phát bóng cao tay, nữ phát bóng thấp tay.

✓ Kỹ thuật: thực hiện đúng kỹ thuật phát bóng đã học. Lưu ý không giẫm vạch, phải tung bóng trước khi phát bóng.

- ✓ Cách tính điểm: một quả bóng phát qua lưới vào trong sân, kỹ thuật tốt 2 điểm.

- Điểm thi cuối kỳ được tính bằng cách cộng điểm của 2 nội dung thi chia đôi

- **Điểm tổng kết:**

Điểm tổng kết = điểm thi cuối kỳ x 70% + điểm quá trình x 30%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Bài 1: Vị trí tác dụng và lịch sử phát triển môn bóng chuyền, các bài tập khởi động chung và các bài tập khởi động chuyên môn trong tập luyện và thi đấu. 1.1. Vị trí tác dụng của môn bóng chuyền. 1.1.1. Vị trí của môn bóng chuyền. 1.1.2. Tác dụng của môn bóng chuyền. 1.2. Lịch sử và quá trình phát triển môn bóng chuyền. 1.2.1. Sự xuất hiện trò chơi. 1.2.2. Quá trình phát triển môn bóng chuyền trên thế giới. 1.2.3. Tình hình phát triển của môn bóng chuyền tại Việt Nam. 1.3. Các bài khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. 1.3.1. Các bài tập khởi động chung. 1.3.1.1. Chạy bước nhỏ. 1.3.1.2. Chạy nâng cao đùi. 1.3.1.3. Chạy đạp sau. 1.3.1.4. Chạy gót chạm mông. 1.3.1.5. Chạy tốc độ. 1.3.2. Các bài khởi động chuyên môn. 1.3.2.1. Căng cơ vai trước, vai sau, cổ tay, cơ lưng... 1.3.2.2. Chạy cắt kéo. 1.3.2.3. Chạy bước tiến. 1.3.2.4. Chạy bước lùi. 1.3.2.5. Chạy bước chéo. 1.3.2.6. Chạy bước lướt 1.3.2.7. Ném bóng bằng 1 tay và 2 tay qua đầu (phía trước và sau) 1.3.2.8. Ném bóng bằng 1 tay và 2 tay từ trên cao xuống mặt sân 1.3.2.9. Một tay tung bóng lên cao tay còn lại đập bóng từ trên xuống mặt sân ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.		
	Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 2: Các nguyên lý kỹ - chiến thuật cơ bản, luật bóng chuyền; tư thế chuẩn bị và di chuyển. 2.1. Các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật bóng chuyền. 2.1.1. Khái niệm chung. 2.1.1.1. Thế nào là kỹ thuật. 2.1.1.2. Nguyên lý kỹ thuật. 2.1.2. Tính chất của bóng – đặc điểm đường bóng bay. 2.1.2.1. Cấu tạo của bóng. 2.1.2.2. Tính đàn hồi. 2.1.2.3. Bóng bay. 2.1.2.4. Bóng xoáy 2.1.3. Nguyên lý về di chuyển. 2.2. Chiến thuật trong thi đấu bóng chuyền. 2.2.1. Khái niệm. 2.2.2. Chiến thuật tấn công. 2.2.3. Chiến thuật phòng thủ. 2.3. Luật bóng chuyền. 2.3.1. Kích thước sân. 2.3.2. Cột căng lưới. 2.3.3. Lưới. 2.3.4. Quả bóng chuyền. 2.3.5. Bốc thăm. 2.3.6. Cách tính điểm. 2.3.7. Đấu thủ. 2.3.8. Đổi bên. 2.3.9. Phát bóng. 2.3.10. Các lỗi vị trí. 2.3.11. Thái độ xấu và kéo dài. 2.3.12. Cầu thủ phát bóng. 2.3.13. Cầu thủ chạm lưới. 2.3.14. Thời gian hội ý và hội ý kỹ thuật. 2.3.15. Cầu thủ Libero. 2.3.16. Thời gian nghỉ giữa các hiệp đấu. 2.4. Tư thế chuẩn bị và di chuyển. 2.4.1. Tư thế chuẩn bị.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1,2

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	2.3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 2.3.1.2. Cách thực hiện. 2.3.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 2.3.1.4. Tiến hành tập luyện. 2.3.2. Di chuyển. 2.3.2.1. Phân tích kỹ thuật. 2.3.2.2. Cách thực hiện. 2.3.2.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 2.3.2.4. Tiến hành tập luyện. □ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.		
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 3: Kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng. 3.1. Kỹ thuật chuyền bóng. 3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 3.1.2. Cách thực hiện. 3.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 3.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1,2
	❖ □ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 3: Kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng (tiếp theo). 3.1. Kỹ thuật chuyền bóng (ôn). 3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 3.1.2. Cách thực hiện. 3.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 3.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1,2,3
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 3: Kỹ thuật chuyền bóng, đệm	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. hướng dẫn SV ôn tập	CELO 1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	bóng (tiếp theo). 3.1. Kỹ thuật đệm bóng. 3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 3.1.2. Cách thực hiện. 3.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 3.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	4. Phân tích, đánh giá	
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 3: Kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng (tiếp theo). 3.1. Kỹ thuật đệm bóng. 3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 3.1.2. Cách thực hiện. 3.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 3.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1,2,3
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 4: Kỹ thuật phát bóng: phát bóng cao tay, phát bóng thấp tay. 4.1. Kỹ thuật phát bóng cao tay. 4.1.1. Phân tích kỹ thuật. 4.1.2. Cách thực hiện. 4.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 4.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1,2,3
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 4: Kỹ thuật phát bóng: phát bóng cao tay, phát bóng thấp tay (tiếp theo). 4.1. Kỹ thuật phát bóng cao tay (ôn). 4.1.1. Phân tích kỹ thuật. 4.1.2. Cách thực hiện. 4.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	4.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.		
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 4: Kỹ thuật phát bóng: phát bóng cao tay, phát bóng thấp tay (tiếp theo). 4.1. Kỹ thuật phát bóng thấp tay (ôn). 4.1.1. Phân tích kỹ thuật. 4.1.2. Cách thực hiện. 4.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 4.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1,2,3,4
2	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài 5: Phương pháp trọng tài – phương pháp tổ chức thi đấu (tiếp theo). 7.1. Phương pháp trọng tài bóng chuyền (ôn). 7.1.1. Thành phần trọng tài của giải. 7.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn các trọng tài. 7.1.3. Tổng trọng tài. 7.1.4. Tổng thư ký. 7.1.5. Trọng tài điều khiển cho một trận đấu: 7.1.5.1. Trọng tài thứ nhất. 7.1.5.2. Trọng tài thứ hai. 7.1.5.3. Trọng tài biên. 7.1.5.4. Trọng tài lật số. 7.2. Phương pháp tổ chức thi đấu. 7.2.1. Các loại hình thi đấu. 7.2.1.1. Thi đấu vòng. ✓ Đấu vòng gặp nhau 1 lần. ✓ Đấu vòng gặp nhau 2 lần. ✓ Đấu vòng chia bảng. 7.2.1.2. Thi đấu loại. ✓ Đấu loại trực tiếp 1 lần thua. ✓ Đấu loại trực tiếp 2 lần thua.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Hướng dẫn SV ôn tập 4. Phân tích, đánh giá kết quả	CELO1,2,3,4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	❖ Ôn kỹ thuật phát bóng cao tay, thấp tay (kỹ thuật thi kết thúc HP). ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Hướng dẫn quy cách thi. - Xuống lớp.		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Bài 1	M	M		
Bài 2	M	M		
Bài 3	H	M	M	H
Bài 4	M	M	H	H
Bài 5	M	H	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

- TS. Nguyễn Quang, *Hướng dẫn tập luyện và tổ chức thi đấu bóng chuyên*, Nhà xuất bản thể dục thể thao, 2004.
- ThS. Nguyễn Xuân Dung, *Giáo trình bóng chuyên*, Trường ĐH TDTT Tp. HCM, 1998.
- Ủy ban thể dục thể thao, *Luật bóng chuyên*, Nhà xuất bản thể dục thể thao, 2004.

7.2. Tài liệu tham khảo:

Ngoài ra sinh viên có thể tham khảo tài liệu qua sách, báo hoặc qua Internet...

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn của giáo viên trong các buổi học để đạt kết quả cao & phòng chống chấn thương.

8.3. Quy định về học vụ

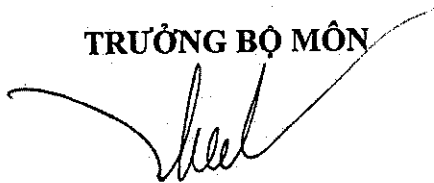
Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học:

STT	Giảng viên	Chức danh, học hàm, học vị	Điện thoại, email
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Bộ môn Thạc sỹ	0917709142 nvthang@hcmunre.edu.vn
2	Biện Hùng Vỹ	Thạc sỹ, phụ trách học phần	0918271419 bhvy@hcmunre.edu.vn
3	Nguyễn Như Nam	Thạc sỹ	0989990071 nnnam@hcmunre.edu.vn
4	Nguyễn Thế Thắng	Thạc sỹ	0979367343 ntthang@hcmunre.edu.vn
5	Đặng Duy Đồng	Thạc sỹ	0984272016 dddong@hcmunre.edu.vn
6	Nhan Bình Phương	Thạc sỹ	0934056805 nbphuong@hcmunre.edu.vn
7	Bùi Văn Tuấn	Thạc sỹ	0909221271 Bvtuan@hcmunre.edu.vn

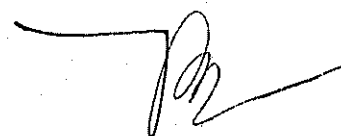
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Văn Thắng

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Biện Hùng Vỹ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
**BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **CẦU LÔNG**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Cầu lông
Tiếng Việt:	Cầu lông
Tiếng Anh:	badminton
Mã số học phần:	200015003
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ I
Loại học phần:	Tự chọn
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ: 1	01 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết: 06	6 tiết
Số tiết bài tập:	24 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	
Số tiết thực tập:	
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	
Kiểm tra:	.. tiết
Thời gian tự học:	
Điều kiện tham dự học phần:	Đảm bảo Sức khỏe , đúng đồng phục theo quy định
Học phần tiên quyết:	Thể dục LH _ Điền kinh
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn cầu lông, giúp cho các em nắm được các kỹ thuật căn bản cũng như những điều luật thi đấu trong môn cầu lông. Tham gia luyện tập môn cầu lông có tác dụng nâng cao thể lực, đảm bảo sức khỏe để học tập chuyên ngành. Giúp cho sinh viên có môi trường rèn luyện thể chất và phát triển con người toàn diện cả về thể lực và trí lực, thích hợp cho cả nam và nữ ở các lứa tuổi khác nhau.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn cầu lông của thế giới và Việt Nam, các kỹ thuật cơ bản, cách thức chơi và luật thi đấu môn cầu lông.	
CG2	- Kỹ năng: Kỹ thuật di chuyển, cách cầm vợt, lớp cầu, kỹ thuật giao cầu, đập cầu, bỏ nhỏ cầu bay gần lưới, chặn cầu, vớt bóng, thi đấu.	
CG3	- Thái độ, chuyên cần: Rèn luyện tính tự giác, hăng say tập luyện, nêu cao tinh thần chiến đấu độc lập.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Bài 1: Vị trí tác dụng và lịch sử phát triển môn cầu lông, các bài tập khởi động chung và các bài tập khởi động chuyên môn trong tập luyện và thi đấu.	
CELO2	Bài 2: Các nguyên lý kỹ - chiến thuật cơ bản, luật cầu lông; kỹ thuật cầm vợt, cầm cầu.	
CELO3	Bài 3: Các kỹ thuật di chuyển: Đơn bước, đa bước và bước nhảy	
CELO4	Bài 4: Kỹ thuật giao cầu: Giao cầu thuận tay, giao cầu trái tay.	
CELO5	Bài 5: Kỹ thuật tấn công: Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay (lốp cầu), đập cầu, bỏ nhỏ, chặn cầu.	

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần.

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp sử dụng lời nói

PP2. Phương pháp trực quan

PP3. Phương pháp kết hợp làm mẫu với giảng giải

PP4. phương pháp phòng ngừa và phương pháp sửa sai

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp
- Tập luyện thêm sau giờ học
- Tra cứu thông tin về môn học trên internet;
- Tập luyện nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- **Thang điểm đánh giá:** Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- **Điểm quá trình:** chiếm 30% tổng số điểm kết thúc học phần, trong đó:

Giảng viên thông báo điểm quá trình trong buổi học cuối cùng cho sinh viên biết để nếu có khiếu nại, giảng viên sẽ kịp thời xem xét và điều chỉnh trước khi thi kết thúc học phần.

- **Thi cuối kỳ:** chiếm 70% tổng số điểm kết thúc học phần.

Sinh viên thi kết thúc học phần với 2 nội dung thi chính:

- **Kỹ thuật giao cầu:** Giao cầu thuận tay và giao cầu trái tay

✓ Yêu cầu: Giao cầu đúng ô, vợt đánh vào đế cầu trong khi toàn bộ quả cầu phải nằm dưới thắt lưng, đầu vợt lúc đánh phải thấp hơn bàn tay cầm vợt. Mỗi kỹ thuật giao 5 lần (5 quả cầu).

✓ Cách tính điểm: một quả cầu giao đúng kỹ thuật qua lưới vào ô được tính 1

- **Kỹ thuật lớp cầu:**

Cách thức: sinh viên đứng ở hai phần sân, lớp cầu qua lưới.

Kỹ thuật: khi lớp cầu phải vung tay từ sau ra trước, chân cùng phía với tay cầm vợt bước lên trước, tay lớp cầu mở vai, mặt vợt vuông góc với cầu đồng thời phải có lực.

- **Cách tính điểm:** sinh viên gọi tên lên thi được quyền chọn bất cứ sinh viên nào có kỹ thuật tốt nhất để cùng lớp cầu với mình. Chỉ tính điểm một sinh viên gọi tên. Thực hiện lớp cầu đạt 10 lần, mỗi lần vào ô đúng kỹ thuật được 1 điểm.

❖ **Điểm thi cuối kỳ được tính bằng cách cộng điểm của 2 nội dung thi chia đôi.**

5.2.2 Điểm tổng kết:

Điểm tổng kết = điểm thi cuối kỳ x 70% + điểm quá trình x 30%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Bài 1: Vị trí tác dụng và lịch sử phát triển môn cầu lông, các bài tập khởi động	- Giảng giải	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	chung và các bài tập khởi động chuyên môn trong tập luyện và thi đấu. 1.1. Vị trí tác dụng của môn cầu lông. 1.1.1. Vị trí của môn cầu lông. 1.1.2. Tác dụng của môn cầu lông. 1.2. Lịch sử và quá trình phát triển môn cầu lông 1.2.1. Sự xuất hiện trò chơi. 1.2.2. Quá trình phát triển môn cầu lông trên thế giới. 1.2.3. Tình hình phát triển của môn cầu lông tại Việt Nam nói chung và tại TP.HCM nói riêng. 1.3. Các bài khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu cầu lông. 1.3.1. Các bài tập khởi động chung. 1.3.1.1. Chạy bước nhỏ. 1.3.1.2. Chạy nâng cao đùi. 1.3.1.3. Chạy đạp sau. 1.3.1.4. Chạy gót chạm mông. 1.3.1.5. Chạy tốc độ. 1.3.2. Các bài khởi động chuyên môn. 1.3.2.1. Căng cơ vai trước, vai sau, cổ tay, cơ lưng... 1.3.2.2. Chạy cắt kéo. 1.3.2.3. Chạy biến tốc. 1.3.2.4. Chạy đổi hướng. 1.3.2.5. Chạy lùi. 1.3.2.6. Chạy di chuyển chéo. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	- Khởi động chung - Khởi động chuyên - Phân tích, thị phạm động tác - Làm nhanh - Làm chậm phân tích - Làm tổng hợp - Chia nhóm tập luyện	CELO1,2
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài 2: Các nguyên lý kỹ - chiến thuật cơ bản, luật cầu lông; kỹ thuật cầm vợt, cầm cầu. 2.1. Các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật cầu lông. 2.1.1. Quy luật bay của cầu trong không gian. 2.1.2. Các yếu tố đánh cầu. 2.1.2.1. Sức mạnh. 2.1.2.2. Tốc độ. 2.1.2.3. Điểm rơi. 2.1.3. Nguyên lý về di chuyển. 2.2. Chiến thuật trong thi đấu cầu lông. 2.2.1. Khái niệm. 2.2.2. Chiến thuật trong thi đấu đơn. 2.2.3. Chiến thuật trong thi đấu đôi 2.2.4. Chiến thuật trong thi đấu đôi hỗn hợp (đôi nam nữ).	- Giảng giải - Khởi động chung - Khởi động chuyên - Phân tích, thị phạm động tác - Làm nhanh - Làm chậm phân tích - Làm tổng hợp - Chia nhóm tập luyện	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	2.3. Luật cầu lông. 2.3.1. Kích thước sân. 2.3.2. Cột căng lưới. 2.3.3. Lưới. 2.3.4. Quả cầu lông. 2.3.5. Vợt cầu lông. 2.3.6. Bốc thăm. 2.3.7. Cách tính điểm. 2.3.8. Đấu thủ. 2.3.9. Đổi bên. 2.3.10. Giao cầu. 2.3.11. Đánh đơn. 2.3.12. Đánh đôi. 2.3.13. Lỗi giao cầu nhằm ô. 2.3.14. Giao cầu lại. 2.3.15. Phạm lỗi. 2.3.16. Cầu không trong cuộc. 2.3.17. Tiến trình cuộc đấu. 2.3.18. Các quan chức và việc khiếu nại. 2.3. Kỹ thuật cầm vợt, cầm cầu. 2.3.1. Kỹ thuật cầm vợt. 2.3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 2.3.1.2. Cách thực hiện. 2.3.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 2.3.1.4. Tiến hành tập luyện. 2.3.2. Cách cầm cầu. 2.3.2.1. Phân tích kỹ thuật. 2.3.2.2. Cách thực hiện. 2.3.2.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 2.3.2.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.		
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài: Các kỹ thuật di chuyển: Đơn bước, đa bước và bước nhảy. 3.1. Kỹ thuật di chuyển đơn bước. 3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 3.1.2. Cách thực hiện. 3.1.3. Bước sai và cách sửa chữa. 3.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	- Quan sát sửa sai KT động tác - Phân tích, thị phạm động tác - Làm nhanh - Làm chậm phân tích - Làm tổng hợp - Gọi 1-2 sv lên thực hiện lại động tác GV Phân tích, sửa sai	CELO1,2

Tuầ n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
2	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài: Kỹ thuật phòng thủ: Phải thấp tay, trái thấp tay. 4.1. Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải. 4.1.1. Phân tích kỹ thuật. 4.1.2. Cách thực hiện. 4.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 4.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	- Giới thiệu qui định buổi học, kiểm tra tình hình sức khỏe sv - Khởi động chung - Khởi động chuyên ➤ Phân tích, thị phạm động tác - Làm nhanh - Làm chậm phân tích - Làm tổng hợp	CELO1,2,3
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài: Kỹ thuật giao cầu: Giao cầu thuận tay, giao cầu trái tay. 5.1. Kỹ thuật giao cầu thuận tay. 5.1.1. Phân tích kỹ thuật. 5.1.2. Cách thực hiện. 5.1.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 5.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	- Giới thiệu, điểm danh qui định buổi học, kiểm tra tình hình sức khỏe sv - Hướng dẫn SV ôn tập - phổ biến ND kiểm tra - SV tập trung 4 hàng ngang ngồi hướng vào sân, nghe gọi tên lên KT - X X X X X X X X X X - X X X X X X X X X X - X X X X X X X X X X - X X X X X X X X X X - Gọi từng SV lên kiểm tra và cho điểm	CELO1,2,3
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài 5: Kỹ thuật giao cầu: Giao cầu thuận tay, giao cầu trái tay (tiếp theo). 5.1. Kỹ thuật giao cầu thuận tay (ôn). 5.1.1. Phân tích kỹ thuật. 5.1.2. Cách thực hiện. 5.1.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 5.1.4. Tiến hành tập luyện. 5.2. Kỹ thuật giao cầu trái tay. 5.2.1. Phân tích kỹ thuật. 5.2.2. Cách thực hiện. 5.2.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 5.2.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	- Giới thiệu, điểm danh qui định buổi học, kiểm tra tình hình sức khỏe sv - Quan sát, sửa sai - Gọi 1-2 sv lên thực hiện lại động tác GV Phân tích, sửa sai	CELO1,2,3

Tuần n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
3	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài 6: Kỹ thuật tấn công: Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay (lốp cầu), đập cầu, bỏ nhỏ, chặn cầu. 6.1. Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay (lốp cầu). 6.1.1. Phân tích kỹ thuật. 6.1.2. Cách thực hiện. 6.1.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	➤ Phân tích, thị phạm động tác - Làm nhanh - Làm chậm phân tích - Làm tổng hợp Quan sát sửa lỗi hay mắc phải - Quan sát sửa sai	CELO1,2,3
	Kỹ thuật tấn công: Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay (lốp cầu), đập cầu, bỏ nhỏ, chặn cầu (tiếp theo). 6.1. Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay (ôn). 6.1.1. Phân tích kỹ thuật. 6.1.2. Cách thực hiện. 6.1.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.1.4. Tiến hành tập luyện. 6.2. Kỹ thuật đập cầu thuận tay (ôn). 6.2.1. Phân tích kỹ thuật. 6.2.2. Cách thực hiện. 6.2.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.2.4. Tiến hành tập luyện. 6.3. Kỹ thuật bỏ nhỏ cầu bay gần lưới. 6.3.1. Phân tích kỹ thuật. 6.3.2. Cách thực hiện. 6.3.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.3.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	- Giới thiệu, điểm danh qui định buổi học, kiểm tra tình hình sức khỏe sv - Khởi động chung - Khởi động chuyên ➤ Phân tích, thị phạm động tác - Quan sát sửa sai - trọng tài Gọi 1-2 sv lên thực hiện lại động tác GV Phân tích, sửa sai	CELO1,2,3
	Buổi Kỹ thuật tấn công: Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay (lốp cầu), đập cầu, bỏ nhỏ, chặn cầu (tiếp theo). 6.1. Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay (ôn). 6.1.1. Phân tích kỹ thuật. 6.1.2. Cách thực hiện. 6.1.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa.	- Giới thiệu, điểm danh qui định buổi học, kiểm tra tình hình sức khỏe sv - Khởi động chung - Khởi động chuyên - Thi đấu đơn - Thi đấu đôi - Quan sát và sửa sai - Theo dõi quan sát tính điểm	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	6.1.4. Tiến hành tập luyện. 6.2. Kỹ thuật đập cầu thuận tay (ôn). 6.2.1. Phân tích kỹ thuật. 6.2.2. Cách thực hiện. 6.2.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.2.4. Tiến hành tập luyện. 6.3. Kỹ thuật bỏ nhỏ cầu bay gần lưới (ôn). 6.3.1. Phân tích kỹ thuật. 6.3.2. Cách thực hiện. 6.3.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.3.4. Tiến hành tập luyện. 6.4. Kỹ thuật chặn cầu. 6.4.1. Phân tích kỹ thuật. 6.4.2. Cách thực hiện. 6.4.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.4.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	sai	
4	Phương pháp trọng tài – phương pháp tổ chức thi đấu. 7.1. Phương pháp trọng tài cầu lông. 7.1.1. Thành phần trọng tài của giải. 7.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn các trọng tài. 7.1.2.1. Tổng trọng tài. 7.1.2.2. Trọng tài chính. 7.1.2.3. Trọng tài phát cầu. 7.1.2.4. Trọng tài biên. 7.1.2.5. Trọng tài lật số. 7.1.3. Mẫu biên bản cầu lông. 7.1.4. Cách ghi biên bản Cầu lông. 7.1.4.1 Trước khi bắt đầu trận đấu. 7.1.4.2. Trong thi đấu. 7.1.4.3. Kết thúc ván đấu. 7.1.4.4. Kết thúc trận đấu. ❖ Ôn kỹ thuật lốp cầu (kỹ thuật thi kết thúc HP). ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục.	- Giới thiệu, điểm danh qui định buổi thi, kiểm tra tình hình sức khỏe sv - Khởi động chung - Khởi động chuyên - Hướng dẫn SV ôn tập - Phân tích, thị phạm động tác - Quan sát sửa sai	CELO1,2,3,4

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4

Bài 1	M	M		
Bài 2	M	M		
Bài 3	H	M	M	
Bài 4	M	M	M	
Bài 5	M	H	M	
Bài 6	M	M	H	
Bài 7	M	M	M	
Bài 8	M	M	M	M
Bài 9	M	H	H	M
Bài 10	M	M	M	M

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

- TS. Nguyễn Quang, *Hướng dẫn tập luyện và tổ chức thi đấu cầu lông*, Nhà xuất bản thể dục thể thao, 2006.
- ThS. Nguyễn Xuân Dung, *Giáo trình Cầu lông* Trường ĐH TDTT Tp. HCM, 1998.
- Ủy ban thể dục thể thao, *Luật Cầu lông*, Nhà xuất bản thể dục thể thao, 2004.

7.2. Tài liệu tham khảo:

Ngoài ra sinh viên có thể tham khảo tài liệu qua sách, báo hoặc qua Internet...

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn của giáo viên trong các buổi học để đạt kết quả cao & phòng chống chấn thương.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

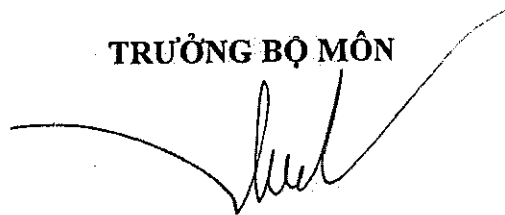
9. Giảng viên giảng dạy môn học:

STT	Giảng viên	Chức danh, học hàm, học vị	Điện thoại, email
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Bộ môn	0917709142

		Thạc sỹ	nvthang@hcmunre.edu.vn
2	Biện Hùng Vỹ	Thạc sỹ	0918271419 bhvy@hcmunre.edu.vn
3	Nguyễn Như Nam	Thạc sỹ, phụ trách học phần	0989990071 nnnam@hcmunre.edu.vn
4	Nguyễn Thế Thắng	Thạc sỹ	0979367343 ntthang@hcmunre.edu.vn
5	Đặng Duy Đồng	Thạc sỹ	0984272016 dddong@hcmunre.edu.vn
6	Nhan Bình Phương	Thạc sỹ	0934056805 nbphuong@hcmunre.edu.vn
7	Bùi Văn Tuấn	Thạc sỹ	0909221271 Bvtuan@hcmunre.edu.vn

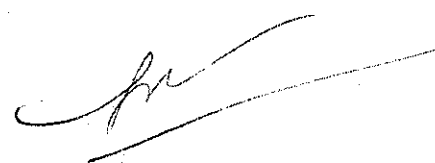
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Văn Thắng

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Nguyễn Như Nam

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Điền Kinh
Trình độ đào tạo: Đại Học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Điền Kinh
Tiếng Việt:	Điền Kinh
Tiếng Anh:	Athletics
Mã số học phần:	200015004
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ I
Loại học phần:	Bắt buộc
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ: 1	1 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết: 6	6 tiết
Số tiết bài tập: 24	24 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	
Số tiết thực tập:	
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	
Điều kiện tham dự học phần:	Sức khỏe tốt, đồng phục theo quy định
Học phần tiên quyết:	Điền Kinh
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	Theo tính chất đặc thù của môn học
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, các kỹ năng và luật thi đấu của môn chạy ngắn và nhảy cao kiểu nằm nghiêng. Tham gia luyện tập có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về thể lực và trí lực, thích hợp cho cả nam và nữ ở các lứa tuổi khác nhau.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) Học phần này trang bị cho sinh viên:	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	- Hiểu sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của môn <i>điền kinh</i> trên thế giới và ở Việt Nam. Nắm vững luật thi đấu và cách thức tổ chức 1 giải đấu.	
CG2	- Nắm được kỹ thuật chạy cự ly ngắn, trung bình, phương pháp sử dụng các bài tập chạy để nâng cao sức bền, sức nhanh, sức mạnh tốc độ.	
CG3	- Vận dụng vào trong thi đấu. - Hiểu được lợi ích khi tập luyện môn <i>điền kinh</i>	
CG4	- Thông qua môn học biết vận dụng vào cuộc sống để rèn luyện sức khỏe và nâng cao ý chí cho sinh viên.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển của môn <i>điền kinh</i> trên thế giới và ở Việt Nam. Nắm vững luật thi đấu và cách thức tổ chức 1 giải đấu.	
CELO2	Nắm vững các bước và thực hành tốt kỹ thuật chạy lao xuất phát (Chạy xuất phát thấp cự ly 100 ^m chạy xuất phát cao cự ly 500 ^m với nữ và 1000 ^m với nam)	
CELO3	Nắm vững các bước và thực hành tốt kỹ thuật chạy xuất phát chạy giữa quãng và chạy về đích	
CELO4	Nắm vững các bước và hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly 100 ^m . 500 ^m với nữ và 1000 ^m với nam.	

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần.

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp thuyết trình

PP2. Phương pháp phân tích thị phạm động tác.

PP3. Phương pháp hoạt động nhóm

PP4. Phương pháp quan sát và sửa sai.

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Tập luyện thêm sau giờ học ;
- Tra cứu thông tin về môn học trên tài liệu và internet

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %, bao gồm: điểm bài thi giữa kỳ + điểm chuyên cần

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: điểm bài thi kết thúc HP + ý thức học tập

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Hướng dẫn thực hiện:

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	Chạy cự ly 100 ^m	Tính thành tích	Điền kinh	1 lần/ 60% học phần	Tính thành tích dựa trên thang điểm	Bấm giờ	
A2. Đánh giá giữa kỳ							

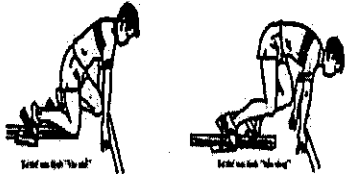
A3. Đánh giá cuối kỳ	Chạy cự ly 500 ^m với nữ và 1000 ^m với nam	Tính thành tích	Điền kinh	1 lần/ 100% học phần	Tính thành tích dựa trên thang điểm	Bấm giờ	

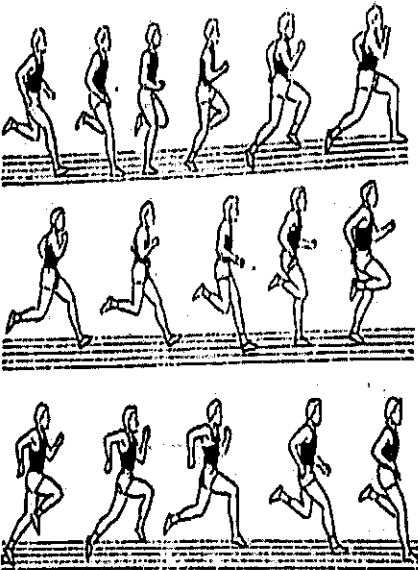
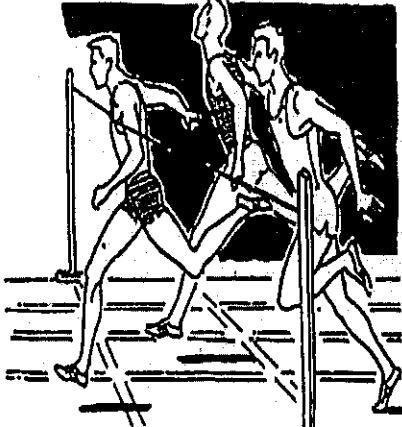
- Thang điểm đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ.

TT	Thang điểm cự ly 100 ^m									
Điểm	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
Nữ	18'40'	18'20	18'60''	19'00	19'20''	19'40	19'60	19'80'	20'00	20'20
Nam	16'00	16'20	16'60''	17'00	17'20''	17'40	17'60	17'80'	18'00	18'20
Thang điểm cự ly 500 ^m đối với nữ và 1000 ^m đối với nam										
Điểm	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
Nữ	1'45''	1'50''	2'00''	2'05''	2'06''	2'08''	2'10''	2'12''	2'14''	2'16''
Nam	3'40''	3'45''	3'55''	4'02''	4'10''	4'15''	4'20''	4'25''	4'30''	4'35''

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	BÀI 1: - Sinh hoạt nội quy môn học... - Lịch sử phát triển môn điền kinh. - Ý nghĩa học môn điền kinh. - Luật thi đấu điền kinh - Các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn. A/ Các nội dung: - Lịch sử hình thành và phát triển - Luật điền kinh - Cách thức tổ chức thi đấu B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tham khảo về môn học qua internet và các tài liệu liên quan. - Tập các bài tập phát triển thể lực.	- Thuyết trình - Tham khảo qua internet - GV thị phạm và phân tích ý nghĩa động tác bổ trợ	CELO1,2
	BÀI 2 - Học kỹ thuật đánh tay và hít thở. - Học kỹ thuật xuất phát thấp,	- Thuyết trình - Phân tích, thị phạm động	CELO1,2

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	chạy lao xuất phát thấp. - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn. A/ Các nội dung: 1. Kỹ thuật đánh tay, xuất phát thấp - Tư thế đứng tại chỗ đánh tay - kỹ thuật xuất phát thấp B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tập xuất phát thấp, đánh tay và các bài tập bổ trợ(thể lực)	tác   3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên thường gặp	
	<u>BÀI 3 :</u> - Ôn kỹ thuật, đánh tay, xuất phát thấp, chạy lao xuất phát. - Học kỹ thuật xuất phát cao, chạy lao xuất phát. Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn. A/ Các nội dung: 1 . Ôn lại kỹ thuật đã học. 2. Học kỹ thuật xuất phát cao, chạy lao xuất phát. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tập xuất phát thấp – cao, đánh tay và các bài tập bổ trợ(thể lực)	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên thường gặp	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
2	BÀI 4 : - Ôn kỹ thuật đã học. - Học kỹ thuật chạy giữa quãng. - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn. A/ Các nội dung: 1. Ôn lại kỹ thuật đã học 2. Kỹ thuật chạy giữa quãng 3. Chạy bền B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tập kỹ thuật chạy giữa quãng. - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên thường gặp 	CELO1,2,3
	BÀI 5 : - Ôn kỹ thuật đã học. - Học kỹ thuật chạy về đích. - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn. A/ Các nội dung: 1. Ôn kỹ thuật đã học 2. Học kỹ thuật chạy về đích. 3. Chạy bền. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tập kỹ thuật chạy về đích - Ôn kỹ thuật đã học	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên thường gặp 	CELO1,2,3
	BÀI 6 : - Ôn các kỹ thuật xuất phát	1. Thuyết trình	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	thấp và chạy lao xuất phát. - Kiểm tra - Kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao xuất phát, A/ Các nội dung: 1. Ôn lại kỹ thuật đã học 2. Kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao xuất phát B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn	2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Giảng viên quan sát từng sinh viên cho điểm	
3	<u>BÀI 7:</u> - Ôn tất cả các nội dung đã học. - Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly 100^m. - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn. A/ Các nội dung: 1. Ôn lại kỹ thuật đã học 2. hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly 100^m. 3. Chạy bền. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên thường gặp	CELO1,2,3
	<u>BÀI 8:</u> - Ôn tất cả các nội dung đã học. - Hoàn thiện kỹ thuật đã học chạy cự ly 100^m. - Thi đấu tập. - Trò chơi cò cò tiếp sức. A/ Các nội dung: 1. Ôn kỹ thuật đã học 2. Thi đấu tập. 3. Chạy bền. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác sinh viên thường sai khi tập 3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên thường gặp. 4. Tổ chức thi đấu tập, GV quan sát và hướng dẫn sinh viên.	CELO1,2,3,4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	BÀI 9 : - Hoàn thiện kỹ thuật đã học chạy cự ly 100^m. và 500^m - Trò chơi ai nhanh hơn (cướp cờ) A/ Các nội dung: 1 . Hoàn thiện kỹ thuật đã học chạy cự ly 100^m, 500^m và 1500^m - Tạo sự tự tin và hưng phấn cho SV thi kết thúc môn B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tập hoàn thiện tất cả các nội dung đã học - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên thường gặp	CELO1,2,3,4
4	BÀI 10 : Ôn tập + Thi kết thúc học phần A/ Các nội dung: 1 . Ôn lại nội dung thi kết thúc HP 2 . Thi kết thúc học phần - Phổ biến cách thức, điều kiện được tham gia Thi kết thúc HP. - Sinh viên thực hành Thi chạy cự ly 1500^m đối với nam, 500^m với nữ B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sau khi học xong nội dung điền kinh sinh viên có thể tập chạy hàng ngày để duy trì sức khỏe tạo điều kiện cho học tập và công việc hàng ngày được tốt hơn.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Hướng dẫn SV ôn tập 4. giáo viên bấm giờ ghi thành tích cho điểm	CELO1,2,3,4

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Bài 1	M	M		
Bài 2	M	M		

Bài 3	H	M	M	
Bài 4	M	M	M	
Bài 5	M	H	M	
Bài 6	M	M	H	
Bài 7	M	M	M	
Bài 8	M	M	M	
Bài 9	M	H	H	M
Bài 10	M	M	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Tổng cục TĐTT, Luật Điện kinh, Nhà xuất bản TĐTT, Hà Nội, 2004.

2. Trường Đại học TĐTT 1, Giáo trình Điện Kinh, NXB TĐTT, Hà Nội, 2000

7.2. Tài liệu tham khảo:

Internet và các cuộc thi về điện kinh

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

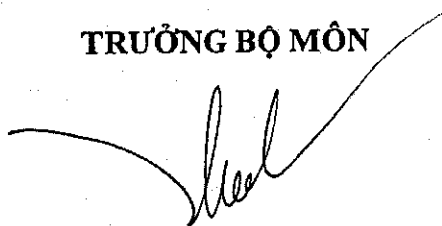
9. Giảng viên giảng dạy môn học:

STT	Giảng viên	Chức danh, học hàm, học vị	Điện thoại, email
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Bộ môn Thạc sỹ	0917709142 nvthang@hcmunre.edu.vn

2	Biện Hùng Vỹ	Thạc sỹ	0918271419 bhvy@hcmunre.edu.vn
3	Nguyễn Như Nam	Thạc sỹ	0989990071 nnnam@hcmunre.edu.vn
4	Nguyễn Thế Thắng	Thạc sỹ	0979367343 ntthang@hcmunre.edu.vn
5	Đặng Duy Đồng	Thạc sỹ	0984272016 dddong@hcmunre.edu.vn
6	Nhan Bình Phương	Thạc sỹ	0934056805 nbphuong@hcmunre.edu.vn
7	Bùi Văn Tuấn	Thạc sỹ, phụ trách học phần	0909221271 Bvtuan@hcmunre.edu.vn

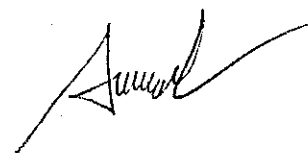
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Văn Thắng

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Bùi Văn Tuấn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Thể dục
Trình độ đào tạo: Đại Học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Thể dục
Tiếng Việt:	Bài thể dục tay không liên hoàn 72 động tác
Tiếng Anh:	Non-continuous hand exercise 72 movements
Mã số học phần:	200015005
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ I
Loại học phần:	Bắt buộc
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn thể dục	
Số tín chỉ:	01 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	06 tiết
Số tiết thực hành:	24 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	
Số tiết thực tập:	
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	
Kiểm tra:	tiết
Thời gian tự học:	
Điều kiện tham dự học phần:	Sức khỏe tốt, đồng phục theo quy định
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần Thể dục nằm trong chương trình chung của môn học Giáo dục thể chất của trường, gồm bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác, nhằm hình thành cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn học để vận dụng trong học tập và cuộc sống, góp phần cho sinh viên phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn kiến thức chuyên môn.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) Học phần này trang bị cho sinh viên:	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Nắm được cấu trúc của bài tập thể dục	
CG2	Biết cách thực hiện các bài tập thể dục	
CG3	Thực hiện đúng 72 động tác của bài tập thể dục	
CG4	Biết vận dụng các động tác thể dục vào cuộc sống hàng ngày	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu được cấu trúc bài tập thể dục	
CELO2	Thực hiện tốt các bài tập thể dục	
CELO3	Ứng dụng 72 động tác vào cuộc sống hàng ngày	
CELO4	Ý thức tự rèn luyện sức khỏe và nâng cao ý chí, tác phong làm việc cho sinh viên	

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần.

5.1. Phương pháp giảng dạy

PP1. Phương pháp thuyết trình

PP2. Phương pháp thị phạm và phân tích

PP3. Phương pháp phòng ngừa và sửa sai động tác

PP4. Phương pháp hoạt động nhóm

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp
- Tra cứu thông tin về môn học trên báo chí, internet.....
- Làm việc nhóm
- Tập luyện thêm sau giờ học.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %, bao gồm: Điểm bài thi giữa kỳ

+ Hình thức đánh giá: Thực hành

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Điểm bài thi kết thúc HP

+ Hình thức thi: Thực hành

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Hướng dẫn thực hiện:

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	Thái độ học tập	Phẩm chất. kỹ năng	CELO8	Theo dõi thường xuyên trong suốt quá trình học.	Tích cực, sáng tạo	PP quan sát	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	Thực hành kỹ thuật		1lần/ Buổi thứ 6 của HP	Thực hiện đúng	PP quan sát, phân tích	20%

					nguyên lý kỹ thuật		
A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi kết thúc	Kiến thức, kỹ năng		11 lần/ Buổi thứ 11 của HP	Thực hiện đúng kỹ thuật, số lần theo quy định	PP quan sát, phân tích	70%

*** Bảng kết quả thi:**

+ Nam:

STT	Nội dung	Yêu cầu	Kết quả (Số động tác thực hiện được)	Điểm	Ghi chú
1	Thực hiện bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác	Động tác dứt khoát, biên độ rõ ràng, hô to đúng nhịp	Dưới 20	Không đạt	
			Từ 0 - 20	5đ	
			Từ 0 - 30	6đ	
			Từ 0 - 40	7đ	
			Từ 0 - 50	8đ	
			Từ 0 - 60	9đ	
			Đủ 72	10đ	

+ Nữ:

STT	Nội dung	Yêu cầu	Kết quả (Số động tác thực hiện được)	Điểm	Ghi chú
1	Thực hiện bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác	Động tác dứt khoát, biên độ rõ ràng, hô to đúng nhịp	Dưới 22	Không đạt	
			Từ 0 - 22	5đ	
			Từ 0 - 32	6đ	
			Từ 0 - 42	7đ	
			Từ 0 - 52	8đ	
			Từ 0 - 62	9đ	
			Đủ 72	10đ	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần

<u>Buổi 1:</u> - Sinh hoạt nội quy - Lịch sử phát triển môn học - Ý nghĩa môn học đối với sức khỏe - Các bài tập bổ trợ phát triển thể lực.	- Thuyết giảng - Thị phạm động tác - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1
<u>Buổi 2:</u> - Quan sát và thực hiện các bài tập bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác.	- Thuyết giảng - Thị phạm động tác - Học từ động tác 1 - 15 - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2
<u>Buổi 3 :</u> - Quan sát và thực hiện các bài tập bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác. - Đội hình, đội ngũ, cách biến đổi đội hình	- Thuyết giảng, sửa sai động tác - Thị phạm động tác - Học từ động tác 16 - 30 - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3
<u>Buổi 4 :</u> - Quan sát và thực hiện các bài tập bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác. - Hướng dẫn biên soạn các bài tập	- Thuyết giảng, sửa sai động tác - Thị phạm động tác - Học từ động tác 31 - 45 - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3
<u>Buổi 5 :</u> - Quan sát và thực hiện các bài tập bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác. - Ôn tập, chỉnh sửa động tác	- Thuyết giảng, sửa sai động tác - Thị phạm động tác - Học từ động tác 46 - 60 - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3

	Buổi 6 : - Quan sát và thực hiện các bài tập bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác. - Ôn tập, chỉnh sửa động tác	- Thuyết giảng, sửa sai động tác - Thị phạm động tác - Học từ động tác 60 - 72 - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3
	Buổi 7 : - Nhận xét đánh giá sơ bộ bài tập 72 động tác - Ôn tập 72 động tác	- Thuyết giảng, sửa sai các động tác - Thị phạm động tác - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3
	Buổi 8 : - Tổ chức thi quá trình	- Lớp tập trung ngồi ngay ngắn - Gọi tên từng sinh viên bước lên thực hiện các động tác	CELO1,2,3
	Buổi 9 : Chỉnh sửa hoàn thiện các động tác	- Thuyết giảng - Thị phạm động tác - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3,4
	Buổi 10 : Ôn tập hoàn thiện từ động tác 1-72	- Thuyết giảng - Thị phạm động tác - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3,4

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Bài 1	M	M		
Bài 2	M	M		
Bài 3	H	M	M	

Bài 4	M	M	M	
Bài 5	M	H	M	
Bài 6	M	M	H	
Bài 7	M	M	M	
Bài 8	M	M	M	
Bài 9	M	H	H	M
Bài 10	M	M	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập:

7.1. Tài liệu chính:

7.2. Tài liệu tham khảo:

- Giáo dục thể chất dành cho học sinh – Bộ GDĐT–NXB. Giáo Dục Việt Nam, 2018
- Internet và các tài liệu liên quan khác

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

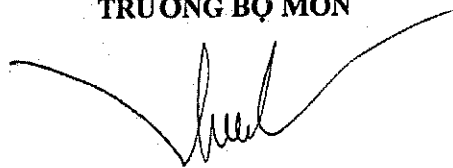
Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

9. Giảng viên giảng dạy môn học:

STT	Giảng viên	Chức danh, học hàm, học vị	Điện thoại, email
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Bộ môn Thạc sỹ	0917709142 nvthang@hcmunre.edu.vn
2	Biện Hùng Vỹ	Thạc sỹ	0918271419 bhvy@hcmunre.edu.vn
3	Nguyễn Như Nam	Thạc sỹ	0989990071 nnnam@hcmunre.edu.vn
4	Nguyễn Thế Thắng	Thạc sỹ, phụ trách học phần	0979367343 ntthang@hcmunre.edu.vn
5	Đặng Duy Đồng	Thạc sỹ	0984272016 dddong@hcmunre.edu.vn
6	Nhan Bình Phương	Thạc sỹ, phụ trách học phần	0934056805 nbphuong@hcmunre.edu.vn
7	Bùi Văn Tuấn	Thạc sỹ	0909221271 Bvtuan@hcmunre.edu.vn

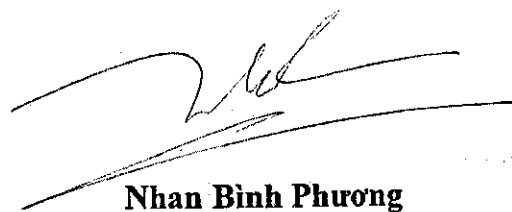
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Văn Thắng

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Nhan Bình Phương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI**
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI /
Tiếng Việt:	MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI /
Tiếng Anh:	HUMAN AND THE ENVIRONMENT /
Mã số học phần:	140115002 /
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 1 /
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	2 tín chỉ /
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết /
Số tiết lý thuyết:	30 tiết /
Số tiết bài tập:	... tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	01 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Môi trường - Bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về môi trường, tài nguyên, sinh thái, sự phát triển của con người và mối quan hệ mật thiết tác động qua lại giữa con người với môi trường.

Môn học cũng cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản để sinh viên có thể cùng chung tay bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức nền tảng về môi trường và các vấn đề liên quan, tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4
CG2	Kiến thức cơ bản về con người, sự phát triển của con người gắn liền với tác động vào môi trường, các tác động ngược trở lại của môi trường đối với con người	ELO1, ELO2, ELO4, ELO6, ELO8, ELO11
CG3	Các thông tin về nghĩa vụ pháp lý, tình nguyện và vai trò trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, cộng đồng đối với việc bảo vệ môi trường và tài nguyên	ELO2, ELO3, ELO4, ELO6, ELO7, ELO12
CG4	Kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập; kỹ năng giao tiếp; tra cứu, tìm hiểu phân tích và tổng hợp thông tin, trình bày và thảo luận các vấn đề về môi trường.	ELO1, ELO2, ELO6, ELO8, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Có kiến thức cơ bản về môi trường, tài nguyên, sinh thái, dân số, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và một số văn bản pháp luật liên quan.	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4, ELO9, ELO11
CELO2	Tổng quan được hiện trạng tài nguyên, môi trường. Giải thích được nguyên nhân chính gây nên các vấn đề môi trường hiện nay.	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4, ELO6, ELO11

CELO3	Đề xuất được các giải pháp, các công cụ quản lý môi trường cơ bản cho các vấn đề môi trường, cách thức để phát triển bền vững, tăng trưởng xanh.	ELO2, ELO4 ELO6, ELO7, ELO11, ELO12
CELO4	Nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường để có thể thay đổi tư duy và hành động của bản thân, lan toả cộng đồng theo hướng thân thiện với môi trường.	ELO2, ELO6, ELO7, ELO8, ELO11, ELO12
CELO5	Thực hiện hiệu quả phương pháp làm việc độc lập và theo nhóm; nâng cao kỹ năng giao tiếp; rèn luyện ý thức tự học tập; tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ; nâng cao hiểu biết về trách nhiệm cộng đồng.	ELO6, ELO7, ELO8, ELO10, ELO11, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
CELO1	H	H	M	M	-	-	-	-	M	-	M	-
CELO2	M	H	M	H	-	M	-	-	-	-	M	-
CELO3	-	M	-	H	-	H	H	-	-	-	H	M
CELO4	-	M	-	-	-	H	H	H	-	-	H	H
CELO5	-	-	-	-	-	H	M	H	-	M	H	H

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

(1). Phương pháp thuyết trình (Lecturing)	☒
(2). Phương pháp động não (Brainstorming)	☒
(3). Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think-pair-share)	
(4). Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning)	☒
(5). Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)	☒
(6). Phương pháp đóng vai (Role playing)	
(7). Phương pháp học dựa vào dự án (Project based learning)	☒
(8). Phương pháp mô phỏng (Simualtion)	

(9). Nghiên cứu tình huống (Case studies)

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin trên internet;
- Làm việc nhóm;
- Thuyết trình, tương tác với GV và các bạn học

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40%

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELOx) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	Chuyên cần và hoạt động trong lớp	Phẩm chất	CELO5	Trong suốt quá trình học	Tham dự lớp học đầy đủ, tích cực tham gia các hoạt động trong lớp	Quan sát	5%
	Bài viết tự luận 20 phút	Kiến thức Kỹ năng Năng lực	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	1 lần trong 20 phút	Có nhận thức sâu sắc và quyết tâm cao về việc bảo vệ môi trường,	Viết	10%

					phòng chống ô nhiễm.		
	Thuyết trình, bài tập nhóm	Kiến thức Kỹ năng Phẩm chất Năng lực	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	Thuyết trình nhóm tuần 6,7,8	- Trình bày logic, rõ ràng, sinh động - Nội dung đầy đủ, chính xác, khoa học - Trả lời câu hỏi đúng	Quan sát Phòng vấn	15%
A2. Đánh giá cuối kỳ	Trắc nghiệm	Kiến thức Kỹ năng Phẩm chất Năng lực	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	1 lần trong 60 phút	Đúng đáp án	Viết	60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	GIỚI THIỆU MÔN HỌC - Giới thiệu mục tiêu và chuẩn đầu ra môn học - Giới thiệu nội dung, ĐCCT, phương pháp học - Giới thiệu các yêu cầu bài tập cá nhân, nhóm và các cách đánh giá kết quả học tập, rubric của môn học - Giới thiệu tầm quan trọng, ý nghĩa, ứng dụng của môn học trong lĩnh vực môi trường.	Thuyết trình	
1	CHƯƠNG 1: CON NGƯỜI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CON NGƯỜI (3 tiết) A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1. Quá trình phát triển của loài người và các yếu tố ảnh hưởng 1.2. Tác động của con người đến môi trường qua từng giai đoạn phát triển 1.3. Dân số và các vấn đề dân số	Thuyết trình động não Suy nghĩ Dựa trên vấn đề Ng/cứu tình huống	CELO1 CELO2 CELO4

	1.4. Các nhu cầu cơ bản của con người: lương thực, năng lượng		
	B/ Các nội dung cần tự tìm hiểu thêm: - Sự tiến hóa của loài người - Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tiến hoá của loài người - Vai trò của dinh dưỡng đến sức khỏe và sự phát triển của con người. yêu cầu thiết kế bữa ăn đủ nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng khác nhau - Các hình thái kinh tế mà loài người đã trải qua, tương ứng với mức độ ảnh hưởng tới môi trường. - Hiện trạng và sự tăng trưởng dân số của Việt Nam và thế giới - Ảnh hưởng của sự tăng dân số quá mức - Các loại lương thực chủ yếu và nhu cầu lương thực của các quốc gia trên thế giới - Các nguồn năng lượng chủ yếu, nhu cầu & khả năng cung cấp năng lượng của các quốc gia trên thế giới - Hậu quả khi thiếu hụt năng lượng, lương thực	SV tự tìm kiếm, tham khảo, tổng hợp các tài liệu cần thiết.	
2	CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN	Thuyết trình động não Suy nghĩ Dựa trên vấn đề Ng/cứu tình huống	CELO1 CELO2 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Tổng quan về môi trường 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Phân loại 2.1.3. Chức năng 2.1.4. Thành phần 2.2. Một số khái niệm liên quan 2.2.1. Ô nhiễm môi trường 2.2.2. Sự cố môi trường 2.2.3. Suy thoái môi trường 2.2.4. Khủng hoảng môi trường 2.2.5. Đạo đức môi trường		
	B/ Các nội dung cần tự tìm hiểu thêm: Các thông tin cơ bản về môi trường khí quyển, thủy quyển, địa quyển, sinh quyển	SV tự tìm kiếm, tham khảo, tổng hợp các tài liệu cần thiết.	

	- Hiện trạng ô nhiễm môi trường hiện nay tại Việt Nam và thế giới - Các sự cố môi trường nghiêm trọng đã xảy ra tại Việt Nam và thế giới? - Các cuộc khủng hoảng môi trường mà thế giới đang phải đối mặt - Như thế nào là ‘đạo đức môi trường’. Viết bài luận về chủ đề ‘đạo đức môi trường’		
3	CHƯƠNG 3: SINH THÁI MÔI TRƯỜNG (3 tiết)	Thuyết trình động não Suy nghĩ Dựa trên vấn đề Ng/cứu tình huống	CELO1 CELO2 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Hệ sinh thái 3.2. Các chu trình sinh-địa-hóa 3.3. Dấu chân sinh thái 3.4. Sức tải sinh học		
	B/ Các nội dung cần tự tìm hiểu thêm: - Củng cố lại các kiến thức có liên quan đến hệ sinh thái, quần thể, quần xã, dòng năng lượng trong hệ sinh thái.. - Vòng tuần hoàn của nước, cacbon, nitơ, photpho,... phân biệt chu trình hoàn hảo và chu trình không hoàn hảo. hoạt động của con người ảnh hưởng vào các chu trình này như thế nào? - Phân biệt dấu chân sinh thái và sức tải sinh học. Phân tích được dấu chân sinh thái cho một đối tượng nào đấy	SV tự tìm kiếm, tham khảo, tổng hợp các tài liệu cần thiết.	
4,5	CHƯƠNG 4: TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN (6 tiết)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Giới thiệu chung về tài nguyên thiên nhiên 3.2. Tài nguyên sinh học 3.3. Tài nguyên khí hậu 3.4. Tài nguyên nước 3.5. Tài nguyên đất 3.6. Tài nguyên rừng 3.7. Tài nguyên khoáng sản 3.8. Tài nguyên năng lượng	Thuyết trình động não Suy nghĩ Dựa trên vấn đề Ng/cứu tình huống	CELO1 CELO2 CELO4

	B/ Các nội dung cần tự tìm hiểu thêm: - Các loại tài nguyên thiên nhiên chủ yếu ở Việt Nam & trên thế giới. Hiện trạng và nhu cầu?	SV tự tìm kiếm, tham khảo, tổng hợp các tài liệu cần thiết.	
	CHƯƠNG 5: SỰ TƯƠNG TÁC GIỮA CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG (6 tiết)		
6,7,8	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Tác động của con người đến môi trường 5.1.1. Tác động của con người đến sinh vật 5.1.2. Tác động của con người đến tài nguyên đất 5.1.3. Tác động của con người đến tài nguyên nước 5.1.4. Tác động của con người đến địa hình 5.1.5. Tác động của con người đến các hệ sinh thái đặc biệt 5.2 Tác động của môi trường đến sức khoẻ con người 5.2.1. Ảnh hưởng của ô nhiễm nước 5.2.2. Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí 5.2.3. Ảnh hưởng của ô nhiễm đất 5.2.4. Tác động của thiên tai đến con người 5.3. Tác động của ô nhiễm môi trường đến hệ sinh thái 5.4. Tác động của ô nhiễm môi trường đến kinh tế - xã hội 5.4.1. Gánh nặng bệnh tật 5.4.2 Ảnh hưởng đến thủy sản, nông nghiệp 5.4.3. Thiệt hại đối với hoạt động du lịch 5.4.4. Phát sinh xung đột môi trường	Thuyết trình động não Suy nghĩ Dựa trên vấn đề Ng/cứu tình huống Hoạt động nhóm Thực tế xem video	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự tìm hiểu thêm: 1.Vai trò của thực vật, Tác động của con người đến lớp phủ thực vật 2.Vai trò của động vật, Tác động của con người đến động vật 3.Vai trò của đất đai, Tác động của con người đến tài nguyên đất? Ảnh hưởng của ô nhiễm đất? 4.Vai trò của nước, Tác động của con người đến tài nguyên nước? Ảnh hưởng của ô nhiễm nước?	SV làm việc nhóm, tự tìm kiếm, tổng hợp tài liệu. chuẩn bị bài báo cáo thuyết trình Các nhóm thuyết trình theo các chủ	

	5. Vai trò của không khí, Tác động của con người đến khí quyển? Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí? 6. Các dạng địa hình, Tác động của con người đến địa hình và các hệ sinh thái đặc biệt (vùng duyên hải, vùng băng cực, vùng khô hạn) 7. Tác động của ô nhiễm môi trường đến hoạt động kinh tế - xã hội 8. Các giải pháp phòng chống ô nhiễm môi trường đất, nước, khí 9. Thiên tai, dịch họa? Tác động của thiên tai, dịch họa đến con người. 10. Hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam	đề đã bốc thăm từ tuần 1	
	Chương 6: CON NGƯỜI VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN (3 tiết)		
9	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Các thỏa thuận tình nguyện trong BVMT - Trở thành người tiêu dùng xanh - Mua sản phẩm có nhãn sinh thái - Thực hiện 7R - Sử dụng năng lượng tái tạo - Tham gia các công ước quốc tế - Tham gia các hoạt động tình nguyện - Thiết lập hệ thống quản lý môi trường EMS, ISO 4.2. Nghĩa vụ pháp lý về BVMT 4.2.1. Luật Bảo vệ Môi trường và quy định pháp lý - Giới thiệu Luật BVMT 2020 - Quy hoạch bảo vệ môi trường - Đánh giá môi trường chiến lược - Đánh giá tác động môi trường - Kế hoạch bảo vệ môi trường - Bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên - Bảo vệ môi trường nước, đất và không khí - Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ - Bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư	Thuyết trình động não Suy nghĩ Dựa trên vấn đề Ng/cứu tình huống Hoạt động nhóm Thực tế xem video	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

	- Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường - Quan trắc môi trường - Chỉ số chất lượng môi trường AQI, WQI 4.2.2. Phí và lệ phí môi trường 4.2.3. Xử phạt hành chính và dân sự		
	B/ Các nội dung cần tự tìm hiểu thêm - 7R (Rethink, Refuse, Reduce, Reuse, Repurpose, Recycle, Rot) - Luật bảo vệ môi trường và các VBPL liên quan (tự cập nhật bản mới nhất) theo liên kết: http://vanban.monre.gov.vn/, http://vbpl.vn/ - Các công ước quốc tế về tài nguyên môi trường - Phân biệt và tìm hiểu về QCVN, TCVN - Các loại thuế, phí, lệ phí môi trường và xử lý vi phạm. (Nghị định 155/2016/NĐ-CP) - Hệ thống quản lý môi trường ISO 14000 - Hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên tại Việt Nam? - Các ví dụ mô hình quản lý môi trường dựa vào cộng đồng	SV tự tìm kiếm, tham khảo, tổng hợp các tài liệu cần thiết.	
10	CHƯƠNG 7: TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (3 tiết)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Phát triển bền vững 5.2. Tăng trưởng xanh	Thuyết trình động não Suy nghĩ	CELO1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Phân biệt phát triển bền vững, phát triển không bền vững - Phân biệt tăng trưởng xanh & không xanh - Hiện trạng phát triển bền vững tại Việt Nam - Tìm hiểu phát triển kinh tế xanh tại các nước phát triển (Mỹ, Hàn,...) - Các khó khăn, thách thức của Việt Nam khi theo hướng tăng trưởng xanh.	SV tự tìm kiếm, tham khảo, tổng hợp các tài liệu cần thiết.	CELO4

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO 1	CELO 2	CELO 3	CELO 4	CELO 5
Chương 1: Con người và sự phát triển của con người	H	H	-	H	-
Chương 2: Tổng quan về môi trường và các khái niệm cơ bản	H	H		H	-
Chương 3: Sinh thái môi trường	H	H	-	H	-
Chương 4: Tài nguyên thiên nhiên	H	H	-	H	-
Chương 5: Sự tương tác giữa con người và môi trường	M	H	M	H	H
Chương 6: Con người với bảo vệ môi trường và tài nguyên	M	H	H	H	M
Chương 7: Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững	H	M	M	H	-

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

bổ sung 7.1 Tài liệu chính

1. Giáo trình nội bộ - Bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường biên soạn
2. Lâm Minh Triết, Huỳnh Thị Minh Hằng, *Con người và môi trường*, nxb ĐHQG TP.HCM, 2008.
3. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan, *Giáo trình môi trường và con người*, nxbGD, 2010.
4. Lê Văn Khoa, *Giáo trình môi trường và con người*, NXB GiáoDục, 2013

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lưu Đức Hải, *Cơ sở khoa học môi trường*, NXB ĐHQG HN, 2001.
2. Lê Thanh Mai, *Môi trường và con người*, NXB ĐHQG Tp. HCM, 2009.
3. Goudie, A., *The Human Impact on the Natural Environment*, Oxford: Wiley-Blackwell, 2013.
4. PGS.TS Lê Văn Thăng, *Giáo trình Khoa học môi trường đại cương*, ĐH KH Huế, 2009.
5. Bộ TNMT, *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2020*, NXB Dân Trí
5. Internet

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học.

Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8.4. Quy định về tự học

Ngoài thời gian tham gia lớp học, sinh viên cần phải dành thời gian tự học và nghiên cứu thêm, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm theo yêu cầu môn học.

Thời gian tự học dành cho môn học tối thiểu 60 tiết.

8.5. Quy định phản hồi thông tin

Sinh viên tham gia phản hồi ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên về môn học và chất lượng đào tạo của khoa theo đường link sau đây vào cuối kỳ.

<https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScwei1Az3E-s1pLTDfwqjAshALX4Vz5b61jcCmYgHG-Aul48w/viewform>

9. Giảng viên giảng dạy môn học: GV Khoa Môi trường

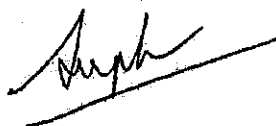
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Lữ Phương

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Phạm Thị Thanh Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Kinh tế biến đổi khí hậu

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	KINH TẾ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU /
Tiếng Việt:	Kinh tế Biến đổi khí hậu /
Tiếng Anh:	Climate Change Economy /
Mã số học phần:	180215041 /
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 1 /
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ /
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết /
Số tiết lý thuyết:	20 tiết /
Số tiết bài tập:	10 tiết /
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về các quy luật khí hậu, khí tượng, thủy văn, những đặc tính vật lý và diễn biến của hiện tượng biến đổi khí hậu sự ảnh hưởng đến cuộc sống của con người và kinh tế- Xã hội, đánh giá các nguy cơ tổn thất về mặt kinh tế do BĐKH và chi phí đầu tư cần thiết để phòng tránh, đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro do những tác động của biến đổi khí hậu gây ra ở quy mô cộng đồng, lãnh thổ và quốc gia, giúp những nhà làm chính sách, quản lý BĐKH có cơ sở khi ra quyết định về việc đầu tư chi phí phòng tránh thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu trong hiện tại, và đây cũng là một sự đầu tư phòng ngừa và giảm thiểu các thiệt hại về nhân mạng, kinh tế và xã hội trong tương lai.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức cơ bản về các quy luật khí hậu, khí tượng học, diễn biến tác động của BĐKH	ELO1, ELO2, ELO5, ELO9
CG2	Vận dụng kiến thức môn học để đánh giá các tác động BĐKH, các nguy cơ tổn thất về mặt kinh tế do biến đổi khí hậu và chi phí đầu tư cần thiết để phòng tránh, giảm thiểu các rủi ro do những thay đổi của khí hậu gây ra ở quy mô cộng đồng, lãnh thổ và quốc gia.	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO10
CG3	Phân tích và đưa ra hướng giải quyết cho các vấn đề về việc đầu tư chi phí phòng tránh thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu trong hiện tại, và đây cũng là một sự đầu tư phòng ngừa và giảm thiểu các thiệt hại về nhân mạng, kinh tế và xã hội trong tương lai.	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO10
CG4	Hình thành ý thức kinh tế, pháp luật về BVMT và BĐKH; kỹ năng tư duy hệ thống.	ELO2, ELO5, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Diễn giải được các quy luật khí hậu, khí tượng học, diễn biến thay đổi và tác động của BĐKH tới con người và các ngành kinh tế.	ELO1, ELO2, ELO5, ELO9
CELO2	Trình bày, xác định được tổn thất về mặt kinh tế do biến đổi khí hậu và chi phí đầu tư cần thiết để phòng tránh, giảm thiểu các rủi ro do những thay đổi của khí hậu gây ra ở quy mô cộng đồng, lãnh thổ và quốc gia.	ELO1, ELO2, ELO5, ELO9
CELO3	Vận dụng được các văn bản pháp luật, chính sách về BVMT&NTN vào từng vấn đề nhằm bảo vệ TN&MT và BĐKH phát sinh trong thực tiễn	ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO10
CELO4	Phân tích và đưa ra cách giải quyết vấn đề cho lĩnh vực BĐKH-NBD nhằm bảo vệ tài nguyên & Môi trường	ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO10

CELO5	Hình thành tư duy chính trị, ý thức pháp luật BVTN&MT trong điều kiện BDKH-NBD, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả và soạn thảo được một số văn bản áp dụng pháp luật.	ELO1, ELO2, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	M	M	-	-	M	H	-	-	-	-	-	H	H
CELO2	M	M	-	-	H	M	-	-	-	-	H	H	-
CELO3	-	M	M	M	H	H	M	-	-	-	H	H	-
CELO4	-	M	M	M	H	H	M	-	-	-	-	-	-
CELO5	L	M	-	-	-	M	M	H	H	-	-	-	-

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- *Phương pháp giảng dạy:* Phương pháp thuyết trình; phương pháp động não; phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; phương pháp học dựa trên vấn đề; phương pháp hoạt động nhóm; nghiên cứu tình huống.

- *Phương pháp học tập:* Nghe giảng trên lớp; đọc và làm bài trước các buổi giảng; tra cứu thông tin về ngành theo tài liệu học tập và trên internet; làm việc nhóm.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, là trung bình cộng của điểm chuyên cần, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm và kiểm tra giữa kì. Điểm chuyên cần: vắng 01 buổi trừ 2 điểm, vắng 02 buổi trừ 4 điểm, vắng 03 buổi trừ 6 điểm và vắng 04 buổi trở lên 0 điểm và không được thi cuối kỳ.

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi:

K

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá/thời gian [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Tham dự lớp học	Phẩm chất	CELO5	Nghỉ > 20% thời gian học không được thi		PP quan sát: Điểm danh theo buổi	30%
	A1.2 Thảo luận nhóm	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	01 lần/buổi	Tích cực, sôi động và trình bày logic	PP quan sát	
	A1.3 Báo cáo chuyên đề theo nhóm	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất	CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	01 lần/báo cáo nhóm	Trình bày rõ ràng, ND logic, phức tạp đạt yêu cầu	PP phỏng vấn (40% th.trình, 30% ND và 30% hỏi đáp)	
	A1.4 Bài kiểm tra giữa kỳ	Kiến thức/kỹ năng/phẩm chất	CELO1, CELO2, CELO5	01 lần/Giữa kì	Trắc nghiệm 20 câu/10 điểm, đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết: trắc nghiệm	
A2. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kì	Kiến thức	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	01 lần/Cuối kì	Trắc nghiệm (20 câu, 5 điểm) + tự luận (3 câu, 5 điểm)	PP viết: tr.nghiệm và tự luận	70%

Ghi chú: Điểm đánh giá quá trình $A1 = (A1.1 + A1.2 + A1.3 + A1.4) / 4$

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của HP
1	Giới thiệu về Đề cương học phần và Khung đánh giá kết quả học tập của SV.	- Thuyết giảng - Chia nhóm: 4-6 nhóm, và ngồi theo sơ đồ nhóm	

1(tt)	Chương 1- GIỚI THIỆU VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU A/ Các nội dung chính trên lớp (2 tiết) 1.1. Biến đổi khí hậu toàn cầu 1.2. Biến đổi khí hậu ở khu vực đông nam và Việt Nam	- Thuyết giảng - Động não, hoạt động nhóm xem có hiệu quả không? - Thảo luận nhóm về BĐKH (các hiện tượng, nguyên nhân)	CELO1, CELO2, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (4 tiết) - Hiểu được các quy luật khí hậu, khí tượng, thủy văn, những đặc tính vật lý. - Tìm hiểu về tác nhân gây ra BĐKH trong việc phân tích vấn đề để tìm nguyên nhân	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan - Xem video về BĐKH của 1 số quốc gia liên quan	CELO1, CELO2, CELO5
2	A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 1.3. Sự liên kết giữa khí nhà kính và nhiệt độ và những đặc tính vật lý. 1.4. Diễn biến của hiện tượng biến đổi khí hậu	- Thuyết giảng - Thảo luận tại lớp: Văn bản QPPL và ADPL (PP động não, SN-TC-CS) Mỗi nhóm đã chia chuẩn bị mỗi chủ đề theo nội dung chương 2 và 3	CELO1, CELO2, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (6 tiết) - Tìm hiểu về hiện tượng hiệu ứng nhà kính, nguyên nhân - Diễn biến của hiện tượng biến đổi khí hậu sự ảnh hưởng đến cuộc sống của con người và kinh tế- Xã hội.-	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO4, CELO5
3	Chương 2- KINH TẾ, ĐẠO ĐỨC VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 2.1. Thất bại thị trường, dẫn đến biến đổi khí hậu 2.2. Đạo đức, phúc lợi và chính sách kinh tế 2.3. Những tác động ngắn hạn, dài hạn	- Thuyết giảng - Thảo luận tại lớp: SV đưa ra vấn đề bất kỳ cần khắc phục, giảng viên hướng dẫn cách phân tích Vấn đề để tìm kiếm nguyên nhân và đưa ra hướng khắc phục vấn đề (PP động não, SN-TC-	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5

	của biến đổi khí hậu: đánh giá theo thời gian và chiết khấu	CS, PP học dựa vào vấn đề và PP thuyết trình)	
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (6 tiết) - Tìm hiểu nguyên nhân, dẫn đến biến đổi khí hậu - Những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu là toàn cầu, của Việt Nam, liên thời gian và bất công bằng cao. Tính bất công bằng của biến đổi khí hậu	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan - Xem video về BĐKH của 1 số quốc gia liên quan	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 2.4. Rủi ro và bất định 2.5. Những quyết định chính sách phi cận biên 2.6. Chính sách công khuyến khích giảm thiểu	- Thuyết giảng - Thảo luận tại lớp: Văn bản QPPL và ADPL (PP động não, SN-TC-CS) Mỗi nhóm đã chia chuẩn bị mỗi chủ đề theo nội dung chương 3	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
4	B/ Các nội dung tự học ở nhà (6 tiết) - Tìm hiểu về những tác động dài hạn của biến đổi khí hậu: đánh giá theo thời gian và chiết khấu - Cách tiếp cận để đánh giá tác động đến nhiều người hoặc quốc gia khác nhau, dưới khía cạnh tổng các lợi ích tiêu dùng - Chính sách giảm thiểu là khuyến khích nghiên cứu về BĐKH, phát triển và triển khai.	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan - Xem video về BĐKH của 1 số quốc gia liên quan	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
5	Chương 3- TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 3.1. Biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu 3.2. Nguyên nhân của biến đổi khí hậu Tác động đến môi trường không khí	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm: Nhóm 1,2,3&4 thuyết trình(từ 3.1÷3.4); giảng viên điểm chú lại ND chính (PP thuyết trình). - Thảo luận nhóm: Mỗi nhóm chọn 1 vấn đề để phân tích nguyên nhân và	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5

	3.4 Tác động đến Tài nguyên Nước 3.4. Tác động đến Tài nguyên Rừng	tìm hướng giải quyết; giảng viên hướng dẫn, điểm chính cho từng nhóm và đúc kết (PP động não, PP hoạt động nhóm và PP học dựa theo vấn đề).	
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (6 tiết) - Nhóm Nhóm 1,2,3&4 thuyết trình (từ 3.1÷3.4); chuẩn bị nội dung thuyết trình theo chủ đề; tập luyện ngôn ngữ “phi cơ thể” khi nói trước đám đông. - Mỗi nhóm chuẩn bị 01 vấn đề về TNKS hoặc biển và hải đảo	Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
6	A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 3.5. Tác động đến Bảo tồn đa dạng sinh học 3.6. Tác động đến môi trường biển và hải đảo 3.7. Tác động đến cuộc sống người dân 3.8. Tác động đến các ngành kinh tế	- Nhóm 5, 6,7&8 thuyết trình (từ 3.1÷3.4); giảng viên điểm chú lại ND chính (PP thuyết trình). - Thảo luận nhóm: Mỗi nhóm chọn 1 vấn đề (từ 3.1÷3.4); để phân tích nguyên nhân và tìm hướng giải quyết; giảng viên hướng dẫn, điểm chính cho từng nhóm và đúc kết (PP động não, PP hoạt động nhóm và PP học dựa theo vấn đề).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (6 tiết) - Tự ôn tập theo nội dung chương 1,2&3 chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ - Tìm hiểu về chính sách nói chung và chính sách MT&TN nói riêng	Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
7	Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết)		

8	Chương 4- KINH TẾ HỌC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 4.1. Các tài nguyên chung và quyền sở hữu 4.2. Các đánh-đổi kinh tế 4.2.1. <i>Cân đối các sử dụng cạnh tranh bầu khí quyển</i> 4.2.2. <i>Đánh giá tổng hợp chi phí và lợi ích</i> 4.2.3. <i>Đối phó với bất định.</i> 4.3. Điều tra, xác định nguyên nhân và đánh giá ảnh hưởng của thiên tai (bão, lũ lụt) đến môi trường và đề xuất giải pháp trước mắt và lâu dài nhằm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục ô nhiễm tại các vùng đông dân cư 4.4. <i>Khái toán thiệt hại môi trường sau thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu</i>	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm: Thư giãn qua trò chơi giải mã ô chữ về chủ đề Chính sách MT&TN (PP động não).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (6 tiết) - Dẫn giải được quyền sở hữu và một số chính sách BV-BĐKH hiện hành - Phân biệt mối tương quan giữa chính sách và pháp luật - Mỗi nhóm chuẩn bị 01 vấn đề về BĐKH để đưa ra chính sách giải quyết.	Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO5
9	A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 4.5. Những vấn đề phân phối 4.5.1. <i>Các vấn đề giữa các thế hệ</i> 4.5.2. <i>Mối quan tâm trong và giữa các quốc gia</i> 4.5.3. <i>Tính toán phương pháp đánh giá tổng hợp</i>	- Thuyết giảng - Thảo luận tại lớp: mỗi nhóm chọn 1 vấn đề về KT-BĐKH để phân tích nguyên nhân và đưa ra giải pháp chính sách (sơ lược); giảng viên hướng dẫn, điểm chỉnh cho từng nhóm và đúc kết (PP động não, PP hoạt động nhóm và PP học dựa theo vấn đề).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5

	B/ Các nội dung tự học ở nhà (6 tiết) - Làm thế nào để phân phối lợi ích của tiêu dùng năng lượng, sử dụng đất, và khí hậu giữa các thế hệ, cung cấp một ví dụ của đánh giá tổng hợp xem xét một cách tường minh công bằng giữa các thế hệ). - Các cách thức quản lý BĐKH tại địa phương	Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO5
10	Chương 5- QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 5.1. Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và tài nguyên 5.2. Nội dung quản lý nhà nước về môi trường và tài nguyên 5.3. Công cụ quản lý nhà nước về môi trường và tài nguyên 5.4. Thực tiễn về công tác quản lý MT tại địa phương	- Thuyết giảng - Sử dụng công cụ pháp lý, kinh tế và kỹ thuật để tra cứu, xác định vấn đề môi trường phát sinh trong thực tiễn và đưa ra hướng giải quyết và đưa ra hướng thực hiện tiếp theo (PP động não, PP hoạt động nhóm và PP học dựa theo vấn đề).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (6 tiết) - Xem trước các văn bản pháp quy về MT (Nghị định, thông tư, QCVN,.. được download theo link hướng dẫn) về hướng dẫn lập và thẩm định các hồ sơ môi trường, tính phí BVMT đối với nước thải và các qui định liên quan	Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO3, CELO5
14	A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 5.6. Thực thi các Điều ước quốc tế về đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam trong điều kiện BĐKH-NBD Ôn tập: Điềm lại những nội dung chính của học phần; các tài liệu sử dụng khi thi kết thúc học phần và hỏi đáp các thắc mắc liên quan.	- Thuyết giảng - Xem video về kiểm soát ô nhiễm xuyên biên giới, biến đổi khí hậu. Thảo luận nhóm: Thư giãn qua trò chơi giải mã ô chữ về chủ đề KSÔN (PP động não).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO5

	B/ Các nội dung tự học ở nhà (2 tiết) - Tìm hiểu các công ước quốc tế về BTĐDSH mà VN tham gia	Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO5
	Ôn tập cuối kỳ (1 tiết)		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
Module 1	M	L			M
Module 2	M	L			M
Module 3	H	H	M	M	M
Module 4	H	H	H	H	H
Module 5	H	H	H	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

- [1]. Bùi Thu Hoa- Bài giảng Trường đại học Thủy lợi Hà Nội (2018) Kinh tế biến đổi khí hậu
- [2]. Lê Ngọc Tuấn, Giáo trình Luật và chính sách môi trường, NXB ĐHQG-HCM, 2016

7.2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. GS.TSKH Lê Huy Bá, PGS.TS. Nguyễn Xuân Hoàn, Võ Đình Long, Quản lý tài nguyên môi trường để phát triển bền vững, NXB ĐHQG-HCM, 2018
- [4]. Lê Văn Khoa, Nguyễn Ngọc Sinh, Nguyễn Tiến Dũng, Giáo trình Chiến lược và chính sách môi trường, NXB ĐHQG -Hà Nội, 2006.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 3 buổi học (>20% thời gian học) dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại (trừ khi được giảng viên cho phép), máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. GVGD: Phạm Hải Châu, Trần Ký

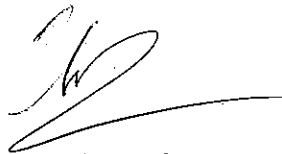
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Phạm Hải Châu

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. GVC. Trần Ký



100

100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản lý Nhà nước về Tài nguyên & Môi trường

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG
Tiếng Việt:	Quản lý Nhà nước về Tài nguyên & Môi trường
Tiếng Anh:	Real Estate Project Appraisal
Mã số học phần:	180215042
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 1
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	10 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về môi trường và quản lý nhà nước về môi trường, như: khái niệm môi trường, các thành phần của môi trường; khái niệm quản lý nhà nước về môi trường, sự cần thiết phải quản lý nhà nước về môi trường, hệ thống các cơ quan nhà nước quản lý về môi trường; nguyên tắc, ý nghĩa, tầm quan trọng quản lý nhà nước về môi trường; sinh viên sau khi ra trường sẽ vận dụng được kiến thức trong công tác quản lý nhà nước về môi trường.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức cơ bản về Nhà nước; chính sách và pháp luật MT và TNTN của Việt Nam và Quốc tế	ELO1, ELO2, ELO5, ELO9
CG2	Vận dụng kiến thức môn học để tra cứu, xác định các hoạt động phát triển cần tuân thủ theo chính sách, pháp luật về môi trường và TNTN	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO10
CG3	Phân tích và đưa ra hướng giải quyết cho các vấn đề về BVMT&TNTN	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO10
CG4	Hình thành ý thức pháp luật về BVMT; kỹ năng tư duy hệ thống và kỹ năng mềm	ELO2, ELO5, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Diễn giải được tổ chức bộ máy Nhà nước VN, ngành TN&MT và các văn bản qui phạm/áp dụng pháp luật trong nước, quốc tế	ELO1, ELO2, ELO5, ELO9
CELO2	Trình bày, xác định được các vấn đề trong từng chính sách, pháp luật về Tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ Môi trường.	ELO1, ELO2, ELO5, ELO9
CELO3	Vận dụng được các văn bản pháp luật, chính sách về MT&TNTN vào từng vấn đề nhằm bảo vệ TN&MT phát sinh trong thực tiễn	ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO10
CELO4	Phân tích và đưa ra cách giải quyết vấn đề cho lĩnh vực tài nguyên & Môi trường	ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO10
CELO5	Hình thành tư duy chính trị, ý thức pháp luật BVTN&MT, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả và soạn thảo được một số văn bản áp dụng pháp luật.	ELO1, ELO2, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	M	M	-	-	M	H	-	-	-	-	-	H	H
CELO2	M	M	-	-	H	M	-	-	-	-	H	H	-
CELO3	-	M	M	M	H	H	M	-	-	-	H	H	-
CELO4	-	M	M	M	H	H	M	-	-	-	-	-	-
CELO5	L	M	-	-	-	M	M	H	H	-	-	-	-

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- *Phương pháp giảng dạy*: Phương pháp thuyết trình; phương pháp động não; phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; phương pháp học dựa trên vấn đề; phương pháp hoạt động nhóm; nghiên cứu tình huống.

- *Phương pháp học tập*: Nghe giảng trên lớp; đọc và làm bài trước các buổi giảng; tra cứu thông tin về ngành theo tài liệu học tập và trên internet; làm việc nhóm.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, là trung bình cộng của điểm chuyên cần, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm và kiểm tra giữa kì. Điểm chuyên cần: vắng 01 buổi trừ 2 điểm, vắng 02 buổi trừ 4 điểm, vắng 03 buổi trừ 6 điểm và vắng 04 buổi trở lên 0 điểm và không được thi cuối kỳ.

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Handwritten signature

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá/thời gian [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Tham dự lớp học	Phẩm chất	CELO5	Nghỉ > 20% thời gian học không được thi		PP quan sát: Điểm danh theo buổi	30%
	A1.2 Thảo luận nhóm	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	01 lần/buổi	Tích cực, sôi động và trình bày logic	PP quan sát	
	A1.3 Báo cáo chuyên đề theo nhóm	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất	CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	01 lần/báo cáo nhóm	Trình bày rõ ràng, ND logic, phức tạp đạt yêu cầu	PP phỏng vấn (40% th.trình, 30% ND và 30% hỏi đáp)	
	A1.4 Bài kiểm tra giữa kỳ	Kiến thức/kỹ năng/phẩm chất	CELO1, CELO2, CELO5	01 lần/Giữa kì	Trắc nghiệm 20 câu/10điểm, đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết: trắc nghiệm	
A2. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kì	Kiến thức	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	01 lần/Cuối kì	Trắc nghiệm (20 câu, 5 điểm) + tự luận (3 câu, 5 điểm)	PP viết: tr.nghiệm và tự luận	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của HP

1	Giới thiệu về Đề cương học phần và Khung đánh giá kết quả học tập của SV. (0,5 tiết)	- Thuyết giảng	
1(tt)	Chương 1- NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT A/ Các nội dung chính trên lớp (0,5 tiết) 1.1. Những vấn đề cơ bản về NN và pháp luật	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm: Bộ máy nhà nước VN (PP động não, SN-TC-CS) - Thư giãn qua trò chơi giải mã ô chữ về chủ đề Nhà nước và Pháp luật (PP động não).	CELO1, CELO2, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (2 tiết) - Phân biệt các kiểu Nhà nước đặc trưng hiện nay - So sánh Nhà nước Việt Nam với một số Quốc gia khác trên thế giới (Nga, Mỹ, Trung Quốc,...), rút ra vấn đề gì về Nhà nước VN cần hoàn thiện - Tìm hiểu về văn bản pháp quy và thẩm quyền ban hành	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO5
2	A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 1.2. Quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa 1.3. Văn bản quy phạm pháp luật và áp dụng pháp luật	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm: Văn bản QPPL và ADPL (PP động não, SN-TC-CS) Mỗi nhóm đã chia chuẩn bị mỗi chủ đề theo nội dung chương 2 và 3	CELO1, CELO2, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (6 tiết) - Phân biệt thành thạo các văn bản qui phạm pháp luật và áp dụng pháp luật - Tìm hiểu về Luật BVMT VN qua các thời kỳ và nội dung chính của Luật hiện hành - Tìm hiểu Sơ đồ Nhân-Quả (CED) trong việc phân tích vấn đề để tìm nguyên nhân	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO4, CELO5

3	Chương 2 - PHÁP LUẬT VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG A/ Các nội dung chính trên lớp (8 tiết) 2.1. Pháp luật về Tài nguyên Đất 2.2. Pháp luật về Tài nguyên Nước 2.3. Pháp luật về Kiểm soát ô nhiễm không khí 2.4. Pháp luật về Tài nguyên Rừng 2.5. Pháp luật về Bảo tồn đa dạng sinh học	- Chia nhóm: nhóm từ 1÷5 nhóm thuyết trình về Pháp luật TN rừng và TN nước; giảng viên điểm chú lại ND chính (PP thuyết trình). - Mỗi nhóm chọn 1 vấn đề về TN rừng hoặc TN nước để phân tích nguyên nhân và tìm hướng giải quyết; giảng viên hướng dẫn, điểm chỉnh cho từng nhóm và đúc kết (PP động não, PP hoạt động nhóm và PP học dựa theo vấn đề).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (16tiết) - Nhóm 8&9 chuẩn bị nội dung thuyết trình theo chủ đề; tập luyện ngôn ngữ “phi cơ thể” khi nói trước đám đông. - Mỗi nhóm chuẩn bị 01 vấn đề về TNKS hoặc biển và hải đảo	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
4	A/ Các nội dung chính trên lớp (5 tiết) 2.6. Pháp luật về Tài nguyên Khoáng sản 2.7. Pháp luật về môi trường biển và hải đảo 2.8. Pháp luật về chất thải rắn và CTNH 2.9. Pháp luật về Tài nguyên khoáng sản 2.10. Pháp luật về môi trường biển và hải đảo	- Nhóm 5&10 thuyết trình về Pháp luật TNKS và TN MT biển và hải đảo; giảng viên điểm chú lại ND chính (PP thuyết trình). - Thảo luận nhóm: Mỗi nhóm chọn 1 vấn đề về TNKS hoặc biển và hải đảo để phân tích nguyên nhân và tìm hướng giải quyết; giảng viên hướng dẫn, điểm chỉnh cho từng nhóm và đúc kết (PP động não, PP hoạt động nhóm và PP học dựa theo vấn đề).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (10 tiết) - Tự ôn tập theo nội dung chương 1,2&3 chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2,

	- Tìm hiểu về chính sách nói chung và chính sách MT&TN nói riêng		CELO3, CELO4
5	A/ Các nội dung chính trên lớp (1 tiết) 2.11. Giới thiệu về Luật Bảo vệ Môi trường Lòng ghép: - Hướng dẫn phương pháp phân tích Vấn đề để tìm kiếm Nguyên nhân theo sơ đồ Nhân-Quả (CED), từ đó đưa ra hướng giải quyết vấn đề; - Hướng dẫn trình bày bố cục slide trình chiếu và kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ “phi cơ thể” khi nói trước đám đông	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm: SV đưa ra vấn đề bất kỳ cần khắc phục, giảng viên hướng dẫn cách phân tích Vấn đề để tìm kiếm nguyên nhân và đưa ra hướng khắc phục vấn đề (PP động não, SN-TC-CS, PP học dựa vào vấn đề và PP thuyết trình)	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (2 tiết) - Nhóm 1&2 chuẩn bị nội dung thuyết trình theo chủ đề; tập luyện ngôn ngữ “phi cơ thể” khi nói trước đám đông. - Mỗi nhóm chuẩn bị 01 vấn đề về ô nhiễm không khí hoặc nước.	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
6	A/ Các nội dung chính trên lớp (1 tiết) 2.12. Pháp luật về Kiểm soát ô nhiễm không khí 2.13. Pháp luật về Kiểm soát ô nhiễm nước	Nhóm 1&2 thuyết trình về PLKSON không khí và nước; giảng viên điểm chú lại ND chính (PP thuyết trình). - Thảo luận nhóm: Mỗi nhóm chọn 1 vấn đề về ÔNKK hoặc ÔNN để phân tích nguyên nhân và tìm hướng giải quyết; giảng viên hướng dẫn, điểm chính cho từng nhóm và đúc kết (PP động não, PP hoạt động nhóm và PP học dựa theo vấn đề).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5

	B/ Các nội dung tự học ở nhà (2 tiết) - Nhóm 3,4&5 chuẩn bị nội dung thuyết trình theo chủ đề; tập luyện ngôn ngữ “phi cơ thể” khi nói trước đám đông. - Mỗi nhóm chuẩn bị 01 vấn đề về ô nhiễm do CTR hoặc ô nhiễm đất hoặc BTĐDSH	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
7	A/ Các nội dung chính trên lớp (1tiết) 2.14. Pháp luật về chất thải rắn và CTNH 2.15. Pháp luật về Kiểm soát suy thoái đất 2.16. Pháp luật về Bảo tồn đa dạng sinh học	Nhóm 3,4&5 thuyết trình về Pháp luật CTR&CTNH, KSSTĐ và BTĐDSH; giảng viên điểm chú lại ND chính (PP thuyết trình). - Thảo luận nhóm: Mỗi nhóm chọn 1 vấn đề về CTR hoặc suy thoái đất hoặc ĐDSH để phân tích nguyên nhân và tìm hướng giải quyết; giảng viên hướng dẫn, điểm chính cho từng nhóm và đúc kết (PP động não, PP hoạt động nhóm và PP học dựa theo vấn đề).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (2 tiết) - Nhóm 6&7 chuẩn bị nội dung thuyết trình theo chủ đề; tập luyện ngôn ngữ “phi cơ thể” khi nói trước đám đông. - Mỗi nhóm chuẩn bị 01 vấn đề về TN rừng hoặc TN nước	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
8	Kiểm tra giữa kỳ (1tiết)		

9	Chương 3- CHÍNH SÁCH MT VÀ TN TẠI VIỆT NAM A/ Các nội dung chính trên lớp (1 tiết) 3.1. Khái niệm về chính sách 3.2. Mối quan hệ giữa chính sách và PL 3.3. Cơ sở và định hướng chính sách môi trường và tài nguyên tại Việt Nam	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm: Thư giãn qua trò chơi giải mã ô chữ về chủ đề Chính sách MT&TN (PP động não).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (2 tiết) - Diễn giải được một số chính sách MT&TN VN hiện hành - Phân biệt mối tương quan giữa chính sách và pháp luật - Mỗi nhóm chuẩn bị 01 vấn đề về MT/TN để đưa ra chính sách giải quyết.	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO5
10	A/ Các nội dung chính trên lớp (1 tiết) 3.4. Hoạch định chính sách MT&TN 3.5. Tổ chức thực hiện chính sách	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm: Mỗi nhóm chọn 1 vấn đề về MT/TN để phân tích nguyên nhân và đưa ra giải pháp chính sách (sơ lược); giảng viên hướng dẫn, điểm chỉnh cho từng nhóm và đúc kết (PP động não, PP hoạt động nhóm và PP học dựa theo vấn đề).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (2 tiết) - Tìm hiểu Bộ máy quản lý NN về MT&TN ở VN từ TW đến địa phương - Các cách thức quản lý MT&TN tại địa phương	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO5
11	Chương 4 - QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN A/ Các nội dung chính trên lớp (1,5 tiết)	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO5

	4.1. Khái niệm quản lý nhà nước về Tài nguyên và Môi trường 4.2. Nhiệm vụ quản lý nhà nước về Tài nguyên và Môi trường 4.3. Quan điểm QLNN về Tài nguyên & MT 4.4. Nguyên tắc QLNN về Tài nguyên 4.5. Mục tiêu QLNN về Tài nguyên	Thư giãn qua trò chơi giải mã ô chữ về chủ đề liên quan (PP động não).	
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (3 tiết) - Xem trước các văn bản pháp quy về MT (Nghị định, thông tư, QCVN,.. được download theo link hướng dẫn) về hướng dẫn lập và thẩm định các hồ sơ môi trường, tính phí BVMT đối với nước thải và các qui định liên quan	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO3, CELO5
12	A/ Các nội dung chính trên lớp (2tiết) 4.6. Cơ quan quản lý nhà nước về Tài nguyên và Môi trường 4.7. Nội dung quản lý nhà nước về Tài nguyên và Môi trường 4.8. Công cụ quản lý nhà nước Tài nguyên và Môi trường 4.9. Thực tiễn về công tác quản lý TN&MT tại địa phương	- Thảo luận nhóm: Vận dụng công cụ pháp lý, kinh tế và kỹ thuật để tra cứu, xác định vấn đề môi trường phát sinh trong thực tiễn và đưa ra hướng giải quyết. VD xác định dự án nào lập ĐMC, ĐTM, KBM; đối tượng nào phải xử lý nước thải trước khi xả vào MT; tính phí BVMT đối với nước thải,.. và đưa ra hướng thực hiện tiếp theo (PP động não, PP hoạt động nhóm và PP học dựa theo vấn đề).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (4 tiết) - Xem trước các văn bản pháp quy về TNTN (Nghị định, thông tư, QCVN,.. được download theo link hướng dẫn) về hướng dẫn tính tiền cấp quyền khai thác TN và các qui định liên quan về xử phạt hành chính trong hoạt động BVMT&TN	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO3, CELO5

13	A/ Các nội dung chính trên lớp(1 tiết) 4.5. Kỹ thuật soạn thảo văn bản áp dụng pháp luật	- Thuyết giảng: Bố cục của VB và các yêu cầu liên quan theo qui định. - Thảo luận nhóm: Mỗi nhóm dự thảo văn bản áp dụng pháp luật theo chủ đề cho trước; giảng viên điểm chỉnh văn bản cho từng nhóm và đúc kết (PP động não, PP hoạt động nhóm).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (2 tiết) - Tự luyện soạn thảo công văn của Công ty A gửi cơ quan Sở ban ngành về một nội dung giả định. - Tìm hiểu các công ước quốc tế về KSÔN mà VN tham gia	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO3, CELO5
14	Chương 5- PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN A/ Các nội dung chính trên lớp (1 tiết) 5.1. Thực thi các Công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm ở Việt Nam	- Thuyết giảng - Xem video về kiểm soát ô nhiễm xuyên biên giới, biến đổi khí hậu. Thảo luận nhóm: Thư giãn qua trò chơi giải mã ô chữ về chủ đề KSÔN (PP động não).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà (2 tiết) - Tìm hiểu các công ước quốc tế về BTĐDSH mà VN tham gia	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO1, CELO2, CELO5
15	A/ Các nội dung chính trên lớp(1 tiết) 5.2. Thực thi các Điều ước quốc tế về đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên ở VN Ôn tập cuối kỳ (0,5 tiết)	- Thuyết giảng - Xem video về ĐDSH và BTTN Thảo luận nhóm: Thư giãn qua trò chơi giải mã ô chữ về chủ đề ĐDSH&BTTN (PP động não).	CELO1, CELO2, CELO3, CELO5

	B/ Các nội dung tự học ở nhà (8 tiết) Ôn tập: Điềm lại những nội dung chính của học phần; các tài liệu sử dụng khi thi kết thúc học phần và hỏi đáp các thắc mắc liên quan.	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
Module 1	M	L			M
Module 2	M	L			M
Module 3	H	H	M	M	M
Module 4	H	H	H	H	H
Module 5	H	H	H	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

- [1]. Học viện hành chính quốc gia (2012), Giáo trình Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, Nxb.Khoa học và kỹ thuật, HN.
- [2]. TS. Nguyễn Việt Hùng, Chủ biên môn học (cùng nhóm tác giả...), tài liệu giảng dạy, Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, HVHCQG - KHOA QLNN VỀ ĐT & NT, Hà Nội 2015.

7.2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Lê Ngọc Tuấn, Giáo trình Luật và chính sách môi trường, NXB ĐHQG-HCM, 2016
- [4]. Lê Văn Khoa, Nguyễn Ngọc Sinh, Nguyễn Tiến Dũng, Giáo trình Chiến lược và chính sách môi trường, NXB ĐHQG -Hà Nội, 2006.
- [5]. PGS. TS. Nguyễn Đức Khiển – KS. Phạm Văn Đức, Thực thi luật và chính sách bảo vệ môi trường tại Việt Nam, NXB Thông tin và Truyền thông, 2010

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 3 buổi học (>20% thời gian học) dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. GVGD: Phạm Hải Châu, Trần Ký

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Phạm Hải Châu

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. GVC. Trần Ký



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Kinh tế vi mô

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	KINH TẾ VI MÔ
Tiếng Việt:	Kinh tế vi mô
Tiếng Anh:	Microeconomic
Mã số học phần:	180215001
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 1
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần Kinh tế vi mô giới thiệu đến người học các nguyên lý cơ bản của kinh tế học và giúp phát triển khả năng hiểu được các lý thuyết về kinh tế vi mô ở mức độ nhập môn thông qua các nguyên lý cơ bản. Môn học bắt đầu với các phương pháp tư duy như một nhà kinh tế, sau đó phát triển khả năng phân tích cung và cầu trên thị trường. Tiếp theo sẽ là hành vi của các doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường khác nhau. Sau cùng là tìm hiểu về sự lựa chọn của người tiêu dùng.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Các kiến thức cơ bản của kinh tế học và kinh tế học vi mô	ELO1: Nhận biết được tính quy luật và xu hướng vận động của kinh tế vi mô; những khuyết tật của kinh tế thị trường và vai trò điều tiết nền kinh tế của Chính phủ. ELO2: Phân tích được các tác động của môi trường đến sản lượng, giá cả, chi phí, doanh thu, lợi nhuận của DN. ELO3: Hiểu được hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp.
CG2	Các vấn đề liên quan đến cung, cầu và sự hình thành giá cả thị trường	
CG3	Các vấn đề về sản xuất, chi phí, doanh thu, lợi nhuận, độc quyền, cạnh tranh và tối ưu hóa trong sản xuất	
CG4	Có kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề về kinh tế	
CG5	Giúp cho sinh viên phát triển phương pháp tư duy kinh tế và ứng dụng vào phân tích những sự kiện, hiện tượng, chính sách kinh tế,...	
CG6	Có kỹ năng làm việc nhóm	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu được các vấn đề tổng quan về kinh tế học và kinh tế học vi mô.	ELO1
CELO2	Xác định được các vấn đề liên quan đến cung, cầu.	ELO1
CELO3	Phân tích được cơ chế hoạt động của thị trường và hiểu được sự hình thành giá cả thị trường.	ELO1
CELO4	Nhận định được hành vi của khách hàng và doanh nghiệp cùng với các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi của họ.	ELO2
CELO5	Hiểu được các quyết định sản xuất trong các loại thị trường theo những mục tiêu nhất định.	ELO2, ELO3

CELO6	Nhận biết được các khuyết tật của kinh tế thị trường và xác định được vai trò của Chính phủ trong việc điều tiết nền kinh tế.	ELO1, ELO2, ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO..	ELO..
CELO1	M											
CELO2	M											
CELO3	M											
CELO4		M										
CELO5		M	M									
CELO6	H	M	M									

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy; GV sử dụng một số phương pháp sau:

PP1. Phương pháp thuyết trình:

PP2. Phương pháp động não:

PP3. Phương pháp học dựa trên vấn đề:

PP4. Phương pháp thảo luận nhóm:

PP5. Phương pháp xem phim tài liệu

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm bài tập nhóm;
- Làm bài tập cá nhân

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm:

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐
 Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: ...

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá / thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1: Chuyên cần	Thái độ tham gia học tập tích cực	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO6	10	Tham gia lớp học: tích cực, chủ động, tham dự đầy đủ	PP quan sát	10%
	A1.2: Bài tập trên lớp	Kiến thức, kỹ năng	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO6	03	Bài tập do GV cung cấp để SV làm ở nhà và trình bày trên lớp	PP viết	
	A1.3: Bài tập nhóm	Kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO6	01	Hình thức, nội dung trình bày và kỹ năng thuyết trình.	PP thảo luận nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1: Kiểm tra trên lớp (60 phút)	Kiến thức, kỹ năng	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	01	Bài kiểm tra 60 phút tự luận	PP viết	20%

	A2.2						
	...						
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Thi kết thúc học phần/60 phút	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực toàn khóa học...	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO6	01	Bài thi cuối khóa (tự luận): 3 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án.	PP tự luận + trắc nghiệm	70%
	A3.2						
	...						

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	Chương 1: Tổng quan về kinh tế học		
1	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1. Khái niệm kinh tế học 1.2. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học 1.2.1. Phương pháp mô hình hóa 1.2.2. Phương pháp phân tích cận biên 1.2.3. Phương pháp so sánh tĩnh 1.3. Các vấn đề cơ bản của kinh tế học 1.3.1. Sản xuất cái gì 1.3.2. Sản xuất cho ai 1.3.3. Sản xuất như thế nào 1.4. Các quy luật kinh tế học 1.4.1. Quy luật khan hiếm 1.4.2. Quy luật lợi suất giảm dần 1.4.3. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần 1.5. Các mô hình kinh tế 1.5.1. Mô hình kinh tế truyền thống 1.5.2. Mô hình kinh tế mệnh lệnh 1.5.3. Mô hình kinh tế thị trường 1.5.4. Mô hình kinh tế hỗn hợp	Thuyết giảng, thuyết trình, động não	CELO1

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc trước tài liệu cho bài học sau		CELO1
2	Chương 2:		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Cầu 2.1.1. Khái niệm cầu 2.1.2. Luật cầu 2.1.3. Các công cụ biểu diễn cầu 2.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới cầu 2.1.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cầu 2.1.6. Co giãn của cầu 2.2. Cung 2.2.1. Khái niệm cung 2.2.2. Luật cung 2.2.3. Các công cụ biểu diễn cung 2.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới cung 2.2.5. Co giãn của cung 2.2.6. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cung 2.3. Cân bằng cung - cầu thị trường 2.3.1. Cân bằng thị trường 2.3.2. Trạng thái dư thừa và thiếu hụt 2.3.3. Các biện pháp kiểm soát giá cả	Thuyết trình, thuyết giảng, mô hình hóa, động não	CELO1
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Làm bài tập cá nhân, đọc trước tài liệu cho bài học sau.		CELO2
3	Chương 3: Lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Lý thuyết về lợi ích của người tiêu dùng 3.1.1. Một số khái niệm 3.1.2. Quy luật ích lợi cận biên giảm dần 3.2. Lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng 3.2.1. Sở thích của người tiêu dùng 3.2.2. Ngân sách của người tiêu dùng 3.2.3. Kết hợp tiêu dùng hàng hóa tối ưu	Thuyết trình, thuyết giảng, mô hình hóa, động não, học trên tình huống	CELO1

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Làm bài tập cá nhân, đọc trước tài liệu cho bài học sau.		
4	Chương 4: Lý thuyết về sản xuất và chi phí		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Lý thuyết về sản xuất 4.1.1. Hàm sản xuất 4.1.2. Sản xuất với một đầu vào biến đổi 4.1.3. Sản xuất với hai đầu vào biến đổi 4.2. Lý thuyết về chi phí 4.2.1. Các loại chi phí tổng 4.2.2. Các loại chi phí đơn vị 4.2.3. Chi phí kinh tế, chi phí kế toán, chi phí ẩn 4.3. Lý thuyết về doanh thu và lợi nhuận 4.3.1. Lý thuyết về doanh thu 4.3.2. Lý thuyết về lợi nhuận	Thuyết trình, thuyết giảng, mô hình hóa, động não	CELO2, CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Làm bài tập cá nhân, đọc trước tài liệu cho bài sau		
5	Chương 5: Thị trường cạnh tranh hoàn hảo		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Khái niệm và đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Đặc điểm 5.2. Phân tích trong ngắn hạn 5.2.1. Tối đa lợi nhuận 5.2.2. Tối đa doanh thu 5.2.3. Tối thiểu hóa lỗ 5.3. Phân tích trong dài hạn 5.3.1. Tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp trong dài hạn. 5.3.2 Cân bằng của ngành trong dài hạn 5.3.3 Sự thay đổi trạng thái cân bằng và đường cung dài hạn của ngành	Thuyết trình, thuyết giảng, mô hình hóa, động não, học trên tình huống, thảo luận	CELO2, CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	5.4. Hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn hảo 5.4.1. Về giá cả 5.4.2. Về chi phí 5.4.3. Về hiệu quả kinh tế		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Làm bài tập cá nhân, đọc tài liệu cho bài học kế tiếp.		CELO2
6	Chương 6: Thị trường độc quyền hoàn toàn		
	A/ Các nội dung học trên lớp 6.1. Khái niệm và đặc điểm 6.1.1. Khái niệm 6.1.2. Đặc điểm 6.2. Lý do dẫn đến độc quyền 6.2.1. Độc quyền do giảm chi phí nhờ quy mô. 6.2.2. Độc quyền do sở hữu nguyên liệu chủ yếu. 6.2.3. Độc quyền nhờ sở hữu bằng phát minh. 6.2.4. Độc quyền do luật lệ giấy phép của chính phủ. 6.3. Hoạt động của thị trường độc quyền 6.3.1. Tối đa hóa lợi nhuận 6.3.2. Tối đa doanh thu 6.3.3. Nguyên tắc phân bổ sản lượng khi doanh nghiệp có nhiều cơ sở sản xuất 6.3.4. Tổn thất xã hội do độc quyền 6.4. Quy tắc định giá của doanh nghiệp độc quyền 6.4.1. Quy tắc định giá chung 6.4.2. Nguyên tắc định giá khi doanh nghiệp bán trên nhiều thị trường 6.4.3. Phân biệt giá của doanh nghiệp độc quyền 6.4.4. Chính sách phân biệt giá 6.5. Đo lường sức mạnh độc quyền 6.5.1. Hệ số Lerner 6.5.2. Hệ số Bsin	Thuyết trình, thuyết giảng, mô hình hóa, động não, thảo luận nhóm	CELO2, CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
7	6.6. Các biện pháp kiểm soát độc quyền 6.6.1. Quy định giá tối đa 6.6.2. Đánh thuế 6.6.3. Luật chống độc quyền		
	B/ Các nội dung tự học ở nhà Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, đọc trước tài liệu cho bài sau.		CELO2
	Chương 7: Thị trường cạnh tranh không hoàn toàn		
7	A/ Các nội dung học trên lớp 7.1. Thị trường cạnh tranh độc quyền 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Đặc điểm 7.1.3. Quyết định sản xuất 7.2. Thị trường độc quyền nhóm 7.2.1. Khái niệm 7.2.2. Đặc điểm 7.2.3. Quyết định sản xuất	Thuyết trình, thuyết giảng, mô hình hóa, động não, học trên tình huống, thảo luận	CELO2, CELO3
	B/ Các nội dung tự học ở nhà Làm bài tập cá nhân, ôn tập các nội dung đã học trong học phần.		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Module 1	M					
Module 2		M				
Module 3				M		
Module 4			M			
Module 5					M	M
Module 6					M	M
Module 7					M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. N. Grygory Mankiw, Kinh tế học vi mô

7.2. Tài liệu tham khảo:

2. Robert S.Pindyck, Daniel L.Rubinfeld (1999); Kinh tế học vi mô; Trường ĐH Kinh tế Quốc dân; NXB Thống kê – Hà Nội.

3. TS Lê Bảo Lâm (chủ biên), Kinh tế vi mô (tái bản lần 1), Trường ĐH Kinh tế, NXB Thống kê, Tp.HCM, năm 2005.

4. TS Nguyễn Như Ý, Th.S Trần Thị Bích Dung, Th.S Trần Bá Thọ, TS Nguyễn Hoàng Bảo; kinh tế học vi mô, NXB

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% thời lượng các tiết học trên lớp dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

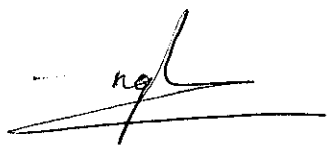
9. GVGD: ThS. Lê Thị Xoan

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

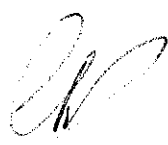
TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



TS. Phạm Hải Châu



ThS. Lê Thị Xoan

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Kinh tế vĩ mô

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	KINH TẾ VĨ MÔ
Tiếng Việt:	Kinh tế vĩ mô
Tiếng Anh:	Macroeconomic
Mã số học phần:	180215002
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 2
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Kinh tế vi mô
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt/thặng dư thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá. Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Trên cơ sở đó, môn học sẽ nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách ổn định hóa như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Thêm vào đó, môn học này cũng giúp chúng ta tìm hiểu về tăng trưởng kinh tế và phân tích các nguồn tăng trưởng kinh tế và bài học kinh nghiệm của các nước và các khu vực khác nhau trên thế giới.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Các vấn đề cơ bản của kinh tế vĩ mô	ELO1: Xác định được các chỉ tiêu đo lường thu nhập quốc gia ELO2: Phân tích, đánh giá được sự tác động của các chính sách, công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô đến nền kinh tế của chính phủ.
CG2	Khái niệm, cách xác định được các chỉ tiêu đo lường thu nhập quốc gia	
CG3	Các vấn đề liên quan đến tổng cầu, tổng cung và sản lượng của nền kinh tế.	
CG4	Các vấn đề liên quan đến tiền tệ, thị trường tiền tệ và các phương pháp, công cụ điều tiết lượng tiền trong lưu thông của chính phủ.	
CG5	Các vấn đề liên quan đến thất nghiệp, lạm phát	
CG6	Các nguyên tắc về lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế.	
CG7	Cán cân thanh toán quốc tế, các khoản mục trong cán cân thanh toán quốc tế và tỷ giá hối đoái	
CG8	Phân tích, đánh giá được sự tác động của các công cụ điều tiết vĩ mô của chính phủ đến nền kinh tế trong thực tiễn.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Trình bày được các vấn đề cơ bản của kinh tế vĩ mô	ELO1
CELO2	Xác định được các chỉ tiêu đo lường sản lượng và thu nhập quốc dân.	ELO1

CELO3	Xác định được tổng cầu, tổng cung và sản lượng cân bằng của nền kinh tế.	ELO1
CELO4	Phân biệt các loại tiền tệ, xác định được cung tiền, cầu tiền, lãi suất và sản lượng cân bằng trên thị trường tiền tệ.	ELO2
CELO5	Xác định được nguyên nhân gây ra chu kì kinh doanh và giải pháp hạn chế chu kì kinh doanh	ELO2
CELO6	Nhận định được vai trò của ngân hàng trung ương và ngân hàng trung gian trong việc cung tiền và điều tiết lượng tiền trong lưu thông.	ELO2
CELO7	Đánh giá, phân tích được tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu đến nền kinh tế.	ELO2

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO..	ELO..
CELO1	M											
CELO2	M											
CELO3	M											
CELO4	M	M										
CELO5	M	M										
CELO6	M	H										
CELO7	M	H										

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy; GV sử dụng một số phương pháp sau:

PP1. Phương pháp thuyết trình:

PP2. Phương pháp động não:

PP3. Phương pháp học dựa trên vấn đề:

PP4. Phương pháp thảo luận nhóm:

PP5. Phương pháp xem phim tài liệu

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;

- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm bài tập nhóm;
- Làm bài tập cá nhân

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: ...

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐
Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: ...

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☒

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá / thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1: Chuyên cần	Thái độ tham gia học tập tích cực	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO6	10	Tham gia lớp học: tích cực, chủ động, tham dự đầy đủ	PP quan sát	10%
	A1.2: Bài tập trên lớp	Kiến thức, kỹ năng	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	03	Bài tập do GV cung cấp để SV làm ở nhà và trình bày trên lớp	PP viết	
	A1.3: Bài tập nhóm	Kỹ năng giải quyết	CELO2 CELO3	01	Hình thức, nội dung trình bày và	PP thảo luận nhóm	

		vấn đề, làm việc nhóm	CELO4 CELO5 CELO6 CELO7		kỹ năng thuyết trình.		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1: Kiểm tra trên lớp (60 phút)	Kiến thức, kỹ năng	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	01	Bài kiểm tra 60 phút tự luận, trắc nghiệm	PP viết	20%
	A2.2						
	...						
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Thi kết thúc học phần/60 phút	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực toàn khóa học...	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO6 CELO7	01	Bài thi cuối khóa (tự luận): 3 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án.	PP tự luận + trắc nghiệm	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về kinh tế học và kinh tế học vĩ mô		
	A/ Các nội dung học trên lớp 1.1. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu của kinh tế vĩ mô 1.1.1. Khái niệm kinh tế vĩ mô 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu kinh tế vĩ mô 1.2. Một số khái niệm cơ bản được sử dụng trong kinh tế học vĩ mô 1.2.1. Tổng cung 1.2.2. Tổng cầu 1.2.3. Sản lượng tiềm năng 1.2.4. Lãi suất 1.2.5. Lạm phát 1.2.6. Thất nghiệp	Thuyết giảng, thuyết trình, động não	CELO1

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Xem lại nội dung bài cũ, đọc trước tài liệu bài hôm sau.		
2	Chương 2: Đo lường sản lượng quốc gia		
	A/ Các nội dung học trên lớp 2.1. Các khái niệm cơ bản và sơ đồ chu chuyển kinh tế 2.1.1. Các khái niệm cơ bản 2.1.2. Sơ đồ chu chuyển kinh tế 2.2. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Phương pháp đo lường GDP 2.2.3. Những hạn chế trong việc đo lường GDP 2.3. Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Xác định tổng sản phẩm quốc dân 2.4. Các chỉ tiêu đo lường thu nhập khác 2.4.1. Sản lượng quốc dân ròng (NNP) 2.4.2. Thu nhập quốc dân (NI, Y) 2.4.3. Thu nhập cá nhân (PI) 2.4.4. Thu nhập khả dụng (Yd) 2.5. Các đồng nhất thức kinh tế vĩ mô cơ bản 2.5.1. Đồng nhất thức tiết kiệm và đầu tư 2.5.2. Đồng nhất thức mô tả mối quan hệ giữa các khu vực trong nền kinh tế	Thuyết trình, thuyết giảng, mô hình hóa, động não	CELO2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Làm bài tập cá nhân, đọc trước tài liệu bài sau		CELO2
3	Chương 3: Tổng cầu và chính sách tài khóa		
	A/ Các nội dung học trên lớp 3.1 Tổng cầu và sản lượng cân bằng 3.1.1. Tổng cầu trong mô hình giản đơn 3.1.2 Tổng cầu trong nền kinh tế đóng, có sự tham gia của chính phủ 3.1.3 Tổng cầu trong nền kinh tế mở 3.1.4. Xác định sản lượng cân bằng của nền kinh tế	Thuyết trình, thuyết giảng, mô hình hóa, động não, xem phim tài liệu, thảo luận nhóm	CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	3.2. Chính sách tài khoá 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Phân loại 3.2.3. Chính sách tài khoá trong thực tế 3.2.4. Chính sách tài khoá và vấn đề thâm hụt ngân sách 3.2.5. Các biện pháp tài trợ cho thâm hụt ngân sách 3.2.6. Tác động hắt ra của chính sách tài khoá		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Làm bài tập cá nhân, đọc trước tài liệu bài sau		
	Chương 4: Tiền tệ và chính sách tiền tệ		
4	A/ Các nội dung học trên lớp 4.1. Tiền tệ và chức năng của tiền tệ 4.1.1. Khái niệm về tiền 4.1.2. Chức năng của tiền 4.1.3. Các loại tiền 4.2. Chính sách tiền tệ 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Phân loại 4.2.3. Định lượng cho chính sách tiền tệ 4.3. Mức cung tiền và vai trò kiểm soát tiền của ngân hàng trung ương 4.3.1. Cung tiền 4.3.2. Ngân hàng trung ương (NHTW) và vai trò kiểm soát tiền tệ 4.3.3. Sự tạo ra tiền của hệ thống ngân hàng thương mại 4.4. Cầu tiền 4.4.1. Khái niệm cầu tiền 4.4.2. Lý do dẫn tới cầu tiền 4.4.3. Nhân tố ảnh hưởng đến cầu tiền 4.4.4. Hàm cầu tiền 4.5 Cân bằng thị trường tiền tệ 4.5.1. Cân bằng thị trường tiền tệ 4.5.2. Lãi suất với tổng cầu 4.5.3. Mô hình IS - LM	Thuyết trình, thuyết giảng, mô hình hóa, động não, thảo luận nhóm, xem phim tài liệu.	CELO4, CELO5

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Xem lại nội dung bài cũ, làm bài tập cá nhân, đọc tài liệu cho bài hôm sau.		
5	Chương 5: Tổng cung và chu kì kinh doanh		
	A/ Các nội dung học trên lớp 5.1 Tổng cung 5.1.1. Khái niệm tổng cung 5.1.2. Nhân tố ảnh hưởng đến tổng cung 5.1.3. Các mô hình tổng cung 5.2. Mối quan hệ tổng cung, tổng cầu và quá trình tự điều chỉnh của nền kinh tế 5.2.1 Mối quan hệ giữa tổng cung và tổng cầu 5.3.2. Sự điều chỉnh trong ngắn hạn - trung hạn - dài hạn 5.3. Chu kỳ kinh doanh 5.3.1. Lý thuyết về chu kỳ kinh doanh 5.3.2. Khắc phục chu kỳ kinh doanh	Thuyết trình, thuyết giảng, mô hình hóa, động não, xem phim tài liệu, thảo luận nhóm.	CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà Xem lại nội dung bài cũ, làm bài tập cá nhân, đọc tài liệu cho bài hôm sau.		
6	Chương 6: Thất nghiệp và lạm phát		
	A/ Các nội dung học trên lớp 6.1. Thất nghiệp 6.1.1. Khái niệm và cách đo lường 6.1.2. Phân loại thất nghiệp 6.1.3. Tác động của thất nghiệp 6.1.4. Biện pháp kiểm soát thất nghiệp. 6.2. Lạm phát 6.2.1. Khái niệm và cách đo lường 6.2.2. Phân loại 6.2.3. Tác động của lạm phát 6.2.4. Các biện pháp kiểm soát lạm phát 6.3 Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp 6.3.1. Mối quan hệ trong ngắn hạn 6.3.2. Mối quan hệ trong dài hạn	Thuyết trình, thuyết giảng, mô hình hóa, động não, thảo luận nhóm	CELO1, CELO2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Xem lại nội dung bài cũ, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần						
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7
Module 1	M						
Module 2		M					
Module 3			M				
Module 4				M			
Module 5					M	M	
Module 6	M					L	
Module 7							M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Grygory Mankiw, Kinh tế học vĩ mô

7.2. Tài liệu tham khảo:

Phan Nữ Thanh Thủy, Trần Nguyễn Ngọc Anh Thu, kinh tế vĩ mô, nhà xuất bản Thống kê, 2013.

3. Giáo trình kinh tế học vĩ mô - Bộ Giáo dục và đào tạo

4. TS. Nguyễn Như Ý & ctv, Kinh tế vĩ mô, NXB kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2014

5. Bài tập kinh tế vĩ mô - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Câu hỏi trắc nghiệm và bài tập Kinh tế học Vĩ mô. Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

6. Tóm tắt – Bài tập – Trắc nghiệm Kinh tế vĩ mô. Trường Đại học Kinh tế TP HCM.

7. Kinh tế học vĩ mô, Robert J. Gordon, NXB Khoa học kỹ thuật.

8. Kinh tế học vĩ mô, David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch, NXB Thống kê.

9. Kinh tế học tập 2, Paul. A. Samuelson & William D. Nordhalls, NXB Thống kê.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% thời lượng các tiết học trên lớp dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

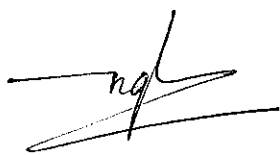
9. GVGD: ThS. Lê Thị Xoan

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



TS. Phạm Hải Châu



ThS. Lê Thị Xoan

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Nguyên lý kế toán

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN
Tiếng Việt:	Nguyên lý kế toán
Tiếng Anh:	Principles Accounting
Mã số học phần:	180215005
Thời điểm tiến hành:	Học kì 2
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Xác suất thống kê
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Nguyên lý kế toán là môn học thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán: khái niệm, định nghĩa, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị cụ thể. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những kiến thức nền tảng kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hệ thống kiến thức cơ bản liên quan đến đối tượng, nguyên tắc, phương pháp kế toán	ELO1, ELO2, ELO5
CG2	Giải thích những vấn đề cơ bản của nguyên lý kế toán; Giải thích công việc kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu; Trình bày quy trình kế toán cơ bản và đơn giản; Vận dụng các phương pháp kế toán để thực hiện một chu trình kế toán cơ bản	ELO1, ELO2, ELO3, ELO5
CG3	Làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.	ELO7, ELO8, ELO9
CG4	Có ý thức tuân thủ những nguyên tắc, những phương pháp kế toán; Luôn cẩn trọng khi thực hiện công việc liên quan đến kế toán.	ELO10, ELO12, ELO13

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Giải thích được bản chất cung cấp thông tin cho việc ra quyết định của kế toán và vai trò kế toán trong nền kinh tế	ELO1, ELO5
CELO2	Trình bày mục tiêu và nội dung của báo cáo tài chính; giải thích ý nghĩa thông tin trên các báo cáo tài chính trong việc ra quyết định;	ELO1, ELO5

CELO3	Giải thích các nguyên tắc kế toán và ảnh hưởng của chúng đến các nghiệp vụ kế toán;	ELO1, ELO2, ELO5
CELO4	Trình bày các nội dung cơ bản của hệ thống kế toán Việt Nam, từ đó ghi chép được vào chứng từ, sổ sách kế toán, lập, trình bày được các báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý	ELO1, ELO2, ELO5, ELO7
CELO5	Nhận dạng, phân tích các nghiệp vụ kinh tế cơ bản để phản ánh trên chứng từ, sổ sách và báo cáo tài chính.	ELO5, ELO7
CELO6	Đọc, hiểu, giải thích và phân tích số liệu kế toán ở mức ban đầu; Thực hiện định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách chính xác	ELO5, ELO7
CELO7	Nhận thức đúng đắn về đạo đức vai trò nghề nghiệp kế toán trong hoạt động kinh tế; sự cần thiết của tính trung thực, khách quan của số liệu kế toán	ELO10, ELO12, ELO13
CELO8	Thái độ trung thực, cẩn thận và tuân thủ chế độ, nguyên tắc, chuẩn mực kế toán trong quá trình thực hiện công tác kế toán.	ELO10, ELO12, ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	M	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
CELO2	M	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
CELO3	M	H	-	-	H	-	H	-	-	-	-	-	-
CELO4	M	H	-	-	H	-	H	-	-	-	-	-	-
CELO5	-	-	-	-	H	-	H	-	-	-	-	-	-
CELO6	-	-	-	-	H	-	H	-	-	-	-	-	-
CELO7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	H	-	H	H
CELO8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	H	-	H	H

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp động não
- Phương pháp học dựa trên vấn đề:
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp Nghiên cứu tình huống:

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thảo luận nhóm☐ Bài tập lớn☒ Thực hành☐

Khác☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70 %

+ Hình thức thi:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thực hành☐ Khác☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Tính chuyên cần	CELO 7,8	Liên tục	Tham dự đầy đủ	Quan sát	15%

	A1.2	Thái độ chủ động, tích cực trong học tập	CELO 7,8	Liên tục	Tham dự đầy đủ	Quan sát	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Bài kiểm tra	CELO 1,2,3,4,5,6	1 lần kiểm tra giữa kỳ	kết quả / đáp án	Tự luận Hiểu và áp dụng lý thuyết để làm bài tập đúng	15%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Bài kiểm tra	CELO 1,2,3,4,5,6	1 lần Thi cuối kỳ	kết quả / đáp án	Tự luận Hiểu và áp dụng lý thuyết để làm bài tập đúng	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về kế toán 1.1. Khái niệm về hạch toán kế toán 1.1.1. Hạch toán và các loại hạch toán 1.1.2. Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của kế toán trên thế giới 1.2. Định nghĩa và phân loại kế toán 1.2.1. Định nghĩa về kế toán 1.2.2. Phân loại kế toán 1.3. Đối tượng của kế toán 1.3.1. Khái niệm về đối tượng của kế toán 1.3.2. Đối tượng kế toán cụ thể trong đơn vị 1.4. Hệ thống các phương pháp kế toán 1.5. Môi trường kế toán 1.5.1. Môi trường kinh tế	Diễn giảng Thực hành Giải quyết vấn đề Tình huống	CELO2,3,4,5,6,7

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	1.5.2. Môi trường pháp lý 1.6. Các khái niệm và nguyên tắc kế toán cơ bản 1.6.1. Các khái niệm kế toán 1.6.2. Các nguyên tắc kế toán cơ bản 1.7. Yêu cầu và nhiệm vụ của kế toán 1.7.1. Yêu cầu 1.7.2. Nhiệm vụ của kế toán 1.7.3. Đạo đức nghề nghiệp kế toán		
2	Chương 2: Phương pháp tổng hợp – cân đối kế toán 2.1 Khái niệm và ý nghĩa phương pháp tổng hợp – cân đối kế toán 2.1.1 Khái niệm 2.1.2 Ý nghĩa của phương pháp tổng hợp cân đối 2.2 Hệ thống báo cáo tài chính 2.2.1 Mục đích của báo cáo tài chính 2.2.2. Bảng cân đối kế toán 2.2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2.2.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Diễn giảng Thực hành Giải quyết vấn đề Tình huống	CELO2,3,4,5,6,7
3	Chương 3: Tài khoản và ghi sổ kép 3.1. Tài khoản 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Kết cấu, nội dung tài khoản 3.1.3. Các nguyên tắc ghi chép vào tài khoản 3.2. Ghi sổ kép 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Nguyên tắc ghi sổ kép 3.2.3. Định khoản 3.3. Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp Việt Nam 3.3.1. Nội dung 3.3.2. Phân loại 3.4. Kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết 3.4.1. Khái niệm 3.4.2. Đặc điểm của kế toán	Diễn giảng Thực hành Giải quyết vấn đề Tình huống	CELO2,3,4,5,6,7

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	tổng hợp và kế toán chi tiết 3.4.3. Mối quan hệ giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết 3.4.4. Kiểm tra đối chiếu số liệu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết 3.5. Mối quan hệ giữa tài khoản và bảng cân đối kế toán 3.6. Kiểm tra số liệu ghi chép phản ánh trên tài khoản		
4	Chương 4: Tính giá các đối tượng kế toán		
	4.1. Khái niệm và ý nghĩa 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Ý nghĩa 4.2. Các nguyên tắc và nhân tố ảnh hưởng đến việc tính giá 4.2.1. Các nguyên tắc ảnh hưởng đến việc tính giá 4.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tính giá 4.3. Tính giá một số đối tượng kế toán chủ yếu 4.3.1. Tính giá tài sản cố định 4.3.2. Tính giá hàng tồn kho	Diễn giảng Thực hành Giải quyết vấn đề Tình huống	CELO2,3,4,5,6,7
5	Chương 5: Kế toán quá trình kinh doanh căn bản		
	5.1. Kế toán các yếu tố chủ yếu 5.1.1. Kế toán nguyên vật liệu 5.1.2. Kế toán tài sản cố định hữu hình 5.1.3. Kế toán công cụ, dụng cụ 5.1.4. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương 5.2. Kế toán quá trình sản xuất 5.2.1. Khái niệm 5.2.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp 5.2.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp 5.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung 5.2.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	Diễn giảng Thực hành Giải quyết vấn đề Tình huống	CELO2,3,4,5,6,7

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	5.3. Kế toán tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh 5.3.1. Khái niệm 5.3.2. Tài khoản sử dụng 5.3.3. Trình tự hạch toán 5.4. Kế toán quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp thương mại 5.5. Kế toán quá trình mua hàng		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần							
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8
Chương1	H	H	H	M	L	L	H	H
Chương2	M	M	H	H	M	H	H	H
Chương3	M	M	H	H	H	H	H	H
Chương4	M	M	H	H	H	H	H	H
Chương5	M	M	H	H	H	H	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1]. Khoa kế toán Bộ môn Nguyên lý kế toán, 2015, *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tái bản lần 5

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Thiều Thị Tâm, Trần Hồng Vân, Dương Hoàng Ngọc Khuê, Lê Quang Mẫn và Phạm Huỳnh Lan Vi, 2014, *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao Động, tái bản lần 1 có sửa chữa

[3]. Võ Văn Nhị, 2014, *Nguyên lý kế toán Tóm tắt lý thuyết – Bài tập*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

[4]. M.N. Arora, K.V. Achalapathi & S.Brinda, 2013, *Financial Accounting (B.Com-1st Year)*, 1st Edition

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

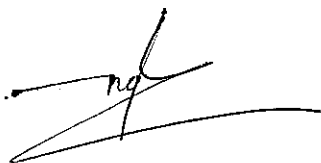
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. GVGD: ThS. Trần Thị Diễm Nga

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



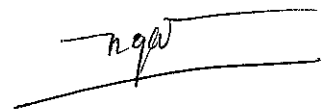
TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



TS. Phạm Hải Châu

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Trần Thị Diễm Nga



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Nguyên lý Marketing

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	NGUYÊN LÝ MARKETING
Tiếng Việt:	Nguyên lý Marketing
Tiếng Anh:	Principals of Marketing
Mã số học phần:	180115079
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 3
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức ngành	
☐ Kiến thức giáo dục đại cương	
☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	
☒ Kiến thức cơ sở ngành	
☐ Kiến thức ngành	
☐ Kiến thức chuyên ngành	
☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần nguyên lý marketing là học phần bắt buộc thuộc ngành Quản trị kinh doanh bao gồm 10 chương. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản, nền tảng về marketing và nguyên tắc thực hiện chiến lược marketing trong kinh doanh.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Giúp sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động marketing trong kinh doanh và biết được các yếu tố nền tảng cần thiết của hoạt động marketing.	ELO2, ELO3, ELO5
CG2	Sinh viên mô tả và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược marketing cũng như nội dung của chiến lược marketing.	ELO3, ELO4, ELO5, ELO6, ELO7, ELO10
CG3	Sinh viên có thể sáng tạo, xây dựng được chiến lược marketing cho một sản phẩm/ thương hiệu cụ thể trong một lĩnh vực/ ngành nghề kinh doanh bất kỳ một cách thuyết phục.	ELO4, ELO5, ELO6, ELO7, ELO9, ELO10
CG4	Sinh viên có thái độ chủ động, tích cực trong học tập và có ý thức trách nhiệm.	ELO11, ELO12, ELO13

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Biết được vai trò quan trọng của hoạt động marketing và các yếu tố nền tảng cần thiết của hoạt động marketing.	ELO2, ELO3, ELO5
CELO2	Sinh viên mô tả và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược marketing cũng như nội dung của chiến lược marketing.	ELO3, ELO4, ELO5, ELO6, ELO7, ELO10
CELO3	Sinh viên có thể sáng tạo, xây dựng được chiến lược marketing cho một sản phẩm/ thương hiệu cụ thể trong một lĩnh vực/ ngành nghề kinh doanh bất kỳ một cách thuyết phục.	ELO4, ELO5, ELO6, ELO7, ELO9, ELO10
CELO4	Sinh viên có thái độ chủ động, tích cực trong học tập và có ý thức trách nhiệm.	ELO11, ELO12, ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	
CELO1	H	H		H								
CELO2		H	H	H	H	H		H				
CELO3			H	H	H	H	H	H				
CELO4								H	H	H	H	

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp thuyết trình: giúp sinh viên đạt CDR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kỹ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

PP2. Phương pháp học dựa trên vấn đề: giúp đạt được chuẩn đầu ra về xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết;

PP3. Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

PP74 Phương pháp học dựa vào dự án: giúp đạt được chuẩn đầu ra về lập giả thuyết, triển khai, kỹ năng giao tiếp bằng viết, kỹ năng thuyết trình;

PP5. Nghiên cứu tình huống: giúp đạt được chuẩn đầu ra về đề ra các giải pháp, ước lượng và phân tích định tính

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40 %, bao gồm:

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐
Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60 %, bao gồm:

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập/ chuyên cần		15 buổi	Hiểu bài	Điểm danh/ Vấn đáp	20%
	A1.2	Bài tập nhóm theo chủ đề		1 lần	Nội dung, hình thức.	Quan sát	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Thuyết trình nhóm theo chủ đề		1 lần	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	Lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi, trả lời	20%
A2. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận		1 lần	Hiểu, giải thích được, phân tích được, đánh giá được và sáng tạo		60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về marketing		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1. Khái niệm về marketing 1.2. Các quan điểm về marketing 1.3. Quá trình marketing 1.4. Khái niệm marketing mix 1.5. Thách thức của Marketing trong thời đại mới	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp học dựa trên vấn đề	CELO1, CELO2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 1, 2		
2	Chương 2: Môi trường marketing		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Khái quát chung về môi trường marketing 2.2. Phân tích môi trường vĩ mô 2.3. Phân tích môi trường vi mô 2.4. Phân tích môi trường nội vi 2.5. Phân tích ma trận SWOT	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 3		
3	Chương 3: Hệ thống thông tin marketing		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Hệ thống thông tin marketing 3.2. Nghiên cứu marketing 3.2. Quá trình thực hiện nghiên cứu marketing	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO1, CELO2, CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 4		
4	Chương 4: Hành vi khách hàng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Khái quát chung về hành vi khách hàng và các yếu tố ảnh hưởng 4.2. Tiến trình mua hàng 4.3. Phân tích hành vi khách hàng là người tiêu dùng	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	4.4. Phân tích hành vi khách hàng tổ chức		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 5, 6		
	Chương 5: Chiến lược marketing		
5	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Các chiến lược marketing 5.2. Thị trường và thị trường mục tiêu 5.3. Phân khúc thị trường và chọn thị trường mục tiêu 5.4. Định vị và khác biệt hóa	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 7, 8		
	Chương 6: Chiến lược sản phẩm		
6	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1. Khái niệm chiến lược sản phẩm 6.2. Các cấp độ của sản phẩm 6.3. Nội dung của chiến lược sản phẩm xanh 6.4. Phát triển sản phẩm mới 6.5. Chu kỳ sống sản phẩm	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 8, 9		
	Chương 7: Chiến lược giá		
7	A/ Các nội dung chính trên lớp: 7.1. Khái niệm chiến lược giá 7.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến định giá 7.3. Các phương pháp định giá 7.4. Các chiến lược định giá điển hình 7.5. Quy trình định giá sản phẩm	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 10, 11		
	Chương 8: Chiến lược phân phối		
8	A/ Các nội dung chính trên lớp: 8.1. Tổng quan về phân phối 8.2. Các hình thức của phân phối 8.3. Thiết kế kênh phân phối 8.4. Các chiến lược phân phối	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 12, 13		
9	Chương 9: Chiến lược truyền thông		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 9.1. Khái quát về chiến lược truyền thông 9.2. Mô hình truyền thông 9.3. Thiết kế chiến lược truyền thông 9.4. Các công cụ của truyền thông	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 14, 15, 16 và 17.		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO..	CELO...
Module 1	H	H				
Module 2	H	H	H	H		
Module 3	H	H	H			
Module 4		H	H	H		
Module 5		H	H	H		
Module 6		H	H	H		
Module 7		H	H	H		
Module 8		H	H	H		
Module 9		H	H	H		

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Philip Kotler & Gary Armstrong (Bản dịch), *Nguyên lý tiếp thị*, NXB Lao Động Xã hội, 2012.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Tập thể giảng viên Khoa Kinh tế TNTN, *Marketing căn bản*, Lưu hành nội bộ, 2017.

[3] Philip Kotler & Gary Armstrong, *Principles of marketing*, Pearson, 2017.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chậm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

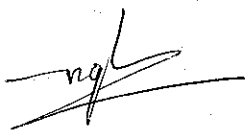
9. GVGD: TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt, ThS. Nguyễn Thị Bích Duyên

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

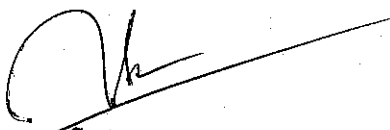
TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh



ThS. Nguyễn Thị Bích Duyên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị học

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ HỌC
Tiếng Việt:	Quản trị học
Tiếng Anh:	Management
Mã số học phần:	180115096
Thời điểm tiến hành:	Học kì 1
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Quản trị học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này tập trung vào các khái niệm và các tư tưởng, các chức năng quản trị, kỹ năng quản trị, sự ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của tổ chức, các nguyên tắc, quy trình, mô hình, và công cụ làm nền tảng cho các học phần chuyên ngành và cho thực hành quản trị một tổ chức. Học phần quản trị học giúp sinh viên phát triển được kỹ năng thực hành và thái độ tích cực để áp dụng các lý thuyết đã học vào các tình huống thực tế.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hiểu biết tổng quan về hoạt động quản trị, nhà quản trị với các kỹ năng cần có và những vai trò, chức năng nhiệm vụ phải làm	ELO 2
CG2	Xác định được những nhân tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp để sẵn sàng thích ứng	ELO3
CG3	Nhận thức được vai trò của thông tin và quyết định quản trị, nắm vững các mô hình và quy trình ra quyết định	ELO3, ELO4
CG4	Nắm vững các chức năng quản trị và quy trình tổ chức thực hiện từng chức năng quản trị	ELO4, ELO5, ELO6, ELO10
CG5	Có khả năng tốt trong làm việc với các thành viên trong và ngoài tổ chức, khả năng tốt về giao tiếp và thuyết phục	ELO9, ELO10, ELO12, ELO13
CG6	Thái độ tích cực, chủ động, nghiêm túc trong học tập và làm việc	ELO11, ELO12

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nắm bắt được những kiến thức cơ bản về quản trị: khái niệm, chức năng của quản trị; vai trò, kỹ năng của nhà quản trị và các cấp bậc quản trị trong tổ chức	ELO2, ELO4
CELO2	Phân tích được các phương pháp quản trị trong từng trường phái và sự đóng góp của từng trường phái quản trị	ELO4, ELO5
CELO3	Nhận diện được các cơ hội và nguy cơ ảnh hưởng đến doanh nghiệp cũng như các điểm mạnh và điểm yếu của doanh nghiệp	ELO3, ELO4, ELO5, ELO12
CELO4	Mô tả được các mô hình ra quyết định quản trị và quy trình ra quyết định quản trị	ELO5
CELO5	Phân tích được các bước của tiến trình hoạch định, nắm được các bước thiết lập ma trận SWOT	ELO5, ELO9, ELO11
CELO6	Khái quát được các phương thức xây dựng bộ máy tổ chức và mô tả được các kiểu cơ cấu quản trị và cơ chế áp dụng của từng kiểu	ELO5
CELO7	Mô tả được các phong cách lãnh đạo và phân tích được các lý thuyết động viên	ELO5, ELO9, ELO11
CELO8	Mô tả được tiến trình kiểm soát	ELO5
CELO9	Phát triển được kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm	ELO9, ELO12,

	thông qua việc thực hiện các bài tập cá nhân và bài tập nhóm	ELO13
CELO10	Phát triển được khả năng tự học hỏi để phát triển bản thân	ELO13
CELO11	Phát triển thái độ tích cực và học tập chủ động phát triển bản thân	ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT									
	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	H	-	L	-	-	-	-	-	-	-
CELO2	-	-	M	L	-	-	-	-	-	-
CELO3	-	H	H	M	-	-	-	-	H	-
CELO4	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-
CELO5	-	-	-	H	-	H	-	L	-	-
CELO6	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-
CELO7	-	-	-	H	-	H	-	L	-	-
CELO8	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-
CELO9	-	-	-	-	-	H	-	-	H	M
CELO10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M
CELO11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	H

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Học phần này được giảng dạy với sự kết hợp các phương pháp: thuyết giảng, nêu vấn đề, thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm. Có sự tương tác giữa giảng viên với học viên và giữa các học viên với nhau. Học viên sẽ làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, phân tích các sự kiện, sáng tạo để giải quyết các bài tập được giao.

Phương pháp học tập: Sinh viên phải:

- Đọc tài liệu và làm bài trước các buổi giảng
- Tập trung nghe giảng trên lớp
- Chủ động tham gia vào các hoạt động làm việc nhóm
- Phân tích và đánh giá các vấn đề quản trị cũng như sáng tạo để giải quyết những vấn đề thực tiễn

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Thuyết trình nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐
Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập, chuyên cần	CELO 10 CELO 11	10 lần/ Trong suốt các buổi học	Đi học đầy đủ, thái độ tích cực, có trách nhiệm	PP viết	5%
	A1.2	Bài nghiên cứu tình huống	CELO 3 CELO 5 CELO 9	2 lần / Giao từ buổi học đầu, thu bài thứ nhất vào buổi học thứ 5, bài thứ hai vào buổi học thứ 9	Liên hệ thực tiễn và rút ra bài học	PP viết	5%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Bài tập nhóm thuyết trình	CELO 4 CELO 5 CELO 7 CELO 9 CELO10 CELO11	1 lần / giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 5 trở đi	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	PP quan sát	20%

A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5 CELO 6 CELO 7 CELO 8	1 lần/ Thi kết thúc học phần	Hiểu, thích được, đánh giá được. Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về quản trị		
	Nhập môn: - Giới thiệu về môn học: nội dung chính, vai trò của môn học, phương pháp tiếp cận môn học, cách thức tổ chức dạy và học, chuẩn đầu ra của môn học. - Nêu phương thức đánh giá - Giới thiệu tài liệu chính và tài liệu tham khảo - Tiến hành chia nhóm Chương 1: A/ Nội dung chính trên lớp: 1.1. Các khái niệm và thuật ngữ 1.2. Vai trò của nhà quản trị	Kết hợp các phương pháp: - Nêu vấn đề - Thuyết giảng	CELO1
	B/ Nội dung tự học: - Ôn lại bài đã học - Đọc trước tài liệu phần còn lại của Chương 1		CELO1, CELO10, CELO11
2	Chương 1: (tt)		
	A/ Nội dung chính trên lớp: 1.3. Các cấp bậc quản trị 1.4. Các kỹ năng của nhà quản trị 1.5. Các chức năng của quản trị 1.6. Khoa học và nghệ thuật quản trị	Kết hợp các phương pháp: - Nêu vấn đề - Thuyết giảng	CELO1, CELO10
	B/ Nội dung tự học: Đọc trước tài liệu Chương 2		CELO2, CELO10, CELO11
3	Chương 2: Sự phát triển của		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	các tư tưởng quản trị		
	A/ Nội dung chính trên lớp: 2.1 Tổng quan quá trình phát triển của các lý thuyết quản trị 2.2 Các trường phái quản trị 2.3 Vận dụng lý thuyết quản trị	Kết hợp các phương pháp: - Nêu vấn đề - Thuyết giảng	CELO2, CELO9, CELO10, CELO11
	B/ Nội dung tự học: Đọc trước tài liệu Chương 3		CELO3, CELO10, CELO11
	Chương 3: Môi trường hoạt động của tổ chức		
	A/ Nội dung chính trên lớp 3.1 Khái niệm và vai trò của việc nghiên cứu môi trường 3.2 Phân loại môi trường 3.3 Phân tích sự ảnh hưởng của môi trường đối với hoạt động của tổ chức 3.3.1 Sự ảnh hưởng của môi trường vĩ mô	Kết hợp các phương pháp: - Nêu vấn đề - Nghiên cứu tình huống - Thảo luận nhóm	CELO3, CELO9, CELO10, CELO11
4	B/ Nội dung tự học: Làm bài tập được giao về nhà và đọc trước tài liệu phần còn lại của Chương 3		CELO3, CELO9, CELO10, CELO11
	Chương 3: (tt)		
	A/ Nội dung chính trên lớp 3.3.2 Sự ảnh hưởng của môi trường vi mô	Kết hợp các phương pháp: - Nêu vấn đề - Nghiên cứu tình huống - Thảo luận nhóm	CELO3, CELO9, CELO10, CELO11
5	B/ Nội dung tự học: Làm bài tập được giao về nhà và đọc trước tài liệu Chương 4		CELO4, CELO10, CELO11
	Chương 4: Quyết định quản trị		
	A/ Nội dung chính trên lớp 4.1 Khái niệm, phân loại, vai trò của thông tin trong việc ra quyết định 4.2 Khái niệm quyết định quản trị	Kết hợp các phương pháp: - Bài tập cá nhân - Thuyết giảng	CELO4, CELO9, CELO10, CELO11

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	4.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến ra quyết định		
	B/ Nội dung tự học - Đọc trước tài liệu phần còn lại của Chương 4 - Chuẩn bị bài thuyết trình Chương 4		CELO4, CELO10, CELO11
	Chương 4 (tt)		
7	A/ Nội dung chính trên lớp 4.4 Tiến trình ra quyết định 4.5 Các mô hình ra quyết định 4.6 Ra quyết định tốt hơn	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình nhóm - Thảo luận nhóm (đặt câu hỏi và trả lời) - Thuyết giảng	CELO4, CELO9, CELO10, CELO11
	B/ Nội dung tự học - Đọc trước tài liệu Chương 5 - Chuẩn bị bài thuyết trình Chương 5		CELO5, CELO10, CELO11
	Chương 5: Hoạch định		
8	A/ Nội dung chính trên lớp 5.1 Khái niệm, vai trò và phân loại hoạch định 5.2 Tiến trình hoạch định	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Thuyết giảng	CELO5, CELO9, CELO10, CELO11
	B/ Nội dung tự học Đọc tài liệu phần còn lại của Chương 5		CELO5, CELO10, CELO11
	Chương 5 (tt)		
9	A/ Nội dung chính trên lớp 5.3 Ma trận SWOT	Kết hợp các phương pháp: - Nghiên cứu tình huống - Thảo luận nhóm - Thuyết giảng	CELO5, CELO9, CELO10, CELO11
	B/ Nội dung tự học - Làm bài tập được giao - Đọc tài liệu Chương 6		CELO6, CELO9, CELO10, CELO11
	Chương 6: Tổ chức		
10	A/ Nội dung chính trên lớp 6.1 Tổ chức 6.2 Nguyên tắc xây dựng bộ máy	Kết hợp các phương pháp: - Thảo luận nhóm - Thuyết giảng	CELO6, CELO9, CELO10, CELO11

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	tổ chức 6.3 Những vấn đề khoa học của tổ chức		
	B/ Nội dung tự học - Đọc tài liệu phần còn lại của Chương 6		CELO6, CELO10, CELO11
	Chương 6 (tt)		
11	A/ Nội dung chính trên lớp 6.4 Các tiêu thức khi xây dựng bộ máy tổ chức 6.5 Các kiểu bộ máy tổ chức 6.6 Tiến trình tổ chức bộ máy	Kết hợp các phương pháp: - Thảo luận nhóm - Thuyết giảng	CELO6, CELO9, CELO10, CELO11
	B/ Nội dung tự học - Đọc tài liệu Chương 7 - Chuẩn bị bài thuyết trình Chương 7		CELO7, CELO9, CELO10, CELO11
	Chương 7: Lãnh đạo		
12	A/ Nội dung chính trên lớp 7.1 Khái niệm 7.2 Phân biệt Quản trị và Lãnh đạo 7.3 Các lý thuyết động viên	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình nhóm - Thảo luận nhóm - Thuyết giảng	CELO7, CELO9, CELO10, CELO11
	B/ Nội dung tự học - Đọc tài liệu phần còn lại của Chương 7		CELO8, CELO10, CELO11
	Chương 7 (tt)		
13	A/ Nội dung chính trên lớp 7.3 (tt) 7.4 Lựa chọn phương pháp lãnh đạo 7.5 Quản trị xung đột	Kết hợp các phương pháp: - Thảo luận nhóm - Thuyết giảng	CELO7, CELO9, CELO10, CELO11
	B/ Nội dung tự học - Đọc tài liệu Chương 8		CELO8, CELO10, CELO11
	Chương 8: Kiểm soát		
14	A/ Nội dung chính trên lớp 8.1 Khái niệm và phân loại kiểm soát	Kết hợp các phương pháp: - Thảo luận nhóm - Thuyết giảng	CELO8, CELO9, CELO10, CELO11

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	8.2 Tiến trình kiểm soát		
	B/ Nội dung tự học - Đọc tài liệu phần còn lại của Chương 8		CELO8, CELO10, CELO11
	Chương 8 (tt)	-	
15	A/ Nội dung học trên lớp 8.3 Nguyên tắc kiểm soát 8.4 Các công cụ kiểm soát	Kết hợp các phương pháp: - Thảo luận nhóm - Thuyết giảng	CELO8, CELO9, CELO10, CELO11
	B/ Nội dung tự học Sinh viên tự ôn tập		CELO9, CELO10, CELO11

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần										
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO 7	CELO 8	CELO9	CELO10	CELO11
Module 1	H								M	M	M
Module 2		H							M	M	M
Module 3			H						H	H	H
Module 4				H					H	H	M
Module 5					H				H	H	M
Module 6						H			M	M	M
Module 7							H		H	H	H
Module 8								H	M	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Tập thể tác giả Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM, *Quản trị học*. Nhà xuất bản Kinh tế Tp.HCM, 2015

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. H. Koontz, C. Odonnell, H. Weirich, *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*. Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật Hà Nội, 1998.

2. Stephen P. Robbins, Mary Coulter, *Management*, (11th Edition). Pearson Education, 2010.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

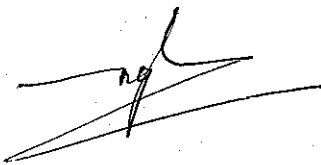
9. GVGD: ThS. Hoàng Thị Vân, ThS. Nguyễn Hoàng An, ThS. Phạm Hải Châu

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

PHỤ TRÁCH KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh



ThS. Hoàng Thị Vân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Tài chính-tiền tệ

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ ✓
Tiếng Việt:	Tài chính-Tiền tệ ✓
Tiếng Anh:	Finance-Monetary ✓
Mã số học phần:	180215030 ✓
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 3 ✓
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ ✓
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết ✓
Số tiết lý thuyết:	30 tiết ✓
Số tiết bài tập:	15 tiết ✓
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Kinh tế

h

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần được học tại học kỳ 1 năm 2 của chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên. Thông qua học phần, người học sẽ nắm bắt được các vấn đề mang tính lý luận lẫn thực tiễn về hệ thống tài chính quốc gia, nguyên tắc hoạt động của các trung gian tài chính. Đây là những kiến thức nền tảng bắt buộc phải nắm vững để tiếp tục học các môn học khác trong chuyên ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên như Quản trị tài chính, Kinh tế công, Kinh tế phát triển, Định giá tài nguyên môi trường.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tài chính và hệ thống tài chính, hoạt động và các công cụ trên thị trường tài chính, hoạt động của ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính phi ngân hàng, các lý thuyết tài chính như lý thuyết lượng cầu tài sản, lý thuyết dự tính, lý thuyết môi trường ưu tiên...	ELO 5
CG2	Giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng chuyên môn như kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính;	ELO 9
CG3	Giúp cho sinh viên phát triển phương pháp tư duy kinh tế và ứng dụng các công cụ tài chính vào phân tích những sự kiện, hiện tượng, chính sách trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, các trung gian tài chính;	ELO 7
CG4	Giúp sinh viên có khả năng làm việc nhóm, khả năng giao tiếp một cách hiệu quả thông qua các bài tập nhóm và thuyết trình.	ELO 8

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nắm vững các kiến thức về tài chính và hệ thống tài chính.	ELO5
CELO2	Phân tích và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính và hệ thống tài chính.	ELO5, ELO9
CELO3	Ứng dụng các công cụ tài chính trên thị trường tài chính và chính sách tài chính.	ELO7, ELO5

CELO4	Khả năng đọc hiểu và nhận định các thông tin liên quan đến lĩnh vực tài chính	ELO6, ELO9
CELO5	Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình những vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính.	ELO8, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1					H								
CELO2					H				H				
CELO3					H		M						
CELO4						M			M				
CELO5								H				M	

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Quá trình giảng dạy và học tập môn học được tiếp cận theo hướng “sinh viên là trung tâm”, sinh viên cần tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động. Các kết quả học tập đạt được thông qua việc thực hiện đa dạng các hoạt động học tập cả trong và ngoài lớp học.

Giáo viên cung cấp bài giảng, một số bài đọc thêm ngay từ đầu khóa, sinh viên tự chuẩn bị giáo trình chính. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ tự tìm các bài đọc thêm theo yêu cầu và hướng dẫn của giáo viên. Sinh viên cần đọc trước giáo trình để nắm bắt tốt hơn khi nghe giảng, trong quá trình nghe giảng sinh viên cần tập trung và thực hiện những ghi chép cần thiết. Bài giảng tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung liên quan đến chứng minh, luận giải vấn đề sẽ được trình bày trong quá trình thuyết giảng kết hợp thảo luận tại lớp. Trong quá trình thuyết giảng, giáo viên có thể phát triển mở rộng thêm vấn đề tùy vào khả năng lĩnh hội và thời gian của từng lớp.

Tại lớp, giảng viên diễn giải các khái niệm, nguyên lý cơ bản và đưa ra các vấn đề, hướng dẫn và khơi gợi cho sinh viên giải quyết và khám phá, giáo viên sẽ giúp điều chỉnh và tóm tắt nội dung. Giáo viên cũng sẽ thực hiện các tính toán, phân tích mẫu. Sau mỗi buổi học giáo viên sẽ đưa ra các yêu cầu cho sinh viên liên quan đến

bài đã học và những nội dung sẽ học kế tiếp (vấn đề suy nghĩ – thảo luận, bài đọc, bài tập cá nhân, bài tập nhóm).

Sinh viên lĩnh hội, phát triển kiến thức và trau dồi kỹ năng thông qua nghe giảng, thảo luận, đọc sách và các bài nghiên cứu lý thuyết, các phân tích thực tế và thực hiện các bài tập giáo viên yêu cầu.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập ☒ Thực hành ☐
Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CDR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá / thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1: Thái độ học tập	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1	Thường xuyên	Tham dự đầy đủ các buổi học	Quan sát, đặt câu hỏi	10%
	A1.2: Tham gia các bài học trên lớp	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2	Thường xuyên	Tham dự đầy đủ các buổi học	Đặt câu hỏi, thảo luận	
	A1.3: Thuyết trình/bài	Kiến thức, kỹ năng thuyết	CELO3,4,5	Bắt đầu tuần thứ 3 của môn	Kết quả	Trả lời câu hỏi của giảng viên và các	

	tập	trình, trả lời câu hỏi		học		thành viên trong lớp	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1: Thuyết trình theo nhóm	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO4,5	Bắt đầu tuần thứ 3 của môn học	Kết quả	Trả lời câu hỏi của giảng viên và các thành viên trong lớp	20%
	A2.2: Trình bày bài tập cá nhân	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO4,5	Bắt đầu tuần thứ 3 của môn học	Kết quả	Trình bày các bài tập được giao	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1: Tự luận	Kiến thức, kỹ năng đọc và hiểu thông tin trên thị trường	CELO1,2,3,4,5	1 lần thi cuối kì	Kết quả/ đáp án	30%:Đúng/sai 30%: Bài tập 40%: Bài viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về thị trường tài chính		
	A/ Các nội dung: 1.1. Khái niệm thị trường tài chính 1.2. Chức năng của thị trường tài chính 1.3. Cấu trúc của thị trường tài chính 1.3.1. Căn cứ vào phương thức luân chuyển vốn 1.3.2. Căn cứ vào thời hạn luân chuyển vốn 1.3.3. Căn cứ vào tính chất hoàn trả; mục đích hoạt động; phương thức tổ chức 1.4. Các công cụ lưu thông trên thị trường tài chính 1.4.1. Các công cụ lưu thông trên thị trường vốn 1.4.2. Các công cụ lưu thông trên thị trường tiền tệ	Giảng viên diễn giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO 1,4,5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu chương 1		
2	Chương 1: Tổng quan về thị trường tài chính		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.5 Các chủ thể tham gia thị trường tài	Giảng viên diễn	CELO 1,4,5

	chính 1.5.1 Các nhà phát hành 1.5.2 Các nhà đầu tư 1.5.3 Các nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ 1.5.4 Các nhà quản lý 1.6 Mối quan hệ giữa các bộ phận của thị trường tài chính 1.6.1 Thị trường vốn và thị trường tiền tệ 1.6.2 Thị trường vốn và thị trường ngoại hối 1.7 Hệ thống tài chính	giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu phần Hệ thống tài chính Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp		
3	Chương 2: Thông tin bất cân xứng và vai trò của các định chế tài chính trung gian		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1 Khái niệm 2.1.1 Chi phí giao dịch 2.1.2 Thông tin bất cân xứng 2.1.3 Lựa chọn nghịch và rủi ro đạo đức	Giảng viên diễn giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO1,2,4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
4	Chương 2: Thông tin bất cân xứng và vai trò của các định chế tài chính trung gian		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.2 Vấn đề lựa chọn nghịch và các công cụ giải quyết 2.2.1 Ảnh hưởng của lựa chọn nghịch đến cấu trúc tài chính 2.2.2 Các công cụ giải quyết vấn đề lựa chọn nghịch	Giảng viên diễn giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO1,2,4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		

	Chương 2: Thông tin bất cân xứng và vai trò của các định chế tài chính trung gian		
5	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.3. Rủi ro đạo đức và các công cụ giải quyết 2.3.1. Rủi ro đạo đức trong hợp đồn vốn 2.3.2. Các công cụ giải quyết vấn đề cổ đông và nhà quản lý 2.4. Các định chế tài chính trung gian 2.4.1. Vai trò của các định chế tài chính trung gian trong việc giảm chi phí giao dịch 2.4.2. Ngân hàng thương mại	Giảng viên diễn giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO1,2,4
6	2.4.3. Các tổ chức tài chính phi ngân hàng 2.4.3.1. So sánh các tổ chức tài chính phi ngân hàng và ngân hàng thương mại 2.4.3.2. Công ty tài chính 2.4.3.3. Công ty bảo hiểm 2.4.3.4. Quỹ đầu tư 2.4.3.5. Các tổ chức khác B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc thông tin về các tổ chức tài chính Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
7	Chương 3: Lý thuyết lượng cầu tài sản A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1 Các yếu tố xác định cầu tài sản 3.1.1 Cửa cải 3.1.2 Suất sinh lời dự tính 3.1.3 Rủi ro 3.1.4 Tính thanh khoản 3.2. Lý thuyết lượng cầu tài sản B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 3.3. Lượng cầu tài sản, thông tin và sự biến động tương quan giữa các thị trường Sinh viên đọc tài liệu Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm	Giảng viên diễn giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO1,2,5
8	Chương 4: Lãi suất A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Khái niệm về lãi suất	- Giảng viên diễn	CELO1,3,4

	4.1.1. Lãi suất 4.1.2. Lãi suất danh nghĩa và lãi suất thực 4.1.2.1. Lãi suất danh nghĩa 4.1.2.2. Lãi suất thực 4.1.2.3. Phương trình Fisher 4.2. Đo lường lãi suất 4.2.1. Các dạng cơ bản của công cụ tín dụng 4.2.2. Giá trị thời gian của tiền tệ 4.2.3. Lợi suất đáo hạn (YTM)	giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận - Giảng viên giao bài tập; sinh viên giải các bài tập	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
9	Chương 4: Lãi suất		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.2. Đo lường lãi suất 4.2.4. Các phương pháp đo lường lãi suất khác 4.2.4.1. Lợi suất hiện hành 4.2.4.2. Lợi suất chiết khấu 4.2.5. Lãi suất và tỷ suất lợi nhuận 4.3. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến lãi suất 4.3.1. Lý thuyết khuôn mẫu tiền vay (thị trường trái phiếu) 4.3.1.1. Cân bằng thị trường trái phiếu 4.3.1.2. Các yếu tố làm thay đổi lãi suất cân bằng 4.3.2. Lý thuyết khuôn mẫu ưa thích tính thanh khoản (thị trường của tiền) 4.3.2.1. Thay đổi lãi suất cân bằng trên thị trường của tiền tệ 4.3.2.2. Tác động của tăng cung tiền lên lãi suất		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		

10	Chương 4: Lãi suất		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 4.4. Cấu trúc rủi ro và cấu trúc kỳ hạn của lãi suất 4.4.1. Cấu trúc rủi ro của lãi suất 4.4.1.1. Rủi ro phá sản 4.4.1.2. Tính thanh khoản 4.4.1.3. Thuế thu nhập		CELO1,3,4
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Sinh viên đọc tài liệu Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
11	Chương 4: Lãi suất		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> Làm các bài tập về lãi suất		CELO1,3,4
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Sinh viên đọc tài liệu Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
12	Chương 4: Lãi suất		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> Làm các bài tập về lãi suất Làm bài kiểm tra tại lớp		CELO1,3,4
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Sinh viên đọc tài liệu Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
13	Chương 5: Những vấn đề cơ bản về tỷ giá		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 5.1 Khái niệm và phương pháp yết tỷ giá 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Vai trò của tỷ giá 5.1.3 Phương pháp yết tỷ giá	Giảng viên diễn giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO1,3,4
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Sinh viên đọc tài liệu Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm Chính sách tỷ giá		
14	Chương 5: Những vấn đề cơ bản về tỷ giá		

	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.2 Cơ sở hình thành tỷ giá trong ngắn hạn và dài hạn 5.2.1 Quy luật một giá 5.2.2 Thuyết ngang bằng sức mua 5.2.3 Các yếu tố tác động lên tỷ giá trong ngắn hạn và dài hạn 5.2.4 Cân bằng trên thị trường ngoại hối 5.3 Chế độ tỷ giá Bài tập về tỷ giá		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chính sách tỷ giá		
15	Ôn tập Sinh viên tự ôn tập tất cả các chương	Giảng viên ôn tập, giải đáp các câu hỏi của sinh viên	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO 1	CELO2	CELO 3	CELO4	CELO5
Module 1	H			M	M
Module 2	H	M		M	
Module 3	H	M			H
Module 4	H		H	H	
Module 5	H		H	H	

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Frederic S. Mishkin, Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính, bản dịch tiếng Việt, NXB ĐH Kinh tế quốc dân 2015. (Các chương: 1, 3-9, 12 và 13)

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Luân, Trần Việt Hoàng, Cung Trần Việt, Các nguyên lý tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính, NXB ĐHQG TP. HCM 2007.

2. Frederic S. Mishkin, The economics of money, banking and financial markets, 10th edition.

3. Peter Rose, Money and capital markets, 10th edition.

4. Các số của các tạp chí: Tài chính tiền tệ, Thị trường tài chính tiền tệ, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Ngân hàng...

5. Các website: www.vneconomy.vn,
www.tinnhanhchungkhoan.vn, www.sbv.gov.vn

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. GVGD: ThS. Trần Huy Khôi, ThS. Phạm Hải Châu

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



ThS. Phạm Hải Châu



ThS. Trần Huy Khôi



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KHOA HỌC ĐẠI CƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: TOÁN KINH TẾ

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	
Tiếng Việt:	Toán kinh tế
Tiếng Anh:	<i>Econometrics</i>
Mã số học phần:	11 11 1 5007
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ II
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	43 tiết
Số tiết bài tập:	... tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	... tiết
Số tiết thực tập:	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	2 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Hoàn thành chương trình Toán cao cấp 1, Toán cao cấp 2, Xác suất thống kê
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Toán – Khoa Khoa học Đại cương

2. Mô tả học phần (Course Description)

Hướng dẫn thực hiện:

Được thực hiện trong học kỳ III của sinh viên nhằm Trang bị cho sinh viên những kiến thức về toán để vận dụng trong kinh tế, nắm được các thuật toán để tìm được phương án tối ưu nhất của bài toán, từ đó giải quyết công việc một cách tối ưu nhất, tìm được phương pháp lựa chọn tối ưu trong quản lý sản xuất – kinh doanh... .

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Các ví dụ dẫn đến bài toán quy hoạch tuyến tính, Các dạng bài toán quy hoạch tuyến tính, Một số tính chất của bài toán quy hoạch tuyến tính.	ELO 1, ELO 2, ELO 3
CG2	Cơ sở của phương pháp đơn hình, Thuật toán đơn hình, Tìm phương án cực biên và cơ sở ban đầu, Cách lập bài toán đối ngẫu, Các định lý đối ngẫu, Phương pháp đơn hình đối ngẫu.	ELO3, ELO 4, ELO 5, ELO 6, ELO 8, ELO 11, ELO 13
CG3	Bài toán vận tải cân bằng Thu – Phát, Dây chuyền, vòng, ô chọn, ô loại, phương án không suy biến, Các tính chất, Xây dựng thuật toán, Các dạng đặc biệt của bài toán vận tải.	ELO3, ELO 4, ELO 5, ELO 6, ELO 8, ELO 11, ELO 13
CG4	Một số ví dụ dẫn đến sơ đồ mạng Pert, Chỉ tiêu thời gian đối với các sự kiện, Chỉ tiêu thời gian đối với công việc, Ý nghĩa thực tiễn của phương pháp Pert.	ELO3, ELO 4, ELO 5, ELO 6, ELO 8, ELO 11, ELO 13

KĐC: Môn học thuộc khoa KH Đại cương, KKT: Môn học thuộc khối kỹ thuật, KQL: Môn học thuộc khối quản lý

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	- Vận dụng môn học để nghiên cứu các vấn đề trong kinh tế.	ELO 1, ELO 2, ELO 3
CELO2	- Nhận ra các mô hình Kinh tế đơn giản và ứng dụng vào các bài toán thuộc chuyên - ngành học của mình.	ELO3, ELO 4, ELO 5, ELO 6

CELO3	- Ngoài ra sinh viên có thể sử dụng được một số phần mềm để giải các bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải (Excel, R, SPSS).	ELO 8
CELO4	- Sinh viên có thể trau dồi kỹ năng tự nghiên cứu và kỹ năng làm việc theo nhóm.	ELO 11, ELO 13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT												
	ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9	ELO 10	ELO 11	ELO 12	ELO 13
CELO1	H	H	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L
CELO2	M	H	H	H	H	H	M	H	M	M	H	M	H
CELO3	L	L	M	H	H	H	L	H	L	M	H	M	H
CELO4	L	L	M	H	H	H	H	H	L	L	H	L	H

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

PP1. Phương pháp thuyết trình: giúp sinh viên đạt CDR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kỹ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

PP2. Phương pháp động não: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;

PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ: giúp đạt được chuẩn đầu ra về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phản biện;

PP4. Phương pháp học dựa trên vấn đề: giúp đạt được chuẩn đầu ra về xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết;

PP5. Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;

- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- ...

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %

+ Hình thức đánh giá: Làm bài kiểm tra

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi: Làm bài thi

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	Bài tập về nhà, trên lớp	Chương 1, 2, 3, 4,5	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1-3 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận hoặc trắc nghiệm) , PP phỏng vấn	30%
	Bài kiểm tra giữa kỳ (tự luận)	Chương 1, 2,3	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận)	
A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ (tự luận)	Chương 1, 2, 3, 4,5	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra

			của học phần
	Chương 1. Quy hoạch tuyến tính.		
1	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1. Các ví dụ dẫn đến bài toán quy hoạch tuyến tính. 1.2. Các dạng của bài toán quy hoạch tuyến tính.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Phương pháp gauss giải hệ phương trình tuyến tính - Làm bài tập .		
2	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.2.1. Dạng tổng quát. 1.2.2. Dạng chính tắc. 1.3. Một số tính chất của bài toán quy hoạch tuyến tính.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
	Chương 2. Phương pháp đơn hình.		
3	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Cơ sở của phương pháp đơn hình. 2.2. Thuật toán đơn hình.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
4	2.2. Thuật toán đơn hình.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO3, CELO4

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
5	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.3. Tìm phương án cực biên và cơ sở ban đầu.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
	Chương 3. Quy hoạch tuyến tính đối ngẫu.		
6	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Cách thành lập bài toán đối ngẫu. 3.2. Các định lý đối ngẫu.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
7	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.2. Các định lý đối ngẫu. 3.3. Phương pháp đơn hình đối ngẫu.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.3. Phương pháp đơn hình đối ngẫu.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn	CELO1, CELO3

8		đáp, hoạt động theo nhóm	CELO4
	Kiểm tra		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
10	Chương 4. Bài toán vận tải.		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Bài toán vận tải cân bằng thu - phát. 4.2. Dây chuyền, vòng, ô chọn, ô loại, phương án không suy biến.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
11	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.2. Dây chuyền, vòng, ô chọn, ô loại, phương án không suy biến. 4.3. Các tính chất.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
12	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.4. Xây dựng thuật toán. 4.5. Các dạng đặc biệt của bài toán vận tải.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		

13	Chương 5. Phương pháp sơ đồ mạng Pert.		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Một số ví dụ dẫn đến sơ đồ mạng Pert. 5.2. Chỉ tiêu thời gian đối với các sự kiện.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
14	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.2. Chỉ tiêu thời gian đối với các sự kiện. 5.3. Chỉ tiêu thời gian đối với công việc.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
15	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.3. Chỉ tiêu thời gian đối với công việc. 5.4. Ý nghĩa thực tiễn của phương pháp Pert.	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		

Mã trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	M	L	L	L
Chương 2	H	H	L	L

Chương 3	H	H	M	M
Chương 4	M	H	H	M
Chương 5	M	M	L	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thành Cà, *Tối ưu hóa tuyến tính*, NXB Lao động.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lê Khánh Luận, *Quy hoạch tuyến tính*, NXB ĐHQG TP.HCM.
2. Trần Túc, *Bài tập Quy hoạch tuyến tính*, NXB Khoa học Kỹ thuật.
3. Đặng Hân, *Quy hoạch tuyến tính*, Đại học Kinh tế Tp. HCM.
4. Phạm Trí Cao, *Tối ưu hóa ứng dụng*, NXB Thống kê, Tp. Hồ Chí Minh.
5. A. C. Chiang, *Fundamental Methods Mathematical Economics*, Mc GrawHill, Inc., 3rd edition.

8. Quy định của học phần

Sinh viên phải tham dự và làm bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ, nếu vắng bài nào thì cột điểm tương ứng sẽ bằng 0

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học:

- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: T.S Võ Thị Tuyết Mai, Th.S Trần Đình Thành, Th.S Phạm Kim Thủy.

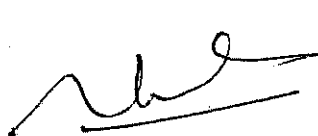
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022.....

TRƯỞNG KHOA



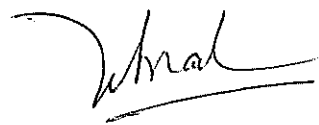
TS. Lý Cẩm Hùng

TRƯỞNG BỘ MÔN



Ths. Trần Đình Thành

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Võ Thị Tuyết Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH VÀ LÀM VIỆC NHÓM
Tiếng Việt:	Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm
Tiếng Anh:	Presentation and teamwork skills
Mã số học phần:	180115021
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 1
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	10 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm là học phần cơ sở của ngành quản trị kinh doanh, cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về thuyết trình và làm việc nhóm. Đồng thời, sinh viên sẽ được học về kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, các bước xây dựng một Team, tính chất nên có của một team leader và team members, phân tích được các vấn đề nảy sinh khi làm việc nhóm và giải quyết. Thực hiện các hoạt động của giảng viên và sinh viên tự tổ chức để tự nhận thức và trải nghiệm các tính chất của hoạt động teamwork. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào trong các môn học và công việc khác khi làm việc theo team.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Các kiến thức cơ bản về kỹ năng làm việc nhóm và các nguyên tắc, kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong một số trường hợp thông thường	ELO1
CG2	Các bước phân tích, đánh giá hoạt động đội nhóm và tự đánh giá của từng thành viên trong đội nhóm	ELO9
CG3	Phương pháp phối hợp làm việc giữa các cá nhân khi tham gia làm việc theo nhóm; các phương pháp rèn luyện để tăng cường kỹ năng giao tiếp, ứng xử	ELO11
CG4	Cầu thị, ham học hỏi và giao tiếp tốt từ các thành viên khác trong đội nhóm.	ELO13

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Trình bày được các khái niệm, định nghĩa về kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	ELO1
CELO2	Giải thích được vai trò của kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong công việc và các hoạt động xã hội hàng ngày	ELO9
CELO3	Vận dụng các nguyên tắc và phương tiện giao tiếp để thực hiện các giao tiếp trong cuộc sống và trong công việc	ELO9
CELO4	Sắp xếp đội, nhóm. Phân công vai trò của từng thành viên trong nhóm. Xác định đội trưởng của từng đội nhóm	ELO11
CELO5	Hợp tác, trách nhiệm khi tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động nhóm; ứng xử và giao tiếp đúng mực, văn minh, phù hợp với hoàn cảnh, đối tượng, mục đích giao tiếp cụ thể.	ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

	CDR của CTĐT	

CĐR học phần (CELOs)	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	H	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-
CELO2	M	-	-	-	-	-	-	-	H	-	-	-	-
CELO3	M	-	-	-	-	-	-	-	H	-	-	-	-
CELO4	M	-	-	-	-	-	-	-	M	M	H	M	M
CELO5	M	-	-	-	-	-	-	-	M	M	M	M	H

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

- Nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản, học phần Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm sử dụng các Phương pháp giảng dạy như Phương pháp thuyết giảng, Phương pháp thuyết trình, Phương pháp hoạt động nhóm, Phương pháp thảo luận, Phương pháp đóng vai ...

- Phương pháp học tập giúp sinh viên có thể chủ động và tích cực hơn như Phương pháp Nghiên cứu tình huống, làm việc nhóm, thuyết trình, tự nghiên cứu thông tin thông qua tài liệu tham khảo, internet .. Ngoài ra sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và tích cực trao đổi thảo luận để hiểu rõ hơn về các vấn đề nghiên cứu trong nội dung học phần.

Phương pháp học tập: Sinh viên phải:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- ...

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 50%, bao gồm: Thuyết trình nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thảo luận nhóm☒ Bài tập lớn☐ Thực hành☐
Khác☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 50%, bao gồm: thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Sự tham gia lớp học	Kỹ năng, Phẩm chất	CELO4	10/Mỗi tuần	Tích cực, tham gia đầy đủ	PP quan sát	20%
	A1.2 Bài tập nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO1 CELO2 CELO3	1/Tuần 2	Trình bày chi tiết, chính xác, logic	Phương pháp Phỏng vấn	
	A1.3 Bài tập thuyết trình nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	1/Tuần 4	Trình bày chi tiết, chính xác, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả	Phương pháp Phỏng vấn	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi Giữa kỳ	Kiến thức, kỹ năng, năng lực giữa khóa học	CELO1 CELO2 CELO3	1/Tuần 6	Trình bày và trả lời phù hợp với yêu cầu của đáp án	PP Phỏng vấn	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cá nhân cuối khóa (Vấn đáp)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Cuối Khóa (Sau tuần 10)	Trình bày và trả lời phù hợp với yêu cầu đáp án	PP Phỏng vấn	50%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
(tiết 1,2,3)	KỸ NĂNG GIAO TIẾP		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1. Khái niệm kỹ năng giao tiếp 1.2. Tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp trong đời sống và kinh doanh 1.3. Các kỹ năng giao tiếp trong đời sống và kinh doanh CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG	5W và H Động não Thảo luận Nghiên cứu tình huống Đóng vai Thuyết giảng + Thực hành	CELO1
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Nghiên cứu và chuẩn bị nội dung Chương 2	Động não Thảo luận Nghiên cứu tình huống Đóng vai	CELO5
2 (tiết 4,5,6)	Chương 2: KỸ NĂNG SỬ DỤNG NGÔN NGỮ		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Tầm quan trọng của kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp 2.2. Các nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp 2.3. Các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 2 ...	Thuyết giảng, vấn đáp + Thực hành	CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Nghiên cứu và chuẩn bị nội dung Chương 3	Động não Thảo luận Nghiên cứu tình huống Đóng vai	CELO5
	Chương 3. KỸ NĂNG SỬ DỤNG NGÔN NGỮ KHÔNG LỜI		
3 (tiết 7,8,9)	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Tầm quan trọng của ngôn ngữ không lời trong giao tiếp 3.2. Các nguyên tắc đọc hiểu ý nghĩa ngôn ngữ không lời trong giao tiếp 3.3. Các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ không lời trong giao tiếp BÀI TẬP THỰC HÀNH CHƯƠNG 3	Thuyết giảng, vấn đáp + Thực hành	CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Nghiên cứu và chuẩn bị nội dung Chương 4	Động não Thảo luận Nghiên cứu tình huống	CELO5

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
		Đóng vai	
4	Chương 4. KỸ NĂNG LẮNG NGHE VÀ PHẢN HỒI		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Kỹ năng lắng nghe 4.2. Kỹ năng phản hồi	Thuyết giảng, vấn đáp +Thực hành	CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Nghiên cứu và chuẩn bị nội dung kiểm tra giữa kỳ	Động não Thảo luận Nghiên cứu tình huống Đóng vai	CELO5
3	CHƯƠNG 5: KHÁI QUÁT VỀ KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Một số khái niệm cơ bản 5.2. Quá trình hình thành và phát triển nhóm làm việc 5.3. Chu trình PDCA và tiến trình làm việc nhóm 5.4. Các hình thức làm việc nhóm 5.5.Vai trò của làm việc nhóm 5.6. Đặc điểm tâm lý nhóm	Thuyết giảng, vấn đáp +Thực hành	CELO1 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Nghiên cứu và chuẩn bị nội dung Chương 6	Động não Thảo luận Nghiên cứu tình huống Đóng vai	CELO5
6	Kiểm tra giữa kỳ	Vấn đáp	
7	CHƯƠNG 6: XÂY DỰNG NHÓM LÀM VIỆC HIỆU QUẢ		CELO4 CELO5
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1 Xác định mục tiêu, phân công nhiệm vụ và trách nhiệm rõ ràng 6.2 Tạo lập môi trường làm việc hiệu quả 6.3 Duy trì hoạt động truyền thông hiệu quả 6.4 Giải quyết mâu thuẫn trong nhóm 6.5 Tăng cường động lực làm việc	Thuyết giảng, vấn đáp +Thực hành	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Nghiên cứu và chuẩn bị nội dung Chương 7	Động não Thảo luận Nghiên cứu tình huống Đóng vai	CELO5
8	CHƯƠNG 7: KỸ NĂNG THÀNH LẬP NHÓM LÀM VIỆC		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 7.1. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ 7.2. Nguyên tắc đối tượng tham gia 7.3. Biểu mẫu thành lập nhóm 7.4. Xây dựng nội qui, qui chế hoạt động nhóm 7.25. Kỹ năng cần thiết để thành lập nhóm	Thuyết giảng, vấn đáp +Thực hành	CELO4 CELO5
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Nghiên cứu và chuẩn bị nội dung Chương 8	Động não Thảo luận Nghiên cứu tình huống Đóng vai	CELO5
	CHƯƠNG 8: KỸ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC NHÓM LÀM VIỆC		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 8.1. Lập kế hoạch làm việc nhóm 8.2. Tổ chức nhóm làm việc 8.3. Kỹ năng cần thiết trong lập kế hoạch và tổ chức nhóm làm việc 8.4. Một số thái độ cần chú trọng trong tổ chức làm việc nhóm 8.5. Thực hành lập kế hoạch và tổ chức nhóm làm việc	Thuyết giảng, vấn đáp +Thực hành	CELO4 CELO5
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Nghiên cứu và chuẩn bị nội dung Chương 9	Động não Thảo luận Nghiên cứu tình huống	CELO5
	CHƯƠNG 9: KỸ NĂNG ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT NHÓM LÀM VIỆC		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 9.1. Điều hành nhóm làm việc	Thuyết giảng, vấn đáp +Thực hành	CELO4 CELO5

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	9.2. Kiểm soát nhóm làm việc BÀI TẬP THỰC HÀNH		
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Nghiên cứu và chuẩn bị nội dung thi học kỳ	Động não Thảo luận Nghiên cứu tình huống	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
Module 1	H	H	H	M	-
Module 2	H	H	H	-	-
Module 3	H	H	H	-	M
Module 4	H	H	H	M	M
Module 5	-	M	-	-	H
Module 6	L	-	L	-	H
Module 7	M	M	M	-	H
Module 8	-	M	M	-	H
Module 9	M	M	M	-	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Richard Hall, (Nguyễn Thị Yến dịch), *Thật đơn giản thuyết trình*, NXB Lao động – Xã hội, 2009
2. Trương Minh Đức, Chuyên đề kỹ năng làm việc nhóm; Bộ Kế Hoạch Và Đầu Tư Cục Phát Triển Doanh Nghiệp; 2012.
(<https://tailieu.vn/doc/chuyen-de-ky-nang-lam-viec-nhom-ts-truong-minh-duc-1768833.html>)

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Brian Cole Miller (2007), Xây dựng nhóm hiệu quả (bản dịch tiếng Việt của Hải Ninh, Alphabooks, NXB Lao động – Xã hội, năm 2011
2. Lawrence Holpp (1999), Quản lý nhóm (bản dịch tiếng Việt của nhóm BKD47). Alphabooks. NXB Lao động – Xã hội, năm 2008

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

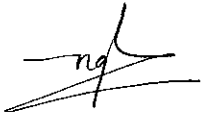
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. GVGD: ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh, ThS. Hoàng Thị Vân

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



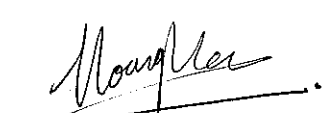
TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Hoàng Thị Vân



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TÀI NGUYÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Kỹ năng tư duy và quản lý thời gian

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Kỹ năng tư duy và quản lý thời gian
Tiếng Việt:	Kỹ năng tư duy và quản lý thời gian
Tiếng Anh:	Thinking and time management skills
Mã số học phần:	180115029
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 1
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	10 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	01 tiết
Thời gian tự học:	90 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn khoa học quản lý kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần cung cấp các kỹ năng về tư duy để vận dụng tốt các kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề hoặc đưa ra các giải pháp, ý tưởng, sáng kiến mới. Học phần còn giúp có thêm kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Có khả năng tư duy và thực hiện nghiên cứu thị trường	ELO 4
CG2	Có khả năng quản lý kế hoạch và dự án khởi nghiệp	ELO 6
CG3	Phát huy được thái độ tích cực, sáng tạo trong quản lý	ELO 11
CG4	Phát triển tư duy sáng tạo, năng lực phát triển bản thân	ELO 13

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Vận dụng năng lực tư duy, giải quyết vấn đề thị trường	ELO 4
CELO2	Biết cách quản lý thời gian để thực hiện kế hoạch	ELO 6
CELO3	Có khả năng sáng tạo cao trong quản lý	ELO 11
CELO4	Có kỹ năng tư duy sáng tạo để phát triển sản phẩm	ELO 13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO 1	L	M	M	H	M	M	L	L	L	L	M	M	M
CELO 2	M	M	M	M	M	H	L	L	M	M	M	M	M
CELO 3	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	H	M	M
CELO 4	L	M	M	M	M	M	L	L	L	L	M	M	H

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp thuyết trình: truyền đạt các kiến thức tổng quan về bối cảnh kinh tế - xã hội, trình bày về khái niệm kỹ năng tư duy và quản lý thời gian, phân loại và cách vận dụng các kỹ năng đó;

PP2. Phương pháp động não: đặt ra các câu hỏi về vấn đề cần giải quyết để người học tư duy và đề xuất giải pháp;

PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ: người học được trao đổi đối thoại để bảo vệ quan điểm và tư duy phản biện về vấn đề đang giải quyết;

PP4. Phương pháp học dựa trên vấn đề: đặt ra các vấn đề thực tế cần giải quyết theo bối cảnh kinh tế - xã hội thực tại và vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề đó;

PP5. Phương pháp hoạt động nhóm: thảo luận và làm việc nhóm để cùng giải quyết vấn đề đặt ra dựa trên các kiến thức và kỹ năng được học;

PP9. Nghiên cứu tình huống: trên bối cảnh thực tế và kiến thức đã học, người học vận dụng để giải quyết tình huống cụ thể đặt ra.

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và nghiên cứu tài liệu;
- Tra cứu thông tin về các kiến thức liên quan đến kỹ năng tư duy và quản lý thời gian;
- Làm việc nhóm, trao đổi, thảo luận và tranh luận;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: bài tập lớn (theo nhóm)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: bài thi cuối kỳ

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Tham gia lớp học	-	1	Nghỉ có lý do tối đa 3 tiết	Điểm danh	10%
	A1.2	Thái độ học tập	-	1	Tích cực	PP quan sát	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức và kỹ năng Chương 1	CELO1, CELO3	1	Đạt trên 5/10 điểm	Bài tập nhóm	20%
	A2.2	Kiến thức và kỹ năng chương 2	CELO1, CELO3	1	Đạt trên 5/10 điểm	Bài tập nhóm	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức và kỹ năng chương 3	CELO3, CELO4	1	Đạt trên 5/10 điểm	Bài thi cuối kỳ	70%
	A3.2	Kiến thức và kỹ năng chương 4	CELO2, CELO4	1	Đạt trên 5/10 điểm	Bài thi cuối kỳ	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về kỹ năng tư duy		
	A/ Các nội dung: 1.1. Bối cảnh về kinh tế - xã hội hiện tại 1.1.1. Tổng quan về các cuộc cách mạng công nghiệp 1.1.2. Tầm quan trọng của kỹ năng tư duy trong bối cảnh hiện tại 1.2. Giới thiệu về kỹ năng tư duy 1.2.1. Khái niệm về kỹ năng tư duy 1.2.2. Các loại kỹ năng tư duy 1.2.3. Lợi ích của kỹ năng tư duy 1.2.4 Bộ não và cách thức hoạt động của não bộ	Thuyết giảng liên tục Động não Thảo luận Suy nghĩ – từng cặp – chia sẻ	CELO1
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO1

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	Tìm hiểu và nghiên cứu các ứng dụng thực tế của kỹ năng tư duy sử dụng trong đời sống		
	Chương 2: Kỹ năng tư duy phản biện		
2	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Tổng quan về tư duy phản biện 2.1.1. Khái niệm về tư duy phản biện 2.1.2. Lợi ích và ứng dụng của tư duy phản biện 2.2. Kỹ năng tư duy phản biện 2.2.1. Quy trình tư duy phản biện 2.2.2. Phương pháp rèn luyện tư duy phản biện	Thuyết giảng liên tục Động não Thảo luận nhóm Làm theo dự án Nghiên cứu tình huống	CELO1, CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Thực tập sử dụng kỹ năng tư duy phản biện trong cuộc sống		CELO3
3	Chương 3: Kỹ năng tư duy sáng tạo		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Tổng quan về tư duy sáng tạo 3.1.1. Khái niệm về tư duy sáng tạo 3.1.2. Lợi ích và ứng dụng của tư duy sáng tạo 3.2. Kỹ năng tư duy sáng tạo 3.2.1. Quy trình tư duy sáng tạo 3.2.2. Phương pháp rèn luyện tư duy sáng tạo	Thuyết giảng liên tục Động não Thảo luận nhóm Làm theo dự án Nghiên cứu tình huống	CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Thực tập sử dụng kỹ năng tư duy sáng tạo trong học tập và cuộc sống		CELO 4
4	Chương 4: Kỹ năng quản lý thời gian		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Tổng quan về quản lý thời gian 4.1.1. Khái niệm quản lý thời gian 4.1.2. Tầm quan trọng của quản lý thời gian 4.2. Kỹ năng quản lý thời gian 4.2.1. Xác lập mục tiêu ngắn, trung và	Thuyết giảng liên tục Động não Thảo luận nhóm Làm theo dự án Nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	<i>dài hạn</i> 4.2.2. Phương pháp quản lý thời gian hiệu quả 4.2.3. Ứng dụng kỹ năng quản lý thời gian trong học tập và làm việc		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Thực hành sử dụng kỹ năng quản lý thời gian cho việc học tập hiệu quả		CELO2

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Module 1	H	L	M	M
Module 2	M	M	H	M
Module 3	M	M	M	H
Module 4	M	H	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Emily P Freeman (người dịch: Nguyễn Ngọc Mai), Kỹ năng tư duy và ra quyết định hiệu quả, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2019
2. Duncan Banatyne (người dịch: Thu Thủy), Quản lý thời gian thông minh của người thành đạt, NXB Hồng Đức, 2020

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. John Butterworth and Geoff Thwaites, Thinking Skills: Critical Thinking and Problem Solving, Cambridge University Press; 2nd edition (October 5, 2016)
2. Jake Knapp and John Zeratsky, Make Time: How to Focus on What Matters Every Day, Currency; NO-VALUE edition (September 25, 2018)

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

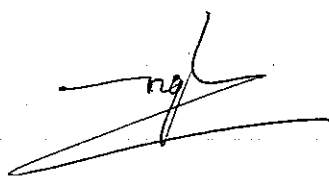
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS Trần Thanh Tâm

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022...

TRƯỞNG KHOA



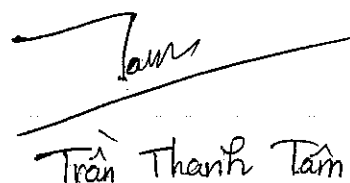
TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN


Trần Thanh Tâm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Kỹ năng giao tiếp

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	KỸ NĂNG GIAO TIẾP /
Tiếng Việt:	Kỹ năng giao tiếp /
Tiếng Anh:	Communication skills /
Mã số học phần:	180115025 /
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 2 /
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ /
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết /
Số tiết lý thuyết:	20 tiết /
Số tiết bài tập:	10 tiết /
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng giao tiếp có hiệu quả trong kinh doanh. Nội dung môn học giới thiệu những vấn đề về giao tiếp như: nguyên tắc, đặc điểm giao tiếp trong kinh doanh, những rào cản trong giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả, mô hình và kế hoạch giao tiếp. Học phần nêu lên những nguyên tắc cơ bản khi viết và nói, các kỹ năng truyền thông tin: Nói - Viết, các kỹ năng nhận thông tin: Lắng nghe - Ứng xử. Đặc biệt, qua học phần này, sinh viên được rèn luyện kỹ năng “lắng nghe” cách ứng xử, một dạng giao tiếp phi ngôn ngữ thể hiện qua cử chỉ, thái độ và hành vi của đối tượng.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trình bày được khái niệm giao tiếp; các hình thức và phương tiện giao tiếp cơ bản	ELO1, ELO2
CG2	Trình bày được phương pháp làm việc nhóm	ELO2, ELO7, ELO8, ELO9
CG3	Trình bày các bước cơ bản để chuẩn bị và trình bày tốt một bài thuyết trình	ELO7, ELO9, ELO13
CG4	Trình bày được nội dung, cách viết đơn xin việc, sơ yếu lý lịch và các bước chuẩn bị cho buổi phỏng vấn thành công	ELO9, ELO11

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Có khả năng vận dụng các nguyên tắc, phương tiện, hình thức giao tiếp phù hợp với tình huống giao tiếp;	ELO1, ELO2
CELO2	Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả;	ELO2, ELO8, ELO11, ELO13
CELO3	Sử dụng các công cụ sáng tạo một cách thành thạo	ELO9, ELO10, ELO13
CELO4	Tham gia tích cực vào giờ giảng, phát biểu, và báo cáo đầy đủ	ELO9, ELO13

Mã trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT										
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	M	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-
CELO2	-	H	-	-	-	-	-	H	-	-	H

CELO3	-	-	-	-	-	-	-	-	H	H	-
CELO4	-	-	-	-	-	-	-	-	H	-	-

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

- Học phần Kỹ năng giao tiếp được giảng dạy với sự kết hợp các phương pháp thuyết giảng, nêu vấn đề, trao đổi thảo luận tình huống, ... Có sự tương tác cao giữa giảng viên với sinh viên và giữa các sinh viên với nhau. Sinh viên sẽ làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, phân tích các tình huống và tự rèn luyện kỹ năng.

Phương pháp học tập: Sinh viên phải:

- Đọc tài liệu và làm bài trước các buổi giảng
- Tập trung nghe giảng trên lớp
- Chủ động tham gia vào các hoạt động làm việc nhóm
- Phân tích và đánh giá các vấn đề quản trị cũng như sáng tạo để giải quyết những vấn đề thực tiễn

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Thuyết trình nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thảo luận nhóm☒ Bài tập lớn☐ Thực hành☐
Khác☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thực hành☐ Khác☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Sự tham gia lớp học	Kỹ năng, Phẩm chất	CELO4	5/Mỗi tuần	Tích cực, tham gia đầy đủ	PP quan sát	10%

	A1.2 Bài tập nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO1 CELO2 CELO3	1/Tuần 2	Trình bày chi tiết, chính xác, logic	Phương pháp phỏng vấn	
	A1.3 Bài tập thuyết trình nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	1/Tuần 3	Trình bày chi tiết, chính xác, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả	Phương pháp phỏng vấn	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi Giữa kỳ	Kiến thức, kỹ năng, năng lực giữa khóa học	CELO1 CELO2 CELO3	1/Tuần 4	Trình bày và trả lời phù hợp với yêu cầu của đáp án	Phương pháp phỏng vấn	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cá nhân cuối khóa (Vấn đáp)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	Cuối Khóa (Sau tuần 5)	Trình bày và trả lời phù hợp với yêu cầu đáp án	Phương pháp phỏng vấn	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Nguyên lý giao tiếp hiệu quả A/ Các nội dung chính trên lớp: 1. Khái niệm giao tiếp 2. Bản chất của giao tiếp 3. Mục tiêu của giao tiếp 4. Các yếu tố cấu thành quá trình giao tiếp 5. Phương tiện giao tiếp 6. Những rào cản trong giao tiếp	+ Trình chiếu Powerpoint	CELO1 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Đọc một số tài liệu hướng dẫn rèn luyện kỹ năng mềm.	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
2	Chương 2. Kỹ năng lắng nghe		

	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1. Khái niệm 2. Lợi ích của lắng nghe 3. Quy trình lắng nghe 4. Các cấp độ nghe	- Thuyết giảng - Hỏi đáp - Luyện tập	CELO2 CELO3 CELO4 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Luyện tập		
3	Chương 3. Kỹ năng đặt câu hỏi		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1. Phân loại câu hỏi 2. Mục đích đặt câu hỏi 3. Nghệ thuật đặt câu hỏi	- Thuyết giảng - Hoạt động nhóm	CELO2 CELO4 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Luyện tập		
4	Chương 4. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1. Đặt vấn đề 2. Gọi điện thoại 2.1. Những câu hỏi cần đặt ra và tự trả lời 2.2. Những yêu cầu đối với người gọi điện thoại 3. Nghe điện thoại 3.1. Những yêu cầu đối với người nghe điện thoại 3.2. Kỹ năng “chuyên” điện thoại 3.3. Kỹ năng “hẹn” cuộc gọi 4. Những lưu ý khi sử dụng điện thoại	- Thuyết giảng - Hoạt động nhóm	CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Thực hành		

5	Chương 5. Kỹ năng giao tiếp bằng thư tín		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1. Khái niệm thư tín 2. Cấu trúc thư tín 3. Nguyên tắc viết thư 4. Cách viết thư 5. Kỹ năng viết một số thư tín thông thường	-Thuyết giảng - Hoạt động nhóm	CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Thực hành		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	H	-	-	H
Chương 2	-	H	H	H
Chương 3	-	H	H	H
Chương 4	-	H	H	H
Chương 5	-	H	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Sở GD&ĐT Hà Nội, *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp*. Nhà xuất bản Hà Nội, 2015

7.2. Tài liệu tham khảo:

- Đinh Văn Đáng, *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*, NXB Lao động xã hội, 2014.
- Dale Carnegie, *Đắc nhân tâm*, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2015.
- Trác Nhã (chủ biên), Người dịch Phương Thảo, *Khéo ăn nói sẽ có được thiên hạ*, NXB Văn học, Hà Nội 2017

Bài giảng của giảng viên

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

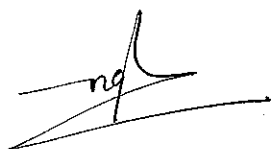
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. GVGD: ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh, ThS. Nguyễn Hoàng An

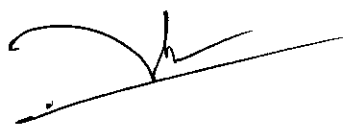
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



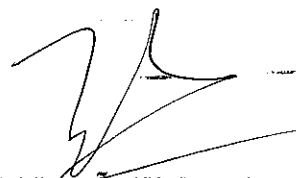
TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Hoàng An



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Kỹ năng tìm việc

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	KỸ NĂNG TÌM VIỆC
Tiếng Việt:	Kỹ năng tìm việc
Tiếng Anh:	Job Seeking skills
Mã số học phần:	180115027
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 2
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	10 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế



2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần giúp sinh viên khái quát được tiến trình tìm kiếm được một công việc mong đợi, phù hợp với năng lực và tính cách của bản thân thông qua việc phân tích được điểm mạnh và hạn chế của bản thân từ các bài trắc nghiệm IQ, EQ, MBTI, v.v.... Sau khi hình dung được quá trình tìm kiếm việc làm, biết được những điểm mạnh, hạn chế và cân nhắc giữa “đam mê” và “thực tế” của bản thân, sinh viên sẽ xây dựng được bảng kế hoạch nghề nghiệp cho riêng mình, làm chủ thời gian, nắm bắt các cơ hội việc làm. Đồng thời, sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức và kỹ năng chuẩn bị hồ sơ tuyển dụng hoàn hảo, tạo được sự thu hút với nhà tuyển dụng.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hiểu tổng quan về thị trường việc làm.	ELO1, ELO2
CG2	Đánh giá được bản thân và thị trường lao động	ELO2, ELO7, ELO8, ELO9
CG3	Hiểu những công việc cần phải thực hiện trong giai đoạn xây dựng kế hoạch tìm việc	ELO7, ELO9, ELO13
CG4	Xác định được công việc mong đợi và lập kế hoạch để đạt được công việc	ELO9, ELO11

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Có khả năng vận dụng các nguyên tắc, phương tiện, phương pháp tìm việc làm;	ELO1, ELO2
CELO2	Có khả năng đánh giá được bản thân;	ELO2, ELO8, ELO11, ELO13
CELO3	Có khả năng xây dựng được bảng kế hoạch nghề nghiệp cho riêng mình, làm chủ thời gian, nắm bắt các cơ hội việc làm	ELO9, ELO10, ELO13
CELO4	Tham gia tích cực vào giờ giảng, phát biểu, và báo cáo đầy đủ	ELO9, ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT										
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	M	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-
CELO2	-	H	-	-	-	-	-	H	-	-	H

CELO3	-	-	-	-	-	-	-	-	H	H	-
CELO4	-	-	-	-	-	-	-	-	H	-	-

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

- Học phần Kỹ năng tìm việc được giảng dạy với sự kết hợp các phương pháp thuyết giảng, nêu vấn đề, trao đổi thảo luận tình huống, ... Có sự tương tác cao giữa giảng viên với sinh viên và giữa các sinh viên với nhau. Sinh viên sẽ làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, phân tích các tình huống và tự rèn luyện kỹ năng.

Phương pháp học tập: Sinh viên phải:

- Đọc tài liệu và làm bài trước các buổi giảng
- Tập trung nghe giảng trên lớp
- Chủ động tham gia vào các hoạt động làm việc nhóm
- Phân tích và đánh giá các vấn đề quản trị cũng như sáng tạo để giải quyết những vấn đề thực tiễn

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 50%, bao gồm: Thuyết trình nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thảo luận nhóm☒ Bài tập lớn☐ Thực hành☐ Khác☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 50%, bao gồm: thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thực hành☐ Khác☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Sự tham gia lớp học	Kỹ năng, Phẩm chất	CELO4	5/Mỗi tuần	Tích cực, tham gia đầy đủ	PP quan sát	10%

	A1.2 Bài tập nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO1 CELO2 CELO3	1/Tuần 2	Trình bày chi tiết, chính xác, logic	Phương pháp phỏng vấn	
	A1.3 Bài tập thuyết trình nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	1/Tuần 3	Trình bày chi tiết, chính xác, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả	Phương pháp phỏng vấn	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi Giữa kỳ	Kiến thức, kỹ năng, năng lực giữa khóa học	CELO1 CELO2 CELO3	1/Tuần 4	Trình bày và trả lời phù hợp với yêu cầu của đáp án	Phương pháp phỏng vấn	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cá nhân cuối khóa (Vấn đáp)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	Cuối Khóa (Sau tuần 5)	Trình bày và trả lời phù hợp với yêu cầu đáp án	Phương pháp phỏng vấn	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Xây dựng kế hoạch làm việc	+ Trình chiếu Powerpoint	CELO1 CELO7
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1 Đánh giá bản thân 1.2 Đánh giá thị trường lao động 1.3 Thiết lập các mục tiêu 1.4 Quy trình xây dựng kế hoạch làm việc 1.5 Kỹ năng phân tích thông tin tuyển dụng		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Thị trường lao động và nguồn thông tin tìm việc - Các xu hướng và kỹ năng tìm việc hiện nay - Đọc trước tài liệu Chương 2	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
2	Chương 2. Chuẩn bị hồ sơ tìm việc		
	A/ Các nội dung chính trên lớp:	- Thuyết giảng	CELO2

	2.1 Tổng quan về hồ sơ tìm việc	- Hồi đáp	CELO3
	2.2 Kỹ năng viết sơ yếu lý lịch	- Luyện tập	CELO4
	2.3 Kỹ năng viết thư ứng tuyển		CELO7
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Làm bài tập về nhà - Đọc trước tài liệu chương 3		
3	Chương 3. Kỹ năng trả lời phỏng vấn và thương lượng		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 3.1 Các dạng bài kiểm tra thường gặp trong tuyển dụng 3.2 Những công việc cần chuẩn bị trước phỏng vấn 3.3 Kỹ năng trả lời câu hỏi trong phỏng vấn 3.4 Những công việc cần làm sau phỏng vấn	-Thuyết giảng - Hoạt động nhóm	CELO2 CELO4 CELO6 CELO7
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> + Thực hành bài tập được giao về nhà (trả lời phỏng vấn) và góp ý + Tự rèn luyện kỹ năng tìm việc cho bản thân		
	Chương 4. Kiểm soát sự thay đổi		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> Xử lý những khó khăn về công việc khi chúng xuất hiện	-Thuyết giảng - Hoạt động nhóm	CELO6 CELO7
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> + Thực hành		
	Chương 5. Giám sát		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> Kiểm tra tiến độ của quá trình hướng đến mục tiêu nghề nghiệp	-Thuyết giảng - Hoạt động nhóm	CELO6 CELO7
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i>		

	+ Thực hành		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	H	-	-	H
Chương 2	-	H	H	H
Chương 3	-	H	H	H
Chương 4	-	H	H	H
Chương 5	-	H	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Đại học Tài chính Marketing, *Kỹ năng tìm việc làm*. Viện nghiên cứu kinh tế ứng dụng, 2021

7.2. Tài liệu tham khảo:

TS. Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu, *Kỹ năng tìm việc và chinh phục nhà tuyển dụng*, Bộ công thương trường Đại Học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp. Hồ Chí Minh

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

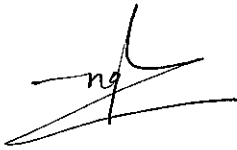
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. GVGD: Nguyễn Thị Hoài Thanh, Nguyễn Hoàng An

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



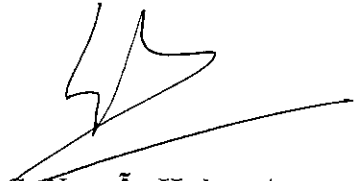
TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Hoàng An



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG KINH DOANH
Tiếng Việt:	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh
Tiếng Anh:	Business Research Methods
Mã số học phần:	180115004
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 4
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	Không
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	Không
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn “Phương pháp luận nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, luận án, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô.

Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào. Môn học này là nền tảng cho sinh viên viết báo cáo tại các học phần trong suốt khóa học, cũng như báo cáo tốt nghiệp và khóa luận.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trang bị kiến thức về các phương pháp nghiên cứu và quy trình nghiên cứu	ELO 6
CG2	Kỹ năng để lập kế hoạch, tổ chức và thực hiện một báo cáo nghiên cứu	ELO 13
CG3	Cung cấp các nền nghiên cứu định lượng, định tính, lấy mẫu và điều tra thực địa để hỗ trợ sinh viên thiết kế một phương pháp phù hợp cho nghiên cứu của họ	ELO 11
CG4	Các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu và viết báo cáo	ELO 10

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu trình tự thực hiện một nghiên cứu và cách viết bài phân tích tổng hợp và đánh giá các tài liệu tham khảo trong một lĩnh vực, chủ đề cụ thể để biện minh cho câu hỏi nghiên cứu và các vấn đề về đạo đức khi viết báo cáo	ELO 6; ELO 8; ELO 10; ELO 11
CELO2	Khả năng lựa chọn phương pháp nghiên cứu thích hợp để giải quyết một câu hỏi nghiên cứu cụ thể	ELO 2
CELO3	Kỹ năng thu thập dữ liệu, phân tích định tính và định lượng	ELO 7

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	EL O1	EL O2	EL O3	EL O4	EL O5	EL O6	EL O7	EL O8	EL O9	EL O10	EL O11	ELO ...
CELO1						L		M		H	H	
CELO2		H										
CELO3							H					

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp động não: được thực hiện tại các tiết bài tập và thực hiện báo cáo xuyên suốt môn học. Phương pháp này giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học một cách phù hợp tùy vào từng tình huống.

PP2. Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

Phương pháp học tập:

- Sinh viên nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Làm việc nhóm.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40%

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%,

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1: Thái độ học tập	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2,3	Thường xuyên	Tham dự đầy đủ các buổi học	Quan sát, đặt câu hỏi	20%
	A1.2: Tham gia các bài học trên lớp	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2,3	Thường xuyên	Tham dự đầy đủ các buổi học	Đặt câu hỏi, thảo luận	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1: Thuyết trình theo nhóm	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2,3	Tuần thứ 9	Kết quả	Trả lời câu hỏi của giảng viên và các thành viên trong lớp	20%
	A2.2: Nộp bài tập lớn theo nhóm	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2,3	Tuần thứ 9	Kết quả	Trình bày báo cáo về vấn đề nghiên cứu theo đúng các tiêu chí đã được dạy	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1: Tự luận & trắc nghiệm	Kiến thức, kỹ năng trình bày một vấn đề cần nghiên cứu	CELO1,2,3	1 lần thi cuối kì	Kết quả/ đáp án	30%: Tự luận 40%: Trắc nghiệm	60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Khoa học và Nghiên cứu khoa học		

	A/ Các nội dung: 1.1 Các khái niệm về khoa học và nghiên cứu 1.2 Các bước tiến hành quá trình nghiên cứu		CELO1
	Chương 2: Hình thành và luận giải vấn đề nghiên cứu		
2, 3	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1 Lựa chọn vấn đề nghiên cứu 2.2 Mức độ lý thuyết và thực nghiệm nghiên cứu 2.3 Các khái niệm: Các khối được xây dựng trong nghiên cứu 2.4 Các mô hình trong nghiên cứu		CELO1, CELO2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 2.5 Vai trò của tổng quan lý thuyết		CELO1, CELO2
	Chương 3. Thiết kế nghiên cứu		
4,5,6	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1 Thiết kế vấn đề nghiên cứu 3.2 Cấu trúc vấn đề và thiết kế nghiên cứu 3.3 Vấn đề của “nguyên nhân” 3.4 Thử nghiệm cổ điển		CELO1
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 3.5 Các nghiên cứu thiết kế khác 3.6 Các yêu cầu trong thiết kế nghiên cứu		CELO1
	Chương 4. Thu thập số liệu và nguồn số liệu		
7	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1 Số liệu thứ cấp 4.2 Số liệu sơ cấp 4.3 Phương pháp quan sát 4.4 Phương pháp điều tra khảo sát và thiết kế bảng hỏi		CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 4.5 Phương pháp phỏng vấn		CELO3
	Chương 5. Phân tích số liệu và viết báo cáo cuối cùng		
8,9,10	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1 Phương pháp định tính và định lượng 5.2 Phân tích số liệu 5.3 Các yêu cầu đối với một bài báo cáo nghiên cứu 5.4 Cấu trúc các phần nội dung của một bài báo cáo nghiên cứu		CELO1 CELO2 CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

H: High

M: Medium

L: Low

Bài học	Chuẩn đầu ra học phần

(Module)	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	M	L	L
Chương 2	H	H	L
Chương 3	H	M	L
Chương 4	L	H	H
Chương 5	H	H	H

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thị Cảnh (2004). *Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nxb ĐHQG TP.HCM.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Pervez N. Ghauri. (1995). *Các phương pháp nghiên cứu kinh tế*. London.
2. Lawrence Neuman (2000). *Các phương pháp nghiên cứu xã hội*. Nxb Pearson, USA.
3. Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang (2007). *Phương pháp nghiên cứu khoa học Marketing*. Nxb Đại học quốc gia TP.HCM.
4. Nguyễn Văn Lê (2001). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nxb Trẻ TP Hồ Chí Minh.
5. Phương Kỳ Sơn (2001). *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

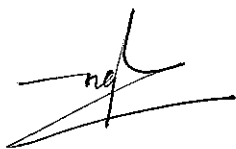
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. GVGD: TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

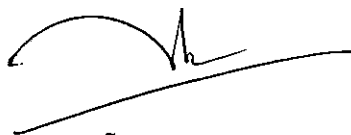
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



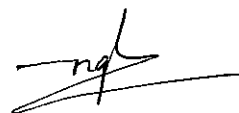
TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị văn phòng

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG		
Tiếng Việt:	Quản trị văn phòng		
Tiếng Anh:	Official management		
Mã số học phần:	180115111		
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 4		
Loại học phần:			
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn			
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp			
Số tín chỉ:	3 tín chỉ		
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết		
Số tiết lý thuyết:	30 tiết		
Số tiết bài tập:	15 tiết		
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết		
Số tiết thực tập:	0 tiết		
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết		
Kiểm tra:	0 tiết		
Thời gian tự học:	0 giờ		
Điều kiện tham dự học phần:			
Học phần tiên quyết:	Không		
Học phần song hành:	Không		
Điều kiện khác:	Không		
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế		

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần “Quản trị văn phòng” nhấn mạnh các nguyên tắc cơ bản của việc soạn thảo văn bản quyết định các hoạt động trong hành chính văn phòng, sự kiện, xây dựng chương trình và lập kế hoạch công tác. Dựa trên các kiến thức về luật hành chính, lao động, kinh tế, thương mại và pháp luật đại cương; và các kỹ năng mềm chuyên biệt để giải quyết các vấn đề về nghiệp vụ hành chính văn phòng và sự kiện ở cả cấp độ cá nhân và doanh nghiệp.

Các chủ đề cụ thể được đề cập bao gồm: văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản, tổ chức các hội nghị sự kiện, Quản trị lao động, thông tin, hoạch định và kiểm soát văn phòng và quản lý hồ sơ tài liệu trong các doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quy trình quản trị các hoạt động hành chính trong các văn phòng. Quản trị và xử lý thông tin nội bộ văn phòng. Lập kế hoạch công tác iỏ chức buổi hội thảo, hội nghị chuyên nghiệp
- Giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng chuyên môn như kỹ năng soạn thảo được văn bản hành chính thông dụng và các hợp đồng kinh doanh theo luật hành chính và thương mại
- Giúp cho sinh viên phát triển phương pháp tư duy công tác lưu trữ hồ sơ tài liệu và kỹ năng phân tích những sự kiện và quản lý hồ sơ tài liệu trong các doanh nghiệp
- Giúp sinh viên có khả năng làm việc nhóm, khả năng giao tiếp một cách hiệu quả thông qua các bài tập nhóm và thuyết trình.

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

- Nắm vững kiến thức cơ bản về quản trị văn phòng và quy trình quản trị trong các cơ quan trong và ngoài nước
- Nắm vững kiến thức cơ bản về phân tích và giải quyết vấn đề hoạch định công việc văn phòng
- Nắm vững các kiến thức nghiệp vụ tổ chức hội nghị, hội thảo và các chuyên đi công tác cho lãnh đạo. Ứng dụng nghiệp vụ văn phòng và quản lý thời gian làm việc của nhân viên.
- Khả năng soạn thảo văn bản hành chính và các hợp đồng thương mại
- Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình những vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính.

Ma trận mối quan hệ giữa CĐR học phần (CELOs) và CĐR của CTĐT (ELOs)

CĐR học phần (CELOs)	CĐR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1					H								
CELO2					H				H				
CELO3					H		M						
CELO4						M			M				

CELO5								H				M	

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Quá trình giảng dạy và học tập môn học được tiếp cận theo hướng “sinh viên là trung tâm”, sinh viên cần tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động. Các kết quả học tập đạt được thông qua việc thực hiện đa dạng các hoạt động học tập cả trong và ngoài lớp học.

Giảng viên cung cấp bài giảng, một số bài đọc thêm ngay từ đầu khóa, sinh viên tự chuẩn bị giáo trình chính. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ tự tìm các bài đọc thêm theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên cần đọc trước giáo trình để nắm bắt tốt hơn khi nghe giảng, trong quá trình nghe giảng sinh viên cần tập trung và thực hiện những ghi chép cần thiết. Bài giảng tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung liên quan đến Luật, luận giải vấn đề sẽ được trình bày trong quá trình thuyết giảng kết hợp thảo luận tại lớp. Trong quá trình thuyết giảng, giảng viên có thể phát triển mở rộng thêm vấn đề tùy vào khả năng lĩnh hội và thời gian của từng lớp.

Tại lớp, giảng viên diễn giải các khái niệm, nguyên lý cơ bản và đưa ra các vấn đề, hướng dẫn và gợi ý cho sinh viên giải quyết và khám phá, giảng viên sẽ giúp điều chỉnh và tóm tắt nội dung. Giảng viên sẽ thực hiện các hướng dẫn tính toán, kỹ thuật phân tích mẫu. Sau mỗi buổi học giảng viên sẽ đưa ra các yêu cầu cho sinh viên liên quan đến bài đã học và những nội dung sẽ học kế tiếp (vấn đề suy nghĩ – thảo luận, bài đọc, bài tập cá nhân, bài tập nhóm).

Sinh viên lĩnh hội, phát triển kiến thức và trau dồi kỹ năng thông qua nghe giảng, thảo luận, đọc sách và các bài nghiên cứu lý thuyết, các phân tích kỹ năng thực tế và thực hiện các bài tập giảng viên yêu cầu.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập ☐ Thực hành ☒
Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành	Bài đánh	Nội dung	CDR học phần	Số lần	Tiêu chí	Phương pháp	Tỷ lệ

phần đánh giá [1]	giá / thời gian (Ax.x) [2]	đánh giá [3]	(CELO.x.x) [4]	đánh giá/thời điểm [5]	đánh giá [6]	đánh giá [7]	(%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1: Thái độ học tập	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1	Thường xuyên	Tham dự đầy đủ các buổi học	Quan sát, đặt câu hỏi	10%
	A1.2: Tham gia các bài học trên lớp	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2	Thường xuyên	Tham dự đầy đủ các buổi học	Đặt câu hỏi, thảo luận	
	A1.3: Thuyết trình/bài tập	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO3,4,5	Bắt đầu tuần thứ 3 của môn học	Kết quả	Trả lời câu hỏi của giảng viên và các thành viên trong lớp	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1: Thuyết trình theo nhóm	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO4,5	Bắt đầu tuần thứ 3 của môn học	Kết quả	Trả lời câu hỏi của giảng viên và các thành viên trong lớp	20%
	A2.2: Trình bày bài tập cá nhân	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO4,5	Bắt đầu tuần thứ 3 của môn học	Kết quả	Trình bày các bài tập được giao	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1: Tự luận	Kiến thức, kỹ năng đọc và hiểu thông tin trên thị trường	CELO1,2,3,4,5	1 lần thi cuối kì	Kết quả/ đáp án	30%:Đúng/sai 30%: Bài tập 40%: Bài viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Đại cương về văn phòng và Quản trị văn phòng		
	A/ Các nội dung: 1.1.Đại cương về văn phòng 1.1.1. Khái niệm văn phòng 1.1.2. Các chức năng của văn phòng 1.1.3. Nhiệm vụ của văn phòng 1.2. Đại cương về văn phòng quản trị	Giảng viên diễn giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO 1,4,5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu và luật hành chính		
2	Chương 2: Công tác tổ chức văn phòng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1.Cơ cấu tổ chức văn phòng. 2.2. Tổ chức nơi làm việc của văn phòng. 2.3. Trang thiết bị văn phòng . 2.4. Xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của văn phòng	Giảng viên diễn giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO 1,4,5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu, luật hành chính và pháp luật đại cương.		
3	Chương 3: Quản trị lao động văn phòng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1 Khái niệm, vai trò, phân loại lao động văn phòng 3.2. Thư ký văn phòng 3.3. Chánh văn phòng 3.4. Quản trị văn phòng và các hoạt động giao tiếp. 3.5. Công tác tuyển dụng trong văn phòng	Giảng viên diễn giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO1,2,4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu, luật lao động Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp		

	Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
4	Chương 4: Tổ chức công tác thông tin		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Khái niệm chung, phân loại, vai trò của thông tin. 4.2. Tổ chức công tác thông tin . 4.3. Hoàn thiện hệ thống thông tin trong các cơ quan, đơn vị	Giảng viên diễn giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO1,2,4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu, Luật tiếp cận thông tin Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
5	Chương 5: Quản lý thời gian làm việc		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Hoạch định công việc văn phòng chính. 5.2. Làm việc thời gian quản lý	Giảng viên diễn giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO1,2,4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
6	Chương 6: Tổ chức tiếp khách, hội họp, hội nghị, các chuyến đi công tác		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6. 1. Những vấn đề chung về giao tiếp 6. 2. Tổ chức công tác lễ tân. 6.3. Tổ chức tiếp khách 6.4. Đãi khách. 6.5. Lễ tân hội nghị và tiệc chiêu đãi. 6. 6. Phát biểu. 6.7. Phục vụ khách trong bữa tiệc chiêu đãi 6.8. Những vấn đề chung về hội họp, hội nghị	Giảng viên giao bài tập; sinh viên giải các bài tập	

	6.9. Hoạch định và tổ chức các cuộc họp, hội nghị. 6.10. Hoạch định sắp xếp các chuyến đi công tác 6.11. Trách nhiệm của thư ký và văn phòng trong thời gian thủ trưởng vắng mặt. B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu .luật hành chính Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
7	Chương 7: Công tác văn thư ,lưu trữ		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 7.1.Khái quát chung về công tác văn thư. 7.2. Nội dung nghiệp vụ công tác văn thư. 7.3. Công tác lập hồ sơ. 7.4. Nộp lưu hồ sơ vào lưu trữ cơ quan. 7.5.Khái niệm khái quát, trò chơi và chất lượng của kho lưu trữ công ty. 7.6. Nội dung của công tác lưu trữ hiện hành.	Giảng viên diễn giải các khái niệm, đưa ra các vấn đề liên quan; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO1,2,5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu .luật hành chính Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
8	Chương 8: Soạn thảo văn bản quản lý		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 8.1. Những vấn đề chung về văn bản quản lý nhà nước. 8.2.Thể thức văn bản quản lý nhà nước . 8.3.Ngôn ngữ trong văn bản quản lý. 8.4.Quy trình soạn thảo văn bản quản lý	Giảng viên giao bài tập; sinh viên giải các bài tập; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO1,3,4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu,luật thương mại,kinh tế và hành chính Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
9	Chương 9: Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường		

	A/ Các nội dung chính trên lớp: 9.1. Phương pháp soạn thảo "Quyết định" . 9.2. Phương pháp soạn thảo báo cáo. 9.3. Phương pháp soạn thảo công văn . 9.4. Phương pháp soạn thảo tờ trình. 9.5. Phương pháp soạn thảo thông báo. 9.6. Phương pháp soạn thảo biên bản. 9.7. Phương pháp soạn thảo đề án 9.8. Phương pháp soạn thảo hợp đồng.	Giảng viên giao bài tập; sinh viên giải các bài tập; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO1,3,4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu, luật thương mại, kinh tế và hành chính Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
10	Ôn tập Sinh viên tự ôn tập tất cả các chương	Giảng viên ôn tập, giải đáp các câu hỏi của sinh viên	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO 1	CELO 2	CELO 3	CELO 4	CELO 5
Module 1	H			M	M
Module 2	H	M		M	
Module 3	H	M			H
Module 4	H		H	H	
Module 5	H		H	H	

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Diệp, Trần Phương Hiền, Giáo Trình Quản Trị Văn Phòng , NXB ĐHKQTĐ TP. HN 2012.

7.2. Tài liệu tham khảo:

2. Nguyễn Hữu Trí. Giáo Trình Quản Trị Văn Phòng , NXB KHKT 2005.

3. Nguyễn Hữu Thân, Quản trị hành chính văn phòng, NXB TK 2004.

4. Các website: www.vanbanphapluat.vn

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

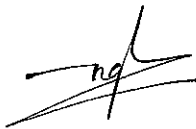
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. Phạm Đức Trung, ThS. Trịnh Thị Ngọc Thúy

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Trịnh Thị Ngọc Thúy



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị chiến lược

Trình độ đào tạo: Đại Học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC
Tiếng Việt:	Quản trị chiến lược
Tiếng Anh:	Strategic Management
Mã số học phần:	180115043
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 4
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Quản trị học; Marketing căn bản
Học phần song hành:	Quản trị nguồn nhân lực
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn học giúp người học nhận diện vai trò của chiến lược đối với các tổ chức; Biết các thiết lập chiến lược cho các tổ chức trong môi trường toàn cầu hóa; Biết sử dụng các công cụ: BSC, KPI trong tổ chức triển khai và kiểm soát quá trình tổ chức triển khai chiến lược; Kỹ năng thiết lập, triển khai, đánh giá chiến lược.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	-Biết công cụ triển khai chiến lược (BSC) và sử dụng công cụ này trong tổ chức triển khai chiến lược.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6
CG2	-Hệ thống hóa các biện pháp tổ chức thực hiện chiến lược và biện pháp tổ chức kiểm tra, điều chỉnh chiến lược.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6, ELO11
CG3	-Biết thiết lập chiến lược	ELO2, ELO4, ELO6, ELO7, ELO9, ELO10, ELO11
CG4	-Kỹ năng thiết lập chiến lược.	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10
CG5	-Kỹ năng triển khai chiến lược.	ELO9, ELO10
CG6	-Kỹ năng kiểm soát chiến lược.	ELO9, ELO10

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1/]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3/]
CELO1	Mô tả các giai đoạn và các hoạt động của quản trị chiến lược	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6
CELO2	Biết qui trình thiết lập chiến lược, và cách sử dụng các công cụ hình thành chiến lược.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6, ELO11
CELO3	Biết cách tổ chức thực hiện chiến lược và công cụ BSC để tổ chức triển khai chiến lược.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO11
CELO4	Biết đánh giá, điều chỉnh chiến lược và xây dựng KPI trong kiểm soát, kiểm tra và đánh giá chiến lược.	ELO2, ELO4, ELO6, ELO7, ELO9, ELO10, ELO11
CELO5	Kết hợp sử dụng được các công cụ đề xuất chiến lược: B.C.G, SPACE, SWOT, QSPM,...	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO10, ELO11
CELO6	Biết mô hình hóa bản đồ chiến lược	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10
CELO7	Sử dụng được ma trận EFE để nhận diện cơ hội thách thức cho tổ chức.	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10
CELO8	Sử dụng được ma trận IFE và ma trận hình ảnh cạnh tranh để xác định năng lực cốt lõi, cũng như lợi thế cạnh tranh cho tổ chức.	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10
CELO9	Kết hợp sử dụng được các công cụ đề xuất chiến lược: B.C.G, SPACE, SWOT, QSPM,...	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8,

		ELO9, ELO10
CELO10	Mô phỏng hoạch định chiến lược kinh doanh của tổ chức	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO10, ELO11
CELO11	Mô phỏng BSC cho việc triển khai chiến lược.	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10
CELO12	Hình thành KPI trong đánh giá chiến lược	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10
CELO13	Mô hình hóa bản đồ chiến lược	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO10,
CELO14	Cảm thụ được mối quan hệ tương hỗ giữa giá trị bản thân và học chủ động.	ELO9, ELO10
CELO15	Chủ động nghiên cứu, học và vận dụng kiến thức quản trị chiến lược	ELO9, ELO10
CELO16	Cảm thụ được mối quan hệ giữa giá trị của việc học đối với cuộc sống cá nhân.	ELO9, ELO10

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT								
	ELO2	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11
CELO1	H	M	M	M	-	-	-	-	-
CELO2	H	M	M	M	-	-	-	-	M
CELO3	H	M	M	-	-	-	-	-	M
CELO4	H	M	-	M	L	-	L	M	M
CELO5	H	M	-	-	M	M	-	H	M
CELO6	H	M	-	-	M	H	M	M	-
CELO7	H	M	-	-	M	H	M	H	-
CELO8	H	M			M	H	M	H	
CELO9	H	M			M	H		H	M
CELO10	H	M			M	H	M	H	
CELO11	H	M			M	H	M	H	
CELO12	H	M			M	H	M	H	
CELO13	H	M			M	H		H	

CELO14							M	H	
CELO15							M	H	
CELO16							M	H	

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp diễn giảng

Giảng viên dùng lời nói cùng với các phương tiện kỹ thuật thông tin, nghe nhìn như: Bảng – phấn, văn bản in, overhead transparencies, video/film, máy tính,... để diễn giảng cho người học nghe, phát hiện và hiểu các khái niệm, hiện tượng, qui luật, nguyên lý của các quá trình.

Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp làm việc nhóm:

Trong phương pháp kết hợp này, giảng viên cung cấp cơ sở lý thuyết nền tảng. Sinh viên được chia theo nhóm từ 5 đến 6 sinh viên một nhóm. Mỗi nhóm sẽ chọn (hoặc được giao) một đề tài nào đó có liên quan đến nội dung môn học rồi tự phân chia công việc trong nhóm cho các thành viên để tiến hành việc tìm hiểu những nội dung lý thuyết liên quan đến đề tài qua sách, giáo trình, ấn phẩm nghiên cứu khoa học...; tìm hiểu thực tế xem các doanh nghiệp, tổ chức hiện đang thực hiện công việc liên quan đến đề tài như thế nào với những bằng chứng là thông tin, số liệu, hình ảnh... thực tế cụ thể thông qua tiếp cận doanh nghiệp (thực tập tại doanh nghiệp), thông tin doanh nghiệp trên Internet, thị trường chứng khoán... Nhóm sẽ hội ý để so sánh, phân tích nội dung đề tài trên lý thuyết và nội dung đề tài trong thực tế tại doanh nghiệp có gì giống nhau, khác nhau, có điểm gì tốt điểm gì chưa tốt... Sau đó các nhóm sẽ viết lại thành báo cáo môn học kèm nhận xét, đánh giá hay đưa ra ý kiến của nhóm về đề tài này. Cuối cùng các nhóm sẽ thay phiên nhau trình bày nội dung báo cáo môn học mà nhóm đã thực hiện để nhận được những ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi chất vấn của các nhóm khác và của giảng viên. Nhóm sẽ thảo luận và trả lời các câu hỏi được đặt ra. Nếu nội dung trả lời của nhóm chưa thật sự thỏa đáng hay có sự hiểu nhầm, hiểu sai vấn đề... thì giảng viên sẽ hỗ trợ thêm.

Sự kết hợp giữa phương pháp thuyết trình và phương pháp làm việc nhóm sẽ kích thích vai trò chủ động của người học. Sinh viên là người chủ động tìm tòi, suy nghĩ, nhận định, phân tích, tổng hợp, đánh giá... đề tài của nhóm mình và cả đề tài của các nhóm khác.

Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp sử dụng tình huống:

Tình huống (case) là một hoàn cảnh thực tế trong đó các chủ thể cần phải đưa ra quyết định. Các tình huống tóm tắt những áp lực và khía cạnh khác nhau mà chủ thể đó phải cân nhắc khi ra quyết định với những thông tin thường không hoàn chỉnh hoặc mâu thuẫn vào lúc đó. Một số thông tin trong tình huống có thể được cố tình bỏ sót, cho phép tình huống có thể có nhiều phương án khả dĩ.

Tình huống thường trình bày một sự mâu thuẫn/xung đột, đặc biệt là sự căng thẳng giữa những phương án hành động khác nhau mà những phương án này có thể tạo ra những quan điểm, lợi ích và những giá trị khác nhau trong sự mâu thuẫn và nó đòi hỏi phải được giải quyết bằng một quyết định. Thông thường các tình huống được trình bày trong các ấn bản. Tình huống có thể được trình bày dưới dạng phim, băng video, CD ROM...

Các tình huống yêu cầu các sinh viên đóng vai của nhân vật chính và ra một hoặc nhiều quyết định quan trọng.

Phương pháp tình huống cho phép sinh viên tham gia vào quá trình ra quyết định mà người ta phải thực sự đương đầu trong một tổ chức thật, có quyền sở hữu, cảm giác được áp lực, nhận rủi ro và trình bày ý tưởng của mình với người khác giúp buổi học có sự trao đổi thông tin đa chiều. Các tình huống giúp sinh viên phát triển lòng tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập và hợp tác trong công việc với đồng nghiệp. Ngoài ra, phương pháp tình huống cũng là công cụ tuyệt vời để giảng viên kiểm tra kiến thức lý thuyết và những hiểu biết sâu sắc hơn của sinh viên.

Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp thực tập sinh:

Giảng viên kết hợp phương pháp thuyết trình với phương pháp thực tập tại doanh nghiệp bằng cách giao đề tài và yêu cầu các nhóm sinh viên phải đến doanh nghiệp thực tập để thực hiện đề tài được giao và nộp báo cáo cho giảng viên hoặc trình bày kết quả trước lớp.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Tính chuyên cần; Thái độ chủ động, tích cực trong học tập; Bài tập nhóm (thuyết trình); bài dự án

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Lý thuyết

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập/chuyên cần		11 buổi học	Phát biểu Điểm danh	PP quan sát	10%
	A1.2	Bài kiểm tra cá nhân		1 lần/ thời gian 60 phút	Hiểu bài	PP phỏng vấn	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Bài tập nhóm thuyết trình		1 lần/giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 4 trở đi	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	PP phỏng vấn PP viết	20%

A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận		1 lần/thời gian 60 phút	Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về chiến lược và quản trị chiến lược.	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung: 1.1 Khái quát về chiến lược kinh doanh 1.1.1 Khái niệm chiến lược 1.1.2 Nhà chiến lược 1.1.3 Tầm nhìn chiến lược 1.1.4 Mục tiêu chiến lược 1.1.5 Nhiệm vụ kinh doanh 1.1.6 Các cấp chiến lược 1.1.7 Lợi ích của chiến lược 1.2 Tổng quan về quản trị chiến lược 1.2.1 Khái niệm quản trị chiến lược 1.2.2 Vai trò của quản trị chiến lược 1.2.3 Quy trình quản trị chiến lược		CELO2 CELO4 CELO5 CELO6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
2	Chương 2: Các mô hình chiến lược kinh doanh	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1 Các chiến lược kết hợp 2.1.1 Chiến lược kết hợp về phía trước 2.1.2 Chiến lược kết hợp về phía sau 2.1.3 Chiến lược kết hợp theo chiều ngang 2.2 Các chiến lược chuyên sâu 2.2.1 Chiến lược thâm nhập thị		CELO2 CELO4 CELO5 CELO6

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	trường 2.2.2 Chiến lược phát triển thị trường 2.2.3 Chiến lược phát triển sản phẩm 2.2.4 Chiến lược cắt giảm thu hẹp 2.2.5 Chiến lược nhượng quyền sáng chế, nhượng quyền thương hiệu 2.2.6 Chiến lược mua quyền sáng chế, mua quyền thương hiệu. 2.3 Các chiến lược đa dạng hóa hoạt động 2.3.1 Chiến lược đa dạng hóa hoạt động đồng tâm 2.3.2 Chiến lược đa dạng hóa hoạt động theo chiều ngang 2.3.3 Chiến lược đa dạng hóa hoạt động hỗn hợp 2.3.4 Chiến lược liên doanh 2.3.5 Chiến lược thuê ngoài 2.4 Các chiến lược cạnh tranh 2.4.1 Chiến lược khác biệt hóa 2.4.2 Chiến lược cạnh tranh về giá 2.4.3 Chiến lược tập trung 2.5 Các chiến lược bán hàng 2.5.1 Chiến lược xây dựng hệ thống phân phối 2.5.2 Chiến lược đẩy 2.5.3 Chiến lược kéo		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
3	Chương 3: Hoạch định chiến lược	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
4	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1 Cơ sở hoạch định chiến lược 3.1.1 Xu hướng, mục tiêu, ý tưởng của doanh nghiệp		CELO2 CELO4 CELO5

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	3.1.2 Môi trường bên ngoài 3.1.3 Nguồn lực của doanh nghiệp 3.2 Những định hướng xây dựng chiến lược 3.2.1 Hướng về hành động và hướng về khách hàng 3.2.2 Luôn tạo lợi thế cạnh tranh không ngừng 3.2.3 Tập trung vào lĩnh vực then chốt nhất 3.2.4 Giới hạn trong lĩnh vực thông thạo 3.2.5 Tự chủ và phát huy nội lực 3.3 Xây dựng tầm nhìn và nhiệm vụ kinh doanh tổng quát 3.3.1 Khái niệm tầm nhìn 3.3.2 Yêu cầu của tầm nhìn 3.3.3 Khái niệm, vai trò của nhiệm vụ kinh doanh 3.3.4 Nội dung của nhiệm vụ kinh doanh 3.4 Phân tích môi trường bên ngoài 3.4.1 Mục đích, yêu cầu của phân tích môi trường bên ngoài 3.4.2 Cấu trúc của môi trường bên ngoài 3.4.3 Tiến trình phân tích 3.4.4 Phương pháp phân tích 3.4.5 Phân tích môi trường vĩ mô 3.4.6 Phân tích môi trường vi mô 3.5 Phân tích môi trường bên trong 3.5.1 Mục đích, yêu cầu của phân tích môi trường bên trong 3.5.2 Cấu trúc của môi trường bên trong 3.5.3 Tiến trình phân tích 3.5.4 Phương pháp phân tích 3.5.5 Phân tích các yếu tố môi trường nội bộ 3.6 Xác định mục tiêu nhiệm vụ dài hạn 3.6.1 Khái niệm mục tiêu		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	3.6.2 Hệ thống các mục tiêu trong doanh nghiệp 3.6.3 Môi quan hệ các mục tiêu trong doanh nghiệp 3.7 Lựa chọn chiến lược 3.7.1 Công cụ ma trận SWOT 3.7.2 Công cụ ma trận chiến lược chính		
5	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
6	Chương 4: Tổ chức thực hiện chiến lược	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
7	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1 Khái quát về tổ chức thực hiện chiến lược 4.1.1 Khái niệm 4.1.2 Sự chuyển đổi trách nhiệm từ hoạch định sang thực hiện chiến lược 4.1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến thực thi chiến lược 4.1.4 Mô hình 5S 4.2 Hoạch định mục tiêu hàng năm 4.2.1 Mục tiêu hàng năm 4.2.2 Yêu cầu của mục tiêu hàng năm 4.3 Xây dựng các chính sách 4.3.1 Khái niệm chính sách 4.3.2 Vai trò của chính sách 4.3.3 Các chính sách chủ yếu trong kinh doanh 4.4 Phân bổ các nguồn lực 4.4.1 Khái niệm 4.4.2 Các nguồn lực chủ yếu của doanh nghiệp		CELO2 CELO4 CELO6 CELO7 CELO9 CELO10 CELO11 CELO12 CELO13
8	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
9	Chương 5: Kiểm tra đánh giá chiến lược kinh doanh	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
		Tình huống	
10	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1 Sự cần thiết phải đánh giá chiến lược 5.1.1 Khái niệm đánh giá chiến lược 5.1.2 Sự cần thiết phải đánh giá chiến lược 5.2 Kiểm tra đánh giá sự biến động của các yếu tố môi trường 5.2.1 Sự cần thiết phải kiểm tra các yếu tố môi trường 5.2.2 Phương pháp kiểm tra 5.3 Kiểm tra đánh giá kết quả các chiến lược 5.3.1 Khái niệm 5.3.2 Nội dung đánh giá kết quả chiến lược 5.4 Điều chỉnh chiến lược chính sách 5.4.1 Xác định nguyên nhân thành công, thất bại của chiến lược 5.4.2 Xây dựng quy trình điều chỉnh chiến lược, chính sách 5.4.3 Tiến hành điều chỉnh chiến lược, chính sách		CELO2 CELO4 CELO6 CELO7 CELO9 CELO10 CELO11 CELO12 CELO13
11	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
12	Chương 6: Chiến lược kinh doanh quốc tế.	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
13	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1 Tầm quan trọng của viễn cảnh toàn cầu trong chiến lược 6.2 Chiến lược xâm nhập cho việc mở rộng quốc tế. 6.2.1 Chọn quốc gia. 6.2.2 Thời điểm xâm nhập. 6.2.3 Tốc độ xâm nhập. 6.2.4 Các dạng sở hữu xâm nhập. 6.3 Khung cảnh để hình thành		CELO2 CELO4 CELO6 CELO7 CELO8 CELO9 CELO10 CELO11 CELO12 CELO13

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	các chiến lược vận hành toàn cầu 6.3.1 Những quan hệ chính quyền như là lợi thế cạnh tranh. 6.3.2 Các chiến lược toàn cầu và đa địa phương. 6.3.3 Kết hợp các chiến lược toàn cầu và đa địa phương. 6.4 Chiến lược kinh doanh quốc tế và lợi thế cạnh tranh. 6.4.1 Khác biệt hóa. 6.4.2 Chi phí thấp nhất. 6.4.3 Phản ứng nhanh. 6.4.4 Sự ủng hộ của chính quyền.		
14	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần												
	CELO 1	CELO 2	CELO 3	CELO 4	CELO 5	CELO 6	CELO 7	CELO 8	CELO 9	CELO 10	CELO 11	CELO 12	CELO 13
Module 1		H		M	M	M							
Module 2		H		M	M	M							
Module 3		H		M	M						M	H	H
Module 4		H		M		M	L		L	M	M	H	H
Module 5		H		M			M	M		H	M	H	H
Module 6		H		M			M	H	M	M		M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. F. David (2016), Khái luận quản trị chiến lược

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Barry J. Witcher, Vinh Sum Chau (2014) Strategic management: principles and practice

2. Palgrave Macmillan, (2012) Global strategic management

3. Porter, M. (2014), Chiến lược cạnh tranh, NXB Thông kê, TP.HCM

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Nguyễn Bá Huy

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Bá Huy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN & MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị nguồn nhân lực

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC ✓
Tiếng Việt:	Quản trị nguồn nhân lực
Tiếng Anh:	Human resource management ✓
Mã số học phần:	180115098 ✓
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 4 ✓
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ ✓
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết ✓
Số tiết lý thuyết:	30 tiết ✓
Số tiết bài tập:	15 tiết ✓
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Quản trị học
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần cung cấp những kiến thức, kỹ năng về quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp như hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, tạo động lực làm việc, đánh giá kết quả thực hiện công việc và năng lực của nhân viên, trả công lao động và đánh giá kết quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức về các chức năng cơ bản và hoạch định nguồn nhân lực	ELO2, ELO3, ELO4
CG2	Cách thức phân tích công việc, quy trình tuyển dụng ứng viên cho doanh nghiệp, phương pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tạo động lực và trả công trong lao động	ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO11, ELO12
CG3	Đánh giá kết quả quản trị nguồn nhân lực.	ELO3, ELO5, ELO8, ELO10, ELO11
CG4	Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch và kỹ năng giải quyết vấn đề.	ELO7, ELO8, ELO9, ELO10, ELO13
CG5	Phẩm chất đạo đức, ý thức kỷ luật, trách nhiệm, nghiêm túc trong quá trình học, tự học và tự nghiên cứu.	ELO9, ELO10, ELO11, ELO12.

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1/]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3/]
CELO1	Trình bày được các chức năng của quản trị nguồn nhân lực, quy trình hoạch định nguồn nhân lực	ELO2, ELO4
CELO2	Xây dựng bản mô tả công việc, bản tiêu chuẩn công việc, và quy trình tuyển dụng của doanh nghiệp	ELO2, ELO4, ELO5
CELO3	Phân tích được chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, phương pháp tạo động lực, các tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công việc của nhân viên, và hệ thống trả công trong lao động	ELO3, ELO4, ELO5, ELO11, ELO12
CELO4	Đánh giá được kết quả quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp	ELO3, ELO5, ELO7, ELO8, ELO10, ELO11, ELO12
CELO5	Vận dụng được các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, thuyết trình, lập kế hoạch, kỹ năng giải quyết vấn đề để phát triển bản thân trong quá trình học tập.	ELO9, ELO10, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	-	H	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-
CELO2	-	H	-	H	H	-	-	-	-	-	-	-	-
CELO3	-	-	H	H	H	-	-	-	-	-	H	M	-

CELO4	-	-	H	-	H	-	M	H	H	H	H	H	-	
CELO5	-	-	-	-	-	-	-	-	H	H	-	H	-	

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản, học phần Quản trị nguồn nhân lực sử dụng các Phương pháp giảng dạy như Phương pháp thuyết giảng, Phương pháp thuyết trình, Phương pháp động não, Phương pháp hoạt động nhóm, Phương pháp thảo luận, Phương pháp học dựa trên vấn đề ...

- Phương pháp học tập giúp sinh viên có thể chủ động và tích cực hơn như Phương pháp Nghiên cứu tình huống, làm việc nhóm, thuyết trình, tự nghiên cứu thông tin thông qua tài liệu tham khảo, internet .. Ngoài ra sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và tích cực trao đổi thảo luận để hiểu rõ hơn về các vấn đề nghiên cứu trong nội dung học phần.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40%, bao gồm: Đánh giá Quá trình và Thi Giữa kỳ

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐

Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%, bao gồm:

+ Hình thức thi: Thi Tự luận/Trắc nghiệm với thời lượng 60 - 75 phút

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Sự tham gia lớp học	Kỹ năng, Phẩm chất	CELO5	15/Mỗi tuần	Tích cực, tham gia đầy đủ	PP quan sát	20%
	A1.2 Bài tập nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO2 CELO3 CELO5	1/Tuần 5	Trình bày chi tiết, chính xác, logic	Phương pháp Phỏng vấn	
	A1.3 Bài tập thuyết trình nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	1/Tuần 12	Trình bày chi tiết, chính xác, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả	Phương pháp Phỏng vấn	

A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi Giữa kỳ (Tự luận 60 phút)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực giữa khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO5	1/Tuần 9	2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cá nhân cuối khóa (Tự luận 60 - 75 phút)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Cuối Khóa (Sau tuần 15)	2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết	60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Khái quát về quản trị nguồn nhân lực		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 1.1 Khái niệm, mục tiêu, tầm quan trọng của QTNL 1.2 Quá trình phát triển của QTNL 1.3 Các chức năng cơ bản của QTNL. 1.4 Vai trò của phòng QTNL 1.5 Sự phân chia trách nhiệm của QTNL. 1.6 Các yêu cầu đối với nhân viên chuyên môn QNLN	+ Thuyết giảng + Thảo luận	CELO1 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 1 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 2	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
2	Chương 2: Hoạch định nguồn nhân lực		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1 Khái niệm & ý nghĩa của hoạch định nguồn nhân lực. 2.2 Quy trình hoạch định nguồn nhân lực. 2.3 Phân tích môi trường kinh doanh, xác định mục tiêu và chiến lược doanh nghiệp 2.4 Phân tích hiện trạng QTNL. 2.5 Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực 2.6 Phân tích quan hệ cung – cầu, khả năng điều chỉnh hệ thống quản	+ Thuyết giảng + Thảo luận	CELO1 CELO2 CELO5

Tuần n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	trị nguồn nhân lực. 2.7 Thực hiện KH NNL 2.8 Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện KH NNL		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 2 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 2 (tiếp theo)	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
3	Chương 2: Hoạch định nguồn nhân lực (tiếp theo)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp - Nghiên cứu tình huống “Cho ai nghĩ việc?” - Tình huống hoạch định.	+ Thảo luận + Động não + Hoạt động nhóm	CELO1 CELO2 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 3	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
4	Chương 3: Phân tích công việc		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1 Một số khái niệm 3.2 Những thông tin cần thu thập trong phân tích công việc 3.3 Quy trình thực hiện phân tích công việc 3.4 Phương pháp thu thập thông tin phân tích công việc 3.5 Nội dung chính của bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn công việc.	+ Thuyết giảng + Thảo luận	CELO1 CELO2 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 3 - Nghiên cứu xây dựng BMTCV và BTCCV cho doanh nghiệp	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn + Chuẩn bị bài tập nhóm	
5	Chương 3: Phân tích công việc (tiếp theo)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Thảo luận Xây dựng bản MTCV và bản TCCV cho doanh nghiệp cụ thể	+ Thuyết trình + Thảo luận + Hoạt động nhóm	CELO1 CELO2 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 4	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	

Tuầ n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
6	Chương 4: Tuyển dụng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1 Khái niệm, ý nghĩa 4.2 Nguồn ứng viên 4.3 Nội dung, trình tự tuyển dụng 4.4 Kiểm tra, trắc nghiệm 4.5 Các hình thức phỏng vấn 4.6 Quá trình phỏng vấn 4.7 Các yếu tố tác động đến TD 4.8 Nguyên tắc phỏng vấn TD 4.9 Đánh giá hiệu quả của hoạt động tuyển dụng	+ Thuyết giảng + Thảo luận	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời câu hỏi ôn tập/ Bài tập tình huống chương 4 - Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung chương 5	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn + Chuẩn bị phỏng vấn tuyển dụng	
7	Chương 4: Tuyển dụng (tiếp theo)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Thực hành Phỏng vấn tuyển dụng cho doanh nghiệp	+ Thuyết trình + Thảo luận	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 5	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
8	Chương 5: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Khái niệm, ý nghĩa của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 5.2 Quy trình và các hình thức đào tạo 5.3 Phân tích nhu cầu và xác định mục tiêu đào tạo 5.4 Thực hiện quá trình đào tạo 5.5 Đánh giá hiệu quả đào tạo	+ Thuyết giảng + Thảo luận	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 5 - Nghiên cứu chính sách đào tạo của một số doanh nghiệp và nộp báo cáo	Nghiên cứu tài liệu thực hiện báo cáo theo hướng dẫn	

Tuần n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
9	Chương 6: Tạo động lực trong lao động		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1 Khái niệm và ý nghĩa 6.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực lao động 6.3 Các học thuyết tạo động lực lao động 6.4 Các phương hướng tạo động lực trong lao động	+ Thuyết giảng + Thảo luận	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 6 - Chuẩn bị thảo luận tình huống theo hướng dẫn	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
10	Chương 6: Tạo động lực trong lao động (tiếp theo)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Thảo luận: Nghiên cứu và đề xuất giải pháp tạo động lực tại một số doanh nghiệp.	+ Thảo luận + Động não + Hoạt động nhóm	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 8	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
11	Chương 7: Đánh giá kết quả thực hiện công việc và năng lực của nhân viên		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 7.1 Khái niệm, mục tiêu cơ bản của đánh giá nhân viên 7.2 Nội dung, trình tự thực hiện 7.3 Các phương pháp đánh giá kết quả thực hiện công việc 7.4 Đánh giá năng lực nhân viên 7.5 Phòng vãn đánh giá	+ Thuyết giảng + Thảo luận	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 7 - Chuẩn bị bài tập được giao	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
12	Chương 7: Đánh giá kết quả thực hiện công việc và năng lực của nhân viên (tiếp theo)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Thảo luận tình huống “Đánh giá thi đua”	+ Hỏi đáp + Động não + Thảo luận nhóm	CELO2 CELO3 CELO4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 7 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 8	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn Hoàn thiện bài báo cáo nhóm	
13	Chương 8: Trả công lao động		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 8.1 Khái niệm tiền lương và cơ cấu thu nhập 8.2 Giới thiệu hệ thống thang, bảng lương nhà nước 8.3 Xây dựng hệ thống trả công của doanh nghiệp 8.5 Quản trị tiền công, tiền lương (SV tự nghiên cứu) 8.6 Các hình thức trả công, các khuyến khích về tài chính và phúc lợi cho người lao động	+ Thuyết giảng + Thảo luận	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 8 - Nghiên cứu: Tổ chức cần làm gì để xây dựng hệ thống trả công lao động hiệu quả	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
14	Chương 9: Đánh giá kết quả quản trị nguồn nhân lực		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 9.1 Yêu cầu đối với đánh giá kết quả quản trị nguồn nhân lực 9.2 Đánh giá kết quả quản trị nguồn lực 9.3 Các chỉ số then chốt đo lường kết quả thực hiện công việc	+ Thuyết giảng + Thảo luận	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 9	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
15	Ôn tập/ Hệ thống hóa nội dung học phần	Thảo luận Hỏi đáp	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5

Chương 1: Khái quát về quản trị nguồn nhân lực	H	-	-	-	M
Chương 2: Hoạch định nguồn nhân lực	H	H	-	-	H
Chương 3: Phân tích công việc	H	H	-	-	M
Chương 4: Tuyển dụng	-	H	H	-	H
Chương 5: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	-	H	H	-	H
Chương 6: Tạo động lực trong lao động	-	H	H	-	H
Chương 7: Đánh giá kết quả thực hiện công việc và năng lực nhân viên	-	H	H	M	H
Chương 8: Trả công trong lao động	-	H	H	M	H
Chương 9: Đánh giá kết quả quản trị nguồn nhân lực	M	H	H	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Trần Kim Dung, *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Tổng hợp Tp.HCM, 2018

7.2. Tài liệu tham khảo:

2. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi, *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Phương Đông, 2011

3. Hương Huy, *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB GTVT, 2007

4. Nguyễn Văn Diễm & Nguyễn Ngọc Quân, *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB đại học Kinh tế Quốc dân, 2010

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Vũ Quốc Quý, Hoàng Thị Vân

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



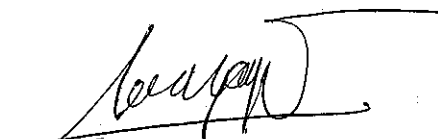
TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Vũ Quốc Quý

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN & MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị vận hành

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ VẬN HÀNH
Tiếng Việt:	Quản trị vận hành
Tiếng Anh:	OPERATION MANAGEMENT
Mã số học phần:	180115077
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 5
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	00 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Quản trị học
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần Quản trị vận hành là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị vận hành trong các DN sản xuất hiện đại; cũng như việc ứng dụng chúng trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hiểu được kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị vận hành trong các doanh nghiệp sản xuất.	ELO2, ELO3, ELO4.
CG2	Phân tích được các nội dung quan trọng trong hoạt động quản trị vận hành của các doanh nghiệp sản xuất.	ELO3, ELO4, ELO5.
CG3	Vận dụng kết quả nghiên cứu các nghiệp vụ vận hành vào thực tiễn của quá trình ra quyết định kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất.	ELO3, ELO5, ELO6, ELO8, ELO10, ELO11
CG4	Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề để đạt mục tiêu chung.	ELO7, ELO9, ELO10

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu kiến thức nền tảng, khái niệm, các cơ sở lý thuyết khoa học của quản trị vận hành.	ELO2, ELO4, ELO5
CELO2	Triển khai tính toán, phân tích và đánh giá được các nội dung quan trọng trong hoạt động quản trị vận hành của các doanh nghiệp sản xuất.	ELO2, ELO3, ELO4, ELO8, ELO11
CELO3	Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua việc tổng hợp và đánh giá dữ liệu từ hoạt động quản trị vận hành.	ELO2, ELO3, ELO4, ELO10, ELO11
CELO4	Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề để đạt mục tiêu chung, thái độ làm việc nghiêm túc, trách nhiệm.	ELO9, ELO10

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT													
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	
CELO1	-	H	-	H	M	-	-	-	-	-	-	-	-	
CELO2	-	M	H	H	-	-	-	H	-	-	M	-	-	
CELO3	-	M	H	H	-	-	-	-	-	H	M	-	-	
CELO4	-	-	-	-	-	-	-	-	H	H	-	-	-	

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản, học phần Quản trị vận hành sử dụng các Phương pháp giảng dạy như Phương pháp thuyết giảng, Phương pháp động não, Phương pháp thảo luận, ...

- Phương pháp học tập giúp sinh viên có thể chủ động và tích cực hơn như tự nghiên cứu thông tin thông qua tài liệu tham khảo, internet .. Ngoài ra sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và tích cực trao đổi thảo luận để hiểu rõ hơn về các vấn đề nghiên cứu trong nội dung học phần.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Đánh giá Quá trình và Thi Giữa kỳ

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm:

+ Hình thức thi: Thi Tự luận với thời lượng 75 phút

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Sự tham gia lớp học, chuyên cần	Phẩm chất	CELO4	15/Mỗi tuần	Tích cực, tham gia đầy đủ	PP quan sát	10%
	A1.2 Thái độ học tập	Phẩm chất	CELO4	15/Mỗi tuần	Tham gia hoạt động học tập tích cực	Phương pháp quan sát	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi Giữa kỳ (Tự luận 75 phút)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực giữa khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	1/Tuần 8	3 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cá nhân cuối khóa (Tự luận 75 phút)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	Cuối Khóa (Sau tuần 15)	2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về Quản trị vận hành		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 1.1. Khái quát về Quản trị vận hành 1.2. Những nội dung chủ yếu của Quản trị vận hành 1.3. Quá trình phát triển và xu hướng vận động của Quản trị vận hành	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	CELO1 CELO4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập Chương 1 - Nghiên cứu nội dung Chương 2	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
2	Chương 2: Dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm		CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Thực chất và vai trò của dự báo trong quản trị vận hành 2.2 Phương pháp dự báo định tính 2.3 Phương pháp dự báo định lượng 2.4 Giám sát và kiểm soát dự báo	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập chương 2 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung bài tập tính toán	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
3	Chương 2: Dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm (tiếp)		CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp - Làm và sửa các bài tập tính toán về Dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp hoạt động nhóm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Ôn lại cách làm các bài tập tính toán chương 2 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 3	Nghiên tài liệu theo hướng dẫn	
4	Chương 3: Thiết kế sản phẩm, lựa chọn công nghệ và hoạch định công suất		CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1 Thiết kế sản phẩm và công nghệ 3.2 Lựa chọn công nghệ 3.3 Hoạch định công suất	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập chương 3	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Nghiên cứu tài liệu và nội dung bài tập tính toán		
5	Chương 3: Thiết kế sản phẩm, lựa chọn công nghệ và hoạch định công suất (tiếp)		CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: -Làm và sửa các bài tập tính toán về Hoạch định công suất	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp hoạt động nhóm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Ôn lại cách làm các bài tập tính toán chương 2 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 3	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
6	Chương 4: Định vị doanh nghiệp		CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1 Thực chất và vai trò của định vị DN 4.2 Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến định vị DN 4.3 Các phương pháp đánh giá phương án định vị DN	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập chương 4 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung bài tập tính toán	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
7	Chương 4: Định vị doanh nghiệp (tiếp)		CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: -Làm và sửa các bài tập tính toán về Định vị doanh nghiệp	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp hoạt động nhóm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Ôn lại cách làm các bài tập tính toán chương 4 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 5	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Ôn tập chuẩn bị kiểm tra		
8	Chương 5: Bố trí sản xuất trong DN		CELO2
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1 Vị trí vai trò của bố trí sản xuất trong DN Kiểm tra-Thời gian làm bài 75 phút	Phương pháp thuyết trình	CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập phần 5.1 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung phần 5.2, 5.3	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
9	Chương 5: Bố trí sản xuất trong DN (tiếp)		CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.2 Các loại hình bố trí sản xuất chủ yếu 5.3 Thiết kế bố trí sản xuất trong DN	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	
	- Trả lời nội dung ôn tập phần 5.2, 5.3 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 6	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
10	Chương 6: Hoạch định tổng hợp		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1 Thực chất và nhiệm vụ của hoạch định tổng hợp 6.2 Các chiến lược trong hoạch định tổng hợp 6.3 Các phương pháp hoạch định tổng hợp	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	CELO2 CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập chương 6 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung bài tập tính toán	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
11	Chương 6: Hoạch định tổng hợp (tiếp)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: -Làm và sửa các bài tập tính toán về	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	CELO2 CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	Hoạch định tổng hợp	Phương pháp hoạt động nhóm	CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Ôn lại cách làm các bài tập tính toán chương 6 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 7	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
12	Chương 7: Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu (MRP)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 7.1 Thực chất và yêu cầu của hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu 7.2 Xây dựng hệ thống hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu 7.3 Phương pháp xác định kích cỡ lô hàng 7.4 Đảm bảo sự kích ứng của hệ thống MRP với những thay đổi của môi trường	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	CELO2 CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập chương 7 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung bài tập tính toán	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
13	Chương 7: Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu (MRP)		CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: -Làm và sửa các bài tập tính toán về Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp hoạt động nhóm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Ôn lại cách làm các bài tập tính toán chương 7 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 8	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
14	Chương 8: Quản trị hàng dự trữ		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 8.1 Hàng dự trữ và các chi phí có liên quan đến quản trị hàng dự trữ	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	CELO2 CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	8.2 Kỹ thuật phân tích ABC trong phân loại hàng dự trữ 8.3 Dự trữ đúng thời điểm (JIT) 8.4 Các mô hình dự trữ		CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập chương 8 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung bài tập tính toán	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
15	Chương 8: Quản trị hàng dự trữ (tiếp)		CELO2
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Làm và sửa các bài tập tính toán về Quản trị hàng dự trữ - Ôn tập kết thúc học phần	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	H	M	M	H
Chương 2	M	H	H	H
Chương 3	M	H	H	H
Chương 4	M	H	H	H
Chương 5	M	H	H	H
Chương 6	M	H	H	H
Chương 7	M	H	H	H
Chương 8	M	H	H	H

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thành Hiếu, Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung, 2018, *Giáo trình Quản trị tác nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

2. Đặng Minh Trang, Lưu Đan Thọ, 2015, *Quản trị vận hành hiện đại*, NXB Tài chính.

3. Đặng Minh Trang, Lưu Đan Thọ, 2015, *Bài tập và bài giải Quản trị vận hành hiện đại*, NXB Tài chính.

2. Trương Đoàn Thế, 2007, *Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Kế Nghĩa, Phạm Văn Hiếu, 2018, *Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

2. Đồng Thị Thanh Phương, 2011, *Quản trị sản xuất và dịch vụ (Lý thuyết và Bài tập)*, NXB Lao động-Xã hội.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 30% thời gian học trên lớp dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

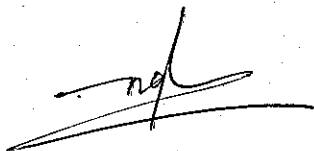
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Phạm Minh Khang, ThS Nguyễn Thị Hoài Thanh

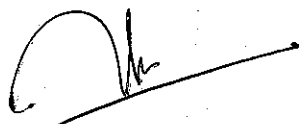
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



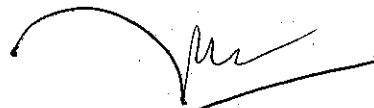
TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Phạm Minh Khang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TÀI NGUYÊN
& MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: Quản trị tài chính doanh nghiệp
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Quản trị tài chính doanh nghiệp- /
Tiếng Việt:	Quản trị tài chính doanh nghiệp /
Tiếng Anh:	Corporate financial management /
Mã số học phần:	180115006 /
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 5 /
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ /
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết /
Số tiết lý thuyết:	30 tiết /
Số tiết bài tập:	15 tiết /
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn “Quản trị tài chính” nhấn mạnh các nguyên tắc cơ bản của việc ra quyết định tài chính doanh nghiệp trong đầu tư, tài trợ và phân phối cổ tức. Dựa trên các kiến thức về kế toán, kinh tế và phân tích định lượng, khóa học phát triển các khung khái niệm đặc biệt và các công cụ chuyên biệt để giải quyết vấn đề tài chính ở cả cấp độ cá nhân và doanh nghiệp.

Các chủ đề cụ thể được đề cập bao gồm: phân tích tài chính doanh nghiệp, hoạch định tài chính, cấu trúc vốn doanh nghiệp, chi phí vốn, quyết định cổ tức và chính sách.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trang bị kiến thức về giá trị thời gian của tiền tệ - một khái niệm nền tảng cho toàn bộ vấn đề tài chính	ELO 1
CG2	Cung cấp kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp	ELO 2
CG3	Cung cấp các kỹ thuật cơ bản trong việc ra quyết định đầu tư, quyết định tài chính hay cổ tức	ELO 2 ELO 4
CG4	Thực hành các bài tập tình huống, giúp sinh viên cách suy luận, nắm bắt vấn đề và áp dụng một cách có hiệu quả trong vận hành, tính toán, hoạch định.	ELO 2 ELO 5

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Có thể giải thích và truyền đạt bản chất tài chính doanh nghiệp trong học thuật hoặc trong một diễn đàn kinh doanh	ELO 2
CELO2	Hiểu cấu trúc vốn và phân tích các yếu tố chính mà tài chính các nhà quản lý nên cân nhắc khi xác định chiến lược tài trợ của công ty	ELO 2 ELO 13
CELO3	Áp dụng các kỹ năng đánh giá các dự án lập ngân sách vốn bằng cách sử dụng các phương pháp đánh giá dự án khác	ELO 4 ELO 5

	nhau	

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO13
CELO1		H										
CELO2		H										H
CELO3				H	H							

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp động não: được thực hiện tại các tiết bài tập và thực hiện báo cáo xuyên suốt môn học. Phương pháp này giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học một cách phù hợp tùy vào từng tình huống.

PP2. Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

Phương pháp học tập:

- Sinh viên nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Làm việc nhóm.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1: Thái độ học tập	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2,3	Thường xuyên	Tham dự đầy đủ các buổi học	Quan sát, đặt câu hỏi	10%
	A1.2: Tham gia các bài học trên lớp	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2,3	Thường xuyên	Tham dự đầy đủ các buổi học	Đặt câu hỏi, thảo luận	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1: Thuyết trình theo nhóm	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2,3	Tuần thứ 9	Kết quả	Trả lời câu hỏi của giảng viên và các thành viên trong lớp	20%
	A2.2: Nộp bài tập lớn theo nhóm	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2,3	Tuần thứ 9	Kết quả	Trình bày báo cáo về vấn đề nghiên cứu theo đúng các tiêu chí đã được dạy	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1: Tự luận & trắc nghiệm	Kiến thức, kỹ năng trình bày một vấn đề cần nghiên cứu	CELO1,2,3	1 lần thi cuối kì	Kết quả/ đáp án	30%: Tự luận 40%: Trắc nghiệm	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Vai trò, mục tiêu và môi trường của quản trị tài chính		
	A/ Các nội dung: 1.1. Đối tượng và mục tiêu của quản trị tài chính 1.1.1. Khái niệm quản trị tài chính 1.1.2. Các chức năng của quản trị tài chính 1.2. Vai trò và quyết định của nhà quản trị tài chính 1.2.1. Vai trò của nhà quản trị tài chính 1.2.2. Các quyết định của nhà quản trị tài chính 1.2.3. Nhiệm vụ của nhà quản trị tài chính 1.3. Mục tiêu quản trị tài chính 1.3.1. Mục tiêu tạo ra lợi nhuận 1.3.2. Mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận trên mỗi cổ phần 1.3.3. Trách nhiệm với xã hội 1.4. Môi trường của quản trị tài chính 1.4.1. Môi trường luật pháp 1.4.2. Môi trường tài chính		CELO1
2, 3, 4	Chương 2: Giá trị thời gian của tiền tệ		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Tiền lãi, lãi đơn và lãi kép 2.1.1. Tiền lãi và lãi suất 2.1.2. Lãi suất thực và lãi suất danh nghĩa 2.2. Giá trị thời gian của tiền tệ 2.2.1. Sự phát sinh của tiền tệ theo thời gian 2.2.2. Giá trị tương lai của tiền tệ 2.2.3. Giá trị hiện tại của tiền tệ		CELO1
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 2.2.4. Các ứng dụng 2.2.4.1. Xác định yếu tố lãi suất 2.2.4.2. Xác định yếu tố kỳ hạn 2.2.4.3. Xác định khoản trả đều 2.2.4.4. Kế hoạch cho vay trả góp		

5,6,7,8	Chương 3: Phân tích báo cáo tài chính		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Mục tiêu, khuôn khổ và phương pháp luận của phân tích tài chính 3.1.1. Mục tiêu của phân tích tài chính 3.1.2. Khuôn khổ phân tích tài chính 3.1.3. Phương pháp phân tích 3.2. Giới thiệu các báo cáo tài chính 3.2.1. Chu kỳ luân chuyển tiền mặt 3.2.2. Công dụng của các báo cáo tài chính 3.2.3. Thông tin trên báo cáo tài chính 3.3. Phân tích thông số tài chính 3.3.1. Các thông số tài chính 3.3.2. Các vấn đề liên quan đến phân tích thông số 3.4. Phân tích khối và chỉ số 3.4.1. Phân tích khối 3.4.2. Phân tích chỉ số 3.5. Báo cáo nguồn và sử dụng 3.5.1. Xây dựng báo cáo nguồn và sử dụng 3.5.2. Phân tích báo cáo nguồn và sử dụng ngân quỹ		CELO1
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 3.6. Phân tích đòn bẩy 3.6.1. Đòn bẩy hoạt động 3.6.2. Đòn bẩy tài chính 3.6.3. Đòn bẩy tổng hợp		
9, 10	Chương 4: Hoạch định tài chính		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Vai trò, mục tiêu và các loại kế hoạch tài chính 4.1.1. Vai trò của hoạch định tài chính 4.1.2. Mục tiêu của hoạch định tài chính 4.1.3. Các loại kế hoạch tài chính 4.1.4. Căn cứ lập kế hoạch 4.1.5. Các phương pháp lập kế hoạch tài chính 4.2. Lập kế hoạch tài chính theo phương pháp quy nạp 4.2.1. Tiến trình lập kế hoạch 4.2.2. Thu thập thông tin lập ngân sách		CELO3

	4.2.3. Xây dựng các ngân sách hoạt động 4.2.4. Xây dựng các ngân sách tài chính B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 4.3. Lập dự toán báo cáo tài chính theo phương pháp diễn giải 4.3.1. Lập dự toán báo cáo tài chính theo phương pháp phần trăm doanh thu 4.3.2. Xác định nhu cầu tài trợ từ bên ngoài và các yếu tố ảnh hưởng		
11, 12	Chương 5: Ngân sách đầu tư A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Khái niệm và phân loại đầu tư 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Phân loại dự án đầu tư 5.2. Nguyên tắc, nội dung và phương pháp ước lượng dòng ngân quỹ dự án 5.2.1. Các nguyên tắc 5.2.2. Nội dung và phương pháp ước lượng dòng ngân quỹ 5.2.3. Xác định dòng ngân quỹ tăng thêm 5.3. Phương pháp đánh giá dự án đầu tư 5.3.1. Tỷ suất sinh lợi bình quân 5.3.2. Thời gian hoàn vốn 5.3.3. Phương pháp giá trị hiện tại ròng (NPV) 5.3.4. Phương pháp sinh lợi nội bộ (IRR) 5.3.5. Phương pháp chỉ số khả năng sinh lợi (PI) 5.4. Rủi ro của dự án 5.4.1. Rủi ro cá biệt 5.4.2. Rủi ro của công ty		CELO2
13,14,15	Chương 6: Chi phí vốn và cấu trúc vốn A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1. Thu nhập kỳ vọng và chi phí vốn 6.1.1. Chi phí vốn vay 6.1.2. Chi phí cổ tức ưu đãi 6.1.3. Chi phí vốn chủ sở hữu 6.1.4. Chi phí vốn bình quân 6.2. Cấu trúc vốn 6.2.1. Rủi ro tài chính 6.2.2. Khái niệm cấu trúc vốn 6.2.3. Nguyên tắc tổng giá trị		CELO2

	6.2.4. Không hoàn hảo của thị trường và các vấn đề động cơ 6.2.5. Những hạn chế về tổ chức 6.2.6. Ảnh hưởng của thuế 6.2.7. Kết hợp của thuế và sự không hoàn hảo của thị trường 6.2.8. Dấu hiệu tài trợ 6.2.9. Gắn lý thuyết với thực tiễn 6.2.10. Những cách giải thích khác 6.2.11. Đơn thuốc về cấu trúc vốn		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

H: High M: Medium L: Low

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	H	L	L
Chương 2	H	M	L
Chương 3	H	M	M
Chương 4	H	H	H
Chương 5	H	H	H
Chương 5	H	H	H

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Ross, Westerfield và Jaffe (2019). *Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance*. Nxb Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh

7.2. Tài liệu tham khảo

2. Giáo trình *Tài chính doanh nghiệp*, Chủ biên: PGS.TS Vũ Duy Hào, Ths. Trần Minh Tuấn, 2016, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy.

Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. 8. Giảng viên giảng dạy: ThS. Hồ Thị Khánh Viên

10. 9. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

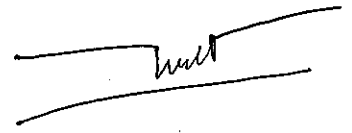
NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh



ThS. Hồ Thị Khánh Viên



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Phân tích và dự báo kinh doanh

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	PHÂN TÍCH VÀ DỰ BÁO KINH DOANH
Tiếng Việt:	Phân tích và dự báo kinh doanh
Tiếng Anh:	Business forecast & Analysis
Mã số học phần:	180115007
Thời điểm tiến hành:	Học kì 6
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Quản trị học, quản trị chiến lược, quản trị tài chính doanh nghiệp
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này giúp sinh viên thấy được tình hình hoạt động thực tế và kết quả của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp nghiên cứu riêng có của mình giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và cho thấy được nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến kết quả. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, thông qua mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối sẽ đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính. Dự báo kinh doanh cung cấp thông tin ra quyết định kinh doanh.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	- Biết những kiến thức cơ bản về việc phân tích, đánh giá và dự báo quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	ELO1
CG2	- Nhận thức được bản chất của hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp - Biết được các phương pháp phân tích kết quả sản xuất về khối lượng và phương pháp phân tích kết quả về chất lượng sản phẩm	ELO7
CG3	- Đánh giá khái quát và toàn diện về thực hiện giá thành sản phẩm - Phân tích chung về kế hoạch thực hiện giá thành sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá và so sánh giá thành sản phẩm	ELO7
CG4	- Có kỹ năng dự báo môi trường kinh doanh - Đánh giá việc thực hiện kế hoạch tiêu thụ sản phẩm - Phương pháp phân tích doanh thu, chi phí, lợi nhuận tiêu thụ sản phẩm	ELO13
CG5	- Có kỹ năng đọc và phân tích báo cáo tài chính nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh	ELO13

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Xác định đối tượng, nội dung và ý nghĩa phân tích, đánh giá và dự báo	ELO1
CELO2	Phân biệt các phương pháp phân tích và dự báo	ELO2
CELO3	Hiểu rõ các chỉ tiêu phân tích tình hình sản xuất, chất lượng sản phẩm	ELO1
CELO4	Hiểu rõ các chỉ tiêu phân tích chi phí	ELO8
CELO5	Hiểu rõ được ý nghĩa của phân tích giá thành sản phẩm, các nguyên nhân tác động giá thành sản phẩm	ELO10
CELO6	Hiểu rõ được phương pháp, chỉ tiêu phân tích giá thành sản phẩm	ELO10
CELO7	Hiểu rõ phương pháp phân tích thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất và doanh thu	ELO12
CELO8	Hiểu rõ phân tích kế hoạch tiêu thụ sản phẩm	ELO11
CELO9	Hiểu rõ phương pháp phân tích doanh thu, lợi nhuận, chi phí bán hàng và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ	ELO10
CELO10	Hiểu rõ các khoản mục và cấu trúc của báo cáo tài chính, phân tích báo cáo tài chính và chỉ tiêu tài chính	ELO10
CELO11	Kỹ năng phân tích tình hình sản xuất kinh doanh, các yếu tố ảnh hưởng và nguyên nhân	ELO10
CELO12	Kỹ năng ra quyết định các biện pháp xử lý vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh	ELO9
CELO13	Kỹ năng dự báo, xử lý những biến động trong hoạt động sản xuất kinh doanh	ELO9
CELO14	Cảm thụ được mối quan hệ giữa giá trị của việc học đối với cuộc sống cá nhân.	ELO10

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
CELO1	M	H	H	M	-	-	-	-	-	-	-	-
CELO.2	M	-	H	M	-	-	-	-	-	-	-	H

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

**** Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp làm việc nhóm:***

Trong phương pháp kết hợp này, giảng viên cung cấp cơ sở lý thuyết nền tảng. Sinh viên được chia theo nhóm từ 5 đến 6 sinh viên một nhóm. Mỗi nhóm sẽ chọn (hoặc được giao) một đề tài nào đó có liên quan đến nội dung môn học rồi tự phân chia công việc trong nhóm cho các thành viên để tiến hành việc tìm hiểu những nội dung lý thuyết liên quan đến đề tài qua sách, giáo trình, ấn phẩm nghiên cứu khoa học...; tìm hiểu thực tế xem các doanh nghiệp, tổ chức hiện đang thực hiện công việc liên quan đến đề tài như thế nào với những bằng chứng là thông tin, số liệu, hình ảnh... thực tế cụ thể thông qua tiếp cận doanh nghiệp (thực tập tại doanh nghiệp), thông tin doanh nghiệp trên Internet, thị trường chứng khoán... Nhóm sẽ hội ý để so sánh, phân tích nội dung đề tài trên lý thuyết và nội dung đề tài trong thực tế tại doanh nghiệp có gì giống nhau, khác nhau, có điểm gì tốt điểm gì chưa tốt... Sau đó các nhóm sẽ viết lại thành báo cáo môn học kèm nhận xét, đánh giá hay đưa ra ý kiến của nhóm về đề tài này. Cuối cùng các nhóm sẽ thay phiên nhau trình bày nội dung báo cáo môn học mà nhóm đã thực hiện để nhận được những ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi chất vấn của các nhóm khác và của giảng viên. Nhóm sẽ thảo luận và trả lời các câu hỏi được đặt ra. Nếu nội dung trả lời của nhóm chưa thật sự thỏa đáng hay có sự hiểu nhầm, hiểu sai vấn đề... thì giảng viên sẽ hỗ trợ thêm.

Sự kết hợp giữa phương pháp thuyết trình và phương pháp làm việc nhóm sẽ kích thích vai trò chủ động của người học. Sinh viên là người chủ động tìm tòi, suy nghĩ, nhận định, phân tích, tổng hợp, đánh giá... đề tài của nhóm mình và cả đề tài của các nhóm khác.

**** Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp sử dụng tình huống:***

Tình huống (case) là một hoàn cảnh thực tế trong đó các chủ thể cần phải đưa ra quyết định. Các tình huống tóm tắt những áp lực và khía cạnh khác nhau mà chủ thể đó phải cân nhắc khi ra quyết định với những thông tin thường không hoàn chỉnh hoặc mâu thuẫn vào lúc đó. Một số thông tin trong tình huống có thể được cố tình bỏ sót, cho phép tình huống có thể có nhiều phương án khả dĩ.

Tình huống thường trình bày một sự mâu thuẫn/xung đột, đặc biệt là sự căng thẳng giữa những phương án hành động khác nhau mà những phương án này có thể tạo ra những quan điểm, lợi ích và những giá trị khác nhau trong sự mâu thuẫn và nó đòi hỏi phải được giải quyết bằng một quyết định. Thông thường các tình huống được trình bày trong các ấn bản. Tình huống có thể được trình bày dưới dạng phim, băng video, CD ROM...

Các tình huống yêu cầu các sinh viên đóng vai của nhân vật chính và ra một hoặc nhiều quyết định quan trọng.

Phương pháp tình huống cho phép sinh viên tham gia vào quá trình ra quyết định mà người ta phải thực sự đương đầu trong một tổ chức thật, có quyền sở hữu, cảm giác được áp lực, nhận rủi ro và trình bày ý tưởng của mình với người khác giúp buổi học có sự trao đổi thông tin đa chiều. Các tình huống giúp sinh viên phát triển lòng tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập và hợp tác trong công việc với đồng nghiệp. Ngoài ra,

phương pháp tình huống cũng là công cụ tuyệt vời để giảng viên kiểm tra kiến thức lý thuyết và những hiểu biết sâu sắc hơn của sinh viên.

*** Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp thực tập sinh:**

Giảng viên kết hợp phương pháp thuyết trình với phương pháp thực tập tại doanh nghiệp bằng cách giao đề tài và yêu cầu các nhóm sinh viên phải đến doanh nghiệp thực tập để thực hiện đề tài được giao và nộp báo cáo cho giảng viên hoặc trình bày kết quả trước lớp.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Tính chuyên cần; Thái độ chủ động, tích cực trong học tập; Bài tập nhóm (thuyết trình); bài dự án

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Lý thuyết

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CDR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá/thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập/chuyên cần		6 buổi học	Phát biểu Điểm danh	PP quan sát	10%
	A1.2	Bài kiểm tra cá nhân		1 lần/ thời gian 60 phút	Hiểu bài	PP phỏng vấn	
	...					...	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Bài tập nhóm thuyết trình		1 lần/giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 2 trở	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình,	PP phỏng vấn PP viết	20%

				đi	phối hợp nhóm		
	A2.2						
	...						
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận		1 lần/thời gian 60 phút	Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	PP viết	70%
	A3.2						
	...						

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Nhập môn phân tích và dự báo trong Kinh doanh	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Thực hành Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung: - Khái niệm chung - Mục tiêu, ý nghĩa, đối tượng phân tích HĐKD - Phương pháp phân tích		CELO1 CELO2 CELO12 CELO13
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...
	Chương 2: Phân tích tình hình Sản xuất	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Thực hành Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Ý nghĩa của phân tích kết quả sản xuất - Phân tích kết quả sản xuất của khối lượng sản phẩm - Phân tích kết quả sản xuất của chất lượng sản phẩm		CELO2 CELO3 CELO4 CELO11 CELO12 CELO13

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà:		
2	Chương 3: Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Thực hành Giải quyết vấn đề Tinh huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Khái quát - Phân tích chung tình hình thực hiện kế hoạch chi phí kinh doanh và giá thành - Phân tích biến động các khoản mục giá thành sản phẩm		CELO2 CELO5 CELO6 CELO7 CELO12 CELO13
3	B/Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...
	Chương 4 : Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Thực hành Giải quyết vấn đề Tinh huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Phân tích tình hình tiêu thụ - Phân tích tình hình lợi nhuận - Một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sinh lời của hoạt động kinh doanh		CELO2 CELO3 CELO8 CELO9 CELO11 CELO12 CELO13 CELO14
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...
4	Chương 5 : Phân tích tài chính và dự báo	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Thực hành Giải quyết vấn đề Tinh huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Ý nghĩa, mục tiêu và		CELO2 CELO9

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp - Giới thiệu hệ thống báo cáo tài chính - Phân tích khái quát tình hình tài chính - Phân tích cơ cấu nguồn vốn và tình hình đảm bảo nguồn vốn - Phân tích hiệu quả sử dụng vốn - Dự báo nhu cầu tài chính - Dự báo tình hình sản xuất và tiêu thụ		CELO10 CELO11 CELO12 CELO13
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần													
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8	CELO9	CELO10	CELO11	CELO12	CELO13	CELO14
Module 1	H	H										M	L	
Module 2		H	H	H							L	M	M	
Module 3		H			H	H	H					M	M	M
Module 4		H	H					H	H		H	M	M	H
Module 5		H							M	H	L	M	M	H

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Phạm Văn Dược và Đặng Kim Cương. (2010). *Giáo trình Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh*. Tp.HCM: NXB Thống kê.

2. Phạm Quốc Luyện, *Phân tích và dự báo kinh doanh*

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Năng Phúc, (2010), *Giáo trình Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp*, NXB Tài chính

2. Võ Thị Lan (2005), *Dự báo trong kinh doanh*, ĐH Mở

3. Khoa Kế toán – Kiểm toán EUH, *Giáo trình Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh*, trường Đại học kinh tế TP.HCM.

4. Nguyễn Tấn Bình (2000), *Phân tích hoạt động doanh nghiệp*, NXB Đại học Quốc gia.

5. Phan Đức Dũng (2011), *Phân tích và dự báo kinh doanh*, nhà xuất bản lao động, NXB Lao Động Xã Hội.

8. Quy định của học phần

Hướng dẫn thực hiện:

Các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ ...

Gợi ý 03 quy định học phần:

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

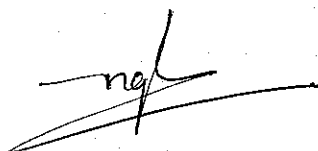
9. GVGD: ThS. Đặng Bắc Hải

10 . Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh



ThS. Đặng Bắc Hải

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Anh văn chuyên ngành

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH
Tiếng Việt:	Anh văn chuyên ngành
Tiếng Anh:	English in Business
Mã số học phần:	180115170
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 3
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	2 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	10 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Anh văn cơ bản (A1,A2)
Học phần song hành:	Không
Điều kiện khác:	Chứng chỉ TOEIC 350, IELTS 2,5-3.0
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần “Quản trị văn phòng” nhấn mạnh các nguyên tắc cơ bản của việc soạn thảo văn bản quyết định các hoạt động trong hành chính văn phòng, sự kiện, xây dựng chương trình và lập kế hoạch công tác. Dựa trên các kiến thức về luật hành chính, lao động, kinh tế, thương mại và pháp luật đại cương; và các kỹ năng mềm chuyên biệt để giải quyết các vấn đề về nghiệp vụ hành chính văn phòng và sự kiện ở cả cấp độ cá nhân và doanh nghiệp.

Các chủ đề cụ thể được đề cập bao gồm: văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản, tổ chức các hội nghị sự kiện, Quản trị lao động, thông tin, hoạch định và kiểm soát văn phòng và quản lý hồ sơ tài liệu trong các doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Môn học Tiếng Anh chuyên ngành trang bị cho sinh viên các kiến thức: Từ vựng và cụm từ thực tế trong kinh doanh bằng tiếng Anh chuyên ngành	ELO 5
CG2	Giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng nói, đọc, viết: Phát triển khả năng giao tiếp kinh doanh cần thiết như: Thực hiện các bài thuyết trình, Sử dụng Tiếng Anh trong các tình huống xã hội, môi trường làm việc. Có thể đọc được những tờ báo và tạp chí về tài chính - ngân hàng, kinh doanh. Viết được các bài báo cáo và đơn đặt hàng dưới dạng cơ bản	ELO 9
CG3	Giúp sinh viên phát triển các kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc quốc tế cũng như trong công việc làm kinh doanh sau này. Ngoài ra còn mở rộng kiến thức không những về môi trường kinh doanh trong nước mà còn trong môi trường kinh doanh quốc tế	ELO 7
CG4	Giúp sinh viên có khả năng làm việc nhóm, khả năng tự tin giao tiếp một cách hiệu quả thông qua các bài tập nhóm và thuyết trình.	ELO 8

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nắm vững kiến thức cơ bản về từ vựng và cụm từ thực tế trong kinh doanh bằng tiếng Anh chuyên ngành	ELO5
CELO2	Nắm vững kiến thức cơ bản về văn phạm cơ bản, đọc hiểu và phân tích ở dạng cơ bản	ELO5, ELO9
CELO3	Nắm vững kiến thức không những về môi trường kinh doanh trong nước mà còn trong môi trường kinh doanh quốc tế..	ELO7, ELO5
CELO4	Khả năng soạn thảo được các bài báo cáo và đơn đặt hàng dưới dạng và hợp đồng thương mại cơ bản	ELO6, ELO9
CELO5	Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình	ELO8, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1					H								
CELO2					H				H				
CELO3					H		M						
CELO4						M			M				
CELO5								H				M	

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Quá trình giảng dạy và học tập môn học được tiếp cận theo hướng “sinh viên là trung tâm”, sinh viên cần tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động. Các kết quả học tập đạt được thông qua việc thực hiện đa dạng các hoạt động học tập cả trong và ngoài lớp học.

Giảng viên cung cấp bài giảng, một số bài đọc thêm ngay từ đầu khóa, sinh viên tự chuẩn bị giáo trình chính. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ tự tìm các bài đọc thêm theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên cần đọc trước giáo trình để nắm bắt tốt hơn khi nghe giảng, trong quá trình nghe giảng sinh viên cần tập trung và thực hiện những ghi chép cần thiết. Bài giảng tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung liên quan đến chuyên ngành kinh doanh, luận giải vấn đề sẽ được trình bày trong quá trình thuyết giảng kết hợp thảo luận tại lớp. Trong quá trình thuyết giảng, giảng viên có thể phát triển mở rộng thêm vấn đề tùy vào khả năng lĩnh hội và thời gian của từng lớp.

Tại lớp, giảng viên diễn giải các từ vựng và cụm từ chuyên ngành, văn phạm cơ bản và gợi ý cho sinh viên phát triển kỹ năng đọc, viết. Giảng viên sẽ thực hiện các hướng dẫn các kỹ năng nói, đọc, viết. Sau mỗi buổi học giảng viên sẽ đưa ra các yêu cầu cho sinh viên liên quan đến bài đã học và những nội dung sẽ học kế tiếp (vấn đề suy nghĩ – thảo luận, bài đọc, bài tập cá nhân, bài tập nhóm).

Sinh viên lĩnh hội, phát triển kiến thức và trau dồi kỹ năng nói, đọc, viết thông qua nghe giảng, thảo luận, đọc sách và các bài nghiên cứu lý thuyết và thực hiện các bài tập giảng viên yêu cầu.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá/thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1: Thái độ học tập	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1	Thường xuyên	Tham dự đầy đủ các buổi học	Quan sát, đặt câu hỏi	10%

	A1.2: Tham gia các bài học trên lớp	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2	Thường xuyên	Tham dự đầy đủ các buổi học	Đặt câu hỏi, thảo luận	
	A1.3: Thuyết trình/bài tập	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO3,4,5	Bắt đầu tuần thứ 3 của môn học	Kết quả	Trả lời câu hỏi của giảng viên và các thành viên trong lớp	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1: Thuyết trình theo nhóm	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO4,5	Bắt đầu tuần thứ 3 của môn học	Kết quả	Trả lời câu hỏi của giảng viên và các thành viên trong lớp	20%
	A2.2: Trình bày bài tập cá nhân	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO4,5	Bắt đầu tuần thứ 3 của môn học	Kết quả	Trình bày các bài tập được giao	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1: Tự luận	Kiến thức, kỹ năng đọc và hiểu thông tin trên thị trường	CELO1,2,3,4,5	1 lần thi cuối kì	Kết quả/đáp án	30%:Đúng/sai 30%: Bài tập 40%: Bài viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Selling online		
	A/ Các nội dung: 1.1 Vocabulary 1.2 Reading 1.2.1 Structures 1.2.2 Grammar: - Modals: Must, need to, have to, should - How to use - Exercises 1.3 Listening 1.4 Language Review: Useful language	Giảng viên diễn giải các khái niệm về từ và cụm từ vựng chuyên ngành; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO 1,4,5

	1.5 Skills: Practice Test 1.6 Case Study:		
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu tiếng anh và các tạp chí thương mại điện tử		
	Chương 2: Companies		
2	A/Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Vocabulary 2.2. Reading 2.2.1 Structures 2.2.2 Grammar: - Present simple and Present Continuous - How to use - Exercises 2.3. Listening 2.4. Language Review : Useful English 2.5. Skills: Practice Test 2.6. Case Study: - Speaking - Writing	Giảng viên diễn giải các khái niệm về từ và cụm từ vựng chuyên ngành; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO 1,4,5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu tiếng anh và các tạp chí		
3	Chương 3: Managing people		
	A/Các nội dung chính trên lớp: 3.1 Vocabulary 3.2 Reading 3.2.1 Structures 3.2.2 Grammar: Reported Speech - Direct Speech - Indirect Speech - Exercises 3.3 Listening 3.4 Language Review: Useful Language 3.5 Skills: Practice Test 3.6 Case Study: - Speaking - Writing	Giảng viên diễn giải các khái niệm về từ và cụm từ vựng chuyên ngành; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO1,2,4
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu tiếng anh và các tạp chí Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
4	Chương 4: Marketing		
	A/Các nội dung chính trên lớp: 4.1.Vocabulary: - Word partnerships	Giảng viên diễn giải các khái niệm về	CELO1,2,4

	4.2.Listening: - Successful marketing 4.3.Reading: -Selling dreams . 4.4.Language review - Questions - Exercises 4.5.Skills: - Telephoning: exchanging information 4.6.Case study: - Reading - Writing	từ và cụm từ vùng chuyên ngành; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu tiếng anh và các tạp chí Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		
5	Chương 5: Quản lý thời gian làm việc		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1 Vocabulary 5.2 Reading: - Discuss planning - Investing in Nizhny Novgorod – Financial Times 5.3 Listening: - An interview with a leading business adviser 5.4 Language Review: - Words for talking about planning - Talking about future plans (plan, hope, expect, would like , want , going to) - Present continuous 5.5 Skills: - Meetings: interrupting and clarifying 5.6 Case Study: - The voice of business: Plan a radio program - Writing: letter	Giảng viên diễn giải các khái niệm về từ và cụm từ vùng chuyên ngành; đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận	CELO1,2,4
	B/ nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên đọc tài liệu tiếng anh và các tạp chí Sinh viên làm bài tập giảng viên cho tại lớp Chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO 1	CELO 2	CELO 3	CELO 4	CELO 5
Module 1	H			M	M
Module 2	H	M		M	
Module 3	H	M			H
Module 4	H		H	H	
Module 5	H		H	H	

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Cotton D., Falvey D. and Kent S., “*Market Leader - Pre-Intermediate Business English Course*”, Pearson Education Limited, 2002

7.2. Tài liệu tham khảo:

2. Seligson P. and Oxenden C., “*American English File*”, Oxford University Press, 1996.
3. Barard R. and Cady J., “*Business Venture*”, Oxford University Press, 2000.
4. Loughheed L., “*Preparation Series for the New TOEIC Test*”, 4th Edition, Pearson Education Limited, 2007.
5. Taylor A., “*Developing Skills for the TOEIC Test*”, NXB Trẻ, 2009.
6. Taylor A. and Janzen A., “*Target TOEIC*”, Compass Publishing, 2010.
7. “*Oxford Practice Tests for the TOEIC Test*”, Oxford University Press, 2008
8. Murphy R., “*English Grammar in Use*”, Cambridge University Press, 2008

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. Phạm Đức Trung

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

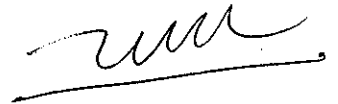
NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh



TS. Phạm Đức Trung

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN & MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị bán hàng

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ BÁN HÀNG ✓
Tiếng Việt:	Quản trị bán hàng ✓
Tiếng Anh:	Sales management ✓
Mã số học phần:	180115045 ✓
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 06 ✓
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ ✓
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết ✓
Số tiết lý thuyết:	30 tiết ✓
Số tiết bài tập:	15 tiết ✓
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	00 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Quản trị học
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản, kỹ năng nhằm thực hiện các công việc của quản trị bán hàng, bao gồm các nội dung như Khái quát về quản trị bán hàng, Hoạt động bán hàng, Xây dựng kế hoạch và lập ngân sách bán hàng, Đánh giá tiềm năng thị trường và dự báo lượng bán, Tổ chức, Tuyển chọn, Huấn luyện, đào tạo, Thúc đẩy lực lượng bán hàng, Đánh giá hoạt động và lực lượng bán hàng.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức tổng quát về bán hàng và quản trị bán hàng, dự báo lượng bán, kế hoạch bán hàng, xác định chỉ tiêu, ngân sách bán hàng phù hợp với mục tiêu và điều kiện của doanh nghiệp	ELO2, ELO3, ELO4, ELO5
CG2	Cách thức thiết kế mô hình tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp từ đó tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện và thúc đẩy lực lượng bán hàng.	ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO11, ELO12
CG3	Đánh giá hiệu quả hoạt động bán hàng và lực lượng bán hàng của doanh nghiệp.	ELO3, ELO5, ELO8, ELO10, ELO11
CG4	Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch và kỹ năng giải quyết vấn đề.	ELO7, ELO8, ELO9, ELO10, ELO13
CG5	Phẩm chất đạo đức, ý thức kỷ luật, trách nhiệm, nghiêm túc trong quá trình học, tự học và tự nghiên cứu.	ELO9, ELO10, ELO11, ELO12.

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Trình bày được các thuật liên quan đến bán hàng, quản trị bán hàng, dự báo lượng bán, kế hoạch bán hàng, xác định chỉ tiêu, ngân sách bán hàng phù hợp với mục tiêu và điều kiện của doanh nghiệp	ELO2, ELO4, ELO5
CELO2	Thiết lập kế hoạch bán hàng, dự báo lượng bán, xác định được chỉ tiêu, ngân sách bán hàng phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp	ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO8
CELO3	Thiết kế được mô hình tổ chức lực lượng bán hàng trong từ đó tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện và thúc đẩy lực lượng bán hàng	ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO11, ELO12
CELO4	Đánh giá được hiệu quả hoạt động quản trị bán hàng và lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp.	ELO3, ELO5, ELO7, ELO8, ELO10, ELO11, ELO12
CELO5	Vận dụng được các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, thuyết trình, lập kế hoạch, kỹ năng giải quyết vấn đề để phát triển bản thân trong quá trình học tập.	ELO9, ELO10, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	-	H	-	H	-	M	-	-	-	-	-	-	-
CELO2	-	H	H	H	H	-	-	H	-	-	-	-	-
CELO3	-	-	H	H	-	-	-	-	H	-	H	M	-
CELO4	-	-	H	-	H	-	M	-	H	H	H	M	-
CELO5	-	-	-	-	-	-	-	-	H	H	-	H	-

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản, học phần Quản trị bán hàng sử dụng các Phương pháp giảng dạy như Phương pháp thuyết giảng, Phương pháp động não, Phương pháp hoạt động nhóm, Phương pháp thảo luận, Phương pháp học dựa trên vấn đề ...

- Phương pháp học tập giúp sinh viên có thể chủ động và tích cực hơn như Phương pháp Nghiên cứu tình huống, làm việc nhóm, thuyết trình, tự nghiên cứu thông tin thông qua tài liệu tham khảo, internet .. Ngoài ra sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và tích cực trao đổi thảo luận để hiểu rõ hơn về các vấn đề nghiên cứu trong nội dung học phần.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40%, bao gồm: Đánh giá Quá trình và Thi Giữa kỳ

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%, bao gồm:

+ Hình thức thi: Thi Tự luận/Trắc nghiệm với thời lượng 60 - 75 phút

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Sự tham gia lớp học	Kỹ năng, Phẩm chất	CELO5	15/Mỗi tuần	Tích cực, tham gia đầy đủ	PP quan sát	20%
	A1.2 Bài tập nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO2 CELO3 CELO5	1/Tuần 5	Trình bày chi tiết, chính xác, logic	Phương pháp Phỏng vấn	
	A1.3 Bài tập thuyết trình nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	1/Tuần 12	Trình bày chi tiết, chính xác, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả	Phương pháp Phỏng vấn	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi Giữa kỳ (Tự luận 60 phút)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực giữa khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO5	1/Tuần 9	2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cá nhân cuối khóa (Tự luận 60 - 75 phút)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Cuối Khóa (Sau tuần 15)	2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết	60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Khái quát về quản trị bán hàng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 1.1. Khái quát và vai trò của bán hàng và quản trị bán hàng 1.2. Khái quát quá trình quản trị bán hàng trong doanh nghiệp 1.3. Mối quan hệ giữa quản trị bán hàng và các hoạt động khác trong	+ Thuyết giảng + Thảo luận	CELO1 CELO5

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	doanh nghiệp 1.4. Những xu hướng chính trong hoạt động quản trị bán hàng		
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 1 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 2	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
	Chương 2: Hoạt động bán hàng		
2	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 2.1. Khái quát về hoạt động bán hàng 2.2. Đặc điểm của nghề bán hàng	+ Thuyết giảng + Hỏi đáp + Thảo luận nhóm	CELO1 CELO2 CELO5
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 2 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 2 (tiếp theo)	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
3	2: Hoạt động bán hàng (tiếp theo)		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp</i> 2.3. Phân loại các công việc bán hàng 2.4. Các trách nhiệm marketing trong bán hàng	+ Thuyết giảng + Hỏi đáp + Động não + Hoạt động nhóm	CELO1 CELO2 CELO5
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 2 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 3	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
4	Chương 3: Xây dựng kế hoạch và lập ngân sách bán hàng		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 3.1. Chiến lược kinh doanh, chiến lược marketing và kế hoạch bán hàng 3.2. Kế hoạch và chỉ tiêu trong chiến lược bán hàng	+ Thuyết giảng + Hỏi đáp + Hoạt động nhóm	CELO1 CELO2 CELO5
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 3	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 3 (tiếp theo)		
5	Chương 3: Xây dựng kế hoạch và lập ngân sách bán hàng (tiếp theo)		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 3.3. Xây dựng kế hoạch bán hàng 3.4. Xác định kinh phí phục vụ thực hiện việc bán hàng	+ Thuyết giảng + Hỏi đáp + Động não + Hoạt động nhóm	CELO1 CELO2 CELO5
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời câu hỏi ôn tập/ Bài tập tình huống chương 3 - Chuẩn bị nội dung chương 4	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn + Chuẩn bị bài tập nhóm	
6	Chương 4: Đánh giá tiềm năng thị trường và dự báo lượng bán		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 4.1. Dự báo lượng bán và các mức độ dự báo 4.2. Phương pháp và kỹ thuật dự báo 4.3. Các yêu cầu của một dự báo thành công	+ Thuyết giảng + Động não + Thảo luận nhóm	CELO1 CELO2 CELO3 CELO5
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời câu hỏi ôn tập/ Bài tập tình huống chương 4 - Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung chương 5	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
7	Chương 5: Tổ chức lực lượng bán hàng		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 5.1. Cấu trúc tổ chức lực lượng bán hàng 5.2. Các loại mô hình tổ chức lực lượng bán hàng 5.3. Một số vấn đề cần quan tâm khi tổ chức lực lượng bán hàng	+ Thuyết giảng + Thảo luận + Nghiên cứu bài tập tình huống	CELO2 CELO3 CELO5
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 5 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 6	+ Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
8	Chương 6: Tuyển chọn lực lượng bán hàng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1. Khái niệm, tầm quan trọng và quy trình tuyển chọn lực lượng bán hàng 6.2. Lên kế hoạch tuyển chọn 6.3. Thu hút và tuyển chọn nhân viên bán hàng 6.4. Đánh giá và lựa chọn nhân viên bán hàng 6.5. Đánh giá kết quả quá trình tuyển chọn	Thuyết giảng Động não Thảo luận nhóm	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 6 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 7	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
9	Chương 7: Huấn luyện, đào tạo lực lượng bán hàng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 7.1 Khái quát về huấn luyện, đào tạo lực lượng bán hàng 7.2. Đánh giá nhu cầu huấn luyện, đào tạo lực lượng bán hàng 7.3. Xác định mục tiêu của chương trình huấn luyện, đào tạo lực lượng bán hàng Thảo luận nhóm	Thuyết giảng Thảo luận nhóm Hỏi đáp	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 7 - Chuẩn bị bài tập được giao - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 7 (tiếp theo)	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
10	Chương 7: Huấn luyện, đào tạo lực lượng bán hàng (tiếp theo)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 7.4. Thiết kế và thực hiện chương trình huấn luyện, đào tạo lực lượng	+ Thuyết giảng + Hỏi đáp	CELO2 CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	bán hàng 7.5. Đánh giá chương trình huấn luyện, đào tạo.	+ Động não + Hoạt động nhóm	CELO5
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 7 - Chuẩn bị bài tập được giao - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 8	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
11	Chương 8: Thù lao cho lực lượng bán hàng		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 8.1. Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch thù lao tài chính 8.2. Các hình thức thù lao cơ bản 8.3. Xây dựng kế hoạch trả thù lao 8.4. Một số xu hướng thù lao bán hàng và thù lao cho nhà quản trị bán hàng	+ Thuyết giảng + Động não + Nghiên cứu tình huống	CELO2 CELO3 CELO5
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 8 - Chuẩn bị bài tập được giao - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 9	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
12	Chương 9: Thúc đẩy lực lượng bán hàng		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 9.1. Khái quát chung về thúc đẩy lực lượng bán hàng 9.2. Các công cụ thúc đẩy lực lượng bán hàng 9.3. Hướng dẫn thúc đẩy và khen thưởng lực lượng bán hàng	+ Thuyết giảng + Hỏi đáp + Động não + Thảo luận nhóm	CELO2 CELO3 CELO5
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 9 - Chuẩn bị bài tập được giao - Nghiên cứu tài liệu và nội dung	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn Hoàn thiện bài báo cáo nhóm	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	chương 10		
13	Chương 10: Đánh giá hoạt động bán hàng và lực lượng bán hàng		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 10.1. Đánh giá hiệu quả hoạt động bán hàng của doanh nghiệp	Báo cáo, thuyết trình nhóm Hỏi đáp	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 10 - Chuẩn bị bài tập được giao - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 10 (tiếp theo)	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
14	Chương 10: Đánh giá hoạt động bán hàng và lực lượng bán hàng (tiếp theo)		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 10.2. Đánh giá kết quả của người bán hàng Báo cáo nhóm	Báo cáo, thuyết trình nhóm Hỏi đáp	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời nội dung ôn tập/ Bài tập tình huống chương 10	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
15	Ôn tập/ Hệ thống hóa nội dung học phần	Thảo luận Hỏi đáp	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
Chương 1: Khái quát về quản trị bán hàng	H	-	-	-	M
Chương 2: Hoạt động bán hàng	H	H	-	-	H
Chương 3: Xây dựng kế hoạch và lập ngân sách bán hàng	H	H	H	-	M
Chương 4: Đánh giá tiềm năng thị trường và dự bán lượng bán	H	H	H	-	M

Chương 5: Tổ chức lực lượng bán hàng	-	H	H	-	M
Chương 6: Tuyển chọn lực lượng bán hàng	-	H	H	-	H
Chương 7: Huấn luyện, đào tạo lực lượng bán hàng	-	H	H	-	H
Chương 8: Thù lao cho lực lượng bán hàng	-	H	H	-	H
Chương 9: Thúc đẩy lực lượng bán hàng	-	H	H	-	H
Chương 10: Đánh giá hoạt động bán hàng và lực lượng bán hàng	M	H	H	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Vũ Minh Đức, Vũ Huy Thông, Quản trị bán hàng, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018.

7.2. Tài liệu tham khảo:

2. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi, *Quản trị bán hàng*. Nhà xuất bản Phương Đông, 2012

3. David Jobber and Geoff Lancaster, *Selling and Sales Management*, PT Prentice Hall, 2003

4. Hoàng Trọng và Hoàng Thị Phương, *Quản trị chiêu thị*, NXB Thống kê, 1996

5. J. Commer, *Quản trị bán hàng*, NXB Tổng hợp, 2002

6. Ngô Minh Cách, Nguyễn Sơn Lam (2010). *Giáo trình quản trị bán hàng*. NXB Tài Chính.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

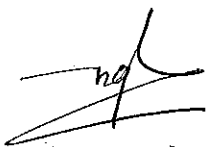
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Nguyễn Hoàng An

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



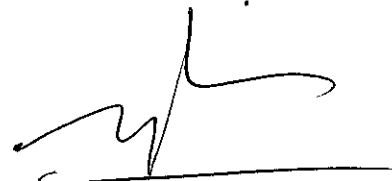
TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Hoàng An



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị chất lượng
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG
Tiếng Việt:	Quản trị chất lượng
Tiếng Anh:	Quality management
Mã số học phần:	180115031
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 6
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 giờ
Điều kiện tham dự học phần	
Học phần tiên quyết:	Quản trị học
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Cung cấp những kiến thức cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng bao gồm

những nội dung chủ yếu sau: Các quan điểm về chất lượng, mô hình chi phí chất lượng, nội dung của quản lý chất lượng toàn diện, trình bày các kỹ thuật kiểm soát quá trình bằng thống kê, đánh giá chất lượng, các nguyên lý cơ bản của một hệ thống quản lý chất lượng và một số tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng phổ biến hiện nay.

Cung cấp các nội dung của quản lý chất lượng trong các tổ chức trên cơ sở đó đánh giá và lựa chọn phương pháp, hệ thống quản lý chất lượng phù hợp cho từng loại hình, đặc điểm doanh nghiệp cũng như kiểm soát và đảm bảo chất lượng hiệu quả cho doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Học phần Quản trị chất lượng giúp sinh viên nắm bắt được các kiến thức cốt lõi, nền tảng về quản lý chất lượng trong các tổ chức, cụ thể là: (i) Giới thiệu về chất lượng sản phẩm và khách hàng;

(ii) Giới thiệu tổng quan về khái niệm và vai trò của quản lý chất lượng, những nguyên tắc, các chức năng cơ bản và phương pháp quản lý chất lượng; (iii) Môn học giới thiệu các nội dung của chi phí chất lượng; (iv) Quản lý chất lượng dịch vụ; (v) Giới thiệu tổng quan về hệ thống quản lý chất lượng; (vi) Tiêu chuẩn hóa và đo lường chất lượng; (vii) Đảm bảo và cải tiến chất lượng; (viii) Các công cụ thống kê trong quản lý chất lượng; (ix) Kiểm tra chất lượng sản phẩm; (x) Giáo dục và đào tạo chất lượng... Đồng thời, sinh viên cũng sẽ vận dụng được những lý thuyết để phân tích các tình huống cụ thể của doanh nghiệp.

Sinh viên/học viên học xong học phần này có kiến thức, phẩm chất, kỹ năng, và năng lực:

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Có kiến thức cơ bản về quản lý chất lượng, nắm vững được khái niệm về quản trị chất lượng, các quan điểm về chất lượng, mục đích và vai trò của việc đánh giá chất lượng. Nắm được các khái niệm về tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng và một số tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng phổ biến hiện nay.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6
CG2	Có kiến thức về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng, chi phí chất lượng và các mô hình chi phí chất lượng. Trình bày được các phương pháp đánh giá chất lượng chủ yếu hiện nay, các phương pháp quản lý chất lượng toàn diện. Phân tích, kiểm soát quá trình bằng các công cụ thống kê cụ thể.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6, ELO11
CG3	Có kỹ năng nhận biết các yếu tố cấu thành chất lượng cho một sản phẩm cụ thể theo quan điểm chất lượng hướng vào khách hàng. Phân tích và tính toán được chi phí chất lượng trong doanh nghiệp. Thông qua xu hướng biến động cận biên của các loại chi phí chất lượng trong một giai đoạn nhất định có khả năng phân tích và nhận	ELO2, ELO4, ELO6, ELO7, ELO9, ELO10, ELO11

	xét xu hướng đầu tư cho chất lượng và hiệu quả của việc đầu tư chất lượng của doanh nghiệp trong giai đoạn đó như thế nào.	
CG4	Có kỹ năng xây dựng các biểu đồ thống kê và áp dụng vào việc giải quyết một vấn đề chất lượng cụ thể tại doanh nghiệp của bạn. Thông qua việc phân tích các công cụ thống kê có khả năng nhận xét về sự biến động của chất lượng và tìm ra các nguyên nhân gây ra vấn đề chất lượng. Có khả năng đánh giá được chất lượng sản phẩm từ dữ liệu thu thập được.	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10
CG5	Phát triển kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm: thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, trình bày và phản biện.	ELO9, ELO10

4. Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức	ELO2, ELO4
CELO2	Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.	ELO4, ELO5
CELO3	Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong quản lý, sản xuất, kinh doanh	ELO3, ELO4, ELO5, ELO12
CELO4	Có khả năng quản lý một kế hoạch hoạt động, một công việc cụ thể như kế hoạch kinh doanh	ELO5
CELO5	Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề	ELO5, ELO9, ELO11
CELO6	Có khả năng quản lý các nguồn lực và thời gian	ELO5
CELO7	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm	ELO5, ELO9, ELO11
CELO8	Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh	ELO5
CELO9	Phát triển được kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm thông qua việc thực hiện các bài tập cá nhân và bài tập nhóm	ELO9, ELO12, ELO13
CELO10	Phát triển được khả năng tự học hỏi để phát triển bản thân	ELO13
CELO11	Phát triển thái độ tích cực và học tập chủ động phát triển bản thân	ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT									
	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	H	-	L	-	-	-	-	-	-	-
CELO2	-	-	M	L	-	-	-	-	-	-
CELO3	-	H	H	M	-	-	-	-	H	-
CELO4	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-
CELO5	-	-	-	H	-	H	-	L	-	-
CELO6	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-
CELO7	-	-	-	H	-	H	-	L	-	-
CELO8	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-
CELO9	-	-	-	-	-	H	-	-	H	M
CELO10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M
CELO11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	H

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Học phần này được giảng dạy với sự kết hợp các phương pháp: thuyết giảng, nêu vấn đề, thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm. Có sự tương tác giữa giảng viên với học viên và giữa các học viên với nhau. Học viên sẽ làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, phân tích các sự kiện, sáng tạo để giải quyết các bài tập được giao.

Phương pháp học tập: Sinh viên phải:

- Đọc tài liệu và làm bài trước các buổi giảng
- Tập trung nghe giảng trên lớp
- Chủ động tham gia vào các hoạt động làm việc nhóm
- Phân tích và đánh giá các vấn đề quản trị cũng như sáng tạo để giải quyết những vấn đề thực tiễn

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.
- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Thuyết trình nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐
Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập, chuyên cần	CELO 10 CELO 11	10 lần/ Trong suốt các buổi học	Đi học đầy đủ, thái độ tích cực, có trách nhiệm	PP viết	5%
	A1.2	Bài nghiên cứu tình huống	CELO 3 CELO 5 CELO 9	2 lần / Giao từ buổi học đầu, thu bài thứ nhất vào buổi học thứ 5, bài thứ hai vào buổi học thứ 9	Liên hệ thực tiễn và rút ra bài học	PP viết	5%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Bài tập nhóm thuyết trình	CELO 4 CELO 5 CELO 7 CELO 9 CELO 10 CELO 11	1 lần / giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 5 trở đi	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	PP quan sát	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5 CELO 6 CELO 7	1 lần/ Thi kết thúc học phần	Hiểu, giải thích được, đánh giá được. Áp dụng, phân tích, đánh	PP viết	70%

			CELO 8		giá, sáng tạo	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần (course outline):

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Chất lượng sản phẩm và khách hàng		CELO1 CELO7
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Sản phẩm và phân loại sản phẩm - Chất lượng sản phẩm và vai trò của chất lượng sản phẩm - Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng SP - Khách hàng và nhu cầu của khách hàng - Tổng kết, ôn tập;	+ Trình chiếu Powerpoint	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Đọc các nội dung liên quan về khái niệm và vai trò của quản lý chất lượng. + Làm bài tập được giao.	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
2,3	Chương 2: Quản lý chất lượng		CELO2 CELO3 CELO4 CELO7
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Khái niệm và vai trò của quản lý chất lượng. - Những nguyên tắc của quản lý chất lượng. - Các chức năng cơ bản của quản lý chất lượng. - Phương pháp quản lý chất lượng. - Tổng kết, ôn tập và làm bài tập chương 2.	- Thuyết giảng - Hỏi đáp - Động não - Hoạt động nhóm - Quiz	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Tìm hiểu về một số mô hình chi phí chất lượng đang được áp dụng phổ biến hiện nay.	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
4,5	Chương 3: Chi phí chất lượng		CELO2 CELO4 CELO6 CELO7
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Bản chất của chi phí chất lượng - Mô hình chi phí chất lượng - Một số chỉ tiêu hiệu quả của chi phí chất lượng - Quản lý chi phí chất lượng - Ôn tập chương	-Thuyết giảng - Hoạt động nhóm - Quiz	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Tìm hiểu về khái niệm dịch vụ và chất lượng dịch vụ, quản lý chất lượng dịch vụ. + Làm bài tập được giao (Case study)	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	

6,7	Chương 4: Quản lý chất lượng dịch vụ		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Dịch vụ và chất lượng dịch vụ - Quản lý chất lượng dịch vụ - Đo lường chất lượng dịch vụ - Thực hành nhóm	- Thuyết giảng - Thuyết trình, hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Đọc chương 5: Hệ thống quản lý chất lượng. + Làm bài tập được giao (Case study)	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
8,9	Chương 5: Hệ thống quản lý chất lượng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Phân loại, vai trò của hệ thống QLCL - Yêu cầu của hệ thống QLCL - Hệ thống QLCL ISO 9000 - Hệ thống QLCL toàn diện (TQM) - Hệ thống quản lý nhà nước và quản lý của DN về chất lượng sản phẩm và dịch vụ + Ôn tập chương 5 + Thực hành nhóm case study	-Thuyết giảng - Thuyết trình, hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO5 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Tìm hiểu về hệ thống đo lường.	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
10,11	Chương 6: Tiêu chuẩn hóa và đo lường chất lượng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Tiêu chuẩn hóa và vai trò của tiêu chuẩn hóa - Các loại tiêu chuẩn và cấp tiêu chuẩn - Đo lường và vai trò của đo lường chất lượng - Hệ thống đo lường - Đo lường khả năng vận hành của hệ thống - Ôn tập chương 6 - Thực hành nhóm case study	- Thuyết trình, hoạt động nhóm	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Làm bài tập được giao		
12	Chương 7: Đảm bảo và cải tiến chất lượng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Đảm bảo chất lượng - Cải tiến chất lượng - Phương pháp Benchmarking trong cải tiến chất lượng - FMEA, QFD, 5S, 6 sigma	- Thuyết giảng - Học dựa trên vấn đề - Quiz	CELO2 CELO3 CELO5 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Tìm hiểu một số phương pháp cải tiến chất lượng khác phổ biến hiện nay	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên	

		quan	
13	Chương 8: Các công cụ thống kê trong Quản lý chất lượng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Thực chất, vai trò của kiểm soát chất lượng bằng các công cụ thống kê - Các công cụ thống kê truyền thống trong kiểm soát chất lượng - Ôn tập chương 8 - Thực hành nhóm case study	- Thuyết giảng - Xem video - Quan sát, suy ngẫm	CELO4 CELO5 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Làm bài tập được giao	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
14	Chương 9: Kiểm tra chất lượng sản phẩm		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Kiểm tra chất lượng và vai trò của kiểm tra chất lượng - Phương pháp và các hình thức kiểm tra chất lượng - Thực hành nhóm case study	- Thuyết giảng - Xem video - Quan sát, suy ngẫm	CELO4 CELO5 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Làm bài tập được giao	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
15	Chương 10: Quản lý Nhà nước về chất lượng		
	- Vai trò của Nhà nước - Các biện pháp quản lý Nhà nước về chất lượng - Các văn bản pháp lý liên quan đến chất lượng - Thực hành nhóm case study	- Thuyết giảng - Xem video - Quan sát, suy ngẫm	CELO4 CELO5 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Làm bài tập được giao	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	

7 . Nguồn học liệu (learning resources: Course books, reference books, and softwares)

7.1. Nguồn học liệu Tài liệu chính:

(1) Nguyễn Quang Toàn, Quản trị chất lượng, NXB Thống kê

7.2. Tài liệu tham khảo

(2) Lưu Thanh Tâm, Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, NXB ĐHQG Tp. HCM.

(3) Quản lý chất lượng trong các tổ chức, Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM, NXB Thống kê.

(4) David Hoyle, Quality management essentials.

(5) TCVN ISO 9000:2007 ISO 9000:2005, Hệ thống quản lý chất lượng – Cơ sở và từ vựng; TCVN ISO 9001:2008, Hệ thống quản lý chất lượng – Các yêu cầu; TCVN ISO

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

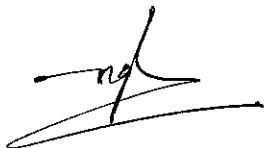
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	KHỞI SỰ VÀ TẠO LẬP DOANH NGHIỆP
Tiếng Việt:	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp
Tiếng Anh:	Start your business
Mã số học phần:	180115055
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 7
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Kinh tế vi mô, Marketing căn bản, Quản trị học
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	Không
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần trang bị những nội dung về: nhận thức kinh doanh, ý tưởng kinh doanh, đánh giá ý tưởng kinh doanh; những vấn đề về nghiên cứu thị trường, về marketing trong khởi sự doanh nghiệp; lập kế hoạch kinh doanh, cách thức đánh giá một bản kế hoạch kinh doanh; vấn đề vốn trong khởi sự kinh doanh; lựa chọn mô hình doanh nghiệp – những vấn đề pháp lý trong khởi sự kinh doanh; tìm kiếm cộng sự; hệ thống, luật pháp, những quy định về thành lập và hoạt động doanh nghiệp,... Mục tiêu, sinh viên sẽ nắm rõ những kiến thức căn bản nhất để bắt đầu dự án của mình, đồng thời, hiểu rõ những bước đi cần thiết, những nguồn lực cần chuẩn bị, xây dựng bản Kế hoạch kinh doanh cho chính dự án của cá nhân mình, những cột mốc cần vượt qua để có thể thành lập và đưa doanh nghiệp vào hoạt động.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hiểu được những đặc tính căn cơ của một chủ doanh nghiệp thành đạt và các nguyên nhân chung dẫn đến sự thất bại trong giai đoạn đầu kinh doanh	ELO7 ELO13
CG2	Nhận thức được ý tưởng kinh doanh đến từ đâu; làm sao chọn được một ý tưởng kinh doanh tốt	ELO3 ELO4
CG3	- Hiểu các nguyên tắc trong lựa chọn tên công ty, tên sản phẩm/dịch vụ - Biết các loại hình doanh nghiệp (Luật Doanh nghiệp 2005)	ELO11
CG4	Biết cách đặt giá để hấp dẫn và đưa ra được những lý do đáng tin cậy để thuyết phục khách hàng	ELO7 ELO9
CG5	Thiết lập cấu trúc tổ chức nhân sự và xây dựng mô tả công việc để lựa chọn và bố trí nhân sự phù hợp	ELO6 ELO12
CG6	Xác định được lượng hàng bán ra và các loại chi phí thông thường khi doanh nghiệp đi vào hoạt động	ELO5 ELO6
CG7	Nhận biết và biết cách giải quyết các vấn đề phát sinh khi quảng lý và điều hành doanh nghiệp	ELO12 ELO14

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Tổng hợp được những kiến thức căn bản về khởi nghiệp hội kinh doanh	ELO1
CELO2	Trình bày được các yếu tố tác động đến cơ hội kinh doanh hình thành ý tưởng kinh doanh	ELO3 ELO7
CELO3	Nhận biết cơ hội và thực hiện hóa ý tưởng kinh doanh	ELO5 ELO6 ELO14
CELO4	Thực hành các kỹ năng phân tích, xử lý thông tin, kỹ năng viết báo cáo	ELO3 ELO4
CELO5	Thực hành các kỹ năng khởi nghiệp hiệu quả, bao gồm kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng tuy duy sáng tạo	ELO7 ELO10
CELO6	Rèn luyện tính nhạy bén và khả năng nắm bắt, khai thác các cơ hội trên thị trường của một doanh nhân	ELO14

CELO7	Trách nhiệm, cam kết thực hiện mục tiêu xây dựng chung với chất lượng cao nhất có thể, có tinh thần kỷ luật và tự giác đối với công việc và phát triển bản thân	ELO12 ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	H												
CELO2			H				H						
CELO3					M	H							
CELO4			M	H									
CELO5							M			H			
CELO6													
CELO7												M	H

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp làm việc nhóm:

Trong phương pháp kết hợp này, giảng viên cung cấp cơ sở lý thuyết nền tảng. Sinh viên được chia theo nhóm từ 5 đến 6 sinh viên một nhóm. Mỗi nhóm sẽ chọn (hoặc được giao) một đề tài nào đó có liên quan đến nội dung môn học rồi tự phân chia công việc trong nhóm cho các thành viên để tiến hành việc tìm hiểu những nội dung lý thuyết liên quan đến đề tài qua sách, giáo trình, ấn phẩm nghiên cứu khoa học...; tìm hiểu thực tế xem các doanh nghiệp, tổ chức hiện đang thực hiện công việc liên quan đến đề tài như thế nào với những bằng chứng là thông tin, số liệu, hình ảnh... thông tin doanh nghiệp trên internet, thị trường chứng khoán... Nhóm sẽ hội ý để so sánh, phân tích nội dung đề tài trên lý thuyết và nội dung tốt... Sau đó các nhóm sẽ viết lại thành báo cáo môn học kèm nhận xét, đánh giá hay đưa ra ý kiến của nhóm đề tài này. Cuối cùng các nhóm sẽ thay phiên nhau trình bày nội dung báo cáo môn học mà nhóm đã thực hiện để nhận được những ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi chất vấn của các nhóm khác và của giảng viên. Nhóm sẽ thảo luận và trả lời các câu hỏi được đặt ra. Nếu nội dung trả lời của nhóm chưa thật sự thỏa đáng hay có sự hiểu nhầm, hiểu sai vấn đề... thì giảng viên sẽ hỗ trợ thêm.

Sự kết hợp giữa phương pháp thuyết trình và phương pháp làm việc nhóm sẽ kích thích vai trò chủ động của người học. Sinh viên là người chủ động tìm tòi, suy nghĩ, nhận định, phân tích, tổng hợp, đánh giá... đề tài của nhóm mình và của các nhóm khác.

Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp sử dụng tình huống:

Tình huống (case) là một hoàn cảnh thực tế trong đó các chủ thể cần phải đưa ra quyết định. Các tình huống tóm tắt những áp lực và khía cạnh khác nhau mà chủ thể đó phải cân nhắc khi ra quyết định với những thông tin thường không hoàn chỉnh hoặc mâu thuẫn vào lúc đó. Một số thông tin trong tình huống có thể được cố tình bỏ sót, cho phép tình huống có thể có nhiều phương án khả dĩ

Tình huống thường trình bày một sự mâu thuẫn/xung đột, đặc biệt là sự căng thẳng giữa những phương án hành động khác nhau mà những phương án này có thể tạo ra những quan điểm, lợi ích và những giá trị khác nhau trong sự mâu thuẫn và nó đòi hỏi phải được giải quyết bằng một quyết định. Thông thường các tình huống được trình bày trong các ấn bản. Tình huống có thể được trình bày dưới dạng phim, bằng video, CD ROM...

Phương pháp tình huống cho phép sinh viên tham gia vào quá trình ra quyết định mà người ta phải thực sự đương đầu trong một tổ chức thật, có quyền sở hữu, cảm giác được áp lực, nhận rủi ro và trình bày ý tưởng của mình với người khác giúp buổi học có sự trao đổi thông tin đa chiều. Các tình huống sinh viên phát triển lòng tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập và hợp tác trong công việc với đồng nghiệp. Ngoài ra, phương pháp tình huống cũng là công cụ tuyệt vời để giảng viên kiểm tra kiến thức lý thuyết và những hiểu biết sâu sắc hơn của sinh viên.

Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp thực tập sinh:

Giảng viên kết hợp phương pháp thuyết trình với phương pháp thực tập tại doanh nghiệp bằng cách giao đề tài và yêu cầu các nhóm sinh viên phải đến doanh nghiệp thực tập để thực hiện đề tài được giao và nộp báo cáo cho giảng viên hoặc trình bày kết quả trước lớp

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Tính chuyên cần, Thái độ chủ động, tích cực trong học tập; Bài tập nhóm (thuyết trình)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần: Lý thuyết

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá / thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập/ chuyên cần		11 buổi học	Phát biểu Điểm danh	PP quan sát	10%
	A1.2	Bài kiểm tra cá nhân		1 lần / thời gian 60 phút	Hiểu bài	PP phỏng vấn	
	...					...	

A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Bài tập nhóm thuyết trình		1 lần/ giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 2 trở đi	Nội dung hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	PP phỏng vấn PP viết	20%
	A2.2						
	...						
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận		1 lần / thời gian 60 phút	Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	PP viết	70%
	A3.2						
	...						

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung: Khởi nghiệp là gì? Quá trình khởi nghiệp Đặc điểm tư duy của người khởi nghiệp		CELO1
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...
2	Chương 2: Sáng tạo và ý tưởng kinh doanh	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Đánh giá các xu hướng kinh doanh Các nguồn ý tưởng kinh doanh		CELO2 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...

3-5	Chương 3: Đánh giá và phân tích cơ hội thị trường	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nhận diện và đánh giá cơ hội thị trường Tác động của môi trường đến cơ hội khởi nghiệp		CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
6-8	Chương 4: Vấn đề luật pháp trong khởi nghiệp	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Vấn đề luật pháp khi tạo lập bộ máy tổ chức Vấn đề tên thương mại và bản quyền		CELO4 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...
9-11	Chương 5: Kế hoạch khởi nghiệp	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Tổng quan về kế hoạch khởi nghiệp Tầm quan trọng của kế hoạch khởi nghiệp Kết cấu của kế hoạch khởi nghiệp		CELO4 CELO6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
12-14	Chương 6: Kế hoạch marketing cho khởi nghiệp	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	

		Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Phân tích ngành kinh doanh Lập kế hoạch marketing cho khởi nghiệp Xác định mục tiêu Xác định chiến lược marketing và các chương trình hành động		CELO4 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
15-17	Chương 7: Kế hoạch tài chính và nguồn vốn khởi nghiệp	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Giới thiệu Ngân sách vốn và hoạt động khởi nghiệp Dự báo thu nhập Dự báo dòng tiền Dự báo cân đối tài sản của doanh nghiệp mới Phân tích hòa vốn		CELO4 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
18-20	Chương 8: Chiến lược phát triển của doanh nghiệp mới	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Chiến lược tăng trưởng trong giai đoạn khởi nghiệp Chiến lược dựa trên sản phẩm và thị trường Chiến lược đa dạng hóa		CELO4 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần

	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7
Module 1	H						
Module 2		M			M		
Module 3			H		M		
Module 4				M		M	M
Module 5				M		M	M
Module 6				M		M	M
Module 7				M		M	M
Module 8				M		M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

- [1] Eric Ries, (2019), *Khởi nghiệp tinh gọn – The lean startup*, NXB Tổng hợp Tp. HCM
 [2] Gutterman, Alan S. (2018), *Sustainable entrepreneurship*, New York: Business Expert

7.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] PGS. TS Nguyễn Thị Liên Diệp, (2017), *Quản trị khởi nghiệp*, Hà Nội: NXB Hồng Đức

- [2] Aulet Bill, (2017), *Disciplined entrepreneurship workbook*, Hoboken, New Jersey: John Wiley & Sons

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 5 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 30 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

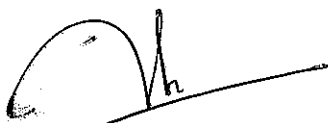
9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Nguyễn Thị Thanh
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Thanh



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Thực hành nghề nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP
Tiếng Việt:	Thực hành nghề nghiệp
Tiếng Anh:	PROFESSIONAL PRACTICE
Mã số học phần:	180115035
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 7
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức ngành	
☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	
☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	90 tiết
Số tiết lý thuyết:	00 tiết
Số tiết bài tập:	00 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập/thực hành	90 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	00 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần Thực tập nghề nghiệp thuộc khối môn học thực hành chuyên môn nghề nghiệp ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này tạo điều kiện cho sinh viên hệ thống lại kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh, bước đầu vận dụng kiến thức để phân tích và đánh giá tình huống thực tiễn. Quá trình thực tập nghề nghiệp được thực hiện tại các doanh nghiệp thực tế thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tham gia vào một số nghiệp vụ quản trị của doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Giúp sinh viên hệ thống lại lý thuyết đã được học.	ELO2, ELO7
CG2	Giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận doanh nghiệp kinh doanh thực tế; vận dụng kiến thức đã học được để mô tả, phân tích và đánh giá được hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thực tế.	ELO3, ELO4, ELO5, ELO6
CG3	Thực hành và rèn luyện kỹ năng viết báo cáo chuyên môn.	ELO7, ELO10, ELO13, ELO14
CG4	Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và quản lý thời gian	ELO9, ELO10, ELO13
CG5	Rèn luyện thái độ tích cực, chủ động trong học tập và có trách nhiệm với công việc tương lai.	ELO11, ELO12

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nắm vững kiến thức chuyên môn một cách có hệ thống khoa học	ELO2, ELO7
CELO2	Mô tả, phân tích và đánh giá được hoạt động chuyên môn tại một doanh nghiệp thực tế.	ELO3, ELO4, ELO5, ELO6
CELO3	Biết cách viết báo cáo đặc biệt là báo cáo chuyên môn	ELO7, ELO10, ELO13, ELO14
CELO4	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và quản lý thời gian	ELO9, ELO10, ELO13
CELO5	Có thái độ tích cực, chủ động trong học tập và có trách nhiệm với công việc tương lai.	ELO11, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CĐR học phần (CELOs)	CĐR của CTĐT											
	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	
CELO1	H					H						
CELO2		H	H	H	H							
CELO3						H		H			H	
CELO4							H	H			H	
CELO5									H	H		

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp học dựa trên vấn đề: giúp đạt được chuẩn đầu ra về xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phân xét, cân bằng trong hướng giải quyết;

PP2. Nghiên cứu tình huống: giúp đạt được chuẩn đầu ra về đề ra các giải pháp, ước lượng và phân tích định tính

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- ...

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- **Đánh giá trong quá trình học:** Thái độ tham gia tại doanh nghiệp, liên hệ giáo viên hướng dẫn.

- **Đánh giá cuối môn học:** Kết hợp kiểm tra viết và vấn đáp; Kiểm tra viết thông qua nội dung trình bày trong báo cáo thực tế tại doanh nghiệp; Kiểm tra vấn đáp về mức độ nắm bắt thực tế doanh nghiệp, khả năng xử lý những vấn đề gặp phải trong quá trình đi thực tế.

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn của GV trên lớp; Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại doanh nghiệp; Tham gia đầy đủ các buổi gặp GV theo lịch hẹn	CELO5	4 buổi	Ý thức tham gia thực tập nghề nghiệp	Điểm danh	40%
	A1.2	Minh chứng được những công việc tham gia thực hiện tại doanh nghiệp; Có phản hồi tốt từ doanh nghiệp	CELO1, CELO2, CELO4, CELO5	3 lần	Thực hành các nghiệp vụ tại doanh nghiệp	Vấn đáp	
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1	Hình thức và nội dung trình bày báo cáo thực tập nghề nghiệp	CELO3, CELO5	1 lần	Hình thức và nội dung trình bày báo cáo thực tập nghề nghiệp		60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Nội dung 1: Hướng dẫn chung về thực hành nghề nghiệp		
	A/ Các nội dung chính: 1.1 Mục đích, yêu cầu thực tập nghề nghiệp 1.2 Cách thức tiếp cận doanh nghiệp 1.3 Lập kế hoạch thực tập nghề nghiệp 1.4 Hướng dẫn phương pháp viết báo cáo thực tập nghề nghiệp.	- Phương pháp thuyết trình;	CELO1, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tìm và đọc tài liệu liên quan theo sự hướng dẫn của GVHD		
2	Nội dung 2: Tìm hiểu thực tế về doanh nghiệp thực tập		
	A/ Các nội dung chính: 2.1 Quá trình hình thành và phát triển 2.2 Chức năng nhiệm vụ 2.3 Sản phẩm, dịch vụ 2.4 Công nghệ sản xuất 2.5 Cơ cấu tổ chức 2.6 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	- Phương pháp quan sát	CELO1, CELO2, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tìm và đọc tài liệu liên quan theo sự hướng dẫn của GVHD		
3	Nội dung 3: Tìm hiểu thực trạng hoạt động nghiệp vụ chuyên môn của ngành QTKD		
	A/ Các nội dung chính: 3.1. Tìm hiểu về định hướng chiến lược của công ty 3.2 Tìm hiểu về các nghiệp vụ quản trị tại công ty (quản trị nhân sự, quản trị vận hành,	- Phương pháp quan sát - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO1, CELO2, CELO4, CELO5

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	quản trị tài chính, quản trị marketing...) 3.3 Mô tả/ trình bày được thực trạng hoạt động/ nghiệp vụ chuyên môn trong thực tiễn được chọn để thực hành nghề nghiệp. 3.4 So sánh hoạt động/ nghiệp vụ chuyên môn trong thực tiễn với lý thuyết đã được hướng dẫn, tích lũy. 3.5 Đưa ra những nhận xét, đánh giá và định hướng giải quyết về thực trạng hoạt động nghiệp vụ chuyên môn của doanh nghiệp thực hành cũng như định hướng nghề nghiệp tương lai của sinh viên.		
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Tìm và đọc tài liệu liên quan theo sự hướng dẫn của GVHD		
3	Chương 4: Viết báo cáo thực tập nghề nghiệp		
	<i>A/ Các nội dung chính:</i> 4.1 Viết báo cáo 4.2 Hoàn thiện báo cáo	- Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO1, CELO2, CELO3
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Tìm và đọc tài liệu liên quan theo sự hướng dẫn của GVHD		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO...
Module 1	H	H		H	H	
Module 2	H	H		H	H	
Module 3	H	H		H	H	

Module 4	H	H	H			

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Tài liệu giảng viên cung cấp/ hướng dẫn, giới thiệu tùy vào đề tài của sinh viên lựa chọn.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Các tài liệu liên quan đến chủ đề của sinh viên lựa chọn.

8. Quy định của học phần

Hướng dẫn thực hiện:

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi hướng dẫn dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành học phần và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

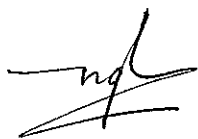
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Hệ thống kiểm soát quản trị

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	HỆ THỐNG KIỂM SOÁT QUẢN TRỊ
Tiếng Việt:	Hệ thống kiểm soát quản trị
Tiếng Anh:	Management control system
Mã số học phần:	180115166
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 5
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về:

+ Tổng quan chung về hệ thống kiểm soát quản trị như khái niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành nên hệ thống kiểm soát quản trị.

+ Các dạng sai phạm thường xảy ra trong doanh nghiệp và biện pháp hạn chế.

+ Mục tiêu và nội dung một số quy trình kiểm soát quản trị chính trong các doanh nghiệp.

- Cung cấp các khái niệm về hệ thống thông tin quản lý tạo lợi thế cạnh tranh; hiểu các quá trình quản lý dữ liệu, viễn thông, Internet, thương mại điện tử, các hệ thống thông tin sử dụng trong doanh nghiệp như ERP, CRM, SCM, và quá trình xây dựng một hệ thống thông tin trong doanh nghiệp như lập kế hoạch phát triển, phân tích yêu cầu, phân tích và thiết kế hệ thống.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hệ thống kiến thức cơ bản về Hệ thống kiểm soát.	ELO2, ELO3, ELO4.
CG2	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hệ thống kiểm soát quản trị cũng như quá trình ra quyết định của kiểm soát quản trị.	ELO3, ELO4, ELO5.
CG3	Vận dụng kết quả nghiên cứu hệ thống kiểm soát quản trị vào thực tiễn của quá trình ra quyết định.	ELO3, ELO5, ELO6, ELO8, ELO10, ELO11
CG4	Các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề để đạt mục tiêu chung.	ELO7, ELO9, ELO10
CG5	Có khả năng tốt trong làm việc với các thành viên trong và ngoài tổ chức, khả năng tốt về giao tiếp và thuyết phục	ELO9, ELO10, ELO12, ELO13
CG6	Thái độ tích cực, chủ động, nghiêm túc trong học tập và làm việc	ELO11, ELO12

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nhận biết, phân biệt được các khái niệm, các cơ sở lý thuyết của hệ thống kiểm soát quản trị.	ELO2, ELO4, ELO5
CELO2	Triển khai đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến hệ thống kiểm soát quản trị cũng như quá trình ra quyết định nhà quản trị.	ELO2, ELO3, ELO4, ELO8, ELO11
CELO3	Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả cho doanh nghiệp thông qua việc tổng hợp phân tích dữ liệu từ hoạt động nghiên cứu hệ thống kiểm soát quản trị.	ELO2, ELO3, ELO4, ELO10, ELO11
CELO4	Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu hệ thống kiểm soát quản trị một cách khoa học phục vụ cho tiến trình ra quyết định của doanh nghiệp.	ELO7, ELO8, ELO11, ELO13
CELO5	Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, thái độ làm việc nghiêm túc, trách nhiệm.	ELO9, ELO10

CELO6	Khái quát được các phương thức xây dựng bộ máy tổ chức và mô tả được các kiểu cơ cấu quản trị và cơ chế áp dụng của từng kiểu	ELO5
CELO7	Mô tả được các phong cách lãnh đạo và phân tích được các lý thuyết động viên	ELO5, ELO9, ELO11
CELO8	Mô tả được tiến trình kiểm soát	ELO5
CELO9	Phát triển được kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm thông qua việc thực hiện các bài tập cá nhân và bài tập nhóm	ELO9, ELO12, ELO13
CELO10	Phát triển được khả năng tự học hỏi để phát triển bản thân	ELO13
CELO11	Phát triển thái độ tích cực và học tập chủ động phát triển bản thân	ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	H	-	H	H	-	-	-	-	-	-	-	H	H
CELO2	H	H	H	-	-	-	M	-	-	M	H	H	-
CELO3	M	H	H	-	-	-	-	-	H	M	H	H	-
CELO4	-	-	-	-	-	M	H	-	-	H	-	-	-
CELO5	-	-	-	-	-	-	-	H	H	-	-	-	-
CELO6	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	H
CELO7	-	-	-	H	-	H	-	L	-	-	-	-	H
CELO8	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	H
CELO9	-	-	-	-	-	H	-	-	H	M	-	-	-
CELO10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-
CELO11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	H	-	-	-

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

- Nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản, học phần Hệ thống kiểm soát quản trị sử dụng các Phương pháp giảng dạy như Phương pháp thuyết giảng, Phương pháp động não, Phương pháp hoạt động nhóm, Phương pháp thảo luận, Phương pháp học dựa trên vấn đề ...

- Phương pháp học tập giúp sinh viên có thể chủ động và tích cực hơn như Phương pháp Nghiên cứu tình huống, làm việc nhóm, thuyết trình, tự nghiên cứu thông tin thông qua tài liệu tham khảo, internet .. Ngoài ra sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và tích cực trao đổi thảo luận để hiểu rõ hơn về các vấn đề nghiên cứu trong nội dung học phần.

Phương pháp học tập: Sinh viên phải:

- Đọc tài liệu và làm bài trước các buổi giảng
- Tập trung nghe giảng trên lớp
- Chủ động tham gia vào các hoạt động làm việc nhóm
- Phân tích và đánh giá các vấn đề quản trị cũng như sáng tạo để giải quyết những vấn đề thực tiễn

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Thuyết trình nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐
Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Sự tham gia lớp học	Chất lượng	CELO5	15/Mỗi tuần	Tích cực, tham gia đầy đủ	PP quan sát	20%
	A1.2 Thảo luận nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO3 CELO4 CELO5	2/Tuần 3, tuần 9	Trình bày chi tiết, chính xác, logic	Phương pháp phỏng vấn	

	A1.3 Bài tập thuyết trình nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	1/Tuần 7, tuần 8	Trình bày chi tiết, chính xác, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả	Phương pháp Phỏng vấn	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi Giữa kỳ (Tự luận 60 phút)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực giữa khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	1/Tuần 10	2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết	10%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cá nhân cuối khóa (Tự luận 60 phút)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Cuối Khóa (Sau tuần 10)	2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1,2	Chương 1: Một số vấn đề chung về hệ thống, hệ thống thông tin và hệ thống kiểm soát	+ Trình chiếu Powerpoint	CELO1 CELO7
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1 Hệ thống và hệ thống trong tổ chức 1.1.1. Khái niệm hệ thống và thông tin 1.1.2. Tính chất của thông tin theo cấp quyết định 1.1.3. Đầu mối thông tin với một hệ thống 1.2. Hệ thống thông tin 1.2.1. Khái niệm hệ thống thông tin 1.2.2. Các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin 1.2.3. Phân loại hệ thống thông tin 1.2.4. Mô hình biểu diễn hệ thống thông tin 1.2.5. Lợi ích kinh tế của hệ thống thông tin 1.3. Hệ thống kiểm soát		

	1.3.1. Khái niệm hệ thống kiểm soát 1.3.2. Các bộ phận cấu thành hệ thống kiểm soát 1.3.3. Phân loại hệ thống kiểm soát		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Đọc các nội dung liên quan về khái niệm và vai trò của hệ thống kiểm soát quản trị. + Làm bài tập được giao.	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
3,4	Chương 2: Hệ thống kiểm soát quản trị		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Khái niệm và vai trò của hệ thống kiểm soát quản trị. 2.2. Những nguyên tắc của hệ thống kiểm soát quản trị. 2.3. Nội dung và phương pháp hệ thống kiểm soát quản trị. - Tổng kết, ôn tập và làm bài tập chương 2.	- Thuyết giảng - Hỏi đáp - Động não - Hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO3 CELO4 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Tìm hiểu về một số quy trình hệ thống kiểm soát quản trị.	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
5,6,7,8	Chương 3: Một số quy trình hệ thống kiểm soát quản trị chủ yếu tại doanh nghiệp		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Kiểm soát quản trị đối với chu trình mua hàng - thanh toán 3.1.1. Đặc điểm chu trình mua hàng – thanh toán 3.1.2. Mục tiêu kiểm soát quản trị đối với chu trình mua hàng – thanh toán 3.1.3 Các thủ tục kiểm soát quản trị đối với chu trình mua hàng – thanh toán 3.2. Kiểm soát quản trị đối với chu trình bán hàng – thu tiền 3.2.1. Đặc điểm chu trình bán hàng - thu tiền 3.2.2. Mục tiêu kiểm soát quản trị đối với chu trình bán hàng - thu tiền 3.2.3. Nội dung kiểm soát quản trị đối với chu trình bán hàng - thu tiền 3.3. Kiểm soát quản trị đối với tiền lương và các khoản trích theo lương 3.3.1. Đặc điểm tiền lương và các khoản trích theo lương	- Thuyết giảng - Hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO4 CELO6 CELO7

	3.3.2. Mục tiêu kiểm soát quản trị đối với tiền lương và các khoản trích theo lương 3.3.3. Nội dung kiểm soát quản trị đối với tiền lương và các khoản trích theo lương 3.4. Kiểm soát quản trị đối với tài sản cố định 3.4.1. Đặc điểm tài sản cố định 3.4.2. Mục tiêu kiểm soát quản trị đối với tài sản cố định 3.4.3. Nội dung kiểm soát quản trị đối với tài sản cố định 3.5. Kiểm soát quản trị đối với hàng tồn kho 3.5.1. Đặc điểm hàng tồn kho 3.5.2. Mục tiêu kiểm soát quản trị đối với hàng tồn kho 3.5.3. Nội dung kiểm soát quản trị đối với hàng tồn kho		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Tìm hiểu về hệ thống kiểm soát quản trị tại một doanh nghiệp bất kỳ. + Làm bài tập được giao (Case study)	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
9,10	Chương 4: Doanh nghiệp và các hệ thống kiểm soát quản trị trong doanh nghiệp Việt Nam		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Các hệ thống kiểm soát quản trị chức năng 4.2. Các hệ thống kiểm soát quản trị cung cấp tri thức 4.3. Các hệ thống kiểm soát quản trị hỗ trợ nhà quản lý - Thực hành nhóm	- Thuyết giảng - Thuyết trình, hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Làm bài tập được giao (Case study)	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần										
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO 7	CELO 8	CELO9	CELO10	CELO11
Module 1	H	M	M	L	L	M	M	M	M	M	M
Module 2	L	H	H	M	H	M	M	M	M	M	M
Module 3	L	H	H	M	H	H	H	H	H	H	H
Module 4	L	H	H	M	H	H	H	M	H	H	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm soát quản trị (dịch). NXB Tổng hợp – 2020.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. TS Trương Văn Tú – TS. Trần Thị Song Minh . Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý. Nhà xuất bản Thống kê – 2008.

2. Trần Thành Tài . Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý. NXB trẻ - 2008.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 30% thời gian học trên lớp dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

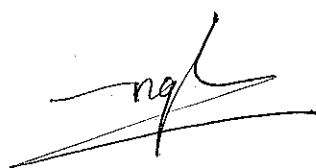
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. GVGD: Nguyễn Thị Hoài Thanh, Nguyễn Phan Hoài Vũ

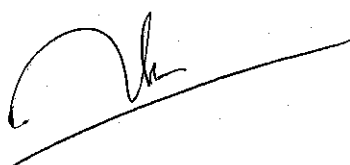
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



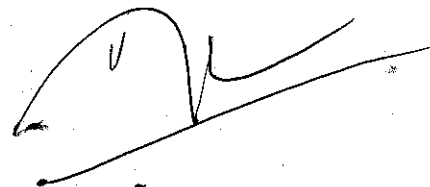
TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Phan Hoài Vũ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị marketing
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ MARKETING
Tiếng Việt:	Quản trị marketing
Tiếng Anh:	Marketing Management
Mã số học phần:	180115099
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 4
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Quản trị học, Marketing căn bản
Học phần song hành:	Không
Điều kiện khác:	Không
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Kinh tế Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Nội dung môn học tập trung nghiên cứu quá trình quản trị marketing bao gồm: kế hoạch hoá, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và điều khiển các hoạt động marketing của một tổ chức (doanh nghiệp). Những nội dung xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing được tập trung phân tích theo quy trình xây dựng kế hoạch từ phân tích cơ hội kinh doanh đến phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, xác lập các định hướng chiến lược, xây dựng kế hoạch hành động, phân tích tài chính. Môn học cũng tập trung vào kỹ năng phát triển các nhóm công cụ và biện pháp marketing và phối hợp các nhóm công cụ marketing trên thị trường theo những kịch bản khác nhau. Môn học cũng giới thiệu các kiểu loại chiến lược marketing điển hình và các hình thức tổ chức bộ phận quản lý marketing. Sinh viên sau khi hoàn thành môn học sẽ có kỹ năng phân tích và truyền thông của một nhà quản trị marketing, có khả năng tổ chức và quản lý hoạt động marketing của một tổ chức (doanh nghiệp) trong thực tế.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Phân tích được các kiến thức về lập kế hoạch và triển khai hoạt động marketing	ELO4 ELO5 ELO6 ELO7
CG2	Ứng dụng các kiến thức về marketing vào trong thực tế công việc quản trị và kinh doanh	ELO3 ELO7 ELO10 ELO14
CG3	Tự chủ và chịu trách nhiệm đối với các hoạt động marketing	ELO2 ELO7 ELO13

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Mô tả được bản chất của marketing, quá trình quản trị marketing tại doanh nghiệp cũng như tầm quan trọng của marketing dựa trên giá trị	ELO2
CELO2	Phân tích được các yếu tố môi trường marketing có khả năng ảnh hưởng đến việc xây dựng và thực hiện kế hoạch marketing	ELO4 ELO7
CELO3	Phân biệt được các hệ thống tổ chức marketing, cách thức tổ chức, lên kế hoạch thực hiện các chương trình marketing, cách đánh giá, kiểm tra các hoạt động	ELO5 ELO6 ELO7
CELO4	Xây dựng được các cấp chiến lược marketing và kế hoạch marketing cho doanh nghiệp	ELO6 ELO10 ELO14

CELO5	Đánh giá được hành vi mua sắm của khách hàng cá nhân, quá trình quyết định mua của khách hàng. Vận dụng phân khúc thị trường, các tiêu chí phân khúc thị trường cá nhân và tổ chức, các tiêu chí đánh giá, lựa chọn thị trường mục tiêu và các chiến lược thị trường mục tiêu	ELO3 ELO4 ELO8
CELO6	Đề xuất được các định hướng chiến lược marketing hỗn hợp bao gồm: sản phẩm, giá, phân phối và chiêu thị	ELO7 ELO13

CELO7	Thiết kế được chương trình hành động cho kế hoạch marketing cũng như đề xuất được các phương án đánh giá mức độ hiệu quả của kế hoạch nhằm đưa ra được phương án thay đổi phù hợp	ELO6 ELO7 ELO10
CELO8	Nhận thức đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của marketing đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	ELO2
CELO9	Yêu thích công việc marketing và muốn phát triển ngành nghề marketing	ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT													
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14
CELO1		M												
CELO2				H			M							
CELO3					M	H	M							
CELO4						H				M				H
CELO5			H	M				M						
CELO6							H						M	
CELO7						H	H			H				
CELO8		M												
CELO9													H	

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

*** Phương pháp diễn giảng**

Giảng viên dùng lời nói cùng với các phương tiện kỹ thuật thông tin, nghe nhìn như: Bảng – phấn, văn bản in, overhead transparencies, video/film, máy tính, ... để diễn giảng cho người học nghe, phát hiện và hiểu các khái niệm, hiện tượng, qui luật, nguyên lý của các quá trình.

*** Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp làm việc nhóm:**

Trong phương pháp kết hợp này, giảng viên cung cấp cơ sở lý thuyết nền tảng. Sinh viên được chia theo nhóm từ 5 đến 6 sinh viên một nhóm. Mỗi nhóm sẽ chọn (hoặc được giao) một đề tài nào đó có liên quan đến nội dung môn học rồi tự phân chia công việc trong nhóm cho các thành viên để tiến hành việc tìm hiểu những nội dung lý thuyết liên quan đến đề tài qua sách, giáo trình, ấn phẩm nghiên cứu khoa học...; tìm hiểu thực tế xem các doanh nghiệp, tổ chức hiện đang thực hiện công việc liên quan đến đề tài như thế nào với những bằng chứng là thông tin, số liệu, hình ảnh... thông tin doanh nghiệp trên Internet, thị trường chứng khoán... Nhóm sẽ hội ý để so sánh, phân tích nội dung đề tài trên lý thuyết và nội dung đề tài trong thực tế tại doanh nghiệp có gì giống nhau, khác nhau, có điểm gì tốt điểm gì chưa tốt... Sau đó các nhóm sẽ viết lại thành báo cáo môn học kèm nhận xét, đánh giá hay đưa ra ý kiến của nhóm về đề tài này. Cuối cùng các nhóm sẽ thay phiên nhau trình bày nội dung báo cáo môn học mà nhóm đã thực hiện để nhận được những ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi chất vấn của các nhóm khác và của giảng viên. Nhóm sẽ thảo luận và trả lời các câu hỏi được đặt ra. Nếu nội dung trả lời của nhóm chưa thật sự thỏa đáng hay có sự hiểu nhầm, hiểu sai vấn đề... thì giảng viên sẽ hỗ trợ thêm.

Sự kết hợp giữa phương pháp thuyết trình và phương pháp làm việc nhóm sẽ kích thích vai trò chủ động của người học. Sinh viên là người chủ động tìm tòi, suy nghĩ, nhận định, phân tích, tổng hợp, đánh giá... đề tài của nhóm mình và cả đề tài của các nhóm khác.

*** Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp sử dụng tình huống:**

Tình huống thường trình bày một sự mâu thuẫn/xung đột, đặc biệt là sự căng thẳng giữa những phương án hành động khác nhau mà những phương án này có thể tạo ra những quan điểm, lợi ích và những giá trị khác nhau trong sự mâu thuẫn và nó đòi hỏi phải được giải quyết bằng một quyết định. Thông thường các tình huống được trình bày trong các ấn bản. Tình huống có thể được trình bày dưới dạng phim, băng video, CD ROM...

Phương pháp tình huống cho phép sinh viên tham gia vào quá trình ra quyết định mà người ta phải thực sự đương đầu trong một tổ chức thật, có quyền sở hữu, cảm giác được áp lực, nhận rủi ro và trình bày ý tưởng của mình với người khác giúp buổi học có sự trao đổi thông tin đa chiều. Các tình huống giúp sinh viên phát triển lòng tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập và hợp tác trong công việc với đồng nghiệp. Ngoài ra, phương pháp tình huống cũng là công cụ tuyệt vời để giảng viên kiểm tra kiến thức lý thuyết và những hiểu biết sâu sắc hơn của sinh viên.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Tính chuyên cần, Thái độ chủ động, tích cực trong học tập; Bài tập nhóm (thuyết trình)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần: Lý thuyết

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập/chuyên cần		11 buổi học	Phát biểu Điểm danh	PP quan sát	10%
	A1.2	Bài kiểm tra cá nhân		1 lần/ thời gian 60 phút	Hiểu bài	PP phỏng vấn	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Bài tập nhóm thuyết trình		1 lần/giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 4 trở đi	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	PP phỏng vấn PP viết	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận		1 lần/thời gian 60 phút	Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1-2	Chương 1: Tổng quan về quản trị marketing	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung: - Giới thiệu môn học - Bản chất của marketing - Quản trị marketing: Khái niệm, đặc điểm, những nhiệm vụ		CELO1 CELO8

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	vụ chủ yếu		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...
	Chương 2: Xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
3	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Xây dựng kế hoạch chiến lược cấp công ty - Xây dựng kế hoạch chiến lược cấp đơn vị kinh doanh - Lập kế hoạch chiến lược cấp công ty - Lập kế hoạch chiến lược cấp đơn vị kinh doanh - Xây dựng kế hoạch marketing		CELO3 CELO8
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...
	Chương 3: Thu thập và phân tích thông tin marketing	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
4	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của việc phân tích thông tin marketing - Phân tích môi trường nội bộ		CELO2

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Phân tích môi trường khách hàng - Phân tích môi trường cạnh tranh - Phân tích môi trường vĩ mô		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
5	Chương 4: Phân tích khách hàng, phân khúc và thị trường mục tiêu	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Hành vi khách hàng của thị trường tiêu dùng cá nhân - Hành vi khách hàng của thị trường công nghiệp - Phân khúc thị trường - Nhận dạng các khúc thị trường - Xác định thị trường mục tiêu		CELO2 CELO4 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
6-7	Chương 5: Chiến lược Marketing cạnh tranh	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Xây dựng chiến lược định vị thương hiệu - Chiến lược triển khai sản phẩm mới, chu kỳ sống của sản phẩm		CELO2 CELO4 CELO6

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	phẩm - Thiết kế chiến lược vị thế cạnh tranh, chiến lược marketing theo chuỗi giá trị		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
8-9	Chương 6: Chiến lược sản phẩm	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Các vấn đề cơ bản trong quản trị sản phẩm: phân loại, đặc tính, danh mục sản phẩm, đóng gói, các dịch vụ hỗ trợ - Quản trị thương hiệu - Chiến lược khác biệt và định vị sản phẩm - Quản trị sản phẩm theo chu kỳ sống		CELO4 CELO6 CELO9
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
9-10-11	Chương 7: Chiến lược giá	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Vai trò của giá - Các vấn đề chính trong việc thiết lập giá: mục tiêu của giá,		CELO4 CELO6 CELO9

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	cung và cầu, cấu trúc chi phí của doanh nghiệp, cấu trúc ngành và cạnh tranh, chu kỳ sống của sản phẩm - Chiến lược giá		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
12-13	Chương 8: Chiến lược phân phối	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Bản chất và chức năng của hệ thống kênh phân phối. - Cấu trúc và hoạt động của kênh - Tổ chức xây dựng kênh phân phối - Quản lý kênh phân phối - Các hệ thống kênh		CELO4 CELO6 CELO9
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
14	Chương 9: Quản trị truyền thông marketing tích hợp	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Bản chất của truyền thông marketing tích hợp - Xây dựng kế hoạch truyền thông		CELO4 CELO6 CELO9

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Quảng cáo - Xúc tiến bán hàng		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
15	Chương 10: Tổ chức, thực hiện và kiểm tra các hoạt động marketing		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Hệ thống tổ chức quản trị marketing - Thực hiện kế hoạch và biện pháp marketing - Đánh giá và kiểm tra		CELO3 CELO7 CELO9
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần								
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8	CELO9
Module 1	H							H	
Module 2			H					M	
Module 3		H							
Module 4		M		H	M				
Module 5		M		H		H			
Module 6				H		H			M
Module 7				H		H			M
Module 8				H		H			M
Module 9				H		H			M
Module 10			H				M		M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Kotler, P., & Keller, K. (2013). *Quản trị tiếp thị* (14th ed.) – bản dịch. Hà Nội, Việt Nam: NXB Lao động – Xã hội.

[2] Kotler, P., T. & Keller, K., L. (2016). *Marketing Management* (15th ed.). Harlow, Essex: Pearson Education

7.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Chernev, A., Kotler P. (2018). *Strategic marketing management*. Cerebellum Press

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 5 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 30 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

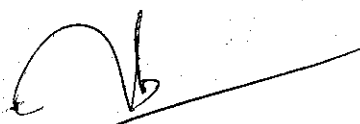
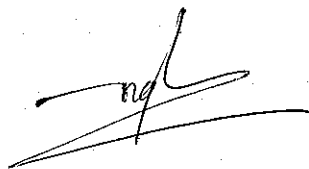
9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Nguyễn Thị Thanh

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

ThS. Nguyễn Thị Thanh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị dự án

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ DỰ ÁN
Tiếng Việt:	Quản trị dự án
Tiếng Anh:	Project Management
Mã số học phần:	180115113
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 05
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Quản trị học
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Quản trị dự án là một sự kết hợp giữa khoa học và nghệ thuật. Tính nghệ thuật ở đây nói đến kỹ năng quản lý con người hay dự án. Khoa học bao gồm các công cụ và các kỹ thuật quản lý hình thành các nền móng của tiến trình quản lý dự án. Môn học quản trị dự án là sự tích hợp các khối kiến thức quản trị thông qua các khái niệm, các khuôn khổ phân tích, các tiến trình và công cụ quản lý dự án cơ bản để giải quyết bài toán triển khai dự án nhằm tạo ra và chuyển giao các kết quả cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phạm vi, chất lượng, thời gian, và ngân sách nhất định.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hiểu biết tổng quan về dự án và hoạt động quản trị dự án	ELO4
CG2	Hiểu được những tính chất thực tế của QTDA trong môi trường thay đổi nhanh chóng ngày nay	ELO3
CG3	Có khả năng khởi sự và lựa chọn dự án hiệu quả trong môi trường của một tổ chức cụ thể	ELO3, ELO4, ELO5, ELO6
CG4	Biết làm thế nào để triển khai và kiểm soát hiệu quả quá trình thực hiện dự án, và cách kết thúc dự án hiệu quả với mức độ cân bằng giữa phạm vi, chi phí, và tiến độ	ELO4, ELO5, ELO6, ELO10
CG5	Có khả năng tốt trong làm việc với các thành viên trong và ngoài tổ chức, khả năng tốt về giao tiếp và thuyết phục	ELO9, ELO10, ELO12, ELO13, ELO14
CG6	Thái độ tích cực, chủ động, nghiêm túc trong học tập và làm việc	ELO11, ELO12

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nắm bắt được những kiến thức cơ bản về dự án và QTDA: khái niệm và đặc điểm của dự án, khái niệm, tiến trình và nội dung của quản trị dự án	ELO4
CELO2	Nắm được các cách tổ chức cấu trúc QTDA và xác định được vai trò của các thành viên có liên quan đối với quá trình QTDA	ELO4, ELO5
CELO3	Nhận diện được những tính chất thực tế của QTDA trong môi trường thay đổi nhanh chóng ngày nay	ELO3, ELO4, ELO5
CELO4	Hiểu và có khả năng tính toán được những chỉ tiêu định lượng và các mô hình định tính trong lựa chọn dự án	ELO4, ELO5, ELO8
CELO5	Nhận biết các thành phần của một bản kế hoạch dự án và làm thế nào để phát triển nó	ELO4, ELO5

CELO6	Biết cách sử dụng các sơ đồ thể hiện tiến độ dự án và các phương pháp lập tiến độ dự án	ELO4, ELO5
CELO7	Có thể khởi sự và lựa chọn dự án hiệu quả trong môi trường của một tổ chức cụ thể	ELO5, ELO6, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12, ELO13, ELO14
CELO8	Phát triển được kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm thông qua việc thực hiện các bài tập cá nhân và bài tập nhóm	ELO9, ELO12, ELO13, ELO14
CELO9	Phát triển được khả năng tự học hỏi để phát triển bản thân	ELO14
CELO10	Phát triển thái độ tích cực và học tập chủ động phát triển bản thân	ELO14

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT										
	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14
CELO1	-	M	-	-		-	-	-	-	-	-
CELO2	-	M	L	-		-	-	-	-	-	-
CELO3	H	H	M	-		-	-	-	-	-	-
CELO4	-	H	H	-	H	-	-	-	-	-	-
CELO5	-	H	M	-	-	-	-	-	-	-	-
CELO6	-	H	M	-	-	-	-	-	-	-	-
CELO7	-	H	H	M	-	H	H	M	M	M	M
CELO8	-	-	-	-	-	H	-	-	H	H	H
CELO9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M
CELO10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Học phần này được giảng dạy với sự kết hợp các phương pháp: thuyết giảng, nêu vấn đề, thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân. Có sự tương tác giữa giảng viên với học viên và giữa các học viên với nhau. Học

viên sẽ làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, phân tích các sự kiện, sáng tạo để giải quyết các bài tập được giao.

Phương pháp học tập: Sinh viên phải:

- Đọc tài liệu, làm bài tập về nhà và chuẩn bị bài trước các buổi giảng
- Tập trung nghe giảng trên lớp và làm các bài tập được giao trên lớp
- Chủ động tham gia vào các hoạt động làm việc nhóm
- Phân tích và đánh giá các vấn đề quản trị cũng như sáng tạo để giải quyết những vấn đề thực tiễn

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Thuyết trình nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập, chuyên cần	CELO 9 CELO 10	15 lần/ Trong suốt các buổi học	Đi học đầy đủ, thái độ tích cực, có trách nhiệm	PP quan sát	5%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Bài tập nhóm thuyết trình	CELO1 CELO2 CELO4 CELO5 CELO6 CELO7 CELO8 CELO9 CELO10	2 lần / giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 3	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	PP quan sát	25%

A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5 CELO 6 CELO 7	1 lần/ Thi kết thúc học phần	Hiểu, giải thích được, đánh giá được. Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về dự án và quản trị dự án		
	Chương 1: <i>A/ Nội dung chính trên lớp:</i> 1.1. Tổng quan về dự án	Kết hợp các phương pháp: - Nêu vấn đề - Thuyết giảng	CELO1
	<i>B/ Nội dung tự học:</i> - Ôn lại bài đã học - Đọc trước tài liệu phần còn lại của Chương 1		CELO1, CELO9, CELO10
2	Chương 1: (tt)		
	<i>A/ Nội dung chính trên lớp:</i> 1.1 Tổng quan về dự án (tt) 1.2 Tổng quan về quản trị dự án	Kết hợp các phương pháp: - Nêu vấn đề - Thảo luận nhóm - Thuyết giảng	CELO1, CELO8, CELO9, CELO10
	<i>B/ Nội dung tự học:</i> - Đọc trước tài liệu Chương 2 - Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm cho Chương 2		CELO3, CELO8, CELO9, CELO10
3	Chương 2: Lựa chọn dự án		
	<i>A/ Nội dung chính trên lớp:</i> 2.1 Vấn đề cơ bản về lựa chọn dự án 2.1.1 Khái niệm lựa chọn dự án 2.1.2 Phân tích lựa chọn dự án 2.1.3 Quan điểm lựa chọn dự án 2.2 Sử dụng các chỉ tiêu định lượng để lựa chọn dự án 2.2.1 Giá trị hiện tại ròng NPV	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình nhóm - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập cá nhân	CELO3, CELO4, CELO8, CELO9, CELO10

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Nội dung tự học: - Làm bài tập về nhà - Đọc trước tài liệu phần còn lại của mục 2.2		CELO3, CELO4, CELO10, CELO11
4	Chương 2: (tt)		
	A/ Nội dung chính trên lớp 2.2.2 Tỷ suất nội hoàn IRR 2.2.3 Tỷ lệ lợi ích/chi phí BCR 2.2.4 Thời gian hoàn vốn T	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập cá nhân	CELO4
	B/ Nội dung tự học: - Làm bài tập được giao về nhà - Đọc trước tài liệu mục 2.3		CELO4, CELO9, CELO10
5	Chương 2: (tt)		
	A/ Nội dung chính trên lớp 2.3 Sử dụng các chỉ tiêu định tính để lựa chọn dự án	Kết hợp các phương pháp: - Nêu vấn đề - Thảo luận nhóm - Thuyết giảng	CELO4, CELO8, CELO9, CELO10
	B/ Nội dung tự học: - Làm bài tập được giao về nhà - Đọc trước tài liệu phần còn lại của Chương 2		CELO4, CELO10, CELO11
6	Chương 2: (tt)		
	A/ Nội dung chính trên lớp 2.4 Lựa chọn dự án trong điều kiện bất trắc – phân tích rủi ro	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập cá nhân	CELO4
	B/ Nội dung tự học - Làm bài tập được giao về nhà - Chuẩn bị bài thuyết trình Chương 3		CELO2, CELO4, CELO8, CELO9, CELO10
7	Chương 3: Thiết kế tổ chức dự án		
	A/ Nội dung chính trên lớp 3.1 Thiết kế cơ cấu tổ chức dự án	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình nhóm - Thuyết giảng	CELO2, CELO8, CELO9, CELO10

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	3.2 Xây dựng đội ngũ dự án		
	B/ Nội dung tự học - Ôn lại bài đã học - Chuẩn bị bài thuyết trình Chương 4		CELO5, CELO8, CELO9, CELO10
	Chương 4: Lập kế hoạch và ngân sách dự án		
8	A/ Nội dung chính trên lớp 4.1 Lập kế hoạch dự án 4.2 Cơ cấu phân chia công việc (WBS)	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Thuyết giảng	CELO5, CELO8, CELO9, CELO10
	B/ Nội dung tự học Đọc tài liệu phần còn lại của Chương 4		CELO5, CELO10, CELO11
	Chương 4 (tt)		
9	A/ Nội dung chính trên lớp 4.3 Lập ngân sách dự án	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập cá nhân	CELO5
	B/ Nội dung tự học - Làm bài tập được giao - Đọc tài liệu Chương 5		CELO6, CELO9, CELO10
	Chương 5: Lập tiến độ dự án		
10	A/ Nội dung chính trên lớp 5.1 Tiến độ dự án 5.2 Các vấn đề cơ bản về sơ đồ mạng AOA, AON	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập cá nhân	CELO6
	B/ Nội dung tự học - Làm bài tập được giao - Đọc tài liệu phần tiếp theo của Chương 5		CELO6, CELO9, CELO10
	Chương 5 (tt)		
	A/ Nội dung chính trên lớp	Kết hợp các phương pháp:	CELO6

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
11	5.3 Phương pháp CPM	- Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập cá nhân	
	B/ Nội dung tự học - Làm bài tập được giao - Đọc tài liệu phần còn lại của Chương 5		CELO6, CELO9, CELO10
12	Chương 5: (tt)		
	A/ Nội dung chính trên lớp 5.4 Phương pháp PERT	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết giảng - Hướng dẫn làm bài tập cá nhân	CELO6
	B/ Nội dung tự học - Làm bài tập được giao - chuẩn bị bài thuyết trình		CELO6, CELO7, CELO8, CELO9, CELO10
13	Ôn tập		
	A/ Nội dung chính trên lớp Ôn tập và làm bài tập tổng hợp	Kết hợp các phương pháp: - Hướng dẫn làm bài tập cá nhân	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5, CELO6, CELO7
	B/ Nội dung tự học - Ôn lại bài đã học và chuẩn bị bài thuyết trình		CELO7, CELO8, CELO9, CELO10
14	Bài thuyết trình tổng hợp		
	A/ Nội dung chính trên lớp Các nhóm thuyết trình bài tập tổng hợp, hỏi và đáp	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình nhóm - Thảo luận nhóm	CELO7, CELO8, CELO9, CELO10
	B/ Nội dung tự học - Chuẩn bị bài thuyết trình		CELO8, CELO10, CELO11
15	Bài thuyết trình tổng hợp		
	A/ Nội dung học trên lớp Các nhóm thuyết trình bài tập tổng hợp, hỏi và đáp	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình - Thảo luận nhóm	CELO7, CELO8, CELO9, CELO10
	B/ Nội dung tự học Sinh viên tự ôn tập		CELO9, CELO10

Mã trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần									
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8	CELO9	CELO10
Module 1	H						H		M	M
Module 2		L	M	H			H	H	M	M
Module 3		M	H				H	H	H	H
Module 4					H		H	H	H	H
Module 5						H	H		H	H

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Cao Hào Thi, Nguyễn Thúy Quỳnh Loan, *Quản lý dự án*, NXB ĐHQG TPHCM, 2011

2. Từ Quang Phương, *Giáo trình Quản lý dự án đầu tư*, Đại học Kinh tế Quốc dân, NXB Lao động Xã hội

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Trịnh Thùy Anh, *Quản trị dự án*, Đại học Mở Tp. HCM

2. Joseph Heagney, 2012, *Quản trị dự án – Những nguyên tắc căn bản*. Bản dịch của NXB Lao động – Xã hội

3. PMI, 2013. *A guide to the Project Management Body of Knowledge*. 5th Edition.

4. Jack R. Meredith, Samuel J. Mantel, Jr. (2003), *Project Management: A Managerial Approach*, 5th edition, John Wiley & Sons, Inc.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

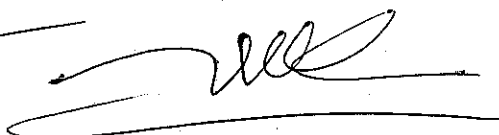
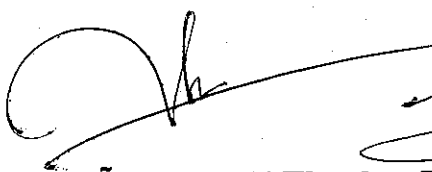
9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Nguyễn Thị Thanh, ThS. Nguyễn Trọng Hiếu

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

ThS. Nguyễn Thị Thanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị logistics

Trình độ đào tạo: Đại Học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ LOGISTICS		
Tiếng Việt:	Quản trị logistics		
Tiếng Anh:	Logistics Management		
Mã số học phần:	180115060		
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 5		
Loại học phần:			
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn			
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp			
Số tín chỉ:	3 tín chỉ		
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết		
Số tiết lý thuyết:	30 tiết		
Số tiết bài tập:	15 tiết		
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết		
Số tiết thực tập:	0 tiết		
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết		
Kiểm tra:	0 tiết		
Thời gian tự học:	0 giờ		
Điều kiện tham dự học phần:			
Học phần tiên quyết:	Quản trị học		
Học phần song hành:			
Điều kiện khác:			
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế		

2. Mô tả học phần (Course Description)

Quản trị logistics trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng quản trị logistics bao gồm các nghiệp vụ liên quan đến thu mua, dịch vụ khách hàng, phân phối, vận tải, thông tin, dự trữ, đặc biệt là hoạt động ở các doanh nghiệp XNK quốc tế, doanh nghiệp dịch vụ logistics. Là môn học có nội dung tác nghiệp khá cụ thể, mang tính thực tiễn mạnh mẽ, giúp sinh viên hình thành và phát triển năng lực tư duy và phẩm chất nghề nghiệp trước và sau khi tốt nghiệp.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	- Hệ thống hóa được các kiến thức căn bản về công tác logistics	ELO2, ELO3, ELO4.
CG2	- Vận dụng các kiến thức về lĩnh vực logistics vào các bài toán thực tế trong mảng logistics nói riêng và chuỗi cung ứng nói chung.	ELO3, ELO4, ELO5.
CG3	- Có tinh thần tự chủ, trách nhiệm, và nhận thức cao với việc học, tự phát triển bản thân, và tiếp thu các kiến thức và kỹ năng có liên quan đến việc phát triển và làm việc trong phân ngành logistics về sau.	ELO3, ELO5, ELO6, ELO8, ELO10, ELO11

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] <i>(Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu kiến thức nền tảng, khái niệm, các cơ sở lý thuyết khoa học của quản trị logistics.	ELO2, ELO4, ELO5
CELO2	Triển khai tính toán, phân tích và đánh giá được các nội dung quan trọng trong hoạt động quản trị logistics của các doanh nghiệp sản xuất.	ELO2, ELO3, ELO4, ELO8, ELO11
CELO3	Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua việc tổng hợp và đánh giá dữ liệu từ hoạt động quản trị logistics	ELO2, ELO3, ELO4, ELO10, ELO11
CELO4	Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề để đạt mục tiêu chung, thái độ làm việc nghiêm túc, trách nhiệm.	ELO9, ELO10

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT													
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	
CELO1	-	H	-	H	M	-	-	-	-	-	-	-	-	
CELO2	-	M	H	H	-	-	-	H	-	-	M	-	-	
CELO3	-	M	H	H	-	-	-	-	-	H	M	-	-	
CELO4	-	-	-	-	-	-	-	-	H	H	-	-	-	

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp diễn giảng

Giảng viên dùng lời nói cùng với các phương tiện kỹ thuật thông tin, nghe nhìn như: Bảng – phấn, văn bản in, overhead transparencies, video/film, máy tính,... để diễn giảng cho người học nghe, phát hiện và hiểu các khái niệm, hiện tượng, qui luật, nguyên lý của các quá trình.

Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp làm việc nhóm:

Trong phương pháp kết hợp này, giảng viên cung cấp cơ sở lý thuyết nền tảng. Sinh viên được chia theo nhóm từ 5 đến 6 sinh viên một nhóm. Mỗi nhóm sẽ chọn (hoặc được giao) một đề tài nào đó có liên quan đến nội dung môn học rồi tự phân chia công việc trong nhóm cho các thành viên để tiến hành việc tìm hiểu những nội dung lý thuyết liên quan đến đề tài qua sách, giáo trình, ấn phẩm nghiên cứu khoa học...; tìm hiểu thực tế xem các doanh nghiệp, tổ chức hiện đang thực hiện công việc liên quan đến đề tài như thế nào với những bằng chứng là thông tin, số liệu, hình ảnh... thực tế cụ thể thông qua tiếp cận doanh nghiệp (thực tập tại doanh nghiệp), thông tin doanh nghiệp trên Internet, thị trường chứng khoán... Nhóm sẽ hội ý để so sánh, phân tích nội dung đề tài trên lý thuyết và nội dung đề tài trong thực tế tại doanh nghiệp có gì giống nhau, khác nhau, có điểm gì tốt điểm gì chưa tốt... Sau đó các nhóm sẽ viết lại thành báo cáo môn học kèm nhận xét, đánh giá hay đưa ra ý kiến của nhóm về đề tài này. Cuối cùng các nhóm sẽ thay phiên nhau trình bày nội dung báo cáo môn học mà nhóm đã thực hiện để nhận được những ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi chất vấn của các nhóm khác và của giảng viên. Nhóm sẽ thảo luận và trả lời các câu hỏi được đặt ra. Nếu nội dung trả lời của nhóm chưa thật sự thỏa đáng hay có sự hiểu nhầm, hiểu sai vấn đề... thì giảng viên sẽ hỗ trợ thêm.

Sự kết hợp giữa phương pháp thuyết trình và phương pháp làm việc nhóm sẽ kích thích vai trò chủ động của người học. Sinh viên là người chủ động tìm tòi, suy nghĩ, nhận định, phân tích, tổng hợp, đánh giá... đề tài của nhóm mình và cả đề tài của các nhóm khác.

Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp sử dụng tình huống:

Tình huống (case) là một hoàn cảnh thực tế trong đó các chủ thể cần phải đưa ra quyết định. Các tình huống tóm tắt những áp lực và khía cạnh khác nhau mà chủ thể đó phải cân nhắc khi ra quyết định với những thông tin thường không hoàn chỉnh hoặc mâu

thuần vào lúc đó. Một số thông tin trong tình huống có thể được cố tình bỏ sót, cho phép tình huống có thể có nhiều phương án khả dĩ.

Tình huống thường trình bày một sự mâu thuẫn/xung đột, đặc biệt là sự căng thẳng giữa những phương án hành động khác nhau mà những phương án này có thể tạo ra những quan điểm, lợi ích và những giá trị khác nhau trong sự mâu thuẫn và nó đòi hỏi phải được giải quyết bằng một quyết định. Thông thường các tình huống được trình bày trong các ấn bản. Tình huống có thể được trình bày dưới dạng phim, băng video, CD ROM...

Các tình huống yêu cầu các sinh viên đóng vai của nhân vật chính và ra một hoặc nhiều quyết định quan trọng.

Phương pháp tình huống cho phép sinh viên tham gia vào quá trình ra quyết định mà người ta phải thực sự đương đầu trong một tổ chức thật, có quyền sở hữu, cảm giác được áp lực, nhận rủi ro và trình bày ý tưởng của mình với người khác giúp buổi học có sự trao đổi thông tin đa chiều. Các tình huống giúp sinh viên phát triển lòng tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập và hợp tác trong công việc với đồng nghiệp. Ngoài ra, phương pháp tình huống cũng là công cụ tuyệt vời để giảng viên kiểm tra kiến thức lý thuyết và những hiểu biết sâu sắc hơn của sinh viên.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Tính chuyên cần; Thái độ chủ động, tích cực trong học tập; Bài tập nhóm (thuyết trình)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Lý thuyết

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập/chuyên cần		11 buổi học	Phát biểu Điểm danh	PP quan sát	10%
	A1.2	Bài kiểm tra cá nhân		1 lần/ thời gian 60 phút	Hiểu bài	PP phỏng vấn	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Bài tập nhóm thuyết trình		1 lần/giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết	PP phỏng vấn PP viết	20%

				thứ 4 trở đi	trình, phối hợp nhóm		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận		1 lần/thời gian 60 phút	Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về logistics	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung: - Khái niệm về công tác logistics và quản trị logistics. - Lịch sử hình thành và phát triển của công tác logistics. - Tầm quan trọng của công tác logistics trong cuộc sống. - Mối liên hệ giữa hoạt động logistics và chuỗi cung ứng. - Sự chuyên dịch của môi trường cạnh tranh và lợi thế cạnh tranh thông qua hoạt động logistics. - Tổng quát về hoạt động logistics. - Mối quan hệ giữa hoạt động logistics và hoạt động của doanh nghiệp - Sự khác nhau giữa các nhóm logistics trong hoạt động sản xuất và dịch vụ.		CELO1 CELO2 CELO4 CELO11 CELO13 CELO14 CELO16
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Sinh viên đọc bài đọc thêm dưới sự hướng dẫn của GV		CELO...
2	Chương 2: Quản trị logistics doanh nghiệp	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Các hoạt động logistics cơ bản trong doanh nghiệp - Các dòng lưu chuyển trong doanh nghiệp - Nội dung quản trị logistics trong doanh nghiệp		CELO2 CELO4 CELO12 CELO14 CELO16
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Sinh viên đọc bài đọc thêm dưới sự hướng dẫn của GV		CELO...
3	Chương 3: Quản trị dịch vụ khách hàng	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Tình huống	
4	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Khái niệm, vai trò, phân loại dịch vụ khách hàng. - Các phương pháp phân tích mức dịch vụ khách hàng - Xây dựng chiến lược dịch vụ khách hàng. - Tiêu chuẩn đánh giá dịch vụ khách hàng. - Hoàn thiện hoạt động dịch vụ khách hàng.		CELO5 CELO13 CELO14 CELO15 CELO16
5	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Sinh viên đọc bài đọc thêm dưới sự hướng dẫn của GV		
6	Chương 4: Hệ thống thông tin logistics	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
7	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Khái quát về công nghệ thông tin logistics. - Hệ thống thông tin logistics.		CELO8 CELO10 CELO13

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Các hệ thống phần mềm ứng dụng trong logistics.		
8	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Sinh viên đọc bài đọc thêm dưới sự hướng dẫn của GV		
9	Chương 5: Quản trị dự trữ	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Thực hành Giải quyết vấn đề Tình huống	
10	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Khái niệm, phân loại dự trữ - Các yêu cầu quản trị dự trữ, phân loại sản phẩm dự trữ - Quyết định hệ thống dự trữ - Các quyết định trong hệ thống “kéo” - Một số giải pháp nhằm cải tiến quản trị dự trữ		CELO2 CELO4 CELO9 CELO11 CELO12 CELO13
11	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Sinh viên đọc bài đọc thêm dưới sự hướng dẫn của GV		
12	Chương 6: Quản trị vận tải trong hoạt động logistics	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Thực hành	
13	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Khái quát về vận chuyển trong logistics - Khái niệm, vai trò và vị trí của vận chuyển - Đặc điểm của hoạt động vận chuyển hàng hoá - Các thành phần tham gia vận chuyển hàng hoá		CELO1 CELO2 CELO9 CELO10 CELO12

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	-Phân loại vận chuyển -Các phương án vận chuyển khác		
14	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Sinh viên đọc bài đọc thêm dưới sự hướng dẫn của GV		
15	Chương 7: Kho bãi trong hoạt động logistics	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
16	A/ Các nội dung chính trên lớp: -Khái niệm, vai trò và chức năng của kho bãi trong hoạt động logistics. -Các vấn đề chiến lược ảnh hưởng đến hoạt động kho vận trong logistics. -Hệ thống nâng đỡ và bảo quản kho hàng hóa. -Các nguyên lý và hoạt động cơ bản trong quản trị và nghiệp vụ kho bãi. -Quản trị tồn kho và mô hình EOQ. -Những nét cơ bản về hoạt động thu mua và cung ứng.		CELO1 CELO2 CELO3 CELO9 CELO10 CELO11 CELO12
17	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Sinh viên đọc bài đọc thêm dưới sự hướng dẫn của GV		
18	Chương 8: Quản trị thu mua trong các doanh nghiệp	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
19	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Vai trò và mục tiêu của mua - Nghiên cứu và chọn nhà cung ứng - Tầm quan trọng của nhà cung ứng		CELO6 CELO13

Tuần n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Quá trình lựa chọn nhà cung ứng - Quá trình nghiệp vụ mua - Quyết định mua - Xác định nhà cung ứng - Đặt hàng, ký hợp đồng mua - Nhập hàng - Đánh giá sau mua		
20	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Sinh viên đọc bài đọc thêm dưới sự hướng dẫn của GV		
21	Chương 9: Quản trị vận chuyển và giao nhận hàng hóa	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Thực hành	
22	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Khái quát về vận chuyển trong logistics - Khái quát về giao nhận và người giao nhận. - Phân loại các dịch vụ vận chuyển và giao nhận hàng hóa - Các quyết định cơ bản trong vận chuyển và giao nhận hàng hóa		CELO7 CELO13
23	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Sinh viên đọc bài đọc thêm dưới sự hướng dẫn của GV		

Mã trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần												
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8	CELO9	CELO10	CELO11	CELO12	CELO13
Module 1	M	M		H							M		M
Module 2		H		M								M	
Module 3					H								M
Module 4								H		H			M
Module 5		M		L					M		L	H	
Module 6	M	M							M	L		M	
Module 7	M	M	H						M	L	L	M	
Module 8						L							L
Module 9							H						M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Đặng Đình Đào, Trần Văn Bảo, Phạm Cảnh Duy và Đặng Thị Thúy Hồng (2018), Giáo trình quản trị logistics, Nhà xuất bản tài chính

[2] Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt (2010), Logistics Những vấn đề cơ bản, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội

7.2. Tài liệu tham khảo:

[1] GS TS NGƯT Đặng Đình Đào, PGS TS Tạ Văn Lợi ,TS Nguyễn Minh Sơn ,TS Đặng Thị Thúy Hồng (2019), Dịch vụ Logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế, Nhà xuất bản Dân Trí.

[2] Rushton, A., Croucher, P., Baker, P. (2017). The Handbook of Logistics and Distribution Management: Understanding the Supply Chain: Kogan Page.

[3] Wessel Pienaar, John Vogt (2017), Business Logistics Management, Oxford University Press.

[4] Martin Christopher (2016), Logistics and supply chain management, FT Publishing International.

[5] Murphy, P. R., & Knemeyer, A. M. (2017). Contemporary logistics, 12th edition, Pearson.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 5 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 30 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

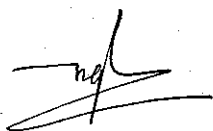
9. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

10. GVGD: ThS. Phạm Minh Khang

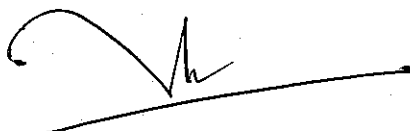
TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

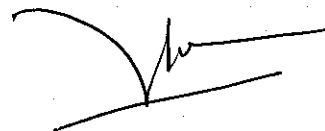
NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh



ThS. Phạm Minh Khang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị kinh doanh quốc tế

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ
Tiếng Việt:	Quản trị kinh doanh quốc tế
Tiếng Anh:	International Business Administration
Mã số học phần:	180115030
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 6
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần Quản trị kinh doanh quốc tế là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên cả lý luận lẫn thực tiễn về quản trị kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại hoặc/và dịch vụ trong điều kiện kinh tế thị trường quốc tế.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hiểu được Kiến thức cơ bản về Quản trị kinh doanh quốc tế.	ELO2, ELO3, ELO4.
CG2	Phân tích được các nội dung quan trọng trong hoạt động quản trị của doanh nghiệp thương mại hoặc/và dịch vụ.	ELO3, ELO4, ELO5.
CG3	Vận dụng kết quả nghiên cứu hoạt động quản trị trong doanh nghiệp thương mại hoặc/và dịch vụ vào thực tiễn của quá trình ra quyết định kinh doanh.	ELO3, ELO5, ELO6, ELO8, ELO10, ELO11
CG4	Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề để đạt mục tiêu chung.	ELO7, ELO9, ELO10
CG5	Có khả năng tốt trong làm việc với các thành viên trong và ngoài tổ chức, khả năng tốt về giao tiếp và thuyết phục	ELO9, ELO10, ELO12, ELO13
CG6	Thái độ tích cực, chủ động, nghiêm túc trong học tập và làm việc	ELO11, ELO12

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu kiến thức nền tảng, khái niệm, các cơ sở lý thuyết khoa học của quản trị kinh doanh quốc tế.	ELO2, ELO4, ELO5
CELO2	Triển khai phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương thức thích hợp trong hoạt động quản trị doanh nghiệp thương mại hoặc/và dịch vụ.	ELO2, ELO3, ELO4, ELO8, ELO11
CELO3	Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp thương mại hoặc/và dịch vụ thông qua việc tổng hợp và đánh giá dữ liệu từ hoạt động quản trị kinh doanh nói chung.	ELO2, ELO3, ELO4, ELO10, ELO11
CELO4	Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề để đạt mục tiêu chung, thái độ làm việc nghiêm túc, trách nhiệm.	ELO9, ELO10
CELO5	Phân tích được các bước của tiến trình hoạch định, nắm được các bước thiết lập ma trận SWOT	ELO5, ELO9, ELO11
CELO6	Phát triển được khả năng tự học hỏi để phát triển bản thân	ELO13
CELO7	Phát triển thái độ tích cực và học tập chủ động phát triển bản thân	ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	H	-	L	-	-	-	-	-	-	-	-	H	H
CELO2	-	-	M	L	-	-	-	-	-	-	H	H	-
CELO3	-	H	H	M	-	-	-	-	H	-	H	H	-
CELO4	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-
CELO5	-	-	-	H	-	H	-	L	-	-	-	-	-
CELO6	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	H
CELO7	-	-	-	H	-	H	-	L	-	-	-	-	H

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

- Nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản, học phần Quản trị kinh doanh quốc tế sử dụng các Phương pháp giảng dạy như Phương pháp thuyết giảng, Phương pháp động não, Phương pháp thảo luận, ...

- Phương pháp học tập giúp sinh viên có thể chủ động và tích cực hơn như tự nghiên cứu thông tin thông qua tài liệu tham khảo, internet,... Ngoài ra sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và tích cực trao đổi thảo luận để hiểu rõ hơn về các vấn đề nghiên cứu trong nội dung học phần.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Thuyết trình nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐
Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Sự tham gia lớp học	Phẩm chất	CELO4	15/Mỗi tuần	Tích cực, tham gia đầy đủ	PP quan sát	20%
	A1.2 Thảo luận nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO3 CELO4	3/Tuần 8, tuần 12, tuần 14	Trình bày chi tiết, chính xác, logic	Phương pháp phỏng vấn	
	A1.3 Bài tập thuyết trình nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO2 CELO3 CELO4	2/Tuần 4, tuần 15	Trình bày chi tiết, chính xác, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả	Phương pháp Phỏng vấn	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi Giữa kỳ (Tự luận 75 phút)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực giữa khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	1/Tuần 9	2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết	10%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cá nhân cuối khóa (Tự luận 75 phút)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	Cuối Khóa (Sau tuần 15)	2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH QUỐC TẾ TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 1.1. Kinh doanh quốc tế trong cơ chế thị trường 1.2. Mục đích, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của kinh doanh quốc tế 1.3. Nội dung cơ bản của kinh doanh quốc tế	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	CELO1 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập Chương 1 - Nghiên cứu nội dung Chương 2	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
2	Chương 2: MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP		CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Ảnh hưởng của môi trường kinh doanh tới hoạt động kinh doanh của DN 2.2 Các yếu tố hợp thành môi trường kinh doanh của DN 2.3 Biện pháp khai thác môi trường kinh doanh của DN	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập chương 2 - Nghiên cứu nội dung chương 3	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
3	Chương 3: TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CÁC DOANH NGHIỆP		CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp 3.1 Vai trò và nội dung tổ chức bộ máy của DN 3.2 Những nguyên tắc và yêu cầu tổ chức bộ máy của DN 3.3 Mô hình tổ chức bộ máy của DN 3.4 Phân bố mạng lưới kinh doanh của DNTM	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp hoạt động nhóm	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập chương 3 - Chuẩn bị bài tập thuyết trình nhóm	Nghiên tài liệu theo hướng dẫn	
4	Bài tập thuyết trình nhóm		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: -Trình bày bài tập lớn thuyết trình theo nhóm	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp học dựa trên vấn đề Phương pháp hoạt động nhóm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Nghiên cứu nội dung chương 4	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
5	Chương 4: QUẢN TRỊ CÁC NGHIỆP VỤ KINH DOANH QUỐC TẾ		CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1 Hoạt động nghiên cứu thị trường của DN 4.2 Hoạt động tạo nguồn mua hàng của DN	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp học dựa trên vấn đề	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập chương 4 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 4 (tiếp)	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
6	Chương 4: QUẢN TRỊ CÁC NGHIỆP VỤ KINH DOANH QUỐC TẾ (tiếp)		CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.3 Hoạt động dự trữ hàng hóa của DN 4.4 Hoạt động bán hàng của DN	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp học dựa trên vấn đề	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập chương 4	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 4 (tiếp)		
7	Chương 4: QUẢN TRỊ CÁC NGHIỆP VỤ KINH DOANH QUỐC TẾ (tiếp)		CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.5 Hoạt động dịch vụ của DN 4.6 Hoạt động marketing của DN	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp học dựa trên vấn đề	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập chương 4 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung các tình huống thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
8	A/ Các nội dung chính trên lớp: -Thảo luận nhóm	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp hoạt động nhóm	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Nghiên cứu tài liệu và nội dung các tình huống thảo luận nhóm - Ôn tập kiểm tra giữa học kỳ	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
9	A/ Các nội dung chính trên lớp: -Thảo luận nhóm - Kiểm tra-thời gian làm bài 75 phút	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp hoạt động nhóm	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 5	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
10	Chương 5: QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC QTKD QUỐC TẾ		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1 Các nguyên lý điều hành nhân sự	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	CELO2 CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	5.2 Quy trình tuyển dụng và lựa chọn nguồn nhân lực	Phương pháp học dựa trên vấn đề	CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập chương 5 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 5 (tiếp)	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
11	Chương 7: QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC DỊCH VỤ (tiếp)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.3 Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực - Thảo luận bài tập tình huống	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp học dựa trên vấn đề	CELO2 CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập chương 7 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung bài tập tính toán	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
12	Bài tập thuyết trình nhóm		CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Trình bày bài tập lớn thuyết trình theo nhóm - Ôn tập kết thúc học phần	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp học dựa trên vấn đề Phương pháp hoạt động nhóm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần						
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO 7

Module 1	H	M	M	H	M	M	M
Module 2	M	H	H	H	M	M	M
Module 3	M	H	H	H	H	H	H
Module 4	M	H	H	H	H	H	M
Module 5	M	H	H	H	H	H	M
Module 6	M	H	H	H	H	H	H
Module 7	M	H	H	H	H	H	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Tập thể tác giả Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM, *Quản trị học*. Nhà xuất bản Kinh tế Tp.HCM, 2015

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. H. Koontz, C. Odonnell, H. Weirich, *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*. Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật Hà Nội, 1998.
2. Stephen P. Robbins, Mary Coulter, *Management*, (11th Edition). Pearson Education, 2010.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

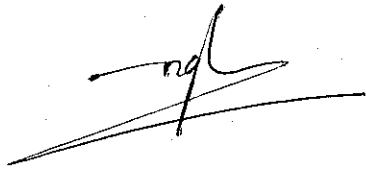
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

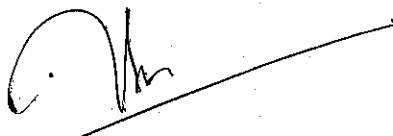
9. GVGD: Nguyễn Thị Kim Ngân, Nguyễn Hoàng An

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

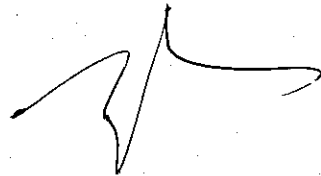
TRƯỞNG KHOA



P. TRƯỞNG BỘ MÔN



NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

ThS. Nguyễn Hoàng An

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Các nền tảng kinh doanh trực tuyến

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	CÁC NỀN TẢNG KINH DOANH TRỰC TUYẾN
Tiếng Việt:	Các nền tảng kinh doanh trực tuyến
Tiếng Anh:	Online business platforms
Mã số học phần:	180115138
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 6
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	10 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

– Cung cấp kiến thức cơ bản về kinh doanh điện tử, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh, các nền tảng kinh doanh trực tuyến.

– Cung cấp kiến thức về bán hàng trên các nền tảng trực tuyến: Các mô hình lợi nhuận và xây dựng giao diện web; Marketing trên web; mô hình chi ến lược B2B từ EDI đến EC, các khái niệm về đấu giá, cộng đồng ảo và web portal; Các khái niệm về môi trường thương mại điện tử: các vấn đề luật pháp, đạo đức và thuế.

– Cung cấp các phương pháp tích hợp hoạch định kinh doanh điện tử; Các chiến lược phát triển kinh doanh điện tử; quản lý thực hiện dự án kinh doanh điện tử.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Có kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, nắm vững các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các cơ hội và bản chất quốc tế của thương mại điện tử. Trình bày được vai trò và sự tác động của thương mại điện tử trong xã hội.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6
CG2	Có kiến thức về cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, nắm vững các phương thức bán hàng, maketing trên web; đấu giá, cộng đồng ảo và web portal.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6, ELO11
CG3	Có kiến thức về môi trường của thương mại điện tử, các vấn đề liên quan đến pháp luật, đạo đức và thuế. Trình bày được các công nghệ sử dụng trong thương mại điện tử, an toàn và thanh toán thương mại điện tử.	
CG4	Phân tích, hoạch định được mô hình thương mại điện tử tích hợp cho một loại hình doanh nghiệp cụ thể.	ELO2, ELO4, ELO6, ELO7, ELO9, ELO10, ELO11
CG5	Thiết kế giao diện và quản trị một website thương mại điện tử, có khả năng phân tích được chiến lược phát triển và duy trì website; quản lý thực hiện được dự án thương mại điện tử.	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Phân biệt được các khái niệm sử dụng trong thương mại điện tử như: mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, các phương thức bán hàng, maketing trên web; đấu giá, cộng đồng ảo và web portal,...	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6
CELO2	Phân tích được vai trò và sự tác động của thương mại điện tử trong xã hội, các vấn đề về môi trường của thương mại điện tử, các vấn đề liên quan đến pháp luật, đạo đức và thuế.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6, ELO11
CELO3	Mô tả được các công nghệ sử dụng trong thương mại điện tử, an toàn và thanh toán thương mại điện tử.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO11

CELO4	Phân tích, hoạch định được mô hình thương mại điện tử tích hợp cho một loại hình doanh nghiệp cụ thể.	ELO2, ELO4, ELO6, ELO7, ELO9, ELO10, ELO11
CELO5	Đề xuất giải pháp xây dựng, phát triển các mô hình thương mại điện tử phù hợp, đánh giá nguy cơ rủi ro cũng như các biện pháp giảm thiểu tác hại trong an toàn an ninh mạng.	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO10, ELO11
CELO6	Lập kế hoạch thử nghiệm thiết kế giao diện và quản trị một website thương mại điện tử, quản lý thực hiện được dự án thương mại điện tử.	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10
CELO7	Tham gia tích cực vào giờ giảng, viết báo cáo, thuyết trình nhóm và đánh giá kết quả	ELO9, ELO10

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	H	M	M	M	-	-	-	-	-	-	-	H	H
CELO2	H	M	M	M	-	-	-	-	M	-	H	H	-
CELO3	H	M	M	-	-	-	-	-	M	-	H	H	-
CELO4	H	M	-	M	L	-	L	M	M	-	-	-	-
CELO5	H	M	-	-	M	M	-	H	M	-	-	-	-
CELO6	H	M	-	-	M	H	M	M	-	-	-	-	H
CELO7	-	-	-	-	-	-	M	H	-	-	-	-	H

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Học phần này được giảng dạy với sự kết hợp các phương pháp: thuyết giảng, nêu vấn đề, thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm. Có sự tương tác giữa giảng viên với học viên và giữa các học viên với nhau. Học viên sẽ làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, phân tích các sự kiện, sáng tạo để giải quyết các bài tập được giao.

Phương pháp học tập: Sinh viên phải:

- Đọc tài liệu và làm bài trước các buổi giảng
- Tập trung nghe giảng trên lớp
- Chủ động tham gia vào các hoạt động làm việc nhóm

- Phân tích và đánh giá các vấn đề quản trị cũng như sáng tạo để giải quyết những vấn đề thực tiễn

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Thuyết trình nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐
Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập, chuyên cần	CELO 10 CELO 11	10 lần/ Trong suốt các buổi học	Đi học đầy đủ, thái độ tích cực, có trách nhiệm	PP viết	5%
	A1.2	Bài nghiên cứu tình huống	CELO 3 CELO 5 CELO 9	2 lần / Giao từ buổi học đầu, thu bài thứ nhất vào buổi học thứ 5, bài thứ hai vào buổi học thứ 9	Liên hệ thực tiễn và rút ra bài học	PP viết	5%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Bài tập nhóm thuyết trình	CELO 4 CELO 5 CELO 7 CELO 9 CELO10 CELO11	1 lần / giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	PP quan sát	20%

				thứ 5 trở đi			
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5 CELO 6 CELO 7 CELO 8	1 lần/ Thi kết thúc học phần	Hiểu, giải thích được, đánh giá được. Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan thương mại điện tử		CELO1 CELO7
	A/ Các nội dung chính trên lớp: + Giới thiệu về môn học, cách học, tài liệu tham khảo, nguyên tắc làm việc. + Giới thiệu thương mại điện tử: làn sóng thứ 2 + Các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, quy trình kinh doanh; các đơn vị đo trong kinh tế: phí giao dịch, chợ và phân cấp, các cấu trúc mạngkinh tế, hiệu ứng mạng. + Xác định cơ hội thương mại điện tử + Bản chất toàn cầu của thương mại điện tử + Tổng kết, ôn tập;	+ Thuyết trình + Trình chiếu Powerpoint	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Đọc các nội dung liên quan về kinh tế, marketing, hệ thống thông tin quản lý. + Chương 2: Hạ tầng công nghệ (đọc trong tài liệu). + Làm bài tập được giao.	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
2,3	Chương 3: Bán hàng qua website		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: + Các mô hình lợi nhuận + Các vấn đề trong chiến thuật lợi nhuận. + Thiết lập giao diện web ấn tượng; + Ứng dụng website, quan hệ khách hàng + Tổng kết, ôn tập và làm bài tập chương 3	- Thuyết giảng - Hỏi đáp - Động não - Hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO3 CELO4 CELO7

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Thiết kế website, phân tích, định hướng nội dung và hình thức website phù hợp với yêu cầu tự chọn loại hình doanh nghiệp. - Chuẩn bị nội dung thuyết trình: Tìm hiểu về một số website hay thương hiệu bán hàng online phổ biến hiện nay (Shopee, Lazada,...).	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan - Chuẩn bị bài báo cáo nhóm	
4,5	Chương 4: Marketing qua website		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: + Các chiến thuật marketing trên web + Giao tiếp với nhiều đoạn thị trường khác nhau + Quảng cáo trên web + E-mail Marketing + Công nghệ cho phép quản lý quan hệ khách hàng + Tạo và duy trì chi nhánh trên web + Ôn tập chương	- Thuyết giảng - Hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO4 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Thái độ khách hàng và cường độ mối quan hệ + Search Engine Positioning and Domain Names + Làm bài tập được giao (Case study)	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
6,7	Chương 5: Các chiến thuật B2B: Từ Trao đổi dữ liệu điện tử đến Thương mại điện tử		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: + Mua, hậu cần và các hoạt động hỗ trợ + Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI) + EDI trên Internet + Quản lý chuỗi cung ứng dựa trên Công nghệ Internet + Chợ điện tử và Cổng thông tin + Tổng kết, ôn tập và làm bài tập chương + Thực hành nhóm	- Thuyết giảng - Thuyết trình, hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Đọc chương 6: Đấu giá trực tuyến, Cộng đồng ảo và cổng thông tin.	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
8,9	Chương 7: Môi trường thương mại điện tử : Các vấn đề về luật pháp, đạo đức, thuế		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: + Môi trường pháp luật của thương mại điện tử	- Thuyết giảng	CELO2 CELO5

	+ Sử dụng và bảo vệ sản phẩm trí tuệ trong kinh doanh trực tuyến + Tội phạm, khủng bố và chiến tranh trực tuyến + Các vấn đề đạo đức + Thuế và Thương mại điện tử + Ôn tập chương 7 + Thực hành nhóm case study	- Thuyết trình, hoạt động nhóm - Quiz	CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Tìm hiểu các vấn đề đã học liên hệ ở Việt Nam + Đọc chương 8, 9: Phần mềm Thương mại điện tử;	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
10, 11	Chương 10: An ninh thương mại điện tử		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: + Nhìn chung các vấn đề bảo mật trực tuyến + Bảo mật cho máy khách + Bảo mật kênh truyền + Bảo mật máy chủ + Ôn tập chương 10 + Thực hành nhóm case study	- Thuyết trình, hoạt động nhóm	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Đọc những tổ chức đảm bảo an toàn máy tính + Làm bài tập được giao + Tìm hiểu một loại hệ thống phần mềm thương mại điện tử cụ thể (ERP, SCM, CRM)	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
12, 13	Chương 11: Hệ thống thanh toán cho thương mại điện tử		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: + Thẻ thanh toán + Tiền điện tử + Ví điện tử + Thẻ lưu giá trị + Công nghệ internet và công nghiệp ngân hàng + Ôn tập chương 11. + Thực hành nhóm case study.	- Thuyết giảng - Học dựa trên vấn đề - Động não - Quiz	CELO2 CELO3 CELO5 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Các hệ thống thanh toán ở Việt nam + Làm bài tập được giao + Tìm hiểu một loại hệ thống thanh toán điện tử cụ thể	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
	Chương 12: Hoạch định thương mại điện tử		

14, 15	A/ Các nội dung chính trên lớp: + Hoạch định khởi đầu thương mại điện tử + Các chiến thuật phát triển Websites + Quản lý thực hiện thương mại điện tử + Ôn tập chương 12 + Thực hành nhóm case study	- Thuyết giảng - Xem video - Quan sát, suy ngẫm	CELO4 CELO5 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Làm bài tập được giao	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần						
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO 7
Module 1	H	-	-	-	-	-	M
Module 2	-	M	M	M	-	-	M
Module 3	-	M	-	M	-	M	M
Module 4	-	M	M	M	L	-	L
Module 5	-	M	-	-	M	-	M
Module 6	-	M	M	-	M	-	-
Module 7	-	M	M	-	H	M	M
Module 8	-	-	-	M	M	H	M
Module 9	-	M	M	M	L	-	L
Module 10	-	M	-	-	M	-	M
Module 11	-	M	M	-	M	-	-
Module 12	-	M	M	-	H	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Nguyễn Văn Hòe (2015), *Giáo trình Thương Mại Điện Tử căn bản*, HN: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

7.2. Tài liệu tham khảo:

- (1) Nguyễn Văn Hùng và cộng sự (2013), *Thương Mại Điện Tử*, TP.HCM: NXB Kinh tế TP.HCM.
- (2) Lưu Đan Thọ (2016), *Thương Mại Điện Tử hiện đại*, TP.HCM: NXB Tài chính.
- (3) Các Báo cáo Thương mại điện tử Việt Nam hàng năm.
- (4) Kotler P., Keller K.L (2012), *Marketing Management*, NJ: Prentice Hall.
- (5) Kenneth Laudon & Carol Guercio Traver (2012), *E-Commerce*, 8th edition, Prentice Hall.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

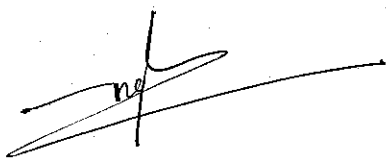
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. GVGD: Nguyễn Thị Hoài Thanh, Nguyễn Phan Hoài Vũ

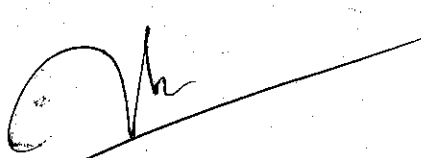
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



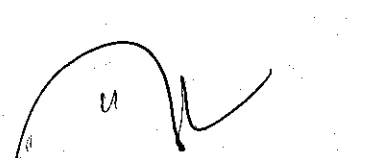
TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Phan Hoài Vũ



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Kỹ thuật đàm phán

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	KỸ THUẬT ĐÀM PHÁN
Tiếng Việt:	Kỹ thuật đàm phán
Tiếng Anh:	Negotiation Techniques
Mã số học phần:	180115115
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 7
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	10 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học trong đàm phán kinh doanh, gồm các vấn đề cụ thể: Những vấn đề chung về đàm phán kinh doanh; những nội dung chủ yếu, chiến lược, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh; các giai đoạn tiến hành đàm phán và cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Có kiến thức tổng quan về kỹ năng đàm phán trong kinh doanh	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6
CG2	Có kiến thức về cách thức tổ chức đàm phán kinh doanh, nắm vững các nguyên tắc và vận dụng các kỹ thuật trong các giai đoạn của cuộc đàm phán kinh doanh	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6, ELO11
CG3	Kỹ năng thực hiện và lãnh đạo nhóm, trình bày hiệu quả các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, kỹ năng giao tiếp.	ELO2, ELO4, ELO6, ELO7, ELO9, ELO10, ELO11
CG4	Hình thành được ý tưởng, lập và thực hiện được cách thức tổ chức đàm phán hiệu quả	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10
CG5	Phát triển kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm: thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, trình bày và phản biện	ELO9, ELO10

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] <i>(Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Trình bày khái niệm và đặc điểm của đàm phán trong kinh doanh Nhận biết được các yếu tố ảnh hưởng đến đàm phán trong kinh doanh. Nắm vững các phong cách đàm phán kinh doanh và nghệ thuật giúp thành công trong đàm phán.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6
CELO2	Trình bày được nội dung đàm phán trong kinh doanh Trình bày và giải thích được những phương thức đàm phán kinh doanh Trình bày và giải thích được các chiến lược đàm phán kinh doanh	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6, ELO11
CELO3	Hình thành và phát triển thái độ học tập, tổ chức học tập có kế hoạch, quản lý thời gian hiệu quả, thực hiện kế hoạch nghiêm túc, khoa học và sáng tạo. Nắm vững khái niệm về văn hóa	ELO2, ELO4, ELO5, ELO11

	Nhận diện được các yếu tố văn hoá trong đàm phán giao dịch kinh doanh Nhận biết được sự ảnh hưởng của văn hoá đối với hành vi giao dịch, đàm phán kinh doanh Vận dụng sự khác biệt về văn hoá trong đàm phán kinh doanh Trình bày kết quả bài tập trước lớp theo đúng yêu cầu.	
CELO4	Biết cách chuẩn bị cho 1 cuộc đàm phán Biết cách xây dựng kế hoạch đàm phán Nắm vững cách thức kiểm tra và tập dượt các phương án Nắm vững tiến trình, những nguyên tắc cơ bản của tổ chức đàm phán kinh doanh và nghệ thuật mở đầu đàm phán Biết cách truyền đạt thông tin trong đàm phán	ELO2, ELO4, ELO6, ELO7, ELO9, ELO10, ELO11
CELO5	Nắm vững vấn đề lợi ích và các phương pháp lập luận Trình bày và giải thích được các chiến thuật trong lập luận Nắm vững cách thức ra quyết định và kết thúc đàm phán	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO10, ELO11
CELO6	Hiệu được tầm quan trọng của pháp luật trong hoạt động kinh doanh Trình bày và giải thích được hợp đồng trong giao dịch đàm phán kinh doanh Trình bày kỹ thuật bút pháp trong biên soạn hợp đồng kinh tế	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10
CELO7	Nhận xét và đánh giá được hiệu quả của một cuộc đàm phán	ELO9, ELO10

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT									
	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	H	M	M	M	-	-	-	-	-	H
CELO2	H	M	M	M	-	-	-	-	M	H
CELO3	H	M	M	-	-	-	-	-	M	H
CELO4	H	M	-	M	L	-	L	M	M	H
CELO5	H	M	-	-	M	M	-	H	M	H
CELO6	H	M	-	-	M	H	M	M	-	H
CELO7	-	-	-	-	-	-	M	H	-	-

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Học phần này được giảng dạy với sự kết hợp các phương pháp: thuyết giảng, nêu vấn đề, thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm. Có sự tương tác giữa giảng viên với học viên và giữa các học viên với nhau. Học viên sẽ làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, phân tích các sự kiện, sáng tạo để giải quyết các bài tập được giao.

Phương pháp học tập: Sinh viên phải:

- Đọc tài liệu và làm bài trước các buổi giảng
- Tập trung nghe giảng trên lớp
- Chủ động tham gia vào các hoạt động làm việc nhóm
- Phân tích và đánh giá các vấn đề quản trị cũng như sáng tạo để giải quyết những vấn đề thực tiễn

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Thuyết trình nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thảo luận nhóm☒ Bài tập lớn☐ Thực hành☐
Khác☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thực hành☐ Khác☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập, chuyên cần	CELO 10 CELO 11	10 lần/ Trong suốt các buổi học	Đi học đầy đủ, thái độ tích cực, có trách nhiệm	PP viết	5%
	A1.2	Bài nghiên	CELO 3 CELO 5 CELO 9	2 lần / Giao từ buổi học đầu, thu	Liên hệ thực tiễn và rút ra bài học	PP viết	5%

		cứ tình huống		bài thứ nhất vào buổi học thứ 5, bài thứ hai vào buổi học thứ 9			
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Bài tập nhóm thuyết trình	CELO 4 CELO 5 CELO 7 CELO 9 CELO10 CELO11	1 lần / giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 5 trở đi	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	PP quan sát	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận	CELO 1 CELO 2 CELO 3 CELO 4 CELO 5 CELO 6 CELO 7 CELO 8	1 lần/ Thi kết thúc học phần	Hiểu, giải thích được, đánh giá được. Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về đàm phán trong kinh doanh	+ Thuyết trình + Trình chiếu Powerpoint	CELO1 CELO7
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Giới thiệu về môn học, cách học, tài liệu tham khảo, nguyên tắc làm việc. - Khái niệm về đàm phán trong kinh doanh - Đối tượng và nhiệm vụ của môn học - Nội dung và phương pháp nghiên cứu		

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Đọc các nội dung liên quan về đàm phán trong kinh doanh + Làm bài tập được giao.	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
2	Chương 2: Những nguyên lý cơ bản của đàm phán trong kinh doanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Khái niệm và đặc điểm của đàm phán trong kinh doanh - Các yếu tố ảnh hưởng đến đàm phán trong kinh doanh - Các phong cách đàm phán kinh doanh - Nghệ thuật giúp thành công trong đàm phán	- Thuyết giảng - Hỏi đáp - Động não - Hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO3 CELO4 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Liên hệ bằng ví dụ thực tiễn	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
3	Chương 3: Nội dung, phương thức và các chiến lược đàm phán kinh doanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Nội dung đàm phán kinh doanh - Phương thức đàm phán kinh doanh - Các chiến lược đàm phán kinh doanh	-Thuyết giảng - Hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO4 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Bài tập nhóm (Case study)	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
	Chương 4: Văn hoá trong đàm phán giao dịch kinh doanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Khái quát về văn hóa	- Thuyết giảng	CELO2 CELO3

4,5	- Nhận diện các yếu tố văn hoá trong đàm phán giao dịch kinh doanh - Ảnh hưởng của văn hoá đối với hành vi giao dịch, đàm phán kinh doanh - Vận dụng sự khác biệt về văn hoá trong đàm phán kinh doanh - Thực hành nhóm	- Thuyết trình, hoạt động nhóm - Quiz	CELO4 CELO5 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Đọc chương 5: Hoạt động chuẩn bị đàm phán	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
6,7	Chương 5: Hoạt động chuẩn bị đàm phán		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Nghiên cứu chuẩn bị đàm phán - Xây dựng kế hoạch đàm phán - Kiểm tra và tập dượt các phương án - Thực hành nhóm case study	-Thuyết giảng - Thuyết trình, hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO5 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Bài tập nhóm (Case study)	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
8	Chương 6: Tổ chức đàm phán kinh doanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Tiến trình và những nguyên tắc cơ bản của tổ chức đàm phán kinh doanh - Nghệ thuật mở đầu đàm phán - Truyền đạt thông tin trong đàm phán - Bài tập nhóm (Case study)	- Thuyết trình, hoạt động nhóm	CELO2 CELO3 CELO5

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Làm bài tập được giao	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
9	Chương 7: Quá trình ra quyết định trong đàm phán		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Vấn đề lợi ích và các phương pháp lập luận trong ra - Chiến thuật trong lập luận - Ra quyết định và kết thúc đàm phán - Bài tập nhóm (Case study)	- Thuyết giảng - Học dựa trên vấn đề - Động não - Quiz	CELO2 CELO3 CELO5 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Làm bài tập được giao	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
10	Chương 8: Cơ sở pháp lý trong đàm phán kinh doanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Tầm quan trọng của pháp luật trong hoạt động kinh doanh - Hợp đồng trong giao dịch đàm phán kinh doanh - Kỹ thuật bút pháp trong biên soạn hợp đồng kinh tế	- Thuyết giảng - Xem video - Quan sát, suy ngẫm	CELO4 CELO5 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Làm bài tập được giao	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần										
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO 7	CELO 8	CELO9	CELO10	CELO11

Module 1	H	-	-	-	-	-	M		M	M	M
Module 2	-	M	M	M	-	-	M		M	M	M
Module 3	-	M	-	M	-	M	M		H	H	H
Module 4	-	M	M	M	L	-	L		H	H	M
Module 5	-	M	-	-	M	-	M		H	H	M
Module 6	-	M	M	-	M	-	-		M	M	M
Module 7	-	M	M	-	H	M	M		H	H	H
Module 8	-	-	-	M	M	H	M	H	M	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

GS.TS. Hoàng Đức Thân (2006). *Giao dịch và Đàm phán kinh doanh*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

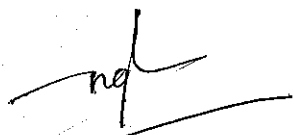
9. GVGD: Hoàng Thị Vân, Nguyễn Phan Hoài Vũ

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

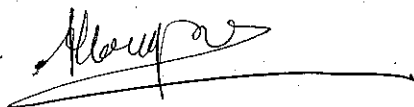
NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh



ThS. Hoàng Thị Vân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Hành vi khách hàng

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	HÀNH VI KHÁCH HÀNG
Tiếng Việt:	Hành vi khách hàng
Tiếng Anh:	Consumer Behavior
Mã số học phần:	180115023
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 3
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	10 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần nghiên cứu các yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng trong quá trình mua sắm. Ngoài ra, học phần cũng đi sâu vào phân tích quá trình ra quyết định mua của khách hàng và các yếu tố ảnh hưởng trong từng giai đoạn của quá trình này.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hệ thống kiến thức cơ bản về Hành vi người tiêu dùng.	ELO2, ELO3, ELO4.
CG2	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng cũng như quá trình ra quyết định mua của khách hàng.	ELO3, ELO4, ELO5.
CG3	Vận dụng kết quả nghiên cứu hành vi khách hàng vào thực tiễn của quá trình ra quyết định kinh doanh.	ELO3, ELO5, ELO6, ELO8, ELO10, ELO11
CG4	Các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề để đạt mục tiêu chung.	ELO7, ELO9, ELO10

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nhận biết, phân biệt được các khái niệm, các cơ sở lý thuyết của hành vi khách hàng.	ELO2, ELO4, ELO5
CELO2	Triển khai đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng cũng như quá trình ra quyết định mua của khách hàng.	ELO2, ELO3, ELO4, ELO8, ELO11
CELO3	Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả cho doanh nghiệp thông qua việc tổng hợp phân tích dữ liệu từ hoạt động nghiên cứu hành vi khách hàng.	ELO2, ELO3, ELO4, ELO10, ELO11
CELO4	Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu hành vi khách hàng một cách khoa học phục vụ cho tiến trình ra quyết định của doanh nghiệp.	ELO7, ELO8, ELO11, ELO13
CELO5	Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, thái độ làm việc nghiêm túc, trách nhiệm.	ELO9, ELO10

Mã trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	-	H	-	H	H	-	-	-	-	-	-	-	-

CELO2	-	H	H	H	-	-	-	M	-	-	M	-	-
CELO3	-	M	H	H	-	-	-	-	-	H	M	-	-
CELO4	-	-	-	-	-	-	M	H	-	-	H	-	H
CELO5	-	-	-	-	-	-	-	-	H	H	-	-	-

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản, học phần Hành vi khách hàng sử dụng các Phương pháp giảng dạy như Phương pháp thuyết giảng, Phương pháp động não, Phương pháp hoạt động nhóm, Phương pháp thảo luận, Phương pháp học dựa trên vấn đề ...

- Phương pháp học tập giúp sinh viên có thể chủ động và tích cực hơn như Phương pháp Nghiên cứu tình huống, làm việc nhóm, thuyết trình, tự nghiên cứu thông tin thông qua tài liệu tham khảo, internet .. Ngoài ra sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và tích cực trao đổi thảo luận để hiểu rõ hơn về các vấn đề nghiên cứu trong nội dung học phần.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Tính chuyên cần; Thái độ chủ động, tích cực trong học tập; Bài tập nhóm (thuyết trình); bài dự án

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐
Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Lý thuyết

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x)	Nội dung đánh giá	CDR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá / thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]

A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Sự tham gia lớp học	Phẩm chất	CELO5	15/Mỗi tuần	Tích cực, tham gia đầy đủ	PP quan sát	20%
	A1.2 Thảo luận nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO3 CELO4 CELO5	2/Tuần 5, tuần 9	Trình bày chi tiết, chính xác, logic	Phương pháp phỏng vấn	
	A1.3 Bài tập thuyết trình nhóm	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	1/Tuần 14, tuần 15	Trình bày chi tiết, chính xác, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả	Phương pháp Phỏng vấn	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi Giữa kỳ (Tự luận 75 phút)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực giữa khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	1/Tuần 10	2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết	10%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cá nhân cuối khóa (Tự luận 75 phút)	Kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Cuối Khóa (Sau tuần 15)	2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về Hành vi khách hàng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp	Phương pháp thuyết trình	CELO1
	1.1. Các khái niệm cơ bản về hành vi khách hàng 1.2. Đối tượng, nội dung nghiên cứu hành vi khách hàng	Phương pháp động não	CELO5

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	1.3. Đặc điểm và phương pháp nghiên cứu hành vi khách hàng 1.4. Ứng dụng của nghiên cứu hành vi khách hàng		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập Chương 1 - Nghiên cứu nội dung Chương 2	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
2	Chương 2: Ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài đến HVKH		CELO2 CELO3 CELO5
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Các yếu tố thuộc về văn hóa	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp học dựa trên vấn đề	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập phần 2.1 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung phần 2.2	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
3	Chương 2: Ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài đến HVKH (tiếp)		CELO2 CELO3 CELO5
	A/ Các nội dung chính trên lớp 2.2 Các yếu tố mang tính chất xã hội	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp học dựa trên vấn đề Phương pháp suy nghĩ – từng cặp – chia sẻ	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập phần 2.2 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung phần 2.3	Nghiên tài liệu theo hướng dẫn	
4	Chương 2: Ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài đến HVKH (tiếp)		CELO2 CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.3 Các yếu tố thuộc về gia đình	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp suy nghĩ – từng cặp – chia sẻ	CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập phần 2.3 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 3	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
5	A/ Các nội dung chính trên lớp: Thảo luận nhóm	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp hoạt động nhóm	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 3	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
6	Chương 3: Ảnh hưởng của các yếu tố bên trong đến HVKH		CELO2 CELO3 CELO5
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1 Quá trình nhận thức, học tập và ghi nhớ của khách hàng	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp học dựa trên vấn đề	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập phần 3.1 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung phần 3.2	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
7	Chương 3: Ảnh hưởng của các yếu tố bên trong đến HVKH (tiếp)		CELO2 CELO3 CELO5
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.2 Động cơ-Tính cách-Cảm xúc	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp hoạt động nhóm	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập phần 3.2 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung phần 3.3	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
8	Chương 3: Ảnh hưởng của các yếu tố bên trong đến HVKH (tiếp)		CELO2 CELO3 CELO5
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.3 Thái độ-sự thay đổi thái độ của khách hàng	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp suy nghĩ – từng cặp – chia sẻ	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập phần 3.3 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 4	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
9	A/ Các nội dung chính trên lớp: Thảo luận nhóm	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp hoạt động nhóm	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 4	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
10	Chương 4: Quá trình ra quyết định mua của khách hàng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1 Tổng quan về quá trình ra quyết định mua của khách hàng Kiểm tra – Thời gian 60 phút	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập phần 4.1 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 4, phần 4.2	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
11	Chương 4: Quá trình ra quyết định mua của khách hàng (tiếp)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.2 Hành vi trước khi mua hàng	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp học dựa trên vấn đề Phương pháp suy nghĩ – từng cặp – chia sẻ	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập phần 4.2 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 4, phần 4.3	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
12	Chương 4: Quá trình ra quyết định mua của khách hàng (tiếp)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.3 Hành vi khi mua hàng	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp học dựa trên vấn đề Phương pháp suy nghĩ – từng cặp – chia sẻ	CELO2 CELO3 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập phần 4.3 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 4, phần 4.4	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	
13	Chương 4: Quá trình ra quyết định mua của khách hàng (tiếp)		CELO2 CELO3 CELO5
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.4 Hành vi sau khi mua hàng	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp suy nghĩ – từng cặp – chia sẻ	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Chuẩn bị bài tập thuyết trình nhóm	Chuẩn bị bài tập thuyết trình nhóm	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
14	Bài tập thuyết trình nhóm		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Trình bày bài tập lớn thuyết trình theo nhóm	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp học dựa trên vấn đề Phương pháp hoạt động nhóm	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Hoàn thiện bài báo cáo nhóm	Hoàn thiện bài báo cáo nhóm	
15	Bài tập thuyết trình nhóm		CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Trình bày bài tập lớn thuyết trình theo nhóm - Ôn tập kết thúc học phần	Phương pháp thuyết trình Phương pháp động não Phương pháp học dựa trên vấn đề Phương pháp hoạt động nhóm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
Chương 1	H	M	M	L	L
Chương 2	L	H	H	M	H
Chương 3	L	H	H	M	H
Chương 4	L	H	H	M	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Vũ Huy Thông, *Giáo trình Hành vi người tiêu dùng*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, 2014.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Văn Quang, Nguyễn Thị Thu Trang, *Hành vi người tiêu dùng-Thấu hiểu và vận dụng*, NXB Lao động-Xã hội, 2015.

2. Nguyễn Xuân Lân, Phạm Thị Lan Hương, Đường Thị Liên Hà, *Hành vi người tiêu dùng*, NXB Tài chính, 2011.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 30% thời gian học trên lớp dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. GVGD: Nguyễn Thị Hoài Thanh, Phạm Minh Khang

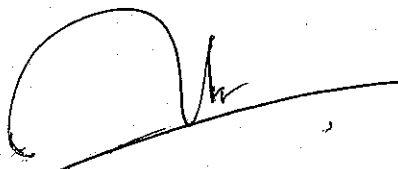
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Phạm Minh Khang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Tâm lý học quản trị

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	TÂM LÝ HỌC QUẢN TRỊ
Tiếng Việt:	Tâm lý học quản trị
Tiếng Anh:	Management Psychology
Mã số học phần:	180115002
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 3
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết 30
Số tiết bài tập:	10 tiết 0
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	00 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Quản trị học
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn “Tâm lý học quản trị” cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về tâm lý nhân viên và tâm lý nhà quản lý, qua quá trình nghiên cứu người học sẽ trang bị những kiến thức cần thiết về tâm lý học con người; sau người học dùng vào quá trình tuyển dụng và sử dụng nguồn nhân lực nhờ vận dụng vào quá trình tuyển dụng và sử dụng nguồn nhân lực các yếu tố thuyết phục nhân lực nhờ biết được các yêu cầu tâm lý để thuyết phục nhân viên Hy giữ chân nhân viên... Ngoài ra môn học này giúp các nhà quản lý nhìn nhận chính bản thân mình tạo cho mình 1 phong cách lãnh đạo, điều chỉnh hành vi, cách giao tiếp sao cho phù hợp.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức về kỹ năng sử dụng một số phương pháp nghiên cứu tâm lý cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp.	ELO 1, ELO 2
CG2	Tổ chức, ứng dụng và phát triển các kiến thức về nhận diện đặc điểm tâm lý người lao động ở các độ tuổi, theo giới tính và theo loại hình nghề nghiệp.	ELO 1, ELO 2, ELO 4, ELO 5
CG3	Hình thành thói quen chủ động, tích cực nhận diện đặc điểm tâm lý khách hàng và đề xuất được các sách lược tiêu thụ hàng hóa phù hợp kinh doanh và áp dụng vào thực tiễn của doanh nghiệp.	ELO 2, ELO 3, ELO 5, ELO 6, ELO 8, ELO 10, ELO 13

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nắm rõ kiến thức về phẩm chất, về khả năng nghiệp vụ, ... của người bán hàng; Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo; Các vấn đề giao tiếp và cách sử dụng con người trong quản lý kinh doanh; Vấn đề tiếp thị và quảng cáo với tâm lý người tiêu dùng...	ELO1.
CELO2	Vận dụng kiến thức cơ bản của tâm lý học quản trị vào thực tiễn công việc và cuộc sống. Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc phù hợp cho sự phát triển của doanh nghiệp.	ELO7, ELO5, ELO2
CELO3	Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc	ELO1, ELO2, ELO5

	và đạo đức nghề nghiệp. - Luôn nêu cao tinh thần làm việc nhóm, hoạt động hòa đồng với mọi người, trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ được phân công.	

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
CELO1	M											
CELO2		M			M		M					
CELO3	H	M			L							

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

- Giảng viên sẽ tập trung hướng dẫn học, tư vấn học, phản hồi kết quả thảo luận, kết quả kiểm tra và các nội dung lý thuyết chính mỗi chương phù hợp với yêu cầu về khả năng ứng dụng cao của học phần.
- Giảng viên sẽ giới thiệu các cách ứng dụng lý thuyết vào thực tế một doanh nghiệp trong các công việc liên quan đến tâm lý học quản trị.

Phương pháp học tập:

- Sinh viên tập trung nghiên cứu lý thuyết, thực hiện áp dụng các lý thuyết vào doanh nghiệp thực tế (do sinh viên hoặc nhóm chủ động lựa chọn). Sinh viên cần hoàn thành có sáng tạo các yêu cầu/nhiệm vụ của giảng viên giao.
- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thảo luận nhóm☒ Bài tập lớn☒ Thực hành☐ Khác☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi: Thi Tự luận/Trắc nghiệm với thời lượng 60 - 75 phút

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO...) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Thái độ học tập	Tham gia, hoạt động	CELO 1	Thường xuyên/trong suốt quá trình học	Tham dự đầy đủ các buổi học	Quan sát, phân tích và đặt câu hỏi	10%
	A1.2 Tham gia bài học trên lớp	Kiến thức, khả năng phân tích, trả lời câu hỏi	CELO1, CELO2, CELO3	Thường xuyên/ Trong suốt quá trình học	Tham dự và đóng góp thảo luận	Đặt câu hỏi, thảo luận	
	A1.3 Bài tập/ bài viết cá nhân	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO1, CELO2, CELO3	Thường xuyên/ Trong suốt quá trình học	Kết quả	Trả lời các câu hỏi của giảng viên dưới dạng viết/bài tập	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Trao đổi, thảo luận	Kỹ năng	CELO1, CELO2, CELO3	Thường xuyên/ Trong suốt quá trình học	Kết quả	Trình bày, trả lời các câu hỏi của giảng viên và các thành viên	20%
	A2.2 Làm bài tập	Kiến thức	CELO1, CELO2, CELO3	Thường xuyên/ Trong suốt quá trình học	Kết quả	Làm bài tập được giao	
A3. Đánh giá cuối	A3.1 Trắc nghiệm	Kiến thức	CELO1, CELO2, CELO3	Một lần/ Cuối môn học	Kết quả/đáp án	50% tổng điểm	70%

kỳ	A3.2 Tự luận	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO1, CELO2, CELO3	Một lần/ Cuối môn học	Kết quả/ đáp án	50% tổng điểm	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về tâm lý học quản trị		
	A/ Các nội dung: 1.1. Một số khái niệm cơ bản trong tâm lý học quản trị 1.1.1. Kinh doanh 1.1.2. Quản lý 1.1.3. Quản lý kinh doanh 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của tâm lý học quản trị 1.3. Phương pháp nghiên cứu của tâm lý học quản trị	Thuyết giảng Hỏi đáp Động não Hoạt động nhóm	CELO 1, CELO 3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 1.3.6. Phương pháp trò chơi và giải quyết tình huống trong quản trị kinh doanh	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	CELO 1
2	Chương 2: Quản trị nhân sự trong sản xuất kinh doanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Những vấn đề chung của quản trị nhân sự 2.1.1. Quản trị nhân sự 2.1.2 Đặc điểm của quản trị nhân sự 2.1.3 Vai trò của quản trị nhân sự 2.2. Đặc điểm tâm lý chung của người lao động Việt nam 2.3. Đặc điểm tâm lý của người lao động 2.3.1. Đặc điểm tâm lý người LĐ ở các độ tuổi 2.3.2. Đặc điểm tâm lý lao động nam và nữ 2.3.3. Đặc điểm tâm lý lao động trí óc và	Thuyết giảng Hỏi đáp Động não Hoạt động nhóm	CELO 1, CELO 2, CELO 3

	chân ta		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 2 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 3 về đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại.	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	CELO 1
3,4	Chương 3. Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Tâm lý khách hàng 3.1.1. Khái niệm khách hàng 3.1.2. Một số đặc điểm tâm lý chung của khách hàng 3.1.3. Quá trình tâm lý trong hoạt động mua của khách hàng 3.1.4. Biện pháp bảo vệ khách hàng 3.1.5. Phân loại các đặc điểm tâm lý của khách hàng - Phân loại theo giới tính - Phân loại theo độ tuổi - Phân loại theo điều kiện kinh tế 3.2. Đặc điểm tâm lý của người bán hàng 3.2.1. Những yêu cầu về phẩm chất của người bán hàng 3.2.2. Những yêu cầu về khả năng nghiệp vụ của người bán hàng 3.2.3. Yêu cầu về thể chất và ngoại hình 3.2.4. Nghệ thuật bán hàng	Thuyết giảng Hỏi đáp Động não Hoạt động nhóm	CELO1, CELO 2, CELO 3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 3 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 4 về đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	CELO1

5,6	Chương 4. Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 4.1. Nhà kinh doanh và hoạt động kinh doanh 4.1.1. Nhà kinh doanh và nhà quản lý kinh doanh 4.1.2. Hoạt động kinh doanh 4.1.2.1. Khái niệm hoạt động kinh doanh 4.1.2.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh 4.2. Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh 4.2.1. Phẩm chất tâm lý của người lãnh đạo 4.2.2. Năng lực của người lãnh đạo 4.3. Phong cách của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh 4.4. Uy tín của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh	Thuyết giảng Hỏi đáp Động não Hoạt động nhóm	CELO1, CELO 2, CELO 3
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 4 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 5 về giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	CELO1
7, 8, 9	Chương 5. Giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 5.1. Giao tiếp trong quản lý kinh doanh 5.1.1. Khái niệm, mục đích và ý nghĩa của giao tiếp trong hoạt động quản lý kinh doanh. 5.1.2. Một số nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp kinh doanh. 5.1.3. Phong cách giao tiếp trong hoạt động quản lý kinh doanh 5.1.4. Các loại hình hoạt động giao tiếp trong kinh doanh. 5.1.5. Nghệ thuật trong đàm phán và kinh doanh 5.1.6. Những yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp	Thuyết giảng Hỏi đáp Động não Hoạt động nhóm	CELO1, CELO 2, CELO 3

	trong quản lý kinh doanh. 5.1.7. Thực hành giao tiếp trong quản lý kinh doanh. 5.2. Sử dụng con người trong quản lý kinh doanh 5.2.1. Khái niệm con người. 5.2.2. Những quy luật tâm lý của việc sử dụng con người theo khoa học. 5.2.3. Nhân tài và chế độ sử dụng nhân tài 5.2.3.1. Đặc điểm của nhân tài. 5.2.3.2. Chế độ sử dụng nhân tài. 5.2.4. Động viên và phát huy nhân tố con người trong quản lý kinh doanh. 5.2.4.1. Động viên con người trong hoạt động kinh doanh. 5.2.4.2. Phát huy tính tích cực và tiềm năng sáng tạo của con người trong hoạt động kinh doanh		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 5 .	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	CELO1
10	Ôn tập/ Hệ thống hóa nội dung học phần	Thảo luận Hỏi đáp	

Mã trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Chương 1	H		H			
Chương 2	H	M	H			
Chương 3	H	M	H			
Chương 4	H	M	H			
Chương 5	H	H	H			

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Hữu Thụ (2015), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB ĐH Quốc gia Hà nội.

2. Nguyễn Bá Dương - Đức Uy (2017), *Giáo trình Tâm lý học kinh doanh*, NXB Thống kê.

3. Nguyễn Đức Lợi - Nguyễn Sơn Lam (2009), *Tâm lý học Quản trị kinh doanh*, NXB Tài chính, Hà nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Trương Quang Niệm (2015), *Tâm lý quản trị*, NXB Thống kê.
2. Nguyễn Đình Xuân (2006), *Tâm lý học Quản trị kinh doanh*, NXB Chính trị quốc gia.
3. Nguyễn Thị Thu Hiền (2000), *Tâm lý học Quản trị kinh doanh*, NXB Thống kê.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

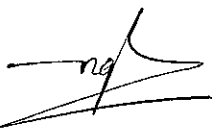
9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Vũ Quốc Quý

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh



ThS. Vũ Quốc Quý



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Văn hóa kinh doanh

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	VĂN HÓA KINH DOANH
Tiếng Việt:	Văn hóa kinh doanh
Tiếng Anh:	Business Culture
Mã số học phần:	180115011
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 7
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Văn hóa kinh doanh là môn học lý thuyết nhằm cung cấp kiến thức cơ bản cho những ai bắt đầu bước vào một môi trường mới, một tổ chức hay doanh nghiệp,... trang bị cho người học kiến thức về tổng quan về văn hóa và kinh doanh, vai trò, chức năng của văn hóa trong kinh doanh và kinh doanh quốc tế..

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức về văn hóa nói chung và văn hóa kinh doanh nói riêng, các yếu tố cấu thành nên văn hóa và văn hóa kinh doanh.	ELO 1, ELO 2
CG2	Tổ chức, ứng dụng và phát triển các kiến thức về văn hóa và văn hóa kinh doanh trong hoạt động của doanh nghiệp cụ thể nào đó.	ELO 1, ELO 2, ELO 4, ELO 5
CG3	Hình thành thói quen chủ động, tích cực tham gia và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, các thông lệ, tập quán văn hóa ở cả trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, phân tích, rút ra các bài học kinh nghiệm về xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh và áp dụng vào thực tiễn của doanh nghiệp.	ELO 2, ELO 3, ELO 5, ELO 6, ELO 8, ELO 10, ELO 13

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nắm rõ kiến thức về doanh nghiệp và văn hóa kinh doanh đối với hoạt động kinh doanh thông qua chương trình đào tạo.	ELO1.
CELO2	Hiểu được tầm ảnh hưởng của văn hóa kinh doanh đến môi trường làm việc.	ELO7, ELO5, ELO2
CELO3	Hiểu được tầm quan trọng của văn hóa kinh doanh trong hoạt động kinh doanh và phát triển thương hiệu.	ELO1, ELO2, ELO5
CELO4	Phân tích được các quản trị văn hóa căn bản trong môi trường hoạt động của doanh nghiệp.	ELO5
CELO5	Kỹ năng làm việc nhóm, phân bổ nguồn lực và cách thức làm việc trong doanh nghiệp.	ELO5, ELO9, ELO11
CELO6	Kỹ năng mềm và các văn hóa tích cực trong hoạt động kinh doanh và phát triển tập thể hoặc cá nhân.	ELO5
CELO7	Hiểu và thực tập các thói quen và văn hóa phù hợp cho sự phát triển của doanh nghiệp.	ELO5, ELO9, ELO11
CELO8	Biết nhìn nhận đúng đắn về tầm quan trọng văn hóa hóa doanh nghiệp trong kinh doanh.	ELO5
CELO9	Có thể xác định các hướng văn hóa tích cực cho sự phát triển cá nhân và doanh nghiệp.	ELO9, ELO12, ELO13
CELO10	Tự tin và chủ động trong công việc, biết chấp nhận khó khăn, trung thực, thân thiện với mọi người, luôn tìm kiếm và học hỏi các kinh nghiệm của người đi trước để hoàn thiện nghề nghiệp.	ELO13

CELO11	Có khả năng làm việc nhóm, hoạt động hòa đồng với mọi người, trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ được phân công.	ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	H	H
CELO2	-	M	-	-	M	-	M	-	-	-	H	H	-
CELO3	H	M	-	-	L	-	-	-	H	-	H	H	-
CELO4	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	-
CELO5	-	-	-	H	-	H	-	L	-	-	-	-	-
CELO6	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	H
CELO7	-	-	-	H	-	H	-	L	-	-	-	-	H
CELO8	-	-	-	H	-	-	-	-	-	-	-	-	H
CELO9	-	-	-	-	-	H	-	-	H	M	-	-	-
CELO10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-
CELO11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	H	-	-	-

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

- Giảng viên sẽ tập trung hướng dẫn học, tư vấn học, phản hồi kết quả thảo luận, kết quả kiểm tra và các nội dung lý thuyết chính mỗi chương phù hợp với yêu cầu về khả năng ứng dụng cao của học phần.

- Giảng viên sẽ giới thiệu các cách ứng dụng lý thuyết vào thực tế một doanh nghiệp trong các công việc liên quan đến văn hóa kinh doanh.

Phương pháp học tập: Sinh viên phải:

- Sinh viên tập trung nghiên cứu lý thuyết, thực hiện áp dụng các lý thuyết vào doanh nghiệp thực tế (do sinh viên hoặc nhóm chủ động lựa chọn). Sinh viên cần hoàn thành có sáng tạo các yêu cầu/nhiệm vụ của giảng viên giao.

- Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Thuyết trình nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐
Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO...) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Thái độ học tập	Tham gia, hoạt động	CELO 1	Thường xuyên/trong suốt quá trình học	Tham dự đầy đủ các buổi học	Quan sát, phân tích và đặt câu hỏi	10%
	A1.2 Tham gia bài học trên lớp	Kiến thức, khả năng phân tích, trả lời câu hỏi	CELO1, CELO2, CELO3	Thường xuyên/ Trong suốt quá trình học	Tham dự và đóng góp thảo luận	Đặt câu hỏi, thảo luận	
	A1.3 Bài tập/ bài viết cá nhân	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO1, CELO2, CELO3	Thường xuyên/ Trong suốt quá trình học	Kết quả	Trả lời các câu hỏi của giảng viên dưới dạng viết/bài tập	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Trao đổi, thảo luận	Kỹ năng	CELO1, CELO2, CELO3	Thường xuyên/ Trong suốt quá trình học	Kết quả	Trình bày, trả lời các câu hỏi của giảng viên và các thành viên	20%
	A2.2 Làm bài tập	Kiến thức	CELO1, CELO2, CELO3	Thường xuyên/ Trong suốt	Kết quả	Làm bài tập được giao	

				quá trình học			
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Trắc nghiệm	Kiến thức	CELO1, CELO2, CELO3	Một lần/ Cuối học	Kết quả/đáp án	50% tổng điểm	70%
	A3.2 Tự luận	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	CELO1, CELO2, CELO3	Một lần/ Cuối học	Kết quả/đáp án	50% tổng điểm	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1,2	Chương 1: Tổng quan về văn hóa kinh doanh		
	<i>A/ Các nội dung:</i> 1.1. Tổng quan về văn hóa 1.2. Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp 1.3. Các quan điểm lý thuyết trong nghiên cứu văn hóa doanh nghiệp 1.4. Các cấp độ của văn hóa kinh doanh 1.5. Các mô hình văn hóa doanh nghiệp	Thuyết giảng Hỏi đáp Động não Hoạt động nhóm	CELO 1, CELO 3
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> 1.6. Các phương pháp luận trong nghiên cứu văn hóa doanh nghiệp	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	CELO 1
	Chương 2: Đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp		
3,4	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 2.1. Tổng quan về đạo đức kinh doanh 2.2. Vai trò của đạo đức kinh doanh đối với doanh nghiệp 2.3. Biểu hiện của đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp 2.4. Xây dựng đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp	Thuyết giảng Hỏi đáp Động não Hoạt động nhóm	CELO 1, CELO 2, CELO 3
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 2 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 3 về quản trị văn hóa doanh nghiệp.	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	CELO 1
	Chương 3. Quản trị văn hóa doanh nghiệp		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 3.1. Sự hình thành văn hóa doanh nghiệp 3.2. Sự thay đổi văn hóa doanh nghiệp 3.3. Xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp	Thuyết giảng Hỏi đáp Động não	CELO1, CELO 2, CELO 3

		Hoạt động nhóm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 3 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 4 về văn hóa doanh nhân và nhà lãnh đạo	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	CELO1
7,8,9	Chương 4. Văn hóa doanh nhân và nhà lãnh đạo		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Khái niệm văn hóa doanh nhân 4.2. Ảnh hưởng của văn hóa doanh nhân đến văn hóa doanh nghiệp 4.3. Các bộ phận cấu thành văn hóa doanh nhân 4.4. Quản lý bằng văn hóa doanh nghiệp	Thuyết giảng Hỏi đáp Động não Hoạt động nhóm	CELO1, CELO 2, CELO 3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 4 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 5 về văn hóa cá nhân trong nhóm và làm việc	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	CELO1
10, 11	Chương 5. Văn hóa cá nhân trong nhóm và làm việc		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Chỉ số văn hóa 5.2. Phát triển chỉ số văn hóa 5.3. Phương pháp APEL 5.4. Mô hình Johari Window 5.5. Vai trò trong nhóm làm việc của Meredith Belbin 5.6. Phát triển nhóm làm việc	Thuyết giảng Hỏi đáp Động não Hoạt động nhóm	CELO1, CELO 2, CELO 3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 5 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 6 về môi trường văn hóa kinh doanh toàn cầu.	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	CELO1
12, 13	Chương 6. Môi trường văn hóa kinh doanh toàn cầu		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1. Khái niệm toàn cầu hóa văn hóa 6.2. Các định chế toàn cầu 6.3. Mô hình văn hóa quốc gia của Hofstede 6.4. Quản trị đa dạng văn hóa	Thuyết giảng Hỏi đáp Động não Hoạt động nhóm	CELO1, CELO 2, CELO 3

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 6 - Nghiên cứu tài liệu và nội dung chương 7 về hội nhập văn hóa kinh doanh quốc tế	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	CELO1
14	Chương 7. Hội nhập văn hóa kinh doanh quốc tế A/ Các nội dung chính trên lớp: 7.1. Khác biệt văn hóa trong kinh doanh quốc tế 7.2. Giao tiếp trong môi trường văn hóa kinh doanh quốc tế 7.3. Đàm phán đa văn hóa 7.4. Marketing đa văn hóa B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 7	Thuyết giảng Hỏi đáp Động não Hoạt động nhóm	CELO 1
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trả lời nội dung ôn tập/Bài tập tình huống chương 7	Nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn	CELO 1
15	Ôn tập/ Hệ thống hóa nội dung học phần	Thảo luận Hỏi đáp	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần										
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO 7	CELO 8	CELO9	CELO10	CELO11
Module 1	H		H						M	M	M
Module 2	H	M	H						M	M	M
Module 3	H	M	H						H	H	H
Module 4	H	M	H	H					H	H	M
Module 5	H	H	H		H				H	H	M
Module 6	H	H	H			H			M	M	M
Module 7	H						H		H	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

- PGS.TS.Dương Thị Liễu (2016), Giáo trình Văn hóa kinh doanh, Nxb ĐHKQTĐ.
- ThS.Trần Thị Trang (2017), Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp, Nxb ĐHCN TP.HCM.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Th.S Nguyễn Mạnh Quân (2005), Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp, Nxb LĐXH.

2. PGS.TS.Đỗ Thị Phi Hoài (2017), Văn hóa doanh nghiệp, Nxb Tài chính.
3. Philip Kotler, Quản trị Marketing, Nxb Thống kê (2015).

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

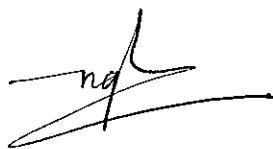
9. GVGD: Vũ Quốc Quý, Trịnh Thị Ngọc Thúy

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

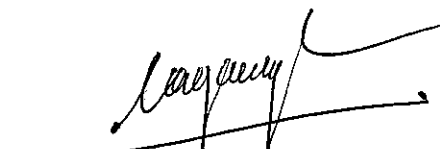
NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh



ThS. Vũ Quốc Quý

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: Đạo đức và trách nhiệm xã hội
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	ĐẠO ĐỨC VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI
Tiếng Việt:	Đạo đức và trách nhiệm xã hội
Tiếng Anh:	Ethics and social responsibility
Mã số học phần:	180115012
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 07
Loại học phần:	Tự chọn
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	00 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Đạo đức và trách nhiệm xã hội là học phần tự chọn cho sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Học phần đạo đức và trách nhiệm xã hội bao gồm các nội dung: đạo đức kinh doanh, xây dựng chương trình đạo đức kinh doanh, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Sinh viên hiểu được tầm quan trọng của sự phát triển bền vững và marketing xanh	ELO2, ELO3, ELO5
CG2	Sinh viên phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược marketing xanh cũng như nội dung của chiến lược marketing xanh	ELO3, ELO4, ELO5, ELO10
CG3	Sinh viên có thể sáng tạo, xây dựng được chiến lược marketing xanh cho một sản phẩm/ thương hiệu cụ thể trong một lĩnh vực/ ngành nghề kinh doanh bất kỳ.	ELO5, ELO6, ELO9, ELO10
CG4	Sinh viên có thái độ tích cực với vấn đề môi trường, bảo đảm an toàn sức khỏe người tiêu dùng và trách nhiệm với xã hội.	ELO11, ELO12, ELO13, ELO14

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nhận thức và hiểu được tầm quan trọng của sự phát triển bền vững và marketing xanh.	ELO2, ELO3, ELO5
CELO2	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược marketing xanh cũng như nội dung của chiến lược marketing xanh	ELO3, ELO4, ELO5, ELO10
CELO3	Sáng tạo, xây dựng, đề xuất chiến lược marketing xanh cho một sản phẩm/ thương hiệu cụ thể trong một lĩnh vực/ ngành nghề kinh doanh bất kỳ.	ELO5, ELO6, ELO9, ELO10
CELO4	Tích cực quan tâm đến vấn đề môi trường, an toàn sức khỏe người tiêu dùng và trách nhiệm với xã hội.	ELO11, ELO12, ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

	CDR của CTĐT

CĐR học phần (CELOs)	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13		
CELO1	H	H		H								
CELO2		H	H	H								
CELO3				H	H	H	H	M	M	M		
CELO4								H	H	H		

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp thuyết trình: giúp sinh viên đạt CĐR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kỹ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

PP2. Phương pháp học dựa trên vấn đề: giúp đạt được chuẩn đầu ra về xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết;

PP3. Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

PP4. Phương pháp học dựa vào dự án: giúp đạt được chuẩn đầu ra về lập giả thuyết, triển khai, kỹ năng giao tiếp bằng viết, kỹ năng thuyết trình;

PP5. Nghiên cứu tình huống: giúp đạt được chuẩn đầu ra về đề ra các giải pháp, ước lượng và phân tích định tính

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- ...

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40 %, bao gồm:

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60 %, bao gồm:

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập/ chuyên cần		15 buổi	Tham gia lớp	Điểm danh/ Vấn đáp	20%
	A1.2	Bài tập nhóm theo chủ đề		1 lần	Nội dung, hình thức.	Trình bày quan điểm/ Quan sát	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Thuyết trình nhóm theo chủ đề		1 lần	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	Lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi, trả lời	20%
A2. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận		1 lần	Hiểu, giải thích được, phân tích được, đánh giá được và sáng tạo		60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về đạo đức kinh doanh		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1. Đạo đức kinh doanh và vấn đề đạo đức kinh doanh 1.2. Sự cần thiết của đạo đức kinh doanh 1.3. Các chuẩn mực của đạo đức kinh doanh 1.4. Vai trò của đạo đức kinh doanh trong quản trị doanh nghiệp	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp học dựa trên vấn đề	CELO1, CELO2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 1; tài liệu [3] chương 1.		
2	Chương 2: Các triết lý đạo đức kinh doanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1 Triết lý đạo đức 2.2 Các triết lý đạo đức 2.3 Các khía cạnh thể hiện đạo đức kinh doanh 2.4 Đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 2, tài liệu [3] chương 3.		
3	Chương 3: Xây dựng các chương trình đạo đức kinh doanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Đạo đức trong hoạt động của doanh nghiệp 3.2 Xây dựng đạo đức kinh doanh	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án	CELO1, CELO2, CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	3.3 Ra quyết định về các vấn đề liên quan đến đạo đức trong kinh doanh B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 3, tài liệu [3] chương 2, 6, 7, 8, 9, 10.	- Phương pháp nghiên cứu tình huống	
3	Chương 4: Một số tình huống điển hình về đạo đức kinh doanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1 Quan hệ với người lao động 4.2 Quan hệ với đối tượng bên ngoài	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 4; các tài liệu khác.		
4	Chương 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1 Khái niệm về trách nhiệm xã hội 5.2 Trách nhiệm xã hội và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp 5.3 Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và chiến lược kinh doanh	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [2] chương 1, chương 2 và chương 3, tài liệu [3] chương 5.		

Tuần n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
5	Chương 6: Nội dung của trách nhiệm xã hội		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1 Lý thuyết phát triển bền vững và lý thuyết bộ ba cốt lõi bền vững 6.2 Các khía cạnh của trách nhiệm xã hội 6.3 Lợi ích của doanh nghiệp khi thực hiện trách nhiệm xã hội	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [2] chương 3, và các tài liệu khác		
6	Chương 7: Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trong thực tiễn		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 7.1 Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trên thế 7.2 Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại Việt Nam 6.3 Một số công ty thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp điển hình	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [2] chương 4, 5, 6, 7, 8 và 9.		

Mã trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

	Chuẩn đầu ra học phần

Bài học (Module)	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO..	CELO...
Module 1	H	H	M	M		
Module 2	H	H	H	M		
Module 3	H	H	H	M		
Module 4	H	H	H	M		
Module 5	H	H	H	M		
Module 6	H	H	H	M		
Module 7	H	H	H	M		

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Mạnh Quân, Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2015.

[2] Nguyễn Ngọc Thắng, Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2015.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Laura P. Hartman & Joe Desjardins, Đạo đức kinh doanh - Business Ethics, NXB Tổng Hợp Tp. HCM, 2016.

8. Quy định của học phần

Hướng dẫn thực hiện:

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

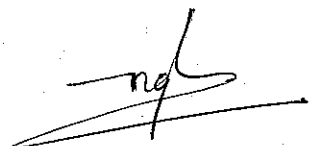
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

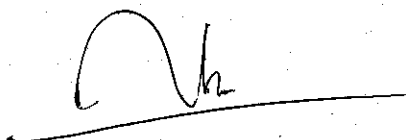
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



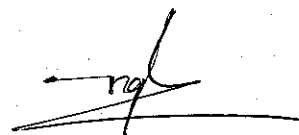
TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt





ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị rủi ro

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ RỦI RO
Tiếng Việt:	Quản trị rủi ro
Tiếng Anh:	Risk management
Mã số học phần:	180115014
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 7
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Không
Điều kiện khác:	Không
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ cho giới kinh doanh mà cho cả các lãnh vực đời sống bình thường. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Môn học này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp loại rủi ro. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro quản trị dự án, rủi ro tỉ giá, rủi ro trong đầu tư, rủi ro xuất nhập khẩu, rủi ro văn hóa... được giới thiệu trong môn học để giúp người học có thêm hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về quản trị rủi ro cho các đối tượng này. Người học sẽ được tìm hiểu thêm về quản trị rủi ro cho các dự án lớn.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Nhận dạng và phân tích các rủi ro của doanh nghiệp	ELO2 ELO4 ELO7 ELO12
CG2	Đánh giá rủi ro bằng phương pháp định tính và định lượng	ELO3 ELO4 ELO10
CG3	Thiết kế chương trình kiểm soát và tài trợ cho rủi ro của đơn vị	ELO2 ELO3 ELO5 ELO6

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Hiểu về rủi ro và bất định, quản trị rủi ro một tổ chức Phân loại rủi ro	ELO2 ELO4
CELO2	Nắm vững nội dung cơ bản của một chương trình quản trị rủi ro	ELO5 ELO6
CELO3	Nắm bắt các phương pháp nhận dạng rủi ro và phân tích hiểm họa và tổn thất	ELO3 ELO4
CELO4	Hiểu cơ bản khiếu nại bồi thường, ước lượng tổn thất với độ tin cậy và phân loại rủi ro theo cả tần suất và mức độ tổn thất	ELO3 ELO4
CELO5	Biết cách kiểm soát rủi ro và đưa ra một số phương pháp kiểm soát rủi ro cơ bản	ELO3 ELO7 ELO12
CELO6	Biết phân loại tài trợ rủi ro và có một số phương pháp, kế hoạch lưu trữ tổn thất	ELO7 ELO10
CELO7	Nắm kiến thức cơ bản để quản trị rủi ro chiến lược	ELO2 ELO5
CELO8	Nắm bắt kiến thức cơ bản quản trị rủi ro tài chính và các loại rủi ro trong tài chính	ELO2 ELO4

CELO9	Hiểu rủi ro do môi trường văn hóa tác động và cách phòng ngừa	ELO7
CELO10	Hiểu rủi ro trong đàm phán hợp đồng ngoại thương và rủi ro trong soạn thảo và ký kết hợp đồng ngoại thương	ELO7

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1		M		H									
CELO2					M	H							
CELO3			H	M									
CELO4			H	M									
CELO5			M				H					M	
CELO6							H		H				
CELO7		M			M								
CELO8		M		H									
CELO9							H						
CELO10							H						

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp diễn giảng

Giảng viên dùng lời nói cùng các phương tiện kỹ thuật thông tin, nghe nhìn như: Bảng – phần, văn bản in, overhead transparencies, video/film, máy tính,... để diễn giảng cho người học nghe, phát hiện và hiểu các khái niệm, hiện tượng; quy luật, nguyên lý của các quá trình

Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp làm việc nhóm:

Trong phương pháp kết hợp này, giảng viên cung cấp cơ sở lý thuyết nền tảng. Sinh viên được chia theo nhóm từ 5 đến 6 sinh viên một nhóm. Mỗi nhóm sẽ chọn (hoặc được giao) một đề tài nào đó có liên quan đến nội dung môn học rồi tự phân chia công việc trong nhóm cho các thành viên để tiến hành việc tìm hiểu những nội dung lý thuyết liên quan đến đề tài qua sách, giáo trình, ấn phẩm nghiên cứu khoa học...; tìm hiểu thực tế xem các doanh nghiệp, tổ chức hiện đang thực hiện công việc liên quan đến đề tài như thế nào với những bằng chứng là thông tin, số liệu, hình ảnh... thông tin doanh nghiệp trên internet, thị trường chứng khoán... Nhóm sẽ hội ý để so sánh, phân tích nội dung đề tài trên lý thuyết và nội dung thực tế... Sau đó các nhóm sẽ viết lại thành báo cáo môn học kèm nhận xét, đánh giá hay đưa ra ý kiến của nhóm về đề tài này. Cuối cùng các nhóm sẽ thay phiên nhau trình bày nội dung báo cáo môn học mà nhóm đã thực hiện để

nhận được những ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi chất vấn của các nhóm khác và của giảng viên. Nhóm sẽ thảo luận và trả lời các câu hỏi được đặt ra. Nếu nội dung trả lời của nhóm chưa thật sự thỏa đáng hay có sự hiểu nhầm, hiểu sai vấn đề... thì giảng viên sẽ hỗ trợ thêm.

Sự kết hợp giữa phương pháp thuyết trình và phương pháp làm việc nhóm sẽ kích thích vai trò chủ động của người học. Sinh viên là người chủ động tìm tòi, suy nghĩ, nhận định, phân tích, tổng hợp, đánh giá... đề tài của nhóm mình và của các nhóm khác.

Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp sử dụng tình huống:

Tình huống thường trình bày một sự mâu thuẫn/xung đột, đặc biệt là sự căng thẳng giữa những phương án hành động khác nhau mà những phương án này có thể tạo ra những quan điểm, lợi ích và những giá trị khác nhau trong sự mâu thuẫn và nó đòi hỏi phải được giải quyết bằng một quyết định. Thông thường các tình huống được trình bày trong các ấn bản. Tình huống có thể được trình bày dưới dạng phim, bằng video, CD ROM...

Phương pháp tình huống cho phép sinh viên tham gia vào quá trình ra quyết định mà người ta phải thực sự đương đầu trong một tổ chức thật, có quyền sở hữu, cảm giác được áp lực, nhận rủi ro và trình bày ý tưởng của mình với người khác giúp buổi học có sự trao đổi thông tin đa chiều. Các tình huống sinh viên phát triển lòng tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập và hợp tác trong công việc với đồng nghiệp. Ngoài ra, phương pháp tình huống cũng là công cụ tuyệt vời để giảng viên kiểm tra kiến thức lý thuyết và những hiểu biết sâu sắc hơn của sinh viên.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Tính chuyên cần, Thái độ chủ động, tích cực trong học tập; Bài tập nhóm (thuyết trình)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần: Lý thuyết

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá / thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập/ chuyên cần		11 buổi học	Phát biểu Điểm danh	PP quan sát	10%
	A1.2	Bài kiểm tra cá nhân		1 lần / thời	Hiểu bài	PP phỏng vấn	

				gian 60 phút			
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Bài tập nhóm thuyết trình		1 lần/ giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 4 trở đi	Nội dung hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	PP phỏng vấn PP viết	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận		1 lần / thời gian 60 phút	Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	Chương 1: Tổng quan về rủi ro và quản trị rủi ro	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
1-2	A/ Các nội dung: 1.1 Những khái niệm cơ bản về rủi ro và bất định 1.1.1 Rủi ro và phân loại rủi ro 1.1.2 Bất định và các mức độ bất định 1.1.3 Chi phí rủi ro và bất định 1.2 Những khái niệm cơ bản về quản trị rủi ro một tổ chức 1.2.1 Một số quan điểm và khái niệm quản trị rủi ro một tổ chức (ORM) 1.2.2 Nhiệm vụ của nhà quản trị rủi ro trong doanh nghiệp 1.3 Nội dung cơ bản của một chương trình quản trị rủi ro 1.3.1 Xác định mục tiêu và nhiệm vụ 1.3.2 Đánh giá rủi ro 1.3.3 Kiểm soát rủi ro		CELO1 CELO2 CELO3

	1.3.4 Tài trợ rủi ro 1.3.5 Tổ chức thực hiện		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...
	Chương 2: Nhận dạng rủi ro	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
3	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1 Một số khái niệm 2.1.1 Nhận dạng rủi ro 2.1.2 Nguồn rủi ro 2.1.3 Nguy hiểm 2.1.4 Hiểm họa 2.1.5 Nguy cơ rủi ro 2.2 Một số phương pháp nhận dạng rủi ro 2.2.1 Phân tích tài chính 2.2.2 Phân tích hệ thống sơ đồ công nghệ 2.2.3 Thanh tra hiện trường 2.2.4 Tham vấn chuyên gia trong và ngoài tổ chức 2.2.5 Phân tích các văn kiện và hợp đồng 2.2.6 Phân tích các tổn thất trong quá khứ 2.3 Phân tích hiểm họa và tổn thất 2.3.1 Phân tích hiểm họa 2.3.2. Phân tích tổn thất		CELO1 CELO2 CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...

4	Chương 3: Đo lường rủi ro	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1 Một số khái niệm cơ bản 3.1.1 Tần suất của rủi ro và phân cấp tần suất 3.1.2 Mức độ tổn thất và các mức độ cơ bản 3.2 Khiếu nại bồi thường 3.2.1 Tầm quan trọng của ước lượng 3.2.2 Phương pháp triển khai tổn thất sẽ phải chịu 3.2.3 Phương pháp triển khai tổn thất dựa trên nguy cơ rủi ro 3.3 Ước lượng tổn thất với độ tin cậy 3.3.1 Tổn thất lớn nhất có lẽ có MPC 3.3.2 Một số phân phối xác suất cơ bản và ví dụ tính MPC 3.3.3 Xác định kích cỡ của mẫu với độ tin cậy cho trước 3.4 Phân loại rủi ro theo cả tần suất và mức độ tổn thất		CELO2 CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
5	Chương 4: Kiểm soát rủi ro	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1 Một số khái niệm cơ bản 4.1.1 Kiểm soát rủi ro 4.1.2 Các trường hợp kiểm soát rủi ro được ưu tiên sử dụng 4.1.3 Kiểm soát rủi ro và chương trình quản trị rủi ro 4.2 Một số phương pháp kiểm soát rủi ro cơ bản 4.2.1 Né tránh rủi ro 4.2.2 Ngăn ngừa rủi ro 4.2.3 Giảm thiểu tổn thất 4.2.4 Quản trị thông tin 4.2.5 Chuyển giao kiểm soát rủi ro		CELO1 CELO2 CELO3 CELO5

	4.2.6 Đa dạng hóa 4.3 Những nỗ lực kiểm soát rủi ro của chính phủ và xã hội		
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i>		
	Chương 5: Tài trợ rủi ro	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
6-7	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 5.1 Một số khái niệm cơ bản 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Phân loại tài trợ rủi ro 5.2 Một số phương pháp và kế hoạch lưu trữ tổn thất 5.2.1 Lưu trữ thụ động 5.2.2 Các tài khoản và tài sản dự phòng 5.2.3 Bảo hiểm trụ hệ 5.3 Một số phương pháp chuyển giao tài trợ tổn thất 5.3.1 Chuyển giao bằng hợp đồng bảo hiểm 5.3.2 Chuyển giao tài trợ phi bảo hiểm 5.3.3 Hedging 5.4 Một số vấn đề cần cân nhắc giữa lưu giữ và chuyển giao tài trợ <i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i>		CELO3 CELO5 CELO6
	Chương 6: Quản trị rủi ro chiến lược	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
8-9	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 6.1 Tổng quan rủi ro chiến lược 6.1.1 Rủi ro dự án 6.1.2 Rủi ro đến từ khách hàng 6.1.3 Rủi ro từ chuyển đổi 6.1.4 Xuất hiện đối thủ cạnh tranh không thể đánh bại 6.1.5 Rủi ro thương hiệu		CELO2 CELO3 CELO5 CELO7

	6.1.6 Rủi ro ngành 6.1.7 Rủi ro đình trệ 6.2 Kiến thức cơ bản để quản trị rủi ro chiến lược <i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i>		
10-11	Chương 7: Quản trị rủi ro tài chính	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 7.1 Tổng quan rủi ro tài chính 7.1.1 Rủi ro tài chính và rủi ro kiệt giá tài chính 7.1.2 Các sản phẩm phát sinh 7.1.3 Các thị trường phát sinh 7.2 Các loại rủi ro trong tài chính 7.2.1 Khẩu vị rủi ro 7.2.2 Bán khống 7.2.3 Rủi ro và tỷ suất sinh lợi 7.3 Tính hiệu quả của thị trường và giá trị hợp lý lý thuyết <i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i>		CELO2 CELO3 CELO6 CELO8
	Chương 8: Môi trường văn hóa và những rủi ro	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
12-13	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 8.1 Khái niệm văn hóa 8.2 Các yếu tố văn hóa 8.2.1 Ngôn ngữ 8.2.2 Tôn giáo 8.2.3 Giá trị và thái độ 8.2.4 Phong tục và cách cư xử 8.2.5 Yếu tố vật chất của văn hóa 8.2.6 Thẩm mỹ, giáo dục 8.3 Các khía cạnh và khuynh hướng văn hóa 8.3.1 Các khía cạnh văn hóa 8.3.2 Các khuynh hướng thái độ 8.4 Rủi ro do môi trường văn hóa và cách phòng ngừa		CELO3 CELO5 CELO7 CELO9

	8.4.1 Rủi ro trong môi trường văn hóa 8.4.2 Các biện pháp phòng ngừa rủi ro do môi trường văn hóa <i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i>		
	Chương 9: Rủi ro trong kinh doanh xuất nhập khẩu	Phối hợp với các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 9.1 Rủi ro trong đàm phán hợp đồng ngoại thương 9.1.1 Các nguyên tắc trong đàm phán 9.1.2 Biện pháp phòng ngừa 9.2 Rủi ro trong soạn thảo và ký kết hợp đồng ngoại thương 9.2.1 Hợp đồng 9.2.2 Các rủi ro trong khâu soạn thảo, ký hợp đồng 9.2.3 Biện pháp phòng ngừa		CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO6 CELO7 CELO10
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i>		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần									
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8	CELO9	CELO10
Module 1	H	H	H							
Module 2	M	M	M	H						
Module 3	M	M	M	H						
Module 4		M	M		H					
Module 5			M		M	H				
Module 6		M	M		M		H			
Module 7		M	M			M		H		
Module 8			M		M		M		H	
Module 9		M	M	M	M	M	M			H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Quản trị rủi ro Doanh nghiệp, NXB Thống kê – 2012, tập thể giảng viên bộ môn Quản trị rủi ro – Khoa QTKD trường ĐH Kinh tế Tp. HCM

7.2. Tài liệu tham khảo:

Quản trị rủi ro và bảo hiểm trong Doanh nghiệp, NXB Thống kê – 2010, PGS. TS Nguyễn Quang Thu

Quản trị rủi ro và khủng hoảng, NXB Lao động Xã hội – 2010, PGS. TS Đoàn Thị Hồng Vân

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 5 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 30 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác

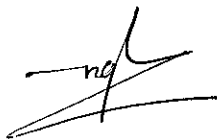
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Nguyễn Thị Thanh

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Thanh



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị sự đổi mới

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ SỰ ĐỔI MỚI
Tiếng Việt:	Quản trị sự đổi mới
Tiếng Anh:	Change Management
Mã số học phần:	180115061
Thời điểm tiến hành:	Học kì 7
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☐ Kiến thức giáo dục đại cương	
☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	
☐ Kiến thức cơ sở ngành	
☐ Kiến thức ngành	
☒ Kiến thức chuyên ngành	
☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	00 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần quản trị sự thay đổi cung cấp cho người học các vấn đề cốt yếu về nhận diện sự thay đổi và mang tính lý luận lẫn thực tiễn và phương pháp xây dựng kịch bản cho kế hoạch, hoạch định sự thay đổi cho một doanh hoạt động thực tiễn trong nền kinh tế thị trường; các kế hoạch thay đổi này có thể là các nội dung về: chiến lược sản phẩm, về tuyển dụng nhân sự, về chính sách lương, thưởng, hoạt động marketing sản phẩm, nhằm tối ưu hóa các nguồn lực có trong doanh nghiệp, phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, môn học mang ý nghĩa và phát triển từng khía cạnh của nền kinh tế thị trường 4.0.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị sự thay đổi có thể xuất hiện trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, cũng như các kỹ năng, cách thức lựa chọn và hoạch định những kế hoạch thay đổi trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	ELO4,5
CG2	Giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng chuyên môn như kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, để đánh giá, nhận định đưa ra các quyết định về hoạch định sự thay đổi phù hợp với tình hình thực tiễn của doanh nghiệp, nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp trên mọi phương diện: doanh thu, lợi nhuận, giảm thiểu chi phí sản xuất, chi phí kinh doanh.	ELO8
CG3	Giúp cho sinh viên biết lập kế hoạch cụ thể về các chiến lược thay đổi áp dụng cho doanh nghiệp trong thực tiễn; phát triển phương pháp tư duy thay đổi và ứng dụng vào phân tích những sự kiện, hiện tượng, chính sách phát triển với những kiến thức đã học. Các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	ELO9

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT
CELO1	Hiểu các nguyên tắc quản trị sự thay đổi của các tổ chức trong doanh nghiệp	ELO4, ELO5
CELO2	Hiểu được các vấn đề và có khả năng nhận định, phân tích các vấn đề thực tiễn phát sinh liên quan đến các nội dung về quản trị sự thay đổi.	ELO4, ELO5
CELO3	Hiểu các nguyên tắc lập kế hoạch và quản trị sự thay đổi của các tổ chức trong doanh nghiệp trong nền kinh tế .	ELO3
CELO4	Có khả năng làm việc nhóm một cách hiệu quả thông qua các bài tập nhóm và thuyết trình.	ELO7,8

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1				H	H								
CELO2				H	H								
CELO3			H										
CELO4							H	H					

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Quá trình giảng dạy và học tập môn học được tiếp cận theo hướng “sinh viên là trung tâm”, sinh viên cần tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động. Các kết quả học tập đạt được thông qua việc thực hiện đa dạng các hoạt động học tập cả trong và ngoài lớp học.

Giáo viên cung cấp bài giảng, một số bài đọc thêm ngay từ đầu khóa, sinh viên tự chuẩn bị giáo trình chính. Trong quá trình học, sinh viên cũng sẽ tự tìm các bài đọc

thêm theo yêu cầu và hướng dẫn của giáo viên. Sinh viên cần đọc trước giáo trình để nắm bắt tốt hơn khi nghe giảng, trong quá trình nghe giảng sinh viên cần tập trung và thực hiện những ghi chép cần thiết. Bài giảng tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung liên quan đến chứng minh, luận giải vấn đề sẽ được trình bày trong quá trình thuyết giảng kết hợp thảo luận tại lớp. Trong quá trình thuyết giảng, giảng viên có thể phát triển mở rộng thêm vấn đề tùy vào khả năng lĩnh hội và thời gian của từng lớp.

Tại lớp, giảng viên diễn giải các khái niệm, nguyên lý cơ bản và đưa ra các vấn đề, hướng dẫn và khơi gợi cho sinh viên giải quyết và khám phá, giảng viên sẽ giúp điều chỉnh và tóm tắt nội dung. Giảng viên cũng sẽ thực hiện các tính toán, phân tích mẫu. Sau mỗi buổi học giáo viên sẽ đưa ra các yêu cầu cho sinh viên liên quan đến bài đã học và những nội dung sẽ học kế tiếp (vấn đề suy nghĩ – thảo luận, bài đọc, bài tập cá nhân, bài tập nhóm).

Sinh viên lĩnh hội, phát triển kiến thức và trau dồi kỹ năng thông qua nghe giảng, thảo luận, đọc sách và các bài nghiên cứu lý thuyết, các phân tích thực tế và thực hiện các bài tập giáo viên yêu cầu.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CDR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá / thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1: Thái độ học tập	Kiến thức, kỹ năng, thuyết trình, trả	CELO1,2,3	Thường xuyên	Tham dự đầy đủ các buổi học	Quan sát, đặt câu hỏi	10%

		lời câu hỏi					
	A1.2: Tham gia các bài học trên lớp	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2,3	Thường xuyên	Tham dự đầy đủ các buổi học	Đặt câu hỏi, thảo luận	
	A1.3: Thuyết trình/bài tập	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2,3	Bắt đầu tuần thứ 3 của môn học	Kết quả	Trả lời câu hỏi của giảng viên và các thành viên trong lớp	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1: Thuyết trình theo nhóm	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2,3	Bắt đầu tuần thứ 3 của môn học	Kết quả	Trả lời câu hỏi của giảng viên và các thành viên trong lớp	20%
	A2.2: Trình bày bài tập cá nhân	Kiến thức, kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi	CELO1,2,3	Bắt đầu tuần thứ 3 của môn học	Kết quả	Trình bày các bài tập được giao	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1: Tự luận	Kiến thức, kỹ năng đọc và hiểu thông tin trên thị trường	CELO1,2,3,4	1 lần thi cuối kì	Kết quả/ đáp án	50%: Bài tập 50%: Lý thuyết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan và quản trị sự thay đổi		
	A/ Các nội dung: 1.1. Thay đổi và thay đổi giá trị. Tính tích cực của quản trị sự thay đổi		CELO1

	1.2. Nội dung cốt lõi quản trị sự thay đổi. 1.3. Nguyên tắc quản trị sự thay đổi. Các thay đổi quản lý bước 1.4. Thực hiện thay đổi giá trị cấp. 1.5. Chức năng và nhiệm vụ của chủ thể quản trị sự thay đổi. 1.6. Kỹ năng và phẩm chất và kỹ năng của nhà quản trị sự thay đổi		
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Đọc tài liệu học tập và làm bài tập theo nhóm		CELO1,4
	Chương 2: Các lý thuyết và mô hình quản trị sự thay đổi		
2	<i>A/ Các nội dung quản trị chính trên lớp:</i> 2.1. Lý thuyết của Kurt Lewin (Theory of Kurt Lewin) (1890-1947) 2.2. Lý thuyết của JOHN P. KOTTER. 2.3. Mô hình quản trị sự thay đổi trong tổ chức của Robbins S.P 2.4. Mô hình các giá cốt lõi của Whiteley A 2.5. Mô hình những khía cạnh cần thay đổi của Robbins và Coulter 2.6. Mô hình quản lý Thay đổi hiệu quả của Hellriegel, D and Slocum, J.W Câu hỏi và bài tập tình huống. Bài tập		CELO1
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Đọc tài liệu học tập và làm bài tập theo nhóm xây dựng các mô hình		CELO3,4
	Chương 3: Lập kế hoạch thay đổi		CELO3
3	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 3.1. Xác định tiêu điểm của sự thay đổi. 3.2. Nguyên tắc của lập kế hoạch thay đổi 3.3. Yêu cầu và quy trình lập kế hoạch thay đổi. 3.4. Các rào cản thường gặp trong quản lý sự thay đổi. 3.5. Các bí quyết đưa sự thay đổi đến thành công. Câu hỏi thảo luận và ôn tập		

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu học tập và làm bài tập theo nhóm		CELO3,4
	Chương 4: Thực hiện sự thay đổi		CELO4
4	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Thay đổi tư duy, tầm nhìn, chiến lược và sứ mạng. 4.2. Thay đổi quy trình làm việc. 4.3. Thay đổi quản trị nhân sự 4.4. Thay đổi tổ chức. 4.5. Thay đổi văn hóa tổ chức. 4.6. Thay đổi cơ cấu tổ chức. Câu hỏi thảo luận và ôn tập Bài tập		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu học tập và làm bài tập theo nhóm		CELO3,4
	Chương 5: Quản trị thích nghi với sự thay đổi		CELO3,4
5	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Các phản ứng khác nhau trước sự thay đổi. 5.2. Những khuyến nghị hữu ích. 5.3. Lực cản sự thay đổi và cách thức vượt qua. 5.4. Xem xét lại những người chống đối. 5.5. Nhà Lãnh đạo làm cho mọi người thích nghi với sự thay đổi. 5.6. Giúp nhân viên đối phó với sự thay đổi. Câu hỏi và Đánh giá.		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu học tập và làm bài tập theo nhóm		CELO4
	Chương 6: Điều chỉnh, củng cố sự thay đổi		CELO3,4
6	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1. Vai trò của kiểm soát, điều chỉnh, củng cố. 6.2. Mục đích của việc kiểm soát, điều chỉnh, củng cố sự thay đổi. 6.3. Quy trình kiểm soát sự thay đổi. 6.4. Đánh giá mức độ hợp lý của đề xuất sự thay đổi		

	6.5. Những hoạt động thực hiện sự thay đổi cần kiểm soát 6.6. Các rào cản thường gặp trong quản trị sự thay đổi và cách vượt qua 6.7. củng cố sự thay đổi. Câu hỏi thảo luận và Ôn tập		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu học tập và làm bài tập ôn tổng quát		CELO3,4
7	Ôn tập		CELO1,2,3,4

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Module 1	H			M
Module 2	H			M
Module 3	H	H	H	M
Module 4		H		M
Module 5		H	H	M
Module 6		H	H	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Đào Duy Huân, Đào Duy Tân, Quản trị sự thay đổi NXBKT TP.HCM 2014
2. Slides bài giảng của giảng viên

7.2. Tài liệu tham khảo:

3. Dẫn dắt sự thay đổi, John P.Kotter, 2012

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

Sinh viên và nhóm sinh viên không nộp bài tập đúng thời hạn được coi như không nộp bài và không có điểm cho phần bài tập đó.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

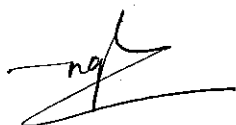
9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. Phạm Đức Trung

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh



TS. Phạm Đức Trung





TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN & MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Quản trị xung đột

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN TRỊ XUNG ĐỘT ✓
Tiếng Việt:	Quản trị xung đột ✓
Tiếng Anh:	Conflict management ✓
Mã số học phần:	180115015 ✓
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 7 ✓
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ ✓
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết ✓
Số tiết lý thuyết:	30 tiết ✓
Số tiết bài tập:	15 tiết ✓
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	0 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc và bản chất của từng loại xung đột trong tổ chức. Biết cách vận dụng qui trình quản trị xung đột và các kỹ năng xử lý từng loại xung đột trong tổ chức và giúp người học nhận diện được các yêu cầu về đạo đức trong công tác quản trị xung đột trong tổ chức.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

- Kiến thức: Giúp cho sinh viên nắm bắt được các kiến thức liên quan đến quản trị xung đột. Hiểu rõ nguồn gốc và bản chất của từng loại xung đột trong tổ chức.

- Kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần sinh viên nhận biết được các loại hình xung đột và xây dựng qui trình giải quyết các xung đột. Vận dụng để kiểm chế, loại bỏ hay duy trì các xung đột trong tổ chức.

- Thái độ, chuyên cần: Sinh viên hiểu được tầm quan trọng của kiến thức, kỹ năng quản trị xung đột trong quá trình điều hành hoạt động của tổ chức. Có thái độ đúng đắn, ứng xử phù hợp với các vấn đề văn hóa trong quá trình môi giới. Bên cạnh đó sinh viên cần phải đảm bảo giờ tự học; làm bài tập ở nhà; nghiên cứu giáo trình và đọc tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên, chuẩn bị bài thảo luận nhóm.

Bảng 2: Mục tiêu của học phần

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Có kiến thức tổng quan về quản trị xung đột trong tổ chức	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6
CG2	Có kiến thức về cách thức giải quyết xung đột, nắm vững các nguyên tắc và vận dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề vướng mắc một cách hiệu quả trong quá trình điều hành tổ chức.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6, ELO11
CG3	Kỹ năng thực hiện và lãnh đạo nhóm, trình bày hiệu quả các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, kỹ năng giao tiếp.	ELO2, ELO4, ELO6, ELO7,

		ELO9, ELO10, ELO11
CG4	Hình thành được ý tưởng, lập và thực hiện được cách thức tổ chức quản trị xung đột hiệu quả.	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10
CG5	Phát triển kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm như thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, trình bày và phản biện.	ELO9, ELO10

Ma trận mối quan hệ giữa Mục tiêu học phần và CDR của CTĐT:

Mục tiêu học phần (CGs)	CDR của CTĐT								
	ELO2	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11
CG1	H	M	M	M	-	-	-	-	-
CG2	H	M	M	M	-	-	-	-	M
CG3	H	M	-	M	M	-	M	M	M
CG4	H	M	-	-	L	H	L	M	-
CG5	-	-	-	-	-	-	H	H	-

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Bảng 3: Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nắm vững các kiến thức chung về quản trị xung đột trong tổ chức	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6

CELO2	Hiểu được ý nghĩa quan trọng của công tác quản trị xung đột trong tổ chức như mục tiêu hướng đến của quản trị xung đột.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6, ELO11
CELO3	Biết cách vận dụng qui trình quản trị xung đột và các kỹ thuật xử lý từng loại xung đột trong tổ chức.	ELO2, ELO4, ELO5, ELO11
CELO4	Nhận biết các loại hình xung đột và xây dựng qui trình giải quyết các xung đột này.	ELO2, ELO4, ELO6, ELO7, ELO9, ELO10, ELO11
CELO5	Nhận diện xung đột nào có lợi cho tổ chức, xung đột nào cản trở tổ chức phát triển	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO10, ELO11
CELO6	Hiểu được tầm quan trọng của quản trị xung đột trong tổ chức. Vận dụng để kiểm chế, loại bỏ hay duy trì các xung đột trong tổ chức.	ELO2, ELO4, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10
CELO7	Nhận xét và đánh giá được hiệu quả của quản trị xung đột trong tổ chức.	ELO9, ELO10

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần và CDR của CTĐT:

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT								
	ELO2	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11
CELO1	H	M	M	M	-	-	-	-	-
CELO2	H	M	M	M	-	-	-	-	M
CELO3	H	M	M	-	-	-	-	-	M
CELO4	H	M	-	M	L	-	L	M	M

CELO5	H	M	-	-	M	M	-	H	M
CELO6	H	M	-	-	M	H	M	M	-
CELO7	-	-	-	-	-	-	M	H	-

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Học phần Quản trị xung đột được giảng dạy với sự kết hợp các phương pháp thuyết giảng, nêu vấn đề, mind map, concept map, thuyết trình, thảo luận tình huống, truy vấn, tự nghiên cứu... Có sự tương tác cao giữa giảng viên với sinh viên và giữa các sinh viên với nhau. Sinh viên sẽ làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, phân tích các sự kiện và hoàn thành các bài tập được giao.

- Học phần này có áp dụng hình thức nghiên cứu tình huống để sinh viên nghiên cứu và trình bày trước lớp. Sinh viên được giao các bài tập cá nhân và nhóm thông qua các bài báo chuyên ngành để nghiên cứu và thực hiện.

- Nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản, học phần Quản trị nguồn nhân lực sử dụng các Phương pháp giảng dạy như Phương pháp thuyết giảng, Phương pháp thuyết trình, Phương pháp động não, Phương pháp hoạt động nhóm, Phương pháp thảo luận, Phương pháp học dựa trên vấn đề ...

- Phương pháp học tập giúp sinh viên có thể chủ động và tích cực hơn như Phương pháp Nghiên cứu tình huống, làm việc nhóm, thuyết trình, tự nghiên cứu thông tin thông qua tài liệu tham khảo, internet .. Ngoài ra sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và tích cực trao đổi thảo luận để hiểu rõ hơn về các vấn đề nghiên cứu trong nội dung học phần.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Đánh giá Quá trình và Thi Giữa kỳ

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm:

+ Hình thức thi: Thi Tự luận/Trắc nghiệm với thời lượng 60 - 75 phút

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Trọng số: 30 % điểm học phần. Cụ thể như sau:

Kiểu đánh giá	Mục đích	Cách thức đánh giá	Tỉ trọng
Kiểm tra cuối mỗi chương	- Xác định kiến thức - Phản hồi việc dạy và học	Quiz	50%
Thảo luận nhóm	Tổng hợp kiến thức và kỹ năng sinh viên	Trình bày bài báo cáo của nhóm, hoạt động nhóm. Kỹ năng tư duy, phản biện	50%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1,2	Chương 1: Tổng quan về quản trị xung đột trong tổ chức		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Giới thiệu về môn học, cách học, tài liệu tham khảo, nguyên tắc làm việc, lập nhóm học tập, phương thức đánh giá kết thúc học phần. - Định nghĩa về xung đột - Bản chất của xung đột - Phân loại xung đột trong tổ chức - Tiến trình xung đột	- Thuyết giảng - Trình chiếu Powerpoint	CELO1 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc các nội dung liên quan đến quản trị xung đột	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
3 - 5	Chương 2: Quản trị xung đột trong tổ chức		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Định nghĩa quản trị xung đột - Mục tiêu của quản trị xung đột - Phong cách quản trị xung đột - Một số tiêu chí cần quan tâm trong quản trị xung đột	- Thuyết giảng - Hỏi đáp - Động não - Hoạt động nhóm	CELO2 CELO4

	- Quy trình quản trị xung đột	- Quiz	CELO6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc các nội dung liên quan đến quản trị xung đột - Bài tập nhóm (Case study)	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	CELO7
6 - 8	Chương 3: Các hình thức xung đột trong tổ chức		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Xung đột bên trong cá nhân - Xung đột giữa các cá nhân trong tổ chức - Xung đột trong nội bộ nhóm - Xung đột giữa các nhóm trong tổ chức	-Thuyết giảng - Hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO4 CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Bài tập nhóm (Case study)	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
9 - 12	Chương 4: Kỹ thuật xử lý các hình thức xung đột trong tổ chức		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Xung đột bên trong cá nhân - Xung đột giữa các cá nhân trong tổ chức - Xung đột trong nội bộ nhóm - Xung đột giữa các nhóm trong tổ chức - Thực hành nhóm	- Thuyết giảng - Thuyết trình, hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Bài tập nhóm (Case study)	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
	Chương 5: Một số vấn đề về đạo đức trong quản trị xung đột		

13 - 15	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Định nghĩa về đạo đức - Khía cạnh hành vi trong quản trị xung đột - Đánh giá mang tính đạo đức về quản trị xung đột - Đạo đức và cấu trúc lãnh đạo - Thực hành nhóm case study	-Thuyết giảng - Thuyết trình, hoạt động nhóm - Quiz	CELO2 CELO5 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Bài tập nhóm (Case study)	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Làm bài tập được giao	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: + Làm bài tập được giao	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần:

Bài học (Module)	CDR học phần						
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7
Tổng quan về quản trị xung đột trong tổ chức	H	-	-	-	-	-	M
Quản trị xung đột trong tổ chức	-	M	M	M	-	-	M
Hình thức xung đột bên trong cá nhân và xung đột giữa các cá nhân trong tổ chức	-	M	-	M	-	M	M
Hình thức xung đột trong nội bộ nhóm và xung đột giữa các nhóm trong tổ chức	-	M	M	M	L	-	L

Kỹ thuật xử lý xung đột bên trong cá nhân và xung đột giữa các cá nhân trong tổ chức	-	M	-	-	M	-	M
Kỹ thuật xử lý xung đột trong nội bộ nhóm và xung đột giữa các nhóm trong tổ chức	-	M	M	-	M	-	-
Một số vấn đề về đạo đức trong quản trị xung đột	-	M	M	-	H	M	M
Khía cạnh hành vi trong quản trị xung đột	-	-	-	M	M	H	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Bài giảng môn Quản trị xung đột

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Thomas C. Schelling (Vũ Phúc Tiến dịch) (2007). *Chiến lược xung đột*
2. Shay McConnon, Margaret McConnon, 2008. Conflict management in the workplace: how to manage disagreements and develop trust and understanding.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

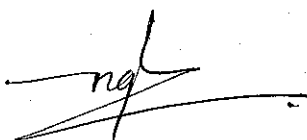
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. Lê Quang Khôi

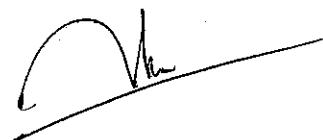
10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Lê Quang Khôi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN & MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **SẢN XUẤT SẠCH HƠN**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	SẢN XUẤT SẠCH HƠN
Tiếng Việt:	SẢN XUẤT SẠCH HƠN
Tiếng Anh:	CLEANER PRODUCTION
Mã số học phần:	140115008
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 7
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	~~2~~ tín chỉ 3
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	~~30~~ tiết 45
Số tiết lý thuyết:	~~20~~ tiết 30
Số tiết bài tập:	... tiết 15
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	... tiết
Số tiết thực tập:	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	... tiết
Thời gian tự học:	100 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Môi trường - Bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn học là học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn dành cho sinh viên ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường. Môn học truyền đạt cho sinh viên các khái niệm về sản xuất sạch hơn, lịch sử phát triển và nguyên lý của sản xuất sạch hơn; các kỹ thuật thực hiện sản xuất sạch hơn, các bước thực hiện và điển hình áp dụng sản xuất sạch hơn trong một số ngành công nghiệp.

Môn học không chỉ cung cấp lý thuyết mà sinh viên sẽ được học theo phương pháp mới tương tác với giảng viên và tương tác nhóm, đồng thời rèn luyện các kỹ năng tư duy và kỹ năng mềm.

Sinh viên có khả năng nhận diện, phân tích và tổng hợp các cơ hội sản xuất sạch hơn trong một nhà máy. Sinh viên có khả năng phân tích tính khả thi về kỹ thuật, kinh tế, môi trường từ đó tổng hợp đề xuất các giải pháp giúp giảm chi phí sản xuất, sử dụng nguyên liệu, nước, năng lượng một cách hiệu quả đem lại các lợi ích cho doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Có Kiến thức cơ bản về sản xuất sạch hơn, sự khác biệt về mặt chi phí trong tiếp cận “xử lý cuối đường ống” và “phòng ngừa tổng hợp”	ELO2, ELO3, ELO5, ELO8
CG2	Vận dụng kiến thức đề xuất được giải pháp sản xuất sạch hơn vào quá trình công nghệ để giảm thiểu chất thải và tác động môi trường trong một số ngành sản xuất cơ bản.	ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO8, ELO9, ELO10, ELO11
CG3	Phân tích tính khả thi và lựa chọn giải pháp phù hợp	ELO2, ELO4, ELO5, ELO9, ELO10, ELO11
CG4	Có kỹ năng phân công công việc và làm việc nhóm hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Có kỹ năng trình bày văn bản và thuyết trình một phương án, giải pháp sản xuất sạch hơn cho một quá trình sản xuất bất kỳ.	ELO9, ELO11,
CG5	Có khả năng vận dụng các kiến thức từ nhiều học phần để đề xuất giải pháp sản xuất sạch hơn trên cơ	ELO2, ELO5, ELO9

	sở xác định rõ mục tiêu giảm thiểu từng loại chất thải phát sinh từ quá trình đó.	

Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu học phần và CĐR của CTĐT

Mục tiêu học phần (CGs)	CĐR của CTĐT										
	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
CG1	M	M		M			M				
CG2	M	M	H	H			M	M	M	M	
CG3	M		M	H				M	M	M	
CG4								M		M	
CG5	M			M				M			

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Biện luận được sự khác về mặt chi phí trong tiếp cận “xử lý cuối đường ống” và “phòng ngừa tổng hợp”	ELO2, ELO3, ELO9
CELO2	Hiểu tiến trình đối phó chất thải của con người	ELO2, ELO3, ELO4, ELO9
CELO3	Biết các văn bản pháp lý liên quan đến tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng hiệu quả ở Việt Nam.	ELO2, ELO5, ELO6, ELO7
CELO4	Áp dụng phương pháp tính toán các chỉ số tài chính trong phân tích khả thi	ELO2, ELO3, ELO4, ELO10, ELO11
CELO5	Vận dụng linh hoạt các phương pháp phân tích đa tiêu chí trong lựa chọn các giải pháp sản xuất sạch hơn	ELO2, ELO3, ELO4, ELO10
CELO6	Kỹ năng tra cứu tài liệu chuyên ngành, thuyết trình nhóm, tư duy logic.	ELO4, ELO8, ELO9, ELO10, ELO11

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT										
	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
CELO1	M	M	-	-			-	L			
CELO2	M	M	L	-			-	M			
CELO3		M	M	H							
CELO4	M	M	M						M	M	
CELO5	H	M	M						M		
CELO6			M				L	L	M	M	

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

1. Phương pháp thuyết trình (Lecturing) ☒
2. Phương pháp động não (Brainstorming) ☒
3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think-pair-share) ☒
4. Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) ☒
5. Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning) ☒
6. Phương pháp đóng vai (Role playing) ☒
7. Phương pháp học dựa vào dự án (Project based learning) ☒
8. Phương pháp mô phỏng (Simulation) ☒
9. Nghiên cứu tình huống (Case studies) ☒
10. Phương pháp tham quan thực tế (Fieldtrip/xem video) ☒
11. Phương pháp Dạy học thông qua làm đồ án/ thực hành/thực tập

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40%, bao gồm: 10% bài tập nhóm trên lớp, 20% bài tập nhóm thuyết trình vào 10% điểm thưởng

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: ...

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	Bài luận < 1000 từ	- Xác định kiến thức - Hiểu và phân tích tình huống thực tế - Kỹ năng viết báo cáo	CELO1 CELO2 CELO6 CELO7 CELO9	1 bài nộp cuối tuần	Báo cáo nộp file trên mạng đúng thời hạn Nội dung đầy đủ xúc tích và cô đọng	PP viết	10%
	Bài tập cá nhân	Tính toán theo bài toán thực tế	CELO1 CELO2 CELO5 CELO7 CELO9	1 bài nộp vào cuối tuần.	Nộp đúng hạn trên mạng Tính đúng	PP viết PP quan sát	10%
	Bài tập nhóm	Tổng hợp kiến thức và kỹ năng sinh viên học theo tình huống, vấn đề, và thuyết trình	CELO5 CELO7 CELO8 CELO9	Thuyết trình nhóm tuần	Hiểu nội dung thuyết trình, Phân tích và đánh giá đúng sai	PP phỏng vấn PP quan sát	20%

A2. Đánh giá trước thi cuối kỳ	Bài Quiz	Tổng hợp kiến thức và kỹ năng sinh viên	CELO1 CELO2 CELO5 CELO7 CELO8 CELO9	1 lần 20 câu/20 phút	Hiểu Trả lời đúng Kỹ năng nhanh	PP hỏi đáp	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	Câu luận	Tổng hợp kiến thức và kỹ năng sinh viên	Tất cả từ CELO1 Đến CELO12	1 lần trong 90 phút	Kiểu, kết quả đúng	PP Viết	40%
	Bài tập					PP Động não	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1,2	CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU SẢN XUẤT SẠCH HƠN		CELO1 CELO2 CELO6
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1 Tiếp cận và khái niệm SXSH 1.2 Lợi ích của SXSH 1.3 Các nguyên tắc thực hiện SXSH 1.4 Các kỹ thuật thực hiện SXSH 1.5 Việc áp dụng SXSH tại Việt Nam 1.6 Sản xuất sạch hơn với doanh nghiệp sản xuất công nghiệp	-Thuyết giảng - Thảo luận - Tính toán bài tập so sánh các phương án theo chi phí của tiếp cận “xử lý cuối đường ống” và “phòng ngừa tổng hợp”	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tình hình áp dụng sản xuất sạch hơn trong thực tế tại Việt Nam	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
	CHƯƠNG 2. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ SXSH		

3, 4, 5	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1 Bước 1: Tổ chức & lập kế hoạch đánh giá SXSH 2.2 Bước 2: Chuẩn bị đánh giá 2.3 Bước 3: Tiến hành đánh giá 2.4 Bước 4: Nghiên cứu khả thi các phương án SXSH 2.5 Bước 5: Thực hiện & duy trì sản xuất sạch hơn	- Hỏi đáp - Học dựa trên vấn đề - Động não, thảo luận nhóm - Bài tập tính dữ liệu nền tiêu thụ nước, năng lượng, nguyên vật liệu - Bài tập tính thời gian hoàn vốn	CELO3 CELO4 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Cách sử dụng các chỉ số tài chính trong so sánh chi phí – lợi ích	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
6	CHƯƠNG 3: SXSH VỚI CÔNG CỤ QUẢN LÝ NỘI VI 5S VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1 Quản lý nội vi & SXSH 3.2 Khởi động SXSH với 5S	- Thuyết giảng - Bài tập - Học dựa trên thông tin thu thập	CELO1 CELO2 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Bài tập thực hành 5S tại nơi SV ở	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	
7.8	CHƯƠNG 4: SẢN XUẤT SẠCH HƠN VÀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1 Năng lượng và sử dụng năng lượng hiệu quả 4.2 Dự án tiết kiệm năng lượng và kiểm toán năng lượng 4.3 Sản xuất sạch hơn & tiết kiệm năng lượng	-Thuyết giảng - Học dựa trên trường hợp điển hình - Quiz	CELO1 CELO3 CELO4 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tra cứu tài liệu ISO	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan	

		- Xem video - Bài tập nhóm	
9,10	CHƯƠNG 5: CÁC ĐIỂN HÌNH ÁP DỤNG SẢN XUẤT SẠCH HƠN TẠI VIỆT NAM		
	5.1 Giới thiệu các điển hình áp dụng 5.2 Các dự án trình diễn sản xuất sạch hơn thành công	- Thuyết giảng - Học dựa trên trường hợp điển hình - Thuyết trình nhóm - Xem video	CELO1 CELO2 CELO5 CELO6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Hoàn thiện các bài tập nhóm trên lớp	- Tổng hợp và đọc các tài liệu có liên quan - Bài tập nhóm	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU SẢN XUẤT SẠCH HƠN	M	M				M
CHƯƠNG 2. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ SXSH			H	H	H	
CHƯƠNG 3: SXSH VỚI CÔNG CỤ QUẢN LÝ NỘI VI 5S VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	M	M			M	
CHƯƠNG 4: SẢN XUẤT SẠCH HƠN VÀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG	M		H	H	H	
CHƯƠNG 5: CÁC ĐIỂN HÌNH ÁP DỤNG SẢN XUẤT SẠCH HƠN TẠI VIỆT NAM	M	M			M	H

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

- [1] Tài liệu hướng dẫn đào tạo Sản xuất sạch hơn cho Cán bộ Tư vấn, Trang thông tin về Sản xuất sạch hơn Việt Nam CPSI, Bộ Công thương 2010.

7.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Yacoub, Ali; Johannes Fresner (2006). *Half is Enough - An Introduction to Cleaner Production*. Beirut, Lebanon: LCPC Press. ISBN 3-9501636-2-X.
- [2] Fresner, J., Bürki, T., Sittig, H., Ressourceneffizienz in der Produktion -Kosten senken durch Cleaner Production, ISBN 978-3-939707-48-6, Symposium Publishing, 2009.
- [3] Organisation For Economic Co-Operation And Development(OECD)(Hrsg.): Technologies For Cleaner Production And Products- Towards Technological Transformation For Sustainable Development. Paris: OECD, 1995 Google Books.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

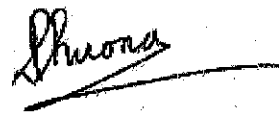
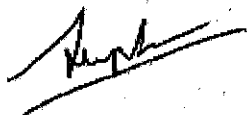
9. Giảng viên giảng dạy môn học: **Phạm Thị Diễm Phương**

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà

TS. Nguyễn Lữ Phương

TS. Phạm Thị Diễm Phương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Marketing xanh

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	MARKETING XANH
Tiếng Việt:	Marketing xanh
Tiếng Anh:	Green Marketing
Mã số học phần:	180115130
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 07
Loại học phần:	Tự chọn
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	00 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Nguyên lý marketing
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Hướng dẫn thực hiện:

Trình bày vị trí của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần, viết tối đa 30-50 từ.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Sinh viên hiểu được tầm quan trọng của sự phát triển bền vững và marketing xanh	ELO2, ELO3, ELO5
CG2	Sinh viên phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược marketing xanh cũng như nội dung của chiến lược marketing xanh	ELO3, ELO4, ELO5, ELO10
CG3	Sinh viên có thể sáng tạo, xây dựng được chiến lược marketing xanh cho một sản phẩm/ thương hiệu cụ thể trong một lĩnh vực/ ngành nghề kinh doanh bất kỳ.	ELO5, ELO6, ELO9, ELO10
CG4	Sinh viên có thái độ tích cực với vấn đề môi trường, bảo đảm an toàn sức khỏe người tiêu dùng và trách nhiệm với xã hội.	ELO11, ELO12, ELO13

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nhận thức và hiểu được tầm quan trọng của sự phát triển bền vững và marketing xanh.	ELO2, ELO3, ELO5
CELO2	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược marketing xanh cũng như nội dung của chiến lược marketing xanh	ELO3, ELO4, ELO5, ELO10
CELO3	Sáng tạo, xây dựng, đề xuất chiến lược marketing xanh cho một sản phẩm/ thương hiệu cụ thể trong một lĩnh vực/ ngành nghề kinh doanh bất kỳ.	ELO5, ELO6, ELO9, ELO10
CELO4	Tích cực quan tâm đến vấn đề môi trường, an toàn sức khỏe người tiêu dùng và trách nhiệm với xã hội.	ELO11, ELO12, ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT									
	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
CELO1	H	H		H						
CELO2		H	H	H						
CELO3				H	H	H	H	M	M	M
CELO4								H	H	H

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp thuyết trình: giúp sinh viên đạt CDR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kỹ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

PP2. Phương pháp học dựa trên vấn đề: giúp đạt được chuẩn đầu ra về xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết;

PP3. Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

PP4. Phương pháp học dựa vào dự án: giúp đạt được chuẩn đầu ra về lập giả thuyết, triển khai, kỹ năng giao tiếp bằng viết, kỹ năng thuyết trình;

PP5. Nghiên cứu tình huống: giúp đạt được chuẩn đầu ra về đề ra các giải pháp, ước lượng và phân tích định tính

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- ...

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40 %, bao gồm:

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60 %, bao gồm:

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập/ chuyên cần		15 buổi	Hiểu bài	Điểm danh/ Vấn đáp	20%
	A1.2	Bài tập nhóm theo chủ đề		1 lần	Nội dung, hình thức.	Quan sát	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Thuyết trình nhóm theo chủ đề		1 lần	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	Lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi, trả lời	20%
A2. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận		1 lần	Hiểu, giải thích được, phân tích được, đánh giá được và sáng tạo		60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về marketing xanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1 Xu hướng xanh và marketing 1.2 Khái niệm marketing xanh 1.3 Các giai đoạn phát triển của marketing xanh 1.4 Các nguyên tắc và mục tiêu của marketing xanh 1.5 Lợi ích của marketing xanh 1.6 Những thách thức của marketing xanh	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp học dựa trên vấn đề	CELO1, CELO2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [2] phần 1 (trang 3 - 19); tài liệu [3] mục 1 trang 1 - 20)		
2	Chương 2: Môi trường marketing xanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1 Môi trường vĩ mô 2.2 Môi trường vi mô 2.3 Môi trường nội tại 2.4 Phân tích ma trận SWOT	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [2] phần 2 (trang 35 - 60)		
	Chương 3: Hệ thống thông tin marketing xanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp:	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm	CELO1, CELO2, CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
3	3.1. Hệ thống thông tin marketing xanh 3.2 Nghiên cứu marketing xanh 3.3 Phân tích và sử dụng thông tin marketing xanh	- Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Đọc tài liệu [1] chương 3		
3	Chương 4: Thị trường xanh và hành vi tiêu dùng xanh		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 4.1 Thị trường xanh 4.2 Khái niệm hành vi tiêu dùng xanh 4.3 Những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng xanh 4.4 Tiến trình ra quyết định của người tiêu dùng xanh	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Đọc tài liệu [3] mục 2 (trang 22-32)		
4	Chương 5: Chiến lược marketing xanh		
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp:</i> 5.1 Các dạng chiến lược thị trường 5.2 Phân khúc thị trường 5.3 Chọn Thị trường mục tiêu 5.4 Định vị và khác biệt hóa 5.5 Tái định vị	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i> Đọc tài liệu [3] mục 3 (trang 42-48)		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	Chương 6: Chiến lược sản phẩm xanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1 Tổng quan về sản phẩm xanh 6.2 Nội dung của chiến lược sản phẩm xanh 6.3 Phát triển sản phẩm xanh mới 6.4 Chu kỳ sống sản phẩm xanh	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [2] phần 3 (trang 92 - 196); tài liệu [3] mục 4 (trang 56-63)		
	Chương 7: Chiến lược giá sản phẩm xanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 7.1 Tổng quan về chiến lược giá xanh 7.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến định giá sản phẩm xanh 7.3 Các phương pháp định giá sản phẩm xanh 7.4 Các chiến lược định giá sản phẩm xanh 7.5 Quy trình định giá sản phẩm xanh	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [2] phần 3 (trang 92 - 196);		
	Chương 8: Chiến lược phân phối sản phẩm xanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 8.1 Tổng quan về phân phối xanh và chiến lược phân phối xanh 8.2 Các hình thức của phân phối xanh 8.3 Thiết kế kênh phân phối xanh	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	8.4 Các chiến lược phân phối xanh		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [2] phần 3 (trang 92 - 196);		
	Chương 9: Thương hiệu xanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 9.1 Tổng quan về thương hiệu xanh 9.2 Giá trị thương hiệu xanh 9.3 Xây dựng thương hiệu xanh 9.4 Bảo vệ và phát triển thương hiệu xanh	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [1] chương 9, 10, 11, 12; tài liệu [2] chương 6, 7, và 8; tài liệu [3] chương 1 đến chương 9		
	Chương 10: Chiến lược truyền thông xanh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 10.1 Tổng quan về chiến lược truyền thông xanh 10.2 Mô hình truyền thông xanh 10.3 Thiết kế chiến lược truyền thông xanh 10.4 Các công cụ của truyền thông xanh	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [2] phần 3 (trang 92 - 196); tài liệu [3] mục 6 (trang 107-128)		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	Chương 11: Đạo đức và trách nhiệm xã hội		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 11.1 Xu hướng phát triển bền vững 11.2 Mối quan hệ giữa marketing xanh và sự phát triển bền vững 11.3 Cải tiến để phát triển bền vững 11.4 Vấn đề Greenwashing 11.5 Đạo đức và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa vào dự án	CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đọc tài liệu [3] mục 5 (trang 83-99), mục 7 (trang 113-114), mục 9 (trang 182-190)		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO..	CELO...
Module 1	H	H	M	M		
Module 2	H	H	H	M		
Module 3	H	H	H	M		
Module 4	H	H	H	M		
Module 5	H	H	H	M		
Module 6	H	H	H	M		
Module 7	H	H	H	M		
Module 8	H	H	H	M		
Module 9	M	H	H	H		
Module 10	M	H	H	H		
Module 11	M	H	H	H		

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Bài giảng của giảng viên.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Robert Dahlstrom, *Green Marketing Management*, Cengage learning, 2010.

[3] Jacquelynna A. Ottman, *The new rules of green marketing*, Berrett-Koehler Publishers, 2010.

8. Quy định của học phần

Hướng dẫn thực hiện:

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

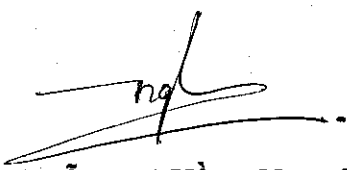
9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

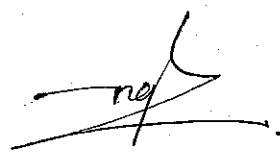
NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Thực tập tốt nghiệp

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP
Tiếng Việt:	Thực tập tốt nghiệp
Tiếng Anh:	Graduation Thesis
Mã số học phần:	180115037
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 8
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☒ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	04 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	180 tiết
Số tiết lý thuyết:	00 tiết
Số tiết bài tập:	00 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	180 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	00 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	Tích lũy trên 80% số tín chỉ, điểm từ 1.8 trở lên (thang điểm 4)
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần Thực tốt nghiệp thuộc khối môn học thực hành chuyên môn nghề nghiệp ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này tạo điều kiện cho sinh viên hệ thống lại kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh, vận dụng kiến thức để phân tích, đánh giá và đưa ra những giải pháp hiệu quả cho vấn đề/ tình huống quản trị trong thực tiễn. Quá trình thực tập tốt nghiệp được thực hiện tại doanh nghiệp thực tế thông qua hoạt động quan sát, nghiên cứu và tham gia vào một số nghiệp vụ chuyên môn quản trị của doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Giúp sinh viên hệ thống lại lý thuyết đã được học.	ELO2, ELO7
CG2	Giúp sinh viên tiếp cận các hoạt động quản trị trong thực tiễn; vận dụng kiến thức đã học được để mô tả, phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp hiệu quả để nâng cao hoạt động quản trị của doanh nghiệp thực tế.	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO6
CG3	Thực hành và rèn luyện các kỹ năng quản trị (kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nhân sự, và kỹ năng tư duy) và kỹ năng viết báo cáo chuyên môn.	ELO7, ELO8, ELO10, ELO13, ELO14
CG4	Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và quản lý thời gian	ELO9, ELO10, ELO13
CG5	Rèn luyện thái độ tích cực, chủ động, kiên trì trong học tập và có trách nhiệm với công việc tương lai.	ELO11, ELO12, ELO13

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nắm vững kiến thức chuyên môn một cách có hệ thống khoa học	ELO2, ELO7
CELO2	Mô tả, phân tích và đánh giá được hoạt động chuyên môn tại một doanh nghiệp thực tế.	ELO1, ELO2, ELO3, ELO4, ELO5, ELO6
CELO3	Biết cách viết báo cáo đặc biệt là báo cáo chuyên môn	ELO7, ELO8, ELO10, ELO13
CELO4	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề và quản lý thời gian	ELO9, ELO10, ELO13

CELO5	Có thái độ tích cực, chủ động trong học tập và có trách nhiệm với công việc tương lai.	ELO11, ELO12, ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT													
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	
CELO1		H					H							
CELO2	H	H	H	H	H	H								
CELO3							H	H		H			H	
CELO4									H	H			H	
CELO5											H	H	H	

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp học dựa trên vấn đề: giúp đạt được chuẩn đầu ra về xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết;

PP2. Nghiên cứu tình huống: giúp đạt được chuẩn đầu ra về đề ra các giải pháp, ước lượng và phân tích định tính

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- ...

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- *Đánh giá trong quá trình học*: Thái độ tham gia tại doanh nghiệp, liên hệ giáo viên hướng dẫn.

- *Đánh giá cuối môn học*: Kết hợp kiểm tra viết và vấn đáp; Kiểm tra viết thông qua nội dung trình bày trong báo cáo thực tế tại doanh nghiệp; Kiểm tra vấn đáp về mức độ nắm bắt thực tế doanh nghiệp, khả năng xử lý những vấn đề gặp phải trong quá trình đi thực tế.

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn của GV trên lớp; Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại doanh nghiệp; Tham gia đầy đủ các buổi gặp GV theo lịch hẹn	CELO1, CELO4, CELO5	7 buổi	<i>Ý thức tham gia thực tập nghề nghiệp</i>	Điểm danh	50%
	A1.2	Minh chứng được những công việc tham gia thực hiện tại doanh nghiệp; Có phản hồi tốt từ doanh nghiệp	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	8 lần	<i>Thực hành các nghiệp vụ tại doanh nghiệp</i>	Vấn đáp	
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1	Trình bày; Hình thức và nội dung trình bày báo cáo thực tập nghề nghiệp	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	1 lần	<i>Trình bày thuyết phục hội đồng; Hình thức và nội dung trình bày báo cáo thực tập nghề nghiệp</i>		50%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Nội dung 1: Hướng dẫn chung về thực hành nghề nghiệp		
	A/ Các nội dung chính: 1.1 Mục đích, yêu cầu thực tập tốt nghiệp 1.2 Cách thức tiếp cận chuyên môn, nghiệp vụ ở doanh nghiệp cụ thể. 1.3 Lập kế hoạch thực tập tốt nghiệp 1.4 Hướng dẫn kỹ năng, phương pháp viết và trình bày báo cáo thực tập tốt nghiệp	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp quan sát	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tìm và đọc tài liệu liên quan theo sự hướng dẫn của GVHD		
2	Nội dung 2: Tìm hiểu thực tế về doanh nghiệp thực tập		
	A/ Các nội dung chính: 2.1 Quá trình hình thành và phát triển 2.2 Chức năng nhiệm vụ 2.3 Sản phẩm, dịch vụ 2.4 Công nghệ sản xuất 2.5 Cơ cấu tổ chức 2.6 Qui mô công ty 2.7 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	- Phương pháp quan sát	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tìm và đọc tài liệu liên quan theo sự hướng dẫn của GVHD		
	Nội dung 3: Tìm hiểu thực trạng hoạt động nghiệp vụ chuyên môn của ngành QTKD		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
3	A/ Các nội dung chính: 3.1. Tìm hiểu về định hướng chiến lược của công ty 3.2 Tìm hiểu về các nghiệp vụ quản trị tại công ty (quản trị nhân sự, quản trị vận hành, quản trị tài chính, quản trị marketing...) 3.3 Mô tả/ trình bày, phân tích và đánh giá được thực trạng hoạt động quản trị của doanh nghiệp. 3.4 Tổng hợp được thực trạng hoạt động quản trị và xác định được các thành tựu và hạn chế của thực trạng hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Xác định được các nguyên nhân dẫn tới những hạn chế, khiếm khuyết của vấn đề quản trị đồng thời phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản trị của doanh nghiệp. 3.5 Tổng hợp, so sánh hoạt động quản trị trong thực tiễn với lý thuyết đã được tích lũy đồng thời áp dụng những kiến thức, kỹ năng chuyên môn và khả năng tư duy, sáng tạo để đưa ra các giải pháp, hướng giải quyết vấn đề quản trị của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, toàn diện và hiệu quả.	- Phương pháp quan sát - Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tìm và đọc tài liệu liên quan theo sự hướng dẫn của GVHD		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
3	Chương 4: Viết báo cáo thực tập nghề nghiệp		
	A/ Các nội dung chính: 4.1 Viết báo cáo 4.2 Hoàn thiện báo cáo	- Phương pháp nghiên cứu tình huống	CELO1, CELO2, CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tìm và đọc tài liệu liên quan theo sự hướng dẫn của GVHD		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO05	CELO...
Module 1	H	H	H	H	H	
Module 2	H	H	H	H	H	
Module 3	H	H	H	H	H	
Module 4	H	H	H	H	H	

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Tài liệu giảng viên cung cấp/ hướng dẫn, giới thiệu tùy vào đề tài của sinh viên lựa chọn.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Các tài liệu liên quan đến chủ đề của sinh viên lựa chọn.

8. Quy định của học phần

Hướng dẫn thực hiện:

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi hướng dẫn dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành học phần và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: 

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

TRƯỞNG KHOA



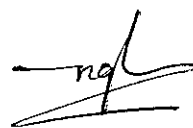
TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ TN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Khoá luận Tốt nghiệp.

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
Tiếng Việt:	Khoá luận tốt nghiệp
Tiếng Anh:	Graduation thesis
Mã số học phần:	180115038
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 8
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☒ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	8 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	360 tiết
Số tiết lý thuyết:	00 tiết
Số tiết bài tập:	00 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	360 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	00giờ
Điều kiện tham dự học phần:	<i>Đã học các môn chuyên ngành và không nợ quá 2 môn chuyên ngành.</i>
Học phần tiên quyết:	Thực tập tốt nghiệp
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	Không còn nợ bất kỳ học phần nào trong khối kiến thức đại cương và cơ sở nhóm

	ngành; có điểm trung bình tích lũy đến thời điểm xét làm khoa luận tốt nghiệp tối thiểu là 2.0 hoặc cao hơn.
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Khoa học Quản lý Kinh tế

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần Khoa luận tốt nghiệp nghiên cứu thực tiễn về phân tích trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở các doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Giúp cho người học lựa tiếp cận những hoạt động cơ bản tại thực tế các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	ELO3, ELO10
CG2	Trang bị cho sinh viên một số kỹ năng quan trọng mà một cử nhân kinh tế tài nguyên thiên nhiên cần phải có: kỹ năng phân tích, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giải quyết vấn đề.	ELO2, ELO7, ELO11
CG3	Làm việc với giảng viên một cách khoa học và sáng tạo; Phát triển các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghiên cứu, đọc tài liệu để làm khoa luận tốt nghiệp	ELO8, ELO11
CG4	Học rèn luyện khả năng giải quyết những vấn đề tồn tại trong những hoạt động cơ bản tại thực tế doanh nghiệp	ELO2, ELO3, ELO10, ELO13

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Có kiến thức, trải nghiệm thực tế môi trường làm việc bên ngoài nhà trường	ELO2, ELO7, ELO10
CELO2	Biết cách xử lý số liệu trong các báo cáo tại nơi thực tập	ELO2, ELO3, ELO7
CELO3	Phân tích và xác định được các vấn đề của đối tượng nghiên cứu	ELO2, ELO3, ELO11
CELO4	Đưa ra được các giải pháp cho các vấn đề của đối tượng nghiên cứu	ELO2, ELO3, ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO13
CELO1		H					M			H		
CELO2		M	L				H					
CELO3		M	M								M	
CELO4		M	M									L

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp động não.
- Phương pháp học dựa trên vấn đề đưa ra.
- Phương pháp nghiên cứu tình huống vấn đề.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

+ Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 100%

- Kiểm tra trong thời gian thực tập về thái độ thực tập và tiến độ thực hiện, viết Khóa luận tốt nghiệp của sinh viên.

- Thi cuối kì: Khoa thành lập Hội đồng bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp theo đúng quy định. Kết quả khóa luận tốt nghiệp được tính theo quy định đào tạo.

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác: Thuyết trình, vấn đáp

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Kiểm tra bài làm nộp theo tiến độ mà giảng viên đề ra	Đánh giá bài tự luận	CELO2, CELO3, CELO4	Theo tiến độ công việc mà GVHD đề ra	Tuân thủ thời gian thực hiện và yêu cầu chất lượng của bài Khoá luận	PP viết	20%
A2. Đánh giá chéo	A2.1 Kiểm tra chất lượng bài khoá luận theo yêu cầu mà Khoa/ Bộ môn đề ra	Đánh giá bài tự luận	CELO2, CELO3, CELO4	Một lần vào cuối thời gian thực hiện khoá luận	Đảm bảo yêu cầu chất lượng của bài Khoá luận	PP viết	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Thành lập hội đồng kiểm tra	Bài kiểm tra tự luận và đặt câu hỏi	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	Một lần vào cuối thời gian thực hiện khoá luận	Đảm bảo yêu cầu chất lượng của bài Khoá luận. Hiểu và có khả năng bảo vệ các quan điểm, nhận định đã đưa ra trong bài Khoá luận	PP viết, PP thuyết trình, PP phỏng vấn	60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	– Hiểu rõ những nội dung và yêu cầu của học phần KLTN. – Liên lạc với giảng viên hướng dẫn.	– Gặp gỡ và giúp sinh viên hiểu rõ những nội dung và yêu cầu của học phần KLTN.	CELO 2, CELO 3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
2-3	- Lựa chọn và đăng ký đề tài/lĩnh vực nghiên cứu (có cân nhắc đến thời gian hoàn thành và phạm vi nghiên cứu phù hợp) - Lập kế hoạch viết KLTN - Viết và nộp đề cương sơ bộ	- Hướng dẫn sinh viên lựa chọn và đăng ký đề tài nghiên cứu - Hướng dẫn viết đề cương sơ bộ - Chỉnh sửa và thông qua đề cương sơ bộ.	CELO 2, CELO 3
4	Viết đề cương chi tiết Sinh viên viết và nộp đề cương chi tiết	Giảng viên hướng dẫn - Hướng dẫn viết đề cương chi tiết - Chỉnh sửa và thông qua đề cương chi tiết.	CELO 2, CELO 3
5-10	Thu thập, xử lý số liệu - Thu thập số liệu, tài liệu tham khảo, tình hình và xử lý số liệu tình hình phục vụ cho việc viết KLTN - Viết bản thảo KLTN	Giảng viên hướng dẫn - Kiểm tra tiến độ thực hiện của sinh viên. - Trao đổi và hướng dẫn sinh viên thu thập số liệu, tài liệu tham khảo, tình hình và xử lý số liệu tình hình phục vụ cho việc viết KLTN. - Hướng dẫn sinh viên sửa bản thảo KLTN	CELO 2, CELO 3, CELO 7
10-13	Nộp báo cáo khoá luận - Chỉnh sửa và hoàn thiện KLTN - Nộp KLTN	Giảng viên hướng dẫn Kiểm tra nội dung KLTN lần cuối	CELO 7, CELO 10, CELO 11, CELO 13

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO2	CELO3	CELO7	CELO10	CELO11	CELO13
Tuần 1	M	M				
Tuần 2-3	M	M				
Tuần 4	M	M				
Tuần 5-10	H	H	H			
Tuần 10-13			H	M	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

- Quy định về thực hiện Khoá luận Tốt nghiệp đối với sinh viên hệ đại học chính quy (ban hành kèm theo QĐ số 808/QĐ-TĐHTPHCM ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Tài Nguyên và Môi Trường TP. HCM);
- Đề cương học phần khoá luận tốt nghiệp ngành TNTN;
- Hướng dẫn viết chuyên đề khoá luận tốt nghiệp ngành KTTN
- Tài liệu môn học có liên quan;
- Dữ liệu thu thập tại đơn vị thực tập theo hướng dẫn chuyên viên các đơn vị

7.2. Tài liệu tham khảo:

Các tài liệu học tập có liên quan đến từng đề tài cụ thể.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về môn học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi hướng dẫn của giảng viên. Trong trường hợp nghỉ vì lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi hướng dẫn dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định.

Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Không ăn uống, sử dụng các thiết bị như máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, không dùng vào việc khác.

8.2. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

10. Ngày phê duyệt: 10/10/2022

Bổ sung: 9. GVGDNH
TRƯỞNG KHOA

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh

TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt